CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

.....o0o.....

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN

"NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI VÀ THỦY SẢN, CÔNG SUẤT 480.000 TẤN/NĂM – GIAI ĐOẠN 1: NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI, CÔNG SUẤT 240.000 TẤN/NĂM"

ĐỊA ĐIỂM: LÔ B7-1, B7-2, B7-3, KHU CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG – SIKICO, XÃ ĐỒNG NƠ, HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

BÌNH PHƯỚC, THÁNG 11 NĂM 2022

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

.....o0o.....

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN

"NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI VÀ THỦY SẢN, CÔNG SUẤT 480.000 TẤN/NĂM – GIAI ĐOẠN 1: NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI, CÔNG SUẤT 240.000 TẤN/NĂM"

ĐỊA ĐIỂM: LÔ B7-1, B7-2, B7-3, KHU CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG – SIKICO, XÃ ĐỒNG NƠ, HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM	CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT
Phan Thanh Lịch	Tổng Giám Đốc ThS. Phan Thanh Qui

BÌNH PHƯỚC, THÁNG 11 NĂM 2022

MỤC LỤC

MỤC LỤC 1

DANH MỤC BẢNG BIỂU 4

DANH MỤC HÌNH 5

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT 6

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY ĐẦU TƯ 7

1. Tên Công ty đầu tư 8

2. Tên dự án đầu tư 8

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư 9

3.1. Công suất của dự án đầu tư 9

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư 9

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư 12

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư 12

4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng của dự án 12

4.2. Nhu cầu sử dụng điện 14

4.3. Nhu cầu sử dụng nước 15

5. Các thông tin khác 17

5.1. Nhu cầu lao động 17

5.2. Nhu cầu máy móc, thiết bị 17

5.3. Các hạng mục công trình của dự án 21

CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 23

CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ 25

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 25

1.1. Thu gom, thoát nước mưa 25

1.2. Thu gom, thoát nước thải 25

1.3. Xử lý nước thải 26

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 38

2.1. Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển 38

2.2. Ô nhiễm không khí và mùi hôi từ hoạt động nhập, lưu trữ nguyên liệu và sản phẩm 39

2.3. Bụi, khí thải trong quá trình sản xuất. 40

2.4. Ô nhiễm không khí từ khí thải lò hơi 43

2.5. Khí thải từ máy phát điện dự phòng 46

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường 46

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt 46

3.2. Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại 47

3.3. Chất thải nguy hại 48

4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 49

5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành 50

5.1. Hệ thống xử lý nước thải 50

5.2. Hệ thống xử lý khí thải lò hơi 51

5.3. Phòng cháy chữa cháy 51

5.4. Biện pháp giảm thiểu tai nạn lao động 52

5.5. Sự cố rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ hóa chất 53

5.6. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố mối mọt 55

5.7. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ nguyên liệu dạng lỏng 56

6. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 56

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 58

1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải: Không có 58

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 58

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: Không có 59

CHƯƠNG V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN 60

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án 60

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm 60

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải 60

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật 62

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ 62

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải 63

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm 63

CHƯƠNG VI CAM KẾT CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ.....65

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường 65

2. Cam kết về việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan 65

PHỤ LỤC 67

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Nhu cầu nguyên liệu cho hoạt động sản xuất trong giai đoạn 1 12

Bảng 1.2. Bảng thành phần và tính chất của nguyên liệu của Nhà máy 13

Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước cho giai đoạn 1 của Nhà máy.....15

Bảng 1.4. Nhu cầu lao động của Nhà máy trong giai đoạn 1.....17

Bảng 1.5. Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất.....17

Bảng 1.6. Các hạng mục công trình chính trong giai đoạn 1 21

Bảng 3.1. Danh mục máy móc, thiết bị của HTXLNT của Nhà máy 33

Bảng 3.2. Nhu cầu hóa chất trong quá trình hoạt động của Nhà máy.....38

Bảng 3.3. Thông số thiết bị máy móc theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường 42

Bảng 3.4. Các hạng mục thiết bị chính của hệ thống lọc bụi túi vải theo thực tế 42

Bảng 3.5. Các hạng mục và thiết bị chính của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 10 tấn/h 45

Bảng 3.**6**. Thông số của máy phát điện dự phòng 46

Bảng 3.7. Số lượng và mã số chất thải nguy hại phát sinh.....48

Bảng 3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt ĐTM.....56

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm trong khí thải và giá trị giới hạn của khí thải 58

Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của khí thải.....59

Bảng 4.3. Vị trí xả khí thải tại các ống thoát HTXL bụi 59

Bảng 5.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư 60

Bảng 5.2. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu nước thải trước khi thải ra môi trường 61

Bảng 5.3. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu khí thải trước khi thải ra môi trường 61

Bảng 5.4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm 63

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi của Nhà máy.....10

Hình 3.1. Sơ đồ thu gom nước thải tại Nhà máy hiện nay 25

Hình 3.2. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn.....27

Hình 3.3. HTXLNT công suất 100 m^3/ngày.đêm của Nhà máy 29

Hình 3.4. Quy trình công nghệ xử lý bụi tại các khu vực đổ liệu và đóng bao.....41

Hình 3.5. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý khí thải lò bơi 44

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BOD_5	:	Nhu cầu oxy sinh hoá trong 5 ngày
BTCT	:	Bê tông cốt thép
COD	:	Nhu cầu ôxy hóa học trong nguồn nước
CP	:	Cổ phần
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTR	:	Chất thải rắn
DVE	:	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt
ĐTM	:	Đánh giá tác động môi trường
HTXL	:	Hệ thống xử lý
KCN	:	Khu công nghiệp
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
PLC	:	Thiết bị điều khiển lập trình
QCVN	:	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
TNMT	:	Tài nguyên và Môi trường
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TSS	:	Tổng chất rắn lơ lửng
XLNT	:	Xử lý nước thải
UBND	:	Ủy ban Nhân dân

CHƯƠNG I
THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY ĐẦU TƯ

Hiện nay, Công nghệ sản xuất thức ăn chăn nuôi đã và đang phát triển nhanh chóng, không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu của các cơ sở chăn nuôi trong nước mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nông nghiệp địa phương phát triển. Chính vì điều đó, Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam là một trong những đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; Chăn nuôi, giết mổ và phân phối sản phẩm ra thị trường trên cơ sở tiếp thu kinh nghiệm sản xuất trong những năm hoạt động vừa qua của Công ty cộng với việc nắm bắt được các nguồn cung ứng nguyên liệu đầu vào dồi dào, phong phú về chủng loại, có khả năng đáp ứng lâu dài cho hoạt động sản xuất và nguồn tiêu thụ sản phẩm đầu ra, Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam quyết định triển khai đầu tư xây dựng Dự án "Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản, công suất 480.000 tấn/năm" và ủy quyền cho Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước 3 thực hiện dự án tại Lô B7-1, B7-2, B7-3, Khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500175548 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500175548 đăng ký lần đầu ngày 29/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 06/09/2019 và ủy quyền thực hiện cho Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước 3 theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 2500175548-066 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 24/12/2022, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 15/03/2021.

Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam đã phối hợp với Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cho Dự án "Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản, công suất 480.000 tấn/năm – Giai đoạn 1: Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, công suất 240.000 tấn/năm" tại địa điểm : Lô B7-1, B7-2, B7-3, Khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước nhằm báo cáo tình hình thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn 1 của Dự án. Khi Dự án đi vào thực hiện giai đoạn 2, Công ty sẽ lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Chính Phủ trước khi đi vào xây dựng và vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải.

1. Tên Công ty đầu tư

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

- Địa chỉ văn phòng: Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam.
- Người đại diện theo pháp luật của Công ty đầu tư: Ông Hoàng Phan Tấn
- Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên
- Điện thoại: 02113.866.170
- E-mail: info@japfavietnam.com

Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam đã được Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500175548 đăng ký lần đầu ngày 29/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 06/09/2019.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 2500175548-066 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 24/12/2022, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 15/03/2021 cho Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước 3.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3264563720 do Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp được chứng nhận lần đầu ngày 11/12/2020, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 10/06/2021 cho Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước 3.

2. Tên dự án đầu tư

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI VÀ THỦY SẢN, CÔNG SUẤT 480.000 TẤN/NĂM – GIAI ĐOẠN 1: NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI, CÔNG SUẤT 240.000 TẤN/NĂM

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Lô B7-1, B7-2, B7-3, Khu công nghiệp Minh Hưng Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Năm 2021, Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản, công suất 480.000 tấn/năm" tại Lô B7-1, B7-2, B7-3, Khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam làm Chủ đầu tư.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

+ Dự án có tổng mức đầu tư 529.000.000.000 VNĐ (Năm trăm hai mươi chín tỷ đồng), thuộc nhóm B được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.

+ Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại mục số 2 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định

số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì Dự án thuộc nhóm II, thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường cấp tỉnh.

+ Căn cứ theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Chính Phủ thì Dự án thuộc đối tượng cấp Giấy phép môi trường của UBND tỉnh Bình Phước.
+ Đồng thời, Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam đã hoàn thành việc xây dựng nhà xưởng và các công trình xử lý chất thải của giai đoạn 1. Hiện các công trình xử lý chất thải của Dự án chưa thực hiện vận hành thử nghiệm. Công ty tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường nhằm báo cáo tình hình thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn 1 của Dự án. Do đó, căn cứ theo khoản 06 điều 28 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án được thực hiện theo phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

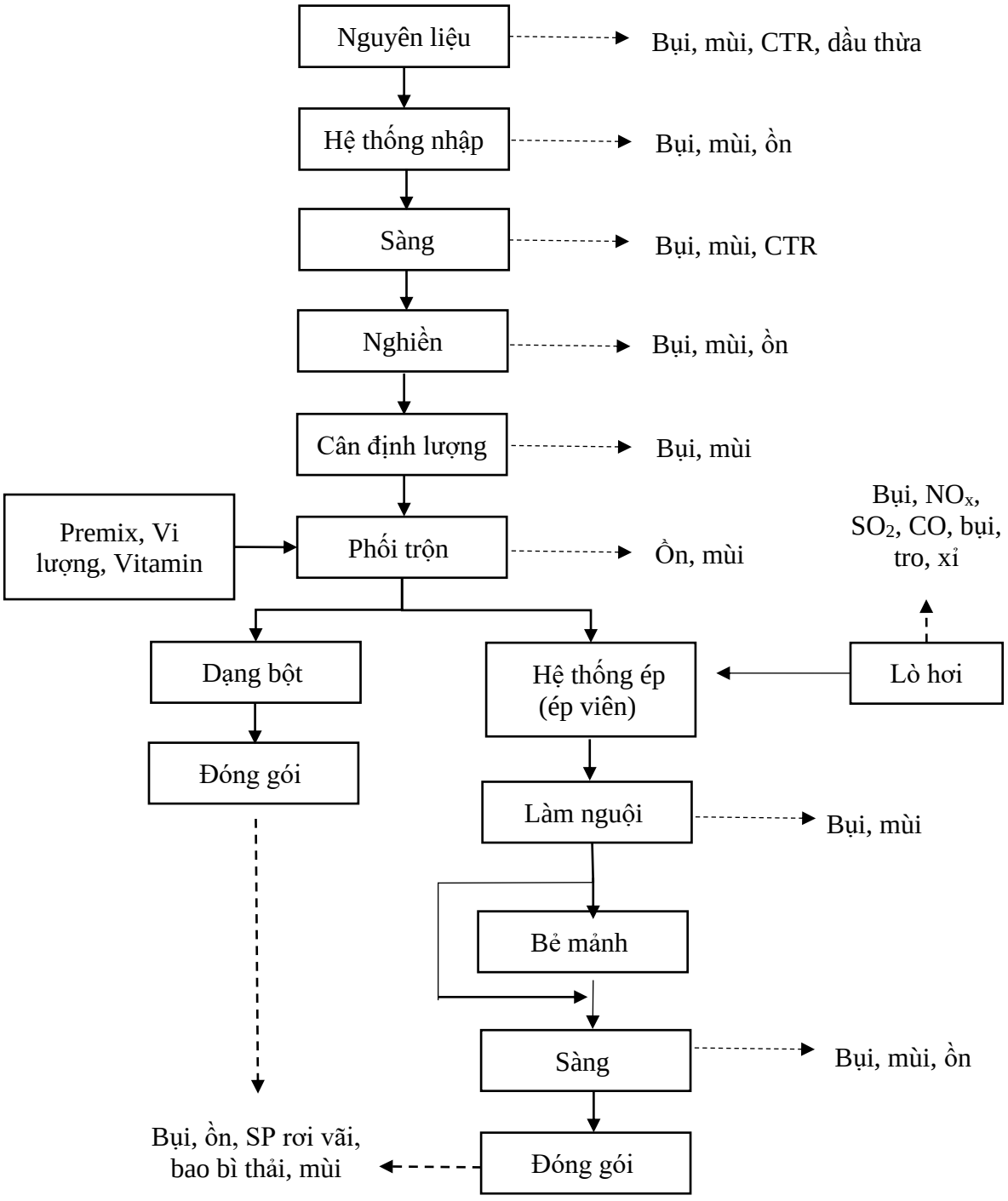
3.1. Công suất của dự án đầu tư

Công suất sản phẩm của Nhà máy trong giai đoạn 1 là 240.000 tấn/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

Công nghệ sản xuất thức ăn chăn nuôi của Dự án đang được áp dụng phổ biến tại Việt Nam. Quy trình sản xuất hiện đại, áp dụng máy móc, thiết bị đảm bảo yêu cầu kỹ thuật hiện hành. Nguyên, vật liệu, hóa chất được nhập về hoàn toàn chính phẩm, không sử dụng phế liệu trong quy trình sản xuất.

Quy trình công nghệ sản xuất



Hình 1.1. Quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi của Nhà máy

Thuyết minh quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi

Quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi sử dụng công nghệ tự động hoàn toàn khép kín từ khâu nhập nguyên liệu đến khâu đóng bao đều kín. Ngoài ra, trong khi hoạt động hệ thống sản xuất thức ăn chăn nuôi, hệ thống lọc bụi tay áo sau khi hoạt động khoảng 5 phút sẽ tự kích hoạt quá trình giũ bụi nhờ máy nén khí, dưới áp lực của dòng khí từ máy nén khí, các hạt bụi bám dính vào các ống túi vải sẽ được rơi xuống hầm trộn để tiếp tục đưa vào sản xuất. Vì vậy, ô nhiễm được hạn chế đến mức tối đa. Công đoạn bổ

sung hơi nóng làm chín bán thành phẩm là gián tiếp thông qua lò hơi sử dụng hơi nước và quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi không sử dụng hóa chất.

- **Nhập nguyên liệu:** Nguyên liệu được nhập vào kho sau khi đã được kiểm tra chất lượng bởi bộ phận kiểm mẫu và lưu mẫu kiểm tra chất lượng đầu vào. Công đoạn này vận hành ở nhà các xe tải vận chuyển và xe bốc xếp.
- **Sàng:** Nguyên liệu được đưa vào hệ thống sàng để lọc tạp chất, nguyên liệu sau sàng đi vào bồn chứa, tạp chất được chứa vào bao và loại bỏ khỏi hệ thống. Công đoạn này vận hành theo dãy chuyền tự động và hoàn toàn khép kín.
- **Cân định lượng:** Qua cân định lượng nhập liệu, nguyên liệu được đưa vào một thùng chờ, ở phía dưới thùng chờ có vít tải để tải nguyên liệu vào thùng chứa liệu tùy theo thành phần nguyên liệu. Ở mỗi thùng chứa đều có một vít tải riêng để có thể đưa từng loại nguyên liệu vào cân định lượng của từng thành phần nguyên liệu. Hệ thống cân định lượng hỗn hợp và vít tải, tải nguyên liệu chính xác theo từng công thức mà nhà máy quy định nhờ vào PLC và màn hình giao diện HMI để người điều khiển quan sát, đánh giá và kịp thời sửa chữa bảo đảm hệ thống hoạt động một cách ổn định nhất. Công đoạn này, vận hành theo dây chuyền tự động và hoàn toàn khép kín.
- **Nghiền:** Nguyên liệu được đưa vào máy nghiền (Sử dụng máy nghiền búa được điều khiển tự động) và tuỳ theo chủng loại sản phẩm mà phải gắn lưới nghiền cho phù hợp.

Các nguyên liệu sau khi nghiền sẽ chứa vào các bồn trước trộn. Công đoạn này vận hành theo dây chuyền tự động và hoàn toàn khép kín.

- **Trộn:** Các cân tự động cân nguyên liệu từ các bồn chứa theo đúng tỉ lệ đã cài đặt, trộn đều hỗn hợp nguyên liệu với thời lượng tối đa 4 phút cho một mẻ trộn.

Đối với yêu cầu sản phẩm là dạng bột, sau khi trộn xong sẽ được chuyển vào bồn chứa thành phẩm (bột) và ra bao, đóng gói thành phẩm theo quy cách.

Đối với yêu cầu sản phẩm là dạng viên, sau khi trộn xong sẽ được hệ thống chuyển đưa vào bồn chứa liệu trên máy ép viên.

Công đoạn này vận hành theo dây chuyền tự động và hoàn toàn khép kín.

- **Ép viên:** Tùy theo chủng loại sản phẩm để sử dụng khuôn ép (gồm các loại khuôn như: 2,5mm, 3,2mm và 4,0 mm). Cám trong bồn ép viên đi vào hệ thống ép bằng vít cấp liệu (có thể điều chỉnh công suất), sau đó qua máy trộn nhão và được bổ sung hơi nóng, tại đây hỗn hợp cám sẽ được trộn đều, đạt độ chín và nhiệt độ phù hợp, sau đó nguyên liệu sẽ được ép thành viên theo các kích cỡ khuôn ép. Công đoạn này vận hành theo dây chuyền tự động và hoàn toàn khép kín.
- **Làm nguội:** Cám sau khi ép thành viên vẫn còn nóng và độ ẩm cao, nên được đưa vào máy làm nguội, tại đây viên cám sẽ được làm nguội và khô theo nhưng pháp đối lưu không khí. Công đoạn này vận hành theo dây chuyền tự động và hoàn toàn khép kín.
- **Bẻ mảnh - Sàng:** Tùy theo tiêu chuẩn cám, cho qua máy ép để bể mảnh hoặc đi thẳng vào gàu tải lên máy sàng, hệ thống này sẽ sàng những viên thành phẩm

không đạt hoặc những bột còn lại hồi chuyển về máy ép, cám vón cục tách thành phế phẩm chứa vào bao. Thành phẩm đạt yêu cầu được hệ thống chuyển vào bồn chứa thành phẩm hoặc bồn chứa cám xá. Công đoạn này vận hành theo dây chuyền tự động và hoàn toàn khép kín.

- **Ra bao đóng gói thành phẩm**: Độ ẩm của thành phần thức ăn chăn nuôi khoảng 13 - 14%. Thành phần được đóng bao theo quy cách bao bì: 2kg (ép rủi), 5kg, 25 kg, 40kg, … tùy theo quy định. Một tỉ lệ nhỏ thành phần cuối cùng trong bồn chứa không đạt quy định sẽ được chuyển qua tái sản xuất lần sau, theo cùng chủng loại của sản phẩm đó. Công đoạn này vận hành theo dây chuyền tự động và hẹn toàn khép kín.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Giai đoạn 1: Sản xuất thức ăn chăn nuôi công suất 240.000 tấn sản phẩm/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng của dự án

Nhu cầu nguyên, nhiên liệu, hoá chất sử dụng cho hoạt động sản xuất và xử lý môi trường trong năm được trình bày trong các bảng sau:

Bảng 1.1. Nhu cầu nguyên liệu cho hoạt động sản xuất trong giai đoạn 1

TT	Tên nguyên vật liệu	Số lượng (Tấn/năm)	
Giai đoạn 1		**Năm 2022**	**Năm 2023**
	Tổng khối lượng thành phẩm	**50.000**	**240.000**
1	Bắp	20.971,50	102.676,46
2	Bắp được dập ép	893,20	3.781,37
3	Lúa mỳ	264,30	912,45
4	Gạo, tấm	62,90	548,52
5	Bột gạo	6.143,40	28.353,10
6	Gạo đánh bóng tươi/khô/Chiết xuất	2.770,90	12.901,20
7	Vitamin và khoáng chất	4.329,10	18.255,00
8	Cám gạo trích ly	617,30	1.761,70
9	Cám mỳ	181,80	1.394,80
10	Khoai mỳ	80,30	277,34
11	Chiết xuất đậu nành chưa tách dầu	322,40	3.394,65
12	Bột đậu nành	8.887,80	42.982,51
13	Bã cải	472,00	2.421,09

TT	Tên nguyên vật liệu	Số lượng (Tấn/năm)	
14	Khô dầu cọ	43,80	355,43
15	Bã bắp	1.428,60	7.433,69
16	Bột thịt xương	723,80	2.994,08
17	Dầu cá, thô trong nước	474,50	2.358,62
18	Dầu đậu nành, thô	163,50	795,38
19	Mật rỉ đường	125,80	695,84
20	Đá vôi, tinh	821,10	4.319,40
21	Bột xương, hấp hơi	134,70	861,53
22	Muối	221,90	1.067,84
Tổng cộng		**50.134,60**	**240.541,96**

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

Bảng 1.2. Bảng thành phần và tính chất của nguyên liệu của Nhà máy

STT	Tên nguyên liệu	Tính chất	Thành phần
1	Bã cải	Thu được từ quá trình ép hạt canola lấy dầu, bã cải ngọt là nguồn nguyên liệu giàu protein cho các nhà máy chế biến thức ăn gia súc	Protein: 36% min Độ ẩm: 12% max Xơ: 12% max Béo: 3% max Tạp chất: 1,5% max Aflatoxin: 50ppb max
2	Bã bắp	- Là sản phẩm phụ giàu protein của quá trình sản xuất ethanol từ ngô. + Sản phẩm có dạng bột thô, màu vàng tươi, vàng sậm hoặc màu nâu. + Có mùi thơm đặc trưng của sản phẩm lên men	Đạm thô 26% min Fat 7,5% min Xơ 10% min Tro 7% max Độ ẩm 12,5% max Aflatoxin 20ppb max
3	Dầu cá	Dầu Cá là loại dầu có nguồn gốc từ các mô của những con cá có dầu như cá hồi, cá thu, cá mòi, cá ngừ… Dầu Cá có chứa các acid béo Omega-3, Acid Eicosapentaenoic (EPA) và acid Docosahexaenoic((DHA). Dầu Cá dùng để bổ sung vào thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản… cung cấp dưỡng chất cho vật nuôi, thủy hải sản để tiêu hóa tốt, sinh trưởng tốt.	Omega 3: 13,6% EPA + DHA: 6,7% Tổng cộng chất béo: 99,89%

STT	Tên nguyên liệu	Tính chất	Thành phần
4	Bột thịt xương	Bột thịt xương là một nguyên liệu quan trọng để bổ sung đạm cũng như cung cấp acid amin. Bột thịt xương được sản xuất từ đạm tái chế của động vật, sử dụng các phụ phẩm bao gồm thịt dư, các bộ phận không ăn được và xác chết động vật như bò, heo, gà,…để nấu chín. Sản phẩm có dạng bột thô, màu nâu.	Đạm: 50% min Béo: 13% max Ẩm: 10% max Tro: 35% max
5	Bột xương	Bột xương là một sản phẩm phụ của quá trình giết mổ gia súc. Thông thường xương được tách ra khỏi thịt trong quá trình chế biến. Bột xương có thể được sử dụng để cung cấp canxi, photpho và các khoáng chất khác trong thức ăn chăn nuôi.	Đạm: 25% min Canxi: 28% min Ẩm: 7 – 8% max Photpho: 11% max Pepsin tiêu hóa: 90 – 97% min.

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

Các nguyên liệu được trình bảy ở bảng 1.2 trên là các nguyên liệu có thành phần và tính chất dễ gây phát sinh mùi hôi trong quá trình lưu trữ phục vụ hoạt động sản xuất. Ngoài ra, các nguyên liệu còn lại là bắp, lúa mì, gạo, cám,… đây là các loại ngũ cốc thông dụng có sẵn tại thị trường nội địa. Loại nguyên liệu sử dụng như các lại ngũ cốc được nhập về Nhà máy đều đã qua sơ chế, đáp ứng yêu cầu sản xuất của Nhà máy về độ ẩm, chất lượng nguyên liệu,… Các nguyên liệu cần thiết nhưng không có sẵn tại thị trường trong nước hoặc chất lượng cung ứng không đảm bảo sẽ được nhập khẩu từ nước ngoài.

Đối với phòng thí nghiệm: Trong quá trình hoạt động, Công ty sử dụng các phương pháp đo nhanh, kiểm tra độ ẩm nên không sử dụng các hóa chất cũng như các loại nguyên liệu khác phục vụ cho việc thí nghiệm.

Hóa chất sử dụng trong quá trình khử trùng xe trước khi vào, ra Nhà máy: Nhà máy sẽ sử dụng thuốc khử trùng là Bioxide, liều lượng sử dụng: 500ml/1000 lít, được mua từ Công ty Hóa chất, xuất xứ Việt Nam hoặc các loại hóa chất khác có tính chất tương đương được cung cấp trong nước hoặc nước ngoài.

Nhiên liệu được sử dụng cho lò hơi là nhiên liệu Biomass. Lượng nhiên liệu tiêu thụ cho 1 lò hơi có công suất 10 tấn/h khoảng 3 tấn/h.

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

Nguồn điện cung cấp cho dự án được lấy từ lưới điện Quốc gia, dọc tuyến đường Minh Hưng – Đồng Nơ.

Ngoài ra, để phục vụ cho hoạt động của giai đoạn 1 trong trường hợp mất điện, Công ty sẽ trang bị 01 máy phát điện công suất 1.000 KVA, sử dụng nhiên liên dầu DO, với lượng tiêu hao nhiêu liệu 165 lít/giờ/máy.

Tổng nhu cầu sử dụng điện tại Nhà máy khi đi vào hoạt động ở giai đoạn 1 ước tính khoảng 332.800 KW/Tháng.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

Nhu cầu nước phục vụ cho quá trình sinh hoạt, sản xuất của Nhà máy cho giai đoạn 1 được trình bày trong Bảng sau:

Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước cho giai đoạn 1 của Nhà máy

TT	Mục đích	Quy mô	Lưu lượng nước cấp (m^3/ngày)
I	**Nước cấp cho công nhân**		
1	Sinh hoạt của công nhân vận hành	100 người/3 ca	8
2	Sinh hoạt của lao động hành chính	100 người/1 ca	8
3	Hoạt động của Căn tin	200 suất ăn	5
4	Sinh hoạt của công nhân bốc vác dịch vụ và tài xế	100 người/3 ca	8
II	**Nước cấp cho sản xuất**		
1	Nước cấp cho lò hơi	01 lò hơi	120
2	Nước cấp cho quá trình phối trộn	-	3,6
3	Nước cấp cho rửa dụng cụ phòng thí nghiệm	16 mẫu/ngày	0,01
4	Nước cấp cho rửa và khử trùng xe ra vào	51 xe	22,95
III	**Nước cấp tưới cây**	32.794,75 m^2	98,38
IV	**Nước tưới sân, đường nội bộ**	38.811,27 m^2	15,52
Tổng cộng			**289,46**

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

Tính toán nhu cầu sử dụng nước

Nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn sản xuất và hoạt động sinh hoạt của công nhân viên của Dự án như sau:

❖ **Sản xuất:**

- Nước cấp cho 01 lò hơi khoảng 120 m^3/ngày.
- Nước cấp cho quá trình phối trộn khoảng 3,6 m^3/ngày.

- Nước cấp cho rửa dụng cụ phòng thí nghiệm: Lượng mẫu cần phân tích khoảng 16 mẫu/ngày, ước tính lượng nước cấp khoảng 0,01 m^3/ngày.
- Nước cấp cho rửa và khử trùng xe ra vào Nhà máy khoảng 22,95 m^3/ngày dựa trên cơ sở sau:

+ Tổng số lượng xe trong giai đoạn 1: 51 xe.

+ Nước cấp cho rửa xe: 0,4 m^3/xe (Theo Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam).

+ Nước cấp cho quá trình khử trùng xe: 0,05 m^3/xe (Theo Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam).

❖ **Sinh hoạt:**

Theo QCVN 01:2021/BXD: Tiêu chuẩn dùng nước sinh hoạt trong cơ sở sản xuất công nghiệp tính cho 1 người trong 1 ca là 80 lít/người.ca.

- Số lượng công nhân vận hành làm việc tại Nhà máy là 100 người. Thời gian làm việc 03 ca/ngày.
- Số lượng công nhân viên lao động hành chính làm việc tại Nhà máy là 100 người. Thời gian làm việc 01 ca/ngày.
- Số lượng công nhân bốc vác dịch vụ và tài xế làm việc tại Nhà máy là là 100 người. Thời gian làm việc 03 ca/ngày.
- Hoạt động của Căn tin tại Nhà máy: 200 suất ăn/ngày.

Vậy lượng nước sử dụng để sinh hoạt tại Nhà máy khoảng 29 m^3/ngày.

❖ **Nước tưới cây:**

- Định mức cấp nước cho tưới cây trung bình: 3 lít/m^2 (QCVN 01:2021/BXD).
- Diện tích cây xanh: 32.794,75m^2.

Lượng nước sử dụng để tưới cây là 98,38 m^3/ngày.

❖ **Nước tưới sân, đường nội bộ**

- Định mức cấp nước cho tưới sân, đường nội bộ trung bình: 0,4 lít/m^2 (QCVN 01:2021/BXD).
- Diện tích sân, đường nội bộ: 38.811,27 m^2.

Lượng nước sử dụng để tưới sân, đường nội bộ là 15,52 m^3/ngày.

Ngoài ra, Nhà máy còn dự trữ một lượng nước cho PCCC. Lượng nước dự trữ cấp nước cho hoạt động chữa cháy khoảng 108 m^3, được tính cho 1 đám cháy trong 2 giờ liên tục với lưu lượng 15 lít/giây.đám cháy.

Wcc = 15 lít/giây.đám cháy x 2 giờ x 1 đám cháy x 3.600 giây/1.000 = 108 m^3.

<u>Nguồn cung cấp nước:</u>

Nguồn cấp nước cho tất cả các hoạt động của Dự án là nguồn nước thủy cục do Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Bình Phước cung cấp.

5. Các thông tin khác

5.1. Nhu cầu lao động

Phân bố lao động của Nhà máy trong giai đoạn 1 được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.4. Nhu cầu lao động của Nhà máy trong giai đoạn 1

STT	Phòng ban	Số lượng
1	Quản lý cấp cao	03
2	Quản lý cấp trung	02
3	Giám sát	05
4	Chuyên viên/nhân viên	90
5	Công nhân	200
	Tổng cộng	**300**

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

Thời gian làm việc: 26 ngày/tháng, 3 ca/ngày.

Ngày nghỉ làm việc là các ngày chủ nhật, các ngày lễ, nghỉ tết theo quy định của Nhà nước.

5.2. Nhu cầu máy móc, thiết bị

Nhu cầu máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sản xuất cho Dự án trong giai đoạn 1 được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.5. Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất

TT	Tên máy móc/thiết bị	Năm Sản xuất	Số lượng	Công suất	Xuất xứ	Hiện trạng
A	**Hệ thống nhập Intake**					
1	Hầm đổ liệu	2022	2	120 m^3/h	Việt Nam	Đầu tư mới
2	Máy bẻ mì lát	2022	1	20 T/h	Việt Nam	Đầu tư mới
3	Lọc bụi + Quạt hút hầm	2022	2		Việt Nam	Đầu tư mới
4	Xích tải nhập liệu	2022	4	120 m^3/h	Trung Quốc	Đầu tư mới
5	Gầu tải nhập liệu	2022	2	120 m^3/h	Trung Quốc	Đầu tư mới
6	Sàn thô nhập liệu	2022	2	120 m^3/h	Trung Quốc	Đầu tư mới

TT	Tên máy móc/thiết bị	Năm Sản xuất	Số lượng	Công suất	Xuất xứ	Hiện trạng
7	Cân vào bồn nghiền	2022	2	80 T/h	Trung Quốc	Đầu tư mới
B	**Hệ thống Silo, kho xá**					
1	Hầm ben xe	2022	2	200 m^3/h	Việt Nam	Đầu tư mới
2	Silo	2022	2	30.000 T	Mỹ	Đầu tư mới
3	Kho xá	2022	1	16.000 T	Việt Nam	Đầu tư mới
4	Gầu nhập vào silo	2022	2	200 m^3/h	Trung Quốc	Đầu tư mới
5	Xích nhập vào Silo	2022	3	100 T/h	Trung Quốc	Đầu tư mới
6	Gầu nhập vào kho xá	2022	2	200 m^3/h	Trung Quốc	Đầu tư mới
7	Xích nhập vào kho xá	2022	2	200 m^3/h	Trung Quốc	Đầu tư mới
8	Băng tải nhập vào kho xá	2022	1	200 m^3/h	Việt Nam	Đầu tư mới
9	Sàn thô nhập Silo, kho xá	2022	2	200 m^3/h	Trung Quốc	Đầu tư mới
10	Sàn bụi nhập Silo, kho xá	2022	2	200 m^3/h	Việt Nam	Đầu tư mới
11	Gàu lấy ra từ silo	2022	1	60 T/h	Trung Quốc	Đầu tư mới
12	Xích lấy ra từ Silo	2022	9	60 T/h	Trung Quốc	Đầu tư mới
13	Gàu lấy ra từ kho xá	2022	1	120 m^3/h	Trung Quốc	Đầu tư mới
14	Xích lấy ra từ kho xá	2022	6	120 m^3/h	Trung Quốc	Đầu tư mới
15	Sàn thô	2022	2	120 m^3/h	Trung Quốc	Đầu tư mới
16	Cân đầu vào	2022	2	80 T/h	Trung Quốc	Đầu tư mới
C	**Hệ thống nghiền**					

TT	Tên máy móc/thiết bị	Năm Sản xuất	Số lượng	Công suất	Xuất xứ	Hiện trạng
1	Máy nghiền mịn	2022	1	15 T/h	Châu Âu	Đầu tư mới
2	Máy nghiền	2022	1	40 T/h ; 2,5mm	Châu Âu	Đầu tư mới
3	Máy nghiền	2022	1	20 T/h ; 2,5mm	Châu Âu	Đầu tư mới
4	Xích tải sau nghiền	2022	4	60 T/h	Trung Quốc	Đầu tư mới
5	Gàu tải sau nghiền	2022	2	120 m^3/h	Trung Quốc	Đầu tư mới
D	**Hệ thống trộn**					
1	Cân nguyên liệu	2022	3	4T : 1T	Việt Nam	Đầu tư mới
2	Cân phụ gia vào trộn	2022	3	20 kg ; 120 kg	Châu Âu	Đầu tư mới
3	Cân chất lỏng vào trộn	2022	1	500 kg	Châu Âu	Đầu tư mới
4	Máy trộn cám thủy sản	2022	1	2 T/mẻ	Châu Âu	Đầu tư mới
5	Máy trộn	2022	1	6 T/mẻ	Châu Âu	Đầu tư mới
6	Xích tải sau trộn	2022	3	250 m^3/h	Trung Quốc	Đầu tư mới
7	Máy sàn cám bột	2022	1	250 m^3/h	Châu Âu	Đầu tư mới
8	Gàu tải sau trộn	2022	1	250 m^3/h	Trung Quốc	Đầu tư mới
E	**Hệ ép viên**					
1	Máy ép đùn	2022	1	5 T/h	Châu Âu	Đầu tư mới
2	Máy ép viên	2022	2	25 T/h, 4,0 mm	Châu Âu	Đầu tư mới
3	Máy sấy	2022	1	5 – 7 T/h	Châu Âu	Đầu tư mới

TT	Tên máy móc/thiết bị	Năm Sản xuất	Số lượng	Công suất	Xuất xứ	Hiện trạng
4	Máy làm nguội cám thủy sản	2022	1	5 – 8 T/h	Châu Âu	Đầu tư mới
5	Máy làm nguội	2022	3	25 T/h	Châu Âu	Đầu tư mới
6	Máy ép mảnh	2022	2	25 T/h	Châu Âu	Đầu tư mới
7	Xích sau máy làm nguội	2022	3	80 m^3/h	Trung Quốc	Đầu tư mới
8	Gàu tải	2022	2	80 m^3/h	Châu Âu	Đầu tư mới
9	Máy sàn cám viên	2022	2	20 T/h	Châu Âu	Đầu tư mới
F	**Đóng gói hàng bao, bán cám**					
1	Máy đóng bao	2022	4	15 T/h	Châu Âu	Đầu tư mới
2	Máy đóng bao cám thủy sản	2022	1	15 T/h	Châu Âu	Đầu tư mới
3	Băng tải đóng gói	2022	6	-	Việt Nam	Đầu tư mới
4	Xích tải chuyển cám ra bồn xá	2022	3	80 T/h	Trung Quốc	Đầu tư mới
5	Xích tải bán cám xá	2022	1	80 T/h	Trung Quốc	Đầu tư mới
6	Cân bán cám xá	2022	1	60 T	Việt Nam	Đầu tư mới
G	**Hệ thống phụ trợ**					
1	Cân ô tô	2022	3	80 T	Việt Nam	Đầu tư mới
2	Máy nén khí	2022	2	75 kw, 900 m^3/h	Châu Âu	Đầu tư mới
3	Trạm biến áp	2022	1	3000 KVA	Việt Nam	Đầu tư mới
4	Máy phát điện	2022	1	1000 KVA	Mỹ	Đầu tư mới

TT	Tên máy móc/thiết bị	Năm Sản xuất	Số lượng	Công suất	Xuất xứ	Hiện trạng
5	Lò hơi	2022	1	10 T/h	Việt Nam	Đầu tư mới
H	**Phòng thí nghiệm**					
1	Máy Nier	2022	1	-	Châu Âu	Đầu tư mới

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

5.3. Các hạng mục công trình của dự án

Tổng mặt bằng quy hoạch có diện tích 103.381,8 m^2 (Theo hợp đồng cho thuê lại đất số JAPFA-FM.01.2020/MOU.LSA ngày 14/12/2020 giữa Công ty cổ phần công nghiệp Minh Hưng – Sikico). Các hạng mục công trình của Dự án trong giai đoạn 1 được xây dựng theo giấy phép xây dựng số 43/GPXD và được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.6. Các hạng mục công trình chính trong giai đoạn 1

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích xây dựng (m^2)
I	**Các hạng mục công trình chính**		
1	Nhà thành phẩm	1	6.182,96
2	Nhà nguyên liệu	1	11.671
3	Xưởng sản xuất	1	969,6
4	Nhà nạp liệu	1	692
5	Nhà biến áp – Máy phát – Bồn dầu	1	267,12
6	Khu vực bồn dầu	1	179,9
7	Si lô (D = 22,6)	2	845,2
8	Nhà lò hơi	1	744
9	Nhà cơ khí	1	256,00
10	Nhà văn phòng	1	665,79
11	Nhà căn tin	1	433,44
12	Nhà thí nghiệm mẫu	1	160
13	Nhà xe máy	1	198
14	Nhà xe ô tô	1	133,2
II	**Các hạng mục công trình phụ trợ**		
15	Nhà bảo vệ	1	35
16	Nhà cân	1	303,19

TT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích xây dựng (m^2)
17	Nhà bơm, bể nước	1	212,50
18	Trạm rửa xe	1	206
19	Nhà sát trùng xe	2	359,1
20	Trạm sấy khô	1	206
21	Cầu cân	2	142
22	Cột cờ	1	9
23	Nhà chứa xá (Nhà chứa nguyên liệu đổ đống, không có bao)	1	4.725,00
III	**Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường**		
24	Nhà chất thải nguy hại	1	52,42
25	Nhà bao phế (Nhà chứa CTR thông thường)	1	150,00
26	Nhà vệ sinh cho tài xế	2	46
27	Bể XLNT	1	57,00
IV	**Đất giao thông nội bộ, sân bãi**	-	38.811,27
V	**Đất cây xanh**	-	32.794,75
Tổng cộng (giai đoạn 1)			**101.507.44**

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

CHƯƠNG II
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

Dự án nằm hoàn toàn trong KCN Minh Hưng - Sikico đã được quy hoạch và xây dựng hoàn thiện về cơ sở hạ tầng và đã có đầy đủ thủ tục về môi trường nên Dự án hoàn toàn phù hợp về mặt quy hoạch thu hút ngành nghề, quy hoạch mặt bằng chức năng của KCN đã được phê duyệt tại Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 23/03/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 KCN Minh Hưng – Sikico mở rộng xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Quyết định số 1970/QĐ-UBND ngày 18/07/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thành lập Khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico tại Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Quyết định số 3324/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico và Khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico mở rộng, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Dự án thuộc ngành nghề được thu hút đầu tư vào KCN Minh Hưng - Sikico. Do đó, dự án hoàn toàn phù hợp về mặt quy hoạch.

Tên Khu công nghiệp: Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico.

Địa chỉ: xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Công nghiệp Minh Hưng – Sikico.

KCN Minh Hưng - Sikico có diện tích 655 ha đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ Phần số 3801100876, đăng ký lần đầu ngày 01/06/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 01/03/2016.

KCN Minh Hưng – Sikico được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt Báo cáo ĐTM Dự án "Đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico từ 495,5 ha lên 655 ha" tại Quyết định số 587/QĐ-BTNMT ngày 13/03/2019.

Năm 2021, Công ty Cổ phần Công nghiệp Minh Hưng – Sikico đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt điều chỉnh nội dung Quyết định phê duyệt ĐTM Dự án "Đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico từ 495,5 ha lên 655 ha" tại Quyết định số 1782/QĐ-BTNMT ngày 17/09/2021.

KCN Minh Hưng - Sikico quy hoạch nhiều ngành nghề đầu tư công nghiệp mang tính chất sản xuất khác nhau:

- Công nghiệp chế biến nông sản, chế biến lương thực, thực phẩm, đồ uống, bánh kẹo, thực phẩm chức năng;
- Công nghiệp dệt may (từ sợi trở đi – yarnforward, có công đoạn nhuộm để hoàn thiện sản phẩm), sản xuất giấy, đồ chơi;
- Công nghiệp sản xuất đồ gỗ và trang trí nội thất;

- Công nghiệp sản xuất bao bì;
- Công nghiệp sản xuất, lắp ráp dụng cụ thể thao;
- Công nghiệp điện tử và vi điện tử;
- Công nghiệp cơ khí: dập khung, lắp ráp, chế tạo xe máy và phụ tùng;
- Công nghiệp sản xuất dược phẩm, văn phòng phẩm;
- Công nghiệp sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, thủy tinh, vật liệu xây dựng;
- Công nghiệp sản xuất máy công cụ, máy phục vụ, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu;
- Các ngành công nghiệp phụ trợ (sản xuất các sản phẩm, phụ liệu có vai trò hỗ trợ cho việc sản xuất các thành phẩm chính thuộc những ngành nghề được phép đầu tư vào KCN);
- Sản xuất găng tay cao su và găng tay y tế;
- Nấu nhựa, sản xuất nhựa, đúc nhựa, làm nhựa phim (không tái chế nhựa phế liệu);
- Ép dầu điều (phụ liệu cho các nhà máy);
- Ấp trứng;
- Giết mổ (chỉ tiếp nhận dự án giết mổ theo chuỗi cung ứng sản phẩm hoặc phục vụ cho ngành chế biến lương thực, thực phẩm trong KCN Minh Hưng – Sikico);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

Bên cạnh đó, tỉnh Bình Phước có nhiều chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư phát triển ngành nghề đa dạng. Hơn nữa, Bình Phước đang có chủ trương phát triển mạnh các KCN và có những chính sách nhằm tạo các điều kiện tốt nhất cho các nhà đầu tư muốn đầu tư vào KCN. Do đó, dự án được sự hỗ trợ của KCN Minh Hưng - Sikico nói riêng và Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước nói chung.

CHƯƠNG III
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

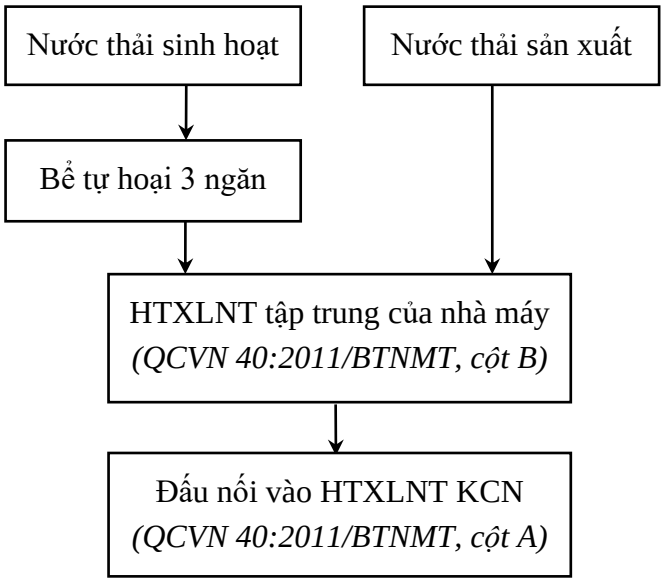
Mạng lưới thu gom nước mưa được bố trí xung quanh nhà xưởng sản xuất, nhà văn phòng và đường nội bộ đảm bảo thu gom triệt để toàn bộ lượng nước trên toàn diện tích. Hệ thống thu gom được xây dựng xung quanh các công trình xây dựng với tổng số hố ga sử dụng là 168 cái và được thiết kế các đường ống thu gom với những loại đường kính ống gồm D400, D500 tùy từng vị trí. Nước mưa từ nhà máy được đấu nối với cống thoát nước mưa của KCN Minh Hưng – Sikico thông qua 04 điểm đấu nối với đường kính BTCT Ø600 mm. Những điểm đấu nối được thể hiện như sau:

- 01 vị trí trên tại đường D4: Ký hiệu hố ga là G2.4
- 01 vị trí trên tại đường N1: Ký hiệu hố ga là G3.4.
- 01 vị trí trên tại đường N1: Ký hiệu hố ga là F16.
- 01 vị trí trên tại đường D3: Ký hiệu hố ga là F2.8

Hệ thống thoát nước mưa của Nhà máy được bố trí dọc theo Nhà máy và riêng biệt với tuyến thoát nước thải.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Công trình thu gom nước thải



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom nước thải tại Nhà máy hiện nay

- Nước thải sinh hoạt gồm 2 loại: Nước thải sinh hoạt của công nhân và nước từ quá trình nấu ăn. Nước từ quá trình sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại được đưa về

HTXLNT chung. Nước từ quá trình nấu ăn được dẫn qua bể tách dầu mỡ sau đó cùng dẫn về HTXLNT chung để xử lý.

- Nước thải sản xuất gồm nước thải khử trùng xe, nước thải phòng thí nghiệm và nước thải xả lò hơi sẽ được thu gom đưa về HTXLNT của Nhà máy nhằm xử lý đạt quy định trước khi tiến hành đấu nối vào HTXLNT tập trung của KCN Minh Hưng – Sikico để tiếp tục xử lý đạt Quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

Tổng số hố ga thu gom nước thải tại Nhà máy là 43 hố ga thu gom, toàn bộ lượng nước thải của nhà máy sẽ được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải bằng hệ thống đường ống với những đường kính ống gồm D140, D200, D250 tùy từng vị trí.

b. Công trình thoát nước thải

Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt và sản xuất của Nhà máy sẽ được dẫn đến hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy với công suất 100 m^3/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico. Nước thải của Nhà máy sau xử lý được dẫn đến hệ thống thoát nước của KCN bằng ống thoát nước thải HDPE D250 với chiều dài 16m và được đấu nối với cống thoát nước thải của KCN thông qua 01 điểm đấu nối trên đường N1.

c. Điểm xả nước thải sau xử lý:

Nước thải sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy với công suất 100 m^3/ngày.đêm sẽ được đấu nối với cống thoát nước thải của KCN Minh Hưng – Sikico thông qua 01 điểm đấu nối trên đường N1.

Hố ga đấu nối có kích thước 0,3m.

Điểm đấu nối đã được KCN Minh Hưng – Sikico quy hoạch phù hợp về yêu cầu kỹ thuật cho toàn bộ các doanh nghiệp thứ cấp trong KCN và đã được UBND tỉnh Bình Phước chấp thuận tại Quyết định phê duyệt số 1782/QĐ-BTNMT ngày 17/09/2021.

d. Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải: (Thể hiện trong bản vẽ mặt bằng tổng thể thoát nước mưa, thoát nước thải được đính kèm trong Phụ lục báo cáo)

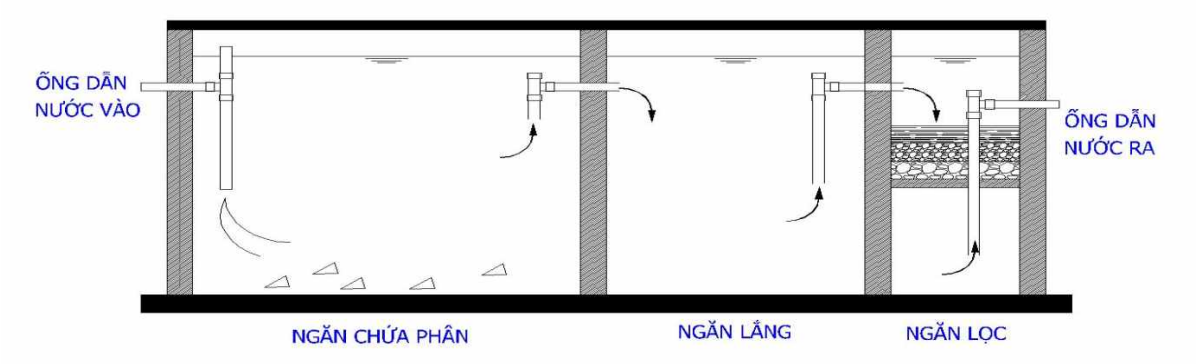
1.3. Xử lý nước thải

a. Nước thải sinh hoạt

Để giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt của Nhà máy, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh không để phát tán ra ngoài.
- Nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, sau đó được dẫn đến HTXL nước thải tập trung của Nhà máy với công suất 100 m^3/ngày.đêm để tiếp tục xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng – Sikico là Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, trước khi đấu nối vào hệ thống cống thoát nước thải chung của KCN dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng – Sikico tiếp tục xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A.

Cấu tạo và nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn được trình bày trong hình sau:



Hình 3.2. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

❖ ***Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại:***

Nước thải sinh hoạt của của cán bộ, công nhân sẽ được thu gom về bể tự hoại để xử lý. Nước thải vào bể tự hoại đầu tiên sẽ qua ngăn lắng và phân hủy cặn. Tại ngăn này, các cặn rắn được giữa lại và phân hủy một phần với hiệu suất khoảng 20% dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau đó, nước qua ngăn chứa nước. Tại đây, các thành phần hữu cơ có trong nước thải tiếp tục bị phân hủy dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau ngăn lắng cặn, nước được đưa qua ngăn lọc với vật liệu lọc bao gồm sỏi, than, cát được bố trí từ dưới lên trên nhằm tách các chất rắn lơ lửng có trong nước thải. Bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Sau bể tự hoại, hàm lượng chất hữu cơ (BOD, COD) và dinh dưỡng (nitơ, phospho) giảm khoảng 60%; dầu mỡ động thực vật giảm khoảng 80%; chất rắn lơ lửng giảm khoảng 90%.

- Thể tích ngăn chứa

$$W_1 = a \times N \times T \times (1- P)/1000 \ (m^3)$$

Trong đó:

a : Hệ số phát thải bùn: 400 g/người/ngày, tương đương 0,4 lít/người/ngày.

N : Số người sử dụng: 300 người.

T: Thời gian lưu bùn: T = 180 – 720 ngày, chọn T = 180 ngày

P: hệ số phân hủy bùn: P = 0,2

Vậy thể tích ngăn chứa W_1 = 17,28 m^3. Chọn W_1 = 17,5 m^3

- Thể tích ngăn lắng:

$$W_2 = Q \times t_2$$

Q: Lưu lượng nước thải qua bể tự hoại. Với định mức 12 lít/người.ca, lượng nước thải qua bể tự hoại là 3,6 m^3/ngày.

t_2: Thời gian lưu nước. Chọn t_2 = 2 ngày

Vậy thể tích ngăn lắng W_2 = 7,2 m^3. Chọn W_2 = 7,5 m^3

- Thể tích ngăn lọc:

$$W_3 = Q \times t_3$$

Trong đó:

Q: Lưu lượng nước thải qua bể tự hoại. Với định mức 12 lít/người.ca, lượng nước thải qua bể tự hoại là 3,6 m^3/ngày.

t_3: thời gian lưu nước, Chọn t_3 = 2 ngày

Vậy thể tích ngăn lọc W_3 = 7,2 m^3, Chọn W_3 = 7,5 m^3

Tổng thể tích bể tự hoại cần thiết: $W = W_1 + W_2 + W_3 = 17,5 + 7,5 + 7,5 = 32,5$ m^3.

Hiện tại, Nhà máy đã xây dựng 06 bể tự hoại, tổng thể tích các bể tự hoại 102 m^3 > 32,5 m^3, đủ khả năng tiếp nhận xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh. Như vậy bể tự hoại hiện hữu đảm bảo thể tích cần thiết để xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân trong quá trình thi công lắp đặt thiết bị và vận hành giai đoạn 1.

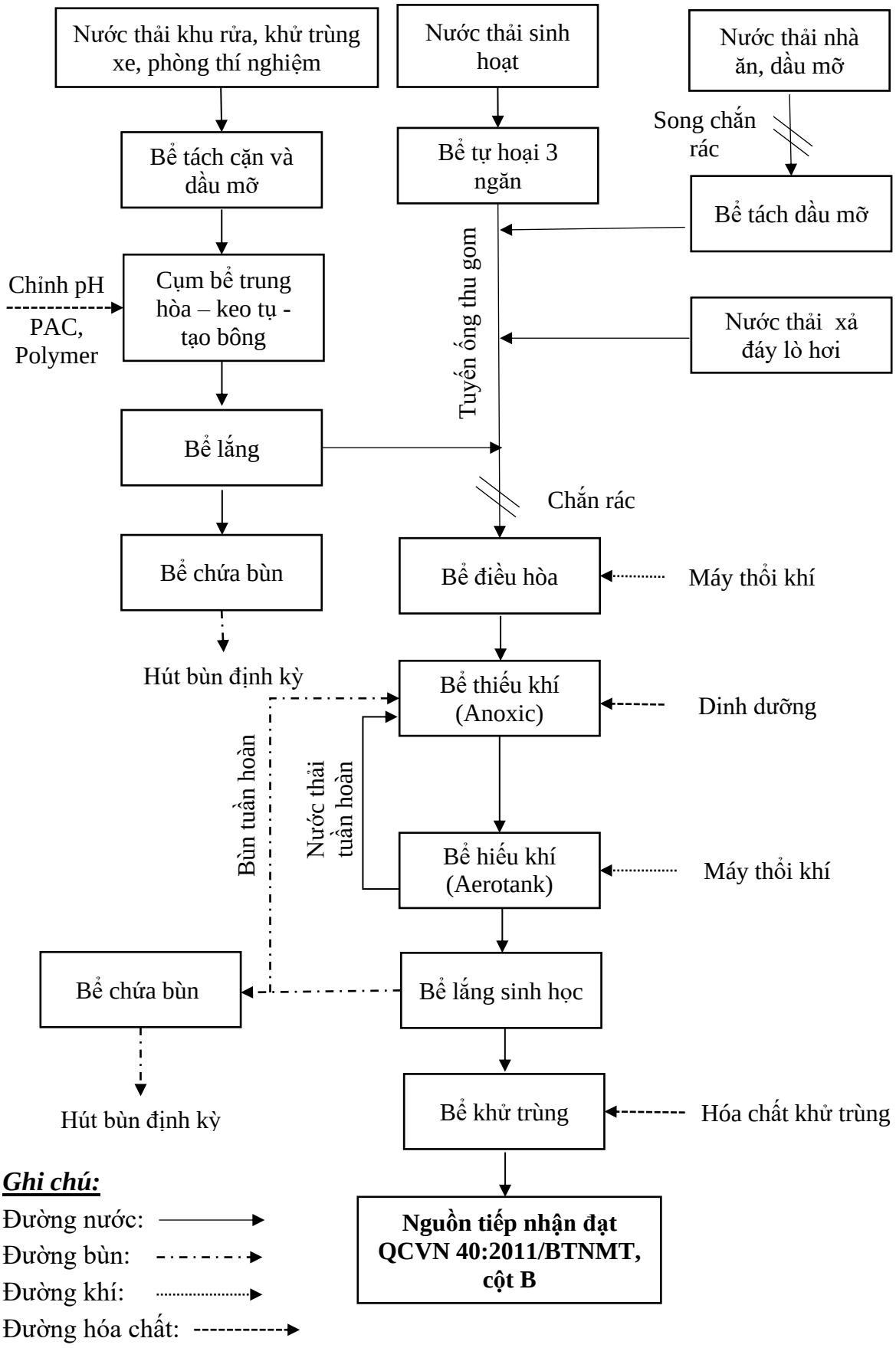
b. Nước thải sản xuất

Nước thải sản xuất gồm nước thải khử trùng xe và nước thải xả lò hơi sẽ được thu gom đưa về HTXLNT của Nhà máy nhằm xử lý đạt quy định trước khi tiến hành đấu nối vào HTXLNT tập trung của KCN Minh Hưng – Sikico để tiếp tục xử lý đạt Quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

Như vậy, thành phần nước thải gồm: Nước thải sinh hoạt, nước thải nhà ăn, nước thải khử trùng xe, nước thải xả lò hơi, nước thải từ phòng thí nghiệm. Tổng khối lượng nước thải phát sinh của Nhà máy trong giai đoạn 1 là 53,16 m^3/ngày. Trong đó:

- Nước thải sinh hoạt và nhà ăn của công nhân là 29 m^3/ngày.
- Nước thải cho rửa và khử trùng xe khoảng 22,95 m^3/ngày.
- Nước thải xả lò hơi khoảng 1,2 m^3/ngày.
- Nước thải từ phòng thí nghiệm khoảng 0,01 m^3/ngày.

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn và nước thải sản xuất sẽ được dẫn đến hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100 m^3/ngày của Nhà máy. Quy trình xử lý nước thải được trình bày trong hình sau:



Hình 3.3. HTXLNT công suất 100 m^3/ngày.đêm của Nhà máy

Thuyết minh quy trình:

Nước thải phát sinh từ Nhà máy được chia thành 05 nguồn sau:

Nước thải từ rửa và khử trùng xe: Nước thải được thu gom về bể tách cặn và dầu mỡ. Tại đây, các cặn, cát nặng sẽ được lắng xuống đáy bể, còn phần dầu mỡ nhẹ hơn sẽ nổi trên bề mặt bể. Định kỳ sẽ được hút bùn cặn và dầu mỡ thủ công đem đi xử lý theo quy định. Tiếp theo nước thải tự chảy qua bể trung hòa, nước thải được xáo trộn bằng máy khuấy chìm đặt dưới đáy bể nhằm ổn định nồng độ ô nhiễm và được châm xút kiểm soát pH về ngưỡng tối ưu cho quá trình phản ứng hóa lý về sau. Tiếp tục nước thải được bơm lên bộ phản ứng keo tụ - tạo bông. Tại đây, các hóa chất keo tụ PAC, trợ keo tụ polymer được châm vào nhằm keo tụ các chất rắn lơ lửng, các hạt dạng keo trong nước thải liên kết tạo thành các bông cặn có kích thước lớn dễ lắng và được loại bỏ tại bể lắng. Nước thải sau bộ phản ứng sẽ chảy vào bể lắng hóa lý. Tại đây, bông cặn nặng sẽ lắng xuống đáy bể và được xả bỏ về bể chứa bùn. Phần nước trong sẽ được thu qua hệ thống máng răng cưa và chảy vào tuyến ống thu gom về trạm xử lý nước thải tập trung.

Nước thải từ các nhà vệ sinh: Nước thải từ nhà vệ sinh chứa hàm lượng chất bẩn ở nồng độ cao phải được phân hủy yếm khí bằng bể tự hoại 03 ngăn trước khi chảy về trạm xử lý nước thải của Nhà máy.

Nước thải từ nhà ăn: Nước thải từ nhà ăn chứa hàm lượng dầu mỡ và cặn hữu cơ rất cao nên sẽ được xử lý sơ bộ bằng song tách rác về bể tách mỡ tại nguồn trước khi chảy về trạm xử lý nước thải của Nhà máy.

Nước thải từ xả lò hơi: Nước thải từ xả lò hơi chứa cặn là chủ yếu được dẫn trực tiếp về trạm xử lý nước thải của Nhà máy.

Nước thải từ phòng thí nghiệm: Nước thải này chủ yếu từ quá trình vệ sinh dụng cụ phòng thí nghiệm chứa các viên thành phẩm sau khi kiểm nghiệm, lượng nước thải này khá nhỏ sẽ được dẫn trực tiếp về trạm xử lý nước thải của Nhà máy.

Tất cả các nguồn phát sinh nước thải đã được xử lý sơ bộ và chảy vào tuyến ống thu gom dẫn về trạm xử lý nước thải của Nhà máy. Nước thải từ tuyến ống thu gom sau khi qua chắn rác nhằm chống gây tắc nghẽn bơm các công trình phía sau sẽ chảy vào bể điều hòa.

Chức năng của bể điều hòa là để điều hòa nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải và điều hòa lưu lượng để chống sốc tải cho các hạng mục phía sau. Bên trong bể điều hòa có lắp đặt hệ thống sục khí thông qua đĩa thổi khí đặt dưới đáy bể. Đĩa được lắp đặt phân bố đều trong bể, nhằm mục đích tăng khả năng khuấy trộn, hạn chế sự phân hủy yếm khí trong bể. Nước thải được bơm từ bể điều hòa về bể sinh học thiếu khí (Anoxic)

Chức năng bể sinh học thiếu khí là để xử lý khử nitơ từ sự chuyển hóa nitrate thành nitơ tự do. Lượng nitrate này được tuần hoàn từ hỗn hợp bùn hoạt tính và nước thải từ bể hiếu khí (Aerotank).

Thông số quan trọng ảnh hưởng tới hiệu quả khử nitơ là:

+ Thời gian lưu nước của bể thiếu khí;
+ Nồng độ vi sinh trong bể;

+ Tốc độ tuần hoàn nước và bùn từ bể hiếu khí và bể lắng;
+ Nồng độ chất hữu cơ phân hủy sinh học;
+ Phần nồng độ chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học;
+ Nhiệt độ.

Trong các thông số trên, phần nồng độ chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc khử nitơ. Nghiên cứu cho thấy nước thải cùng một nồng độ hữu cơ có khả năng phân hủy sinh học (bCOD) nhưng khác về thành phần nồng độ chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học (rbCOD). Trường hợp nào có rbCOD càng cao, tốc độ khử nitơ càng cao.

Hai hệ enzyme tham gia vào quá trình khử nitrate:

Quá trình đồng hóa (assimilatory): $NO_3^- \rightarrow NH_3$, tổng hợp tế bào, khi $N\text{-}NO_3^-$ là dạng nitơ duy nhất tồn tại trong môi trường.

$$3NO_3^- + 14CH_3OH + CO_2 + 3H^+ \rightarrow 3C_5H_7O_2N + H_2O$$

Quá trình dị hóa (dissimilatory): Quá trình khử nitrate trong nước thải

Bước 1: $6NO_3^- + 2CH_3OH \rightarrow 6NO_2^- + 2CO_2 + 4H_2O$

Bước 2: $2NO_2^- + 3CH_3OH \rightarrow 3N_2 + 3CO_2 + 3H_2O + 6OH^-$

Tổng quá trình khử nitrate:

$$NO_3^- + 1{,}08CH_3OH + H^+ \rightarrow 0{,}065C_5H_7O_2N + 0{,}47N_2 + 7H_2O + 6OH^-$$

Nước thải sau xử lý tiếp tục chảy sang bể sinh học hiếu khí.

Bể thiếu khí được khuấy trộn bằng 02 máy khuấy chìm đặt trong bể nhằm giữ bùn ở trạng thái lơ lửng tạo ra tiếp xúc giữa nguồn thức ăn với vi sinh và tạo môi trường oxy hòa tan <0,15 mg/l để thích hợp cho vi sinh khử nitrate hoạt động. Nước thải sau đó tự chảy qua cụm bể sinh học hiếu khí.

Tại bể sinh học hiếu khí Aerotank, nước thải được xử lý bằng vi sinh trong bùn hoạt tính. Trong bể, oxy không khí được phân phối vào bể nhờ hệ thống sục khí bằng đĩa khí phân phối khí tinh lắp đặt dưới đáy bể nhằm xáo trộn hoàn toàn cung cấp lượng oxy cần thiết để cho vi sinh vật hiếu khí phát triển. Lượng khí được cung cấp bởi 02 máy thổi khí hoạt động luân phiên và cung cấp khí liên tục để đảm bảo nồng độ oxy hòa tan luôn >2mg/l. Lượng nitrate vi khuẩn chuyển hóa thành được bố trí bơm tuần hoàn với lưu lượng từ 100 – 150% lưu lượng đầu vào quay lại bể sinh học thiếu khí để chuyển thành khí nitơ thoát ra khỏi môi trường nước thải. Hàm lượng photpho được tích lũy trong quá trình tổng hợp tế bào vi khuẩn sẽ được loại bỏ ra khỏi nước thải tại bể lắng sinh học.

Nước thải sau khi ra khỏi bể Aerotank sẽ chảy tràn qua bể lắng. Tại đây, xảy ra quá trình lắng tách pha và giữ lại phần bùn (vi sinh vật). Phần bùn lắng này chủ yếu là vi sinh vật trôi ra từ bể hiếu khí. Phần bùn sau lắng được giàn gạt tự động gom về ống thu bùn và được 02 bơm bùn bơm tuần hoàn về bể sinh học để suy trì nồng độ bùn trong bể. Phần bùn dư còn lại sẽ được bơm vào bể chứa bùn được lưu trữ và duy trì bổ sung cho bể sinh học. Phần nước trong sau bể lắng tự chảy qua bể khử trùng.

STT	Công trình	Kích thước (m)	Vật liệu
A	**Cụm hóa lý xử lý nước thải khử trùng xe công suất 50 m^3/ngày.đêm**		
1	Bể tách cặn và dầu mỡ	1,5x4x2,65	Bê tông tường gạch
2	Bể trung hòa	0,8×0,8×1,7	Thép, sơn chống gỉ
3	Bể keo tụ	0,8×0,8×1,7	
4	Bể tạo bông	0,8×0,8×1,7	
5	Bể lắng hóa lý	2,4×2,4×3,2	
6	Bể chứa bùn hóa lý	2×4×2,65	BTCT M200
B	**Bể tách dầu mỡ nhà ăn**	1,4×0,8×1,0	BTCT
C	**Hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy**		
1	Bể điều hòa	4x4,5x3,3	BTCT M200
2	Bể thiếu khí (Anoxic)	1,5 x 4,5 x 3,3	
3	Bể hiếu khí (Aerotank)	3,5×4,5×3,3	
4	Bể lắng sinh học	2,8×2,8×3,3	
5	Bể khử trùng	1×2,8×3,3	
6	Bể chứa bùn sinh học	3,8×1,5×3,3	

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

Danh mục máy móc thiết bị của cụm hóa lý nước thải khử trùng xe và hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m^3/ngày.đêm của Nhà máy được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.1. Danh mục máy móc, thiết bị của HTXLNT của Nhà máy

STT	Nội dung	Chức năng/ Hạng mục	Thông số cung cấp	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
I	**BỂ TÁCH CẶN VÀ DẦU MỠ**					
1	Giỏ tách rác	Loại bỏ rác có kích thước lớn	- Vật liệu: Inox 304 dày 2mm - Kích thước: DxRxC = 400 x 400 x 400 mm	Việt Nam	Cái	1
2	Bơm nước thải	Bơm nước thải lên cụm bể hóa lý	- Loại: Bơm chìm - Lưu lượng: 4 m^3/h - Cột áp: 11m - Công suất: 0,75kw - Điện áp: 380V, 3 phase - Đã bao gồm xích kéo và phao mực nước	Taiwan	Bộ	2
II	**BỂ TRUNG HÒA**					
1	Cụm bể	Xử lý nước thải	- Kích thước: DxRxC = 3200 x 2400 x 3200mm - Vật liệu: Thép dày 4mm, sơn chống gỉ	Việt Nam	Bộ	1
2	Cảm biến pH	Điều khiển bơm định lượng chỉnh pH	- Thang đo: 1-14pH - Độ phân giải: 0,1pH - Phân liều: Tối đa 2A, 250VAC - Ngõ vào: 1012 Ohm - Nguồn điện: 230VAC/50Hz - Kích thước: 83 x 53 x 99mm	Hanna	Bộ	1
3	Motor khuấy	Khuấy trộn nước thải	- Công suất: 1HP - Tốc độ: 120v/phút - Điện áp: 380V, 3 phase - Đã bao gồm cánh khuấy inox 304	Taiwan	Bộ	2
4	Motor khuấy	Khuấy trộn nước thải	- Công suất: 1HP - Tốc độ: 30v/phút - Điện áp: 380V, 3 phase	Taiwan	Bộ	1

STT	Nội dung	Chức năng/ Hạng mục	Thông số cung cấp	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
			- Đã bao gồm cánh khuấy inox 304			
5	Sàn thao tác	Thao tác vận hành	- Kích thước: DxR = 2800 x 600mm - Vật liệu: Inox 304	Việt Nam	Bộ	1
6	Bồn chứa hóa chất	Chứa hóa chất xử lý	- Thể tích: 500 lít - Vật liệu: Nhựa	Việt Nam	Cái	3
7	Bơm định lượng	Bơm hóa chất	- Lưu lượng: 50 lít/h - Công suất: 0,25kw	OBL - Italy	Cái	3
8	Tủ điều khiển tự động	Điều khiển thiết bị tại hệ hóa lý	- Tủ điện: Tủ điện 02 lớp vỏ, bằng thép sơn tĩnh điện - Linh kiện: MCB, Contactor, Relay, Công tác, đèn báo, còi báo, nút nhấn khẩn cấp, bộ bảo vệ pha – Sigma - Dây điện: Cadivi - Bảo vệ dây dẫn: màng cáp - Phụ kiện, support đồng bộ	Việt Nam	Hệ	1
III	**BỂ ĐIỀU HÒA**					
1	Giỏ tách rác	Loại bỏ rác có kích thước lớn	- Vật liệu: Inox 304 dày 2mm - Kích thước: DxRxC = 400 x 400 x 400 mm	Việt Nam	Cái	1
2	Bơm nước thải	Bơm nước thải từ bể điều hòa sang bể thiếu khí	- Loại: Bơm chìm - Lưu lượng: 5 m^3/h - Cột áp: 6m - Công suất: 0,37kw - Điện áp: 380V, 3 phase - Đã bao gồm xích kéo và phao mực nước	Taiwan	Bộ	2
3	Đồng hồ lưu lượng	Đo lưu lượng vận	- Loại: Cơ - Size: DN50	Taiwan	Cái	1

STT	Nội dung	Chức năng/ Hạng mục	Thông số cung cấp	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
		hàng đúng thiết kế				
4	Đĩa phân phối khí	Xáo trộn nước thải	- Loại: Phân phối khí thô - Lưu lượng thiết kế: 5 – 26 m^3/h - Đường kính: 127 mm (5 inches) - Đầu nối: ren 27mm	SSI – USA	Hệ	1
IV	**BỂ HIẾU KHÍ**					
1	Máy thổi khí	Cung cấp oxy cho vi sinh phát triển	- Lưu lượng: 2,5 m^3/h - Cột áp: 4m - Công suất: 5HP - Điện áp: 380V, 3 phase	Taiwan	Cái	2
2	Bơm tuần hoàn nước	Tuần hoàn nước về bể Anoxic khử Nito	- Loại: Bơm chìm - Lưu lượng: 5 m^3/h - Cột áp: 6m - Công suất: 0,37kw - Điện áp: 380V, 3 phase - Đã bao gồm xích kéo	Taiwan	Bộ	2
3	Đĩa phân phối khí	Xáo trộn nước thải	- Loại: Phân phối khí tinh - Lưu lượng thiết kế: 0 – 12 m^3/h - Đường kính: 270mm (9inches)	SSI – USA	Hệ	1
V	**BỂ THIẾU KHÍ**					
1	Máy khuấy chìm	Khuấy trộn nước thải	- Công suất: 0,75kw - Điện áp: 380V, 3 phase - Đã bao gồm xích kéo và thanh trượt inox 304	Evak - Taiwan	Bộ	2
2	Bồn chứa dinh dưỡng	Chứa dinh dưỡng	- Thể tích: 500 lít - Vật liệu: Nhựa	Việt Nam	Cái	1

STT	Nội dung	Chức năng/ Hạng mục	Thông số cung cấp	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
3	Bơm định lượng	Bơm dinh dưỡng	- Lưu lượng: 50 lít/h - Công suất: 0,25kw	OBL - Italy	Cái	1
VI	**BỂ LẮNG SINH HỌC**					
1	Bơm tuần hoàn bùn	Tuần hoàn bùn về bể sinh học	- Loại: Bơm chìm - Lưu lượng: 3 m^3/h - Cột áp: 7m - Công suất: 0,37kw - Điện áp: 380V, 3 phase - Đã bao gồm xích kéo	Taiwan	Bộ	1
2	Ống trung tâm	Tránh xáo trộn nước thải	- Vật liệu: Inox 304 - Kích thước: DxH = 0,5 x 2 m	Việt Nam	Bộ	1
3	Tấm răng cưa	Phân phối đều nước bề mặt	- Vật liệu: Inox 304 - Kích thước: DxR = 6,8 x 0,25 m	Việt Nam	Bộ	1
4	Tấm chắn bùn nổi	Tránh bùn nổi bề mặt trôi ra ngoài	- Vật liệu: Inox 304 - Kích thước: DxR = 6,0 x 0,25 m	Việt Nam	Bộ	1
VII	**BỂ KHỬ TRÙNG**					
1	Bồn chứa hóa chất khử trùng	Chứa chất khử trùng	- Thể tích: 300 lít - Vật liệu: Nhựa	Việt Nam	Cái	1
2	Bơm định lượng	Bơm chất khử trùng	- Lưu lượng: 50 lít/h - Công suất: 0,25kw	OBL - Italy	Cái	1
3	Bơm thoát nước thải	Bơm nước thải đến điểm xả thải	- Loại: Bơm chìm - Lưu lượng: 4 m^3/h - Cột áp: 11m - Công suất: 0,75kw - Điện áp: 380V, 3 phase - Đã bao gồm xích kéo và phao mực nước	Taiwan	Bộ	2

STT	Nội dung	Chức năng/ Hạng mục	Thông số cung cấp	Xuất xứ	Đơn vị	Số lượng
4	Đồng hồ lưu lượng	Đo lưu lượng vận hàng đúng thiết kế	- Loại: Cơ - Size: DN50	Taiwan	Cái	1
VIII	**ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ**					
1	Đường ống STK và phụ kiện	Kết nối đường ống khí trên cạn	- Vật liệu: STK	Việt Nam	Hệ	1
2	Đường ống uPVC và phụ kiện	Kết nối các hạng mục trong bể xử lý nước thải	- Vật liệu: uPVC	Bình Minh – Việt Nam		
IX	**ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN**					
1	Tủ điều khiển tự động	Điều khiển thiết bị tại hệ hóa lý	- Tủ điện: Tủ điện 02 lớp vỏ, bằng thép sơn tĩnh điện - Linh kiện: MCB, Contactor, Relay, Công tắc, đèn báo, còi báo, nút nhấn khẩn cấp, bộ bảo vệ pha – Sigma - Dây điện: Cadivi - Bảo vệ dây dẫn: màng cáp - Phụ kiện, support đồng bộ	Việt Nam	Hệ	1
2	Hệ thống cáp điện và máng dẫn	Cấp nguồn động lực cho thiết bị	Cadivi	Việt Nam	Hệ	1

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

Hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 3.2. Nhu cầu hóa chất trong quá trình hoạt động của Nhà máy

TT	Tên thương mại	Khối lượng sử dụng (Tấn/năm)	Đặc tính hóa chất	Xuất xứ	Ghi chú
I	**Hóa chất cho HTXLNT công suất 100m^3/ngày**				
1	NaOH	0,033	Xút, tồn tại dưới dạng chất rắn màu trắng, có dạng viên, hạt, vảy hoặc ở dạng dung dịch 50% không mùi.	50 mg/l nước thải	Keo tụ
2	PAC	0,163	Hóa chất xử lý nước PAC là viết tắt của từ poly aluminium chloride - Công thức phân tử $[Al_2(OH)nCl_{6-n}]m$. Đây là loại hóa chất keo tụ, chất trợ lắng - PAC dạng bột có màu vàng chanh, trắng ngà, tan hoàn toàn trong nước và lưu trữ được lâu dài trong điều kiện thường. - PAC dạng lỏng có màu vàng nâu, thường được đựng trong chai hoặc can nhựa để bảo quản được lâu hơn	250 mg/l nước thải	
3	Polimer Cation	0,002		3 mg/l nước thải	
4	Polimer Anion	0,002		3 mg/l nước thải	
5	Chlorine	0,003		4 mg/l nước thải	Khử trùng
II	**Hóa chất cho nhà xưởng**				
1	Chloramine B	0,88		0,3 – 0,5 l/m	Khử trùng

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển

Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển là các nguồn không liên tục, phân tán, không thể tập trung để thu gom xử lý nên Công ty đã đưa ra những biện pháp góp phần tạo môi trường không khí trong khu vực Nhà máy trong lành hơn. Các biện pháp khống chế ô nhiễm được áp dụng như sau:

- Quy định các phương tiện vận chuyển chở đúng tải trọng quy định, chạy đúng tốc độ quy định.
- Tất cả các phương tiện vận chuyển sử dụng cho hoạt động vận chuyển của Nhà máy phải được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo các thông số khí thải của xe đạt yêu cầu về mặt môi trường.
- Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh <0,05% hoặc lựa chọn các nhiên liệu sinh học.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân của Nhà máy.
- Phân bố lượng xe chuyên chở phù hợp, tránh ùn tắc, gây ô nhiễm khói, bụi cho khu vực.
- Yêu cầu tất cả các phương tiện tắt máy trong khi chờ đợi hoặc tạm ngừng hoạt động.
- Xây dựng đường giao thông nội bộ hoàn chỉnh để thuận tiện cho việc vận chuyển.
- Phun nước sân bãi, đường nội bộ vào mùa khô đểm giảm bụi và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào khu vực Nhà máy.
- Biện pháp trồng cây xanh: Trồng cây xanh, thảm cỏ bao quanh khuôn viên của Nhà máy nhằm tạo vùng cách ly xanh với bên ngoài. Ngoài cách ly, tạo bóng râm thì cây xanh còn có thể ngăn cản bụi và tiếng ồn, giảm bớt bức xạ nhiệt từ mặt trời, hấp thu các khí gây mùi như H_2S, NH_3 giúp cho môi trường xung quanh Nhà máy xanh mát và trong lành hơn.

2.2. Ô nhiễm không khí và mùi hôi từ hoạt động nhập, lưu trữ nguyên liệu và sản phẩm

Hoạt động nhập và lưu trữ nguyên liệu trong kho chứa:

- Đối với kho chứa nguyên liệu: Nền kho chứa nguyên liệu được xây dựng cao ráo, được láng xi măng, có bố trí cửa mái trên mái kho chứa để không khí trong kho được lưu thông, hạn chế mùi hôi tích tụ. Mái kho chứa nguyên liệu được lợp tôn để sử dụng lâu dài và chống dột khi mưa. Vách kho chứa nguyên liệu được xây tường cao 1m, đoạn còn lại lắp tole đến mái để che chắn gió, hạn chế bụi từ nguyên liệu phát tán ra môi trường xung quanh.
- Đối với nguyên liệu: Tất cả các nguyên liệu cung cấp đạm, cung cấp khoáng đa vi lượng của Nhà máy được lưu chứa trong bao bì kín bằng nion hai lớp (lớp ngoài bằng nhựa PP, lớp trong bằng nhựa PE), may kín; trong suốt quá trình nhập liệu và lưu trữ nguyên liệu tại kho chứa, Nhà máy sẽ kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào bằng cách thu mua nguồn nguyên liệu đã qua sơ chế, các loại ngũ cốc đã được bóc vỏ, chế biến sơ bộ để phục vụ cho sản xuất thức ăn gia súc, có độ ẩm từ 12 – 14%, trường hợp không đảm bảo sẽ được trả lại nhà cung cấp; đối với nguyên liệu bột cá, bột huyết nhập về Nhà máy có độ ẩm 10 – 12% để hạn chế tối đa việc phát sinh mùi khi sản xuất. Trường hợp phát hiện bao bì chứa nguyên liệu hư hỏng sẽ lòng thêm theo nilon bên ngoài và buộc kín miệng bao để hạn chế nguyên liệu rơi vãi, phát sinh bụi và mùi hôi; Nếu có nguyên liệu rơi vãi trong quá trình nhập hàng hay lưu trữ trong khi sẽ thu gom ngay tận dụng cho sản xuất, hạn chế bụi và mùi hôi phát sinh.

Nguyên liệu được đóng bao và lưu chứa trong kho, được lưu chứa trên các Pallet gỗ cách mặt đất 10cm, cách tường nhà xưởng 0,5m để tránh tình trạng bị ẩm mốc vào mùa mưa.

Thực hiện theo quy trình nguyên liệu nhập trước được sử dụng để sản xuất trước, tránh tình trạng nguyên liệu tồn lâu bị hư hỏng, ẩm mốc, gây mùi.

Hệ thống dây chuyền sản xuất khép kín, có hệ thống xử lý bụi lắp đặt đồng bộ trong dây chuyền sản xuất nên hạn chế được mùi phát sinh.

- Hoạt động nhập và lưu trữ nguyên liệu trong các si lô: Các si lô chứa nguyên liệu của Dự án được hàn kín bằng thép nhằm hạn chế ẩm thấp gây hư hỏng nguyên liệu, phòng chống côn trùng phá hoại và hạn chế phát tán bụi khi nhập liệu hay khi lưu trữ nguyên liệu.
- Hoạt động nhập, lưu trữ nhiên liệu đốt lò hơi: nhiên liệu đốt được chứa trong bao tải và được xe nâng bốc từ xe tải vào kho chứa kín. Hoạt động xả bao nhiên liệu vào vít tải cấp liệu cho lò hơi được quản lý chặt chẽ, tránh rơi vãi nhiên liệu và phát sinh bụi. Ngoài ra, do thiết kế khu nạp liệu của vít tải nhiên liệu được thiết kế tương tự như hố nạp liệu, nên khi công nhân xả bao sẽ hạn chế được bụi phát sinh.
- Hoạt động vệ sinh kho, sát trùng kho:

+ Hàng tháng công nhân vệ sinh sẽ quét dọn, vệ sinh bụi xung quanh khu vực dây chuyền sản xuất.
+ Định kỳ 3 tháng/lần sẽ vệ sinh, sát trùng khu vực kho thành phẩm và kho nguyên liệu.

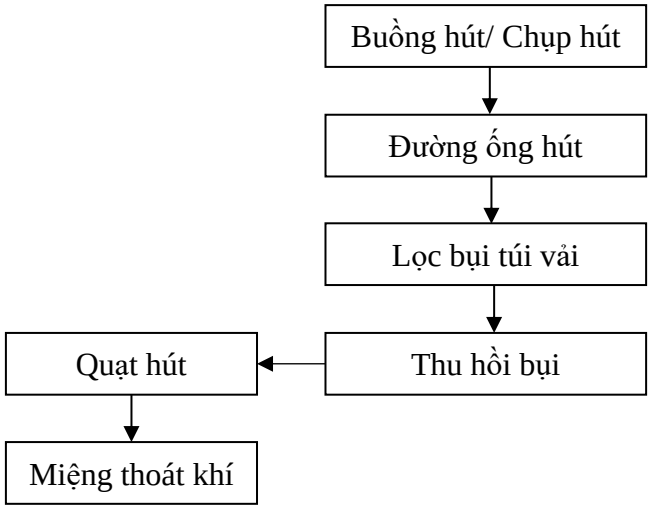
- Hoạt động lưu trữ thành phẩm:

+ Sản phẩm được đóng bao và lưu trữ trong kho, được lưu chứa trên các pallet gỗ cách mặt đất 10cm, cách tường nhà xưởng 0,5m để tránh tình trạng bị ẩm mốc vào mùa mưa. Ngoài ra, sản phẩm còn được lưu chứa trong các bin chứa cám tránh được sự phá hoại của mối mọt, vi khuẩn, thuận lợi cho việc bảo quản.
+ Diện tích kho chứa rộng, thông thoáng, kho hoàn toàn kỵ nước, xây dựng kho theo đúng thiết kế cơ sở được duyệt, đảm bảo thông thoáng.
+ Sử dụng xe nâng hạ sản phẩm nhẹ nhàng, không bốc xếp sản phẩm quá cao để tránh gây rơi đổ.
+ Các phương tiện vận chuyển không nổ máy trong thời gian bốc xếp sản phẩm.

2.3. Bụi, khí thải trong quá trình sản xuất.

Bụi và khí thải phát sinh hầu hết ở các công đoạn trong quá trình sản xuất, để giảm thiểu, Công ty sẽ thực hiện những giải pháp như sau: Trang bị dây chuyền sản xuất khép kín và tại công đoạn hở như: Khu vực nạp liệu, khu vực đóng bao,… đều bố trí chụp hút, đường ống hút và thiết bị thu hồi bụi tích hợp đồng độ với dây chuyền sản xuất, mục đích vừa giảm được nồng độ bụi trong không khí, vừa thu hồi được một lượng lớn bụi tái sử dụng, vì bụi phát sinh trong công đoạn sản xuất chủ yếu là bụi thực phẩm. thiết bị xử lý bụi được lắp đặt đồng bộ, tích hợp theo dây chuyền sản xuất.

Như vậy trong quá trình hoạt động, Nhà máy trang bị hệ thống lọc bụi túi vải tại các khu vực hở phát sinh bụi lớn như khu vực cửa đổ nguyên phụ liệu và khu vực đóng bao.



Hình 3.4. Quy trình công nghệ xử lý bụi tại các khu vực đổ liệu và đóng bao

Thuyết minh quy trình:

Bụi được thu gom ngay tại vị trí phát sinh thông qua các chụp hút bố trí trên các máy công cụ. Các chụp hút được nối với hệ thống ống dẫn, dưới tác dụng của lực hút ly tâm, bụi theo hệ thống đường ống dẫn vào qua thiết bị lọc túi vải. Không khí lẫn bụi đi qua tấm vải lọc, ban đầu các hạt bụi lớn hơn khe giữa các sợi vải sẽ được giữ lại trên bề mặt vải theo nguyên lý rây, các hạt nhỏ hơn bám dính trên bề mặt sợi vải lọc do va chạm, lực hấp dẫn và lực hút tĩnh điện, dần dần lớp bụi thu được dày lên tạo thành lớp màng trợ lọc đạt tới 99,8% và lọc được tất cả các hạt rất nhỏ nhờ có lớp trợ lọc. Bụi được gom từ quá trình sản xuất được thu hồi để quay trở lại dây chuyền sản xuất vì đây là bụi thực phẩm.

Sau một khoảng thời gian, lớp bụi sẽ rất dày làm sức cản của màng quá lớn, phải ngưng cho khí thải đi qua và tiến hành loại bỏ lớp bụi bám trên mặt vải. Thao tác này được gọi là hoàn nguyên khả năng lọc. Khí sẽ thải ra môi trường qua miệng thoát khí lắp đặt thông lên mái nhà xưởng, cách mái nhà xưởng khoảng 1 – 2m.

Hệ thống lọc bụi này định kỳ được vệ sinh 1 tuần/lần để tránh tình trạng ứ nghẹt hệ thống, để hệ thống hoạt động có hiệu quả cao hơn.

Định kỳ 2 – 3 năm, túi vải được thay thế mới để đảm bảo hiệu quả lọc bụi.

Ngoài ra, để hạn chế lượng bụi rơi vãi trên sàn nhà xưởng và xung quanh khu vực xưởng sản xuất, đội vệ sinh thường xuyên quét dọn 02 lần/ngày, đặc biệt khu vực chứa nguyên liệu và xưởng sản xuất; Để giảm thiểu bụi tác động đến môi trường xung quanh, Công ty sẽ thực hiện bốc dỡ, nhập liệu bên trong phân xưởng, không thực hiện bên ngoài.

Sau khi đi vào xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị, Công ty tiến hành tăng số lượng, công suất xử lý của hệ thống lọc bụi túi vải tại khu vực nạp liệu và đóng bao nhưng không thay đổi phương án xử lý cũng như cam kết không phát sinh thêm bụi với

nội dung đã được cấp tại Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án ngày 01/10/2021 nhằm tăng cường hiệu quả xử lý cũng như tỉ lệ thu hồi bụi phát sinh để tái sử dụng trong quá trình sản xuất của dự án.

Thông số thiết bị máy móc theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án được thể hiện như sau:

Bảng 3.3. Thông số thiết bị máy móc theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

Tên hạng mục/thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng
Túi vải	Dài × Rộng × Cao = 1,2m × 0,6m x 1,7m. Trọng lượng: 500g/m^2 Độ dày: 1,6 – 1,8 mm Độ thoáng khí: 14 m^3/m^2	48
Quạt hút	Công suất: 4HP Lưu lượng: 4.800 m^3/h	2

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

Hiện tại, Nhà máy trang bị 04 hệ thống lọc bụi túi vải được bố trí tại các khu vực nạp liệu, khu vực đóng bao để xử lý bụi phát sinh tại các công đoạn này.

Thông số kỹ thuật của mỗi hệ thống lọc bụi được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 3.4. Các hạng mục thiết bị chính của hệ thống lọc bụi túi vải theo thực tế

Tên hạng mục/thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Xuất xứ
Thiết bị lọc bụi túi vải khu nạp liệu model: LNGM45	Công suất: 22.000m^3/h Kích thước túi vải lọc: 120x2.000mm Số lượng túi vải: 60 túi Vật liệu: Sợi Polyester Quạt hút: Công suất 22kw, lưu lượng: 22.800-24.313 m^3/h	3	Famson Trung Quốc
Thiết bị lọc bụi túi vải khu đóng bao model: TBLMY76	Kích thước túi vải lọc: 140x2.000mm Công suất: 12.000m^3/h Số lượng túi vài: 60 túi Kích thước túi vải lọc: 140x1.600mm Vật liệu: Sợi Polyester Quạt hút: Công suất 15kw, lưu lượng: 7.728-15.455 m^3/h	1	Famson Trung Quốc

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

2.4. Ô nhiễm không khí từ khí thải lò hơi

Trong quá trình hoạt động, Nhà máy sẽ trang bị hệ thống xử lý khí thải lò hơi để xử lý khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu tạo nhiệt, khí thải phát sinh chứa các chất ô nhiễm chính cần được kiểm soát là CO và Bụi.

Công ty trang bị hệ thống lò hơi tầng sôi đa nhiên liệu tuần hoàn với cốt lõi của hệ thống tự động điều khiển lò hơi là PLC. Hệ thống lò hơi đi kèm hệ thống xử lý khói bụi 2 cấp, đảm bảo quy chuẩn Việt Nam về khí thải ngoài không khí (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B).

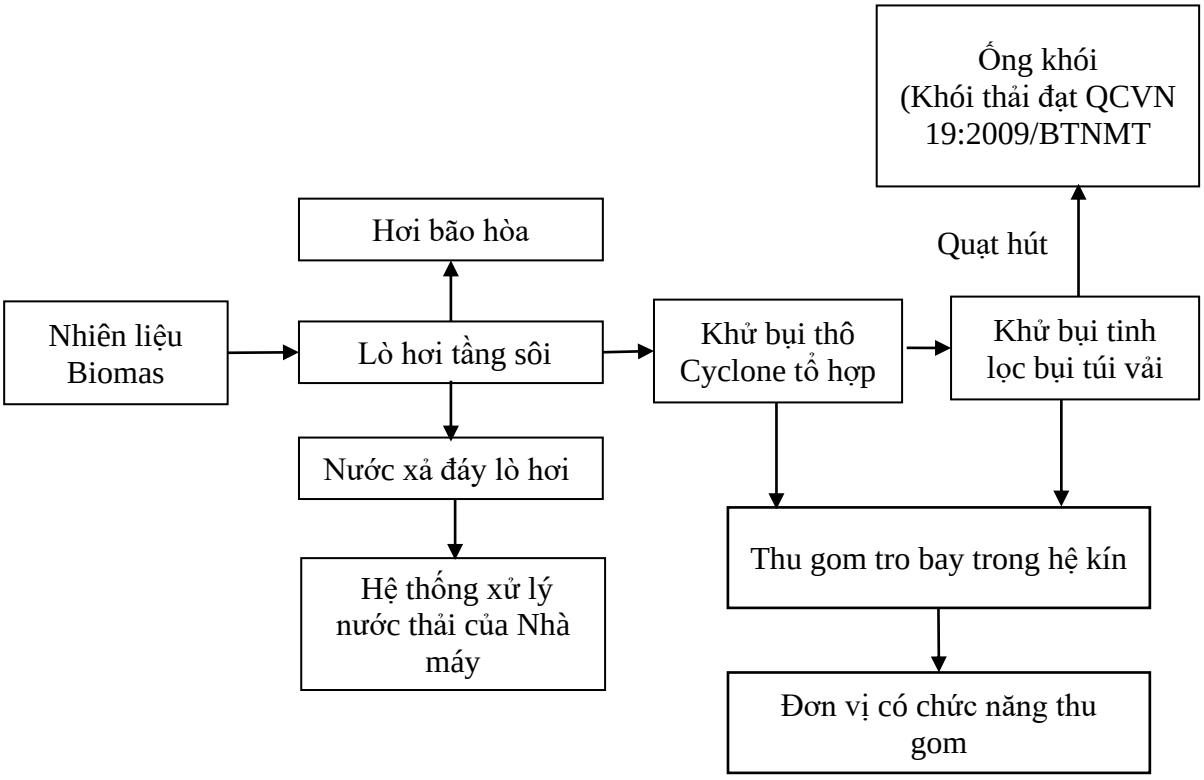
❖ **Công nghệ xử lý CO**

Để giảm thiểu sự phát thải CO, Công ty sẽ điều chỉnh quá trình cháy. Hệ thống lò hơi tầng sôi hoạt động như sau:

- PLC điều khiển cấp liệu vào buồng đốt, đồng thời, tín hiệu cũng được gửi đến bộ điều khiển buồng lửa. Giá trị áp suất hơi được hiển thị và khi áp suất hơi cao sẽ phát âm thanh cảnh báo hoặc tự động dừng lò tạm thời để bảo vệ áp suất lò hơi theo cài đặt.
- Mô-đun điều khiển buồng đốt bao gồm bộ điều khiển tốc độ quạt, cảm biến áp suất âm buồng đốt, cảm biến nhiệt độ buồng đốt, cảm biến nhiệt độ hơi, cảm biến nồng độ oxy dư, nhiệt độ khói thải.
- Các tín hiệu cảm biến được hệ thống xử lý và đưa ra các tín hiệu điều khiển tốc độ quạt cấp gió, quạt hút khói để tối ưu hiệu quả quá trình cháy.
- PLC sẽ liên tục giảm sát áp suất hơi và gửi tín hiệu điều khiển nhiệt độ buồng đốt. Các thông số sẽ liên tục thay đổi cho đến khi đạt giá trị áp suất hơi ổn định theo giá trị cài đặt.
- Tại hệ thống cấp liệu, hệ thống tự động điều khiển băng tải để đưa nhiên liệu từ hố cấp liệu đến phễu cấp liệu trung gian. Phễu cấp liệu trung gian được bố trí van xoay cấp liệu, nhiên liệu được cấp định lượng và điều chỉnh phù hợp với tải đầu ra của lò dựa trên hệ thống điều khiển HMI và biến tần (việc hiệu chỉnh được thực hiện trong quá trình vận hành thử nghiệm). Gió thổi liệu có nhiệm vụ phân bố đều nhiên liệu lên khắp mặt ghi đốt nhằm điều chỉnh quá trình đốt cháy nhiên liệu của lò không diễn ra quá trình đốt cháy không hoàn toàn (hoặc hạn chế đến mức thấp nhất việc cháy không hoàn toàn) sẽ làm phát sinh ít khí CO trong khí thải đảm bảo khí thải có thành phần CO đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

❖ **Công nghệ xử lý bụi**

Để giảm thiểu bụi trong khí thải, Công ty sử dụng hệ thống xử lý đi kèm với hệ thống lò hơi với công nghệ xử lý bụi như sau:



Hình 3.5. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý khí thải lò bơi

Thuyết minh quy trình công nghệ:

Khói thải sau khi ra khỏi buồng đốt của lò hơi chứa nhiều bụi được dẫn đến hệ thống Cyclone lọc bụi thô. Dòng khói đi vào Cyclone tổ hợp nhờ lực hút của quạt hút đặt phía sau. Sau đó dòng khói được phân bố đều đến các phần tử Cyclone. Tại đầu các phần tử Cyclone, dòng khói bắt đầu chuyển động xoắn ốc theo dạng hình tròn nhờ cánh hướng. Điều này được gọi là "dòng xoắn ngoài". Do vận tốc dòng khói ngày càng tăng, gây ra bởi lực ly tâm, các hạt bụi trong khói có kích thước lớn được đẩy xuyên tâm hướng tới thành phần tử Cylone. Điều này xảy ra với tất cả các hạt có kích thước lớn do vượt quá lực ly tâm bởi chuyển động xoắn ốc.

Khi hạt va chạm tới thành thì nó sẽ bị chậm lại cho lực ma sát. Các hạt này sẽ được tách ra khỏi dòng khí chính và đẩy xuống phần hình nón bởi các thành phần đi xuống của vận tốc. Tại đây, các hạt rắn được tách rời khỏi phần tử Cyclone và đi xuống phễu thu tro bộ Cyclone. Dòng khói khi đi đến phần dưới cùng hình nón của phần tử Cyclone sẽ đổi hướng quay ngược trở lại và chuyển động lên trên và hình thành "dòng xoắn trong". Dòng khí quay quanh ống trụ tâm của phần tử Cyclone và thoát ra ngoài tại cửa ra.

Bụi lắng xuống phễu thu tro và được xả ra ngoài qua van xoay và vít theo chu kỳ. Bụi xả qua van xoay và vít sẽ được đóng bao để thuận tiện cho việc vận chuyển và vệ sinh. Dòng khói sau khi qua Cyclone tổ hợp được dẫn vào bộ lọc túi vải nhờ lực hút của quạt khói. Tại đó, quá trình lọc sẽ diễn ra với 2 chu trình sàng lọc, đầu tiên với các hạt bụi có kích thước lớn sẽ được ngăn lại bởi các tấm lưới lọc và được giữ lại ở đó . Đối với các hạt bụi có kích thước nhỏ hơn sẽ bán dính phía trên bề mặt của tấm vải lọc trong quá trình va chạm. Các hạt bụi mịn đi cùng dòng khói sau khi đi qua bề mặt túi vải sẽ

được giữ lại trên bề "mặt ngoài" túi vải. Dựa vào thông số đo chênh áp trước và sau túi vải để xác định lượng bụi tích tụ trên bề mặt túi vải là đủ dày, hệ thống dũ bụi bằng khí nén sẽ tự động tác động dũ bụi để làm sạch bề mặt túi vải.

Tro sau khi dũ bụi được thu gom tại phễu chứa tro, được hệ thống vận chuyển tro đưa vào khu vực chứa tro. Toàn bộ quá trình diễn ra trong một hệ kín đảm bảo không phát tán tro ra ngoài môi trường. Hiệu quả lọc bụi đạt tới 99,9 % và lọc được cả các hạt bụi rất nhỏ.

Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm, Công ty sẽ áp dụng quy trình xử lý khí thải như trên, nếu kết quả thử nghiệm không đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT cột B, Công ty sẽ thực hiện nâng cấp và làm hồ sơ điều chỉnh hệ thống xử lý khí thải này.

Khu vực chứa nhiên liệu đốt, khu vực chứa tro lò đốt được che chắn kín xung quanh để giảm thiểu bụi, nhiên liệu phát tán theo giỏ gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Trong quá trình sản xuất, bụi phát sinh cũng có thể gây ảnh hưởng đến công nhân sản xuất trong dây chuyền, về lâu dài sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân, vì vậy, Công ty sẽ trang bị bảo hộ lao động (khẩu trang) cho công nhân.

Sau khi đi vào lắp đặt hệ thống xử lý khí thải lò hơi 10 tấn/h, Công ty đã tiến hành thay đổi thông số kỹ thuật của hệ thống nhưng không thay đổi phương án xử lý so với nội dung đã được cấp tại Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án ngày 01/10/2021. Hệ thống xử lý khí thải lò hơi thực tế được lắp đặt nhằm phù hợp với hiệu quả xử lý lượng bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đốt lò của dự án.

Bảng 3.5. Các hạng mục và thiết bị chính của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 10 tấn/h

Tên hạng mục/ thiết bị	Thông số kỹ thuật		Xuất xứ	Số lượng
	Theo DTM	Thực tế		
Cyclon tổ hợp	Chiều cao thiết bị Cyclone: H = 7,7m Chiều cao phần hình trụ: h1 = 3,8m Phần cao phần thân hình nón: h2 = 2,4m Công suất: 10 tấn/h Vật liệu thép CT3. Dày 2mm	Chiều cao thiết bị Cyclone: H = 5,7m Chiều cao phần hình trụ: h1 = 1,6m Phần cao phần thân hình nón: h2 = 1,2m Công suất: 10 tấn/h Vật liệu thép SS400. Dày 3-8mm	Việt Nam	1
Quạt hút khói	Lưu lượng: 30.000 m^3/h Công suất: 75 kW Cột áp: 4000 Pa	Lưu lượng: 15.000 m^3/h Công suất: 30 kW/h Cột áp: 4000 Pa	Việt Nam	1
Bộ lọc bụi túi vải	Chiều cao thiết bị: 9,2m Chiều rộng thiết bị: 3,6m Bố trí 5 hàng, mỗi hàng 11 túi vải.	Chiều cao thiết bị: 7,4m Chiều rộng thiết bị: 3,3m Bố trí 15 hàng, mỗi hàng 10 túi vải.	Việt Nam	1

	Kích thước túi vải 0,2 × 2m	Kích thước túi vải đường kính 165mm, độ dày túi vải 1,8mm x chiều cao túi vải 2500mm		
Ống khói	Số lượng: 1 Chiều cao: 26m Đường kính D1390/D960mm	Số lượng: 1 Chiều cao: 18m Đường kính phi 540÷1000mm	Việt Nam	1

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

2.5. Khí thải từ máy phát điện dự phòng

Thông số của máy phát điện dự phòng được thể hiện tại bảng như sau:

Bảng 3.6. Thông số của máy phát điện dự phòng

TT	Công suất máy phát điện (KVA)	Số lượng	Thông số và số lượng ống thoát
1	1100	1	- Đường kính: 350mm - Chiều cao tính từ mặt đất lên miệng ống thoát: 5m - Số lượng: 1 cái

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

Để giảm thiểu ô nhiễm do bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng, Công ty đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Máy phát điện dự phòng được đặt trong phòng cách âm;
- Nền móng đặt các máy phát điện được xây dựng bằng bê tông có chất lượng cao;
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy phát điện để giảm độ rung;
- Lắp đặt bộ phận giảm thanh cho các máy phát điện;
- Kiểm tra độ cân bằng của máy phát điện và hiệu chỉnh nếu cần thiết;
- Bảo dưỡng các máy phát điện định kỳ;
- Sử dụng nguyên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp (S = 0,05%);
- Phát tán khí thải bằng ống khói cao qua mái nhà bảo vệ, cao 10m đường kính 0,15m để không ảnh hưởng đến môi trường không khí mặt đất.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 104 kg/ngày, được ước tính dựa trên cơ sở sau:

- Hệ số phát thải chất thải rắn sinh hoạt tỉnh Bình Phước: 0,52 kg/người/ngày (Căn cứ: Bộ Tài nguyên và Môi trường, Báo cáo hiện trường môi trường quốc gia năm 2019 chuyên đề Quản lý chất thải rắn sinh hoạt, NXB Dân Trí, 2020).
- Số lượng công nhân làm việc tại Nhà máy: 200 người.

Để giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt tại Nhà máy, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Trong quá trình sản xuất hiện nay Công ty đã bố trí nhiều nơi trong văn phòng và khuôn viên nhà xưởng các thùng chứa rác bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 20, 120, 240 Lít để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Dự án.
- Rác sinh hoạt sẽ được thu gom hằng ngày vào thời điểm tan ca chiều; Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị là Công Ty TNHH MTV TM DV Phạm Thịnh để thu gom và xử lý theo hợp đồng số 0108.2022/HĐKT-JPBP ngày 01/08/2022 (Hợp đồng đính kèm phụ lục).

3.2. Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại

Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phát sinh trong giai đoạn 1 khoảng 2.176,55 kg/ngày tương đương 13.059 kg/tuần.

Để giảm thiểu tác động do chất thải rắn công nghiệp không nguy hại của quá trình vận hành, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn của quá trình sản xuất phát sinh;
- Toàn bộ lượng rác thải rắn sản xuất bao gồm giấy, carton, bao bì nilon, bao bì chứa đựng nguyên vật liệu, sản phẩm, nguyên liệu phế phẩm; dây buộc bao bì, pallet gỗ hỏng,… khi đi vào hoạt động sẽ được thu gom, cột thành cục hoặc đóng bao đối với sản phẩm, nguyên liệu hư hỏng, rơi vãi cho vào các thùng rác HDPE 660 lít và lưu chứa tại nhà chứa CTR sản xuất.
- Đối với dầu cá, dầu thực vật: Nhà máy có bố trí các bồn chứa chất lỏng, chủ yếu nhập chất lỏng dạng xe bồn và bơm vào bồn chứa để phục vụ sản xuất. Trường hợp có nhập dầu cá, dầu thực vật dạng các tank nhỏ, khi sử dụng hết sẽ được Nhà máy thu gom tập trung tại khu vực bồn chứa chất lỏng và trả lại cho nhà cung cấp. Tại khu vực này Công ty cam kết sẽ đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, hạn chế tối đa việc rỏ rỉ chất lỏng gây ô nhiễm môi trường.
- Đối với tro xỉ lò hơi: Nhà máy thu gom đóng bao và lưu chứa một góc bên trong nhà lò hơi với diện tích khoảng 20 – 30m^2 đảm bảo hợp vệ sinh, không để bụi phát tán ra môi trường và nước mưa tràn vào làm phát sinh nước thải gây ô nhiễm môi trường xung quanh; hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.
- Các loại chất thải này được lưu trữ trong nhà chứa chất thải rắn công nghiệp không nguy hại, diện tích 15m x 10m = 150m^2. Kết cấu kho chứa: mái tôn, vách xây gạch trát xi măng, có cửa khóa, nền bê tông chống thấm, các thùng rác được dán nhãn để phân loại chất thải.

- Để đảm bảo thu gom lượng chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phát sinh, Công ty bố trí thùng rác loại 660 lít tại kho chứa. Số lượng thùng rác dự kiến đặt: 145 thùng. Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị là Công ty TNHH TM – DV Phúc Thiện để thu gom và xử lý theo hợp đồng số 0107/JAPFA-BP ngày 01/07/2022 (Hợp đồng đính kèm phụ lục).

3.3. Chất thải nguy hại

❖ **Khối lượng**

CTNH phát sinh chủ yếu từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng dây chuyền sản xuất, hoạt động văn phòng,... CTNH có thành phần như: bóng đèn huỳnh quang, dầu nhớt thải, giẻ lau nhiễm dầu nhớt thải, hộp mực in thải,... khối lượng ước tính trong giai đoạn 1 khoảng 39,5kg/tháng.

Khối lượng chất thải nguy hại của Dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.7. Số lượng và mã số chất thải nguy hại phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/tháng)
1	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	3
2	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	0,5
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	1
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	25
5	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	18 01 02	4
6	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03	3
7	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác (chai thủy tinh đựng hóa chất)	Rắn	18 01 04	3
	Tổng cộng			**39,5**

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

Ngoài ra, trong quá trình hoạt động còn phát sinh một lượng bùn từ HTXLNT của Nhà máy xử lý sơ bộ trước khi đấu nối về HTXLNT tập trung của KCN Minh Hưng – Sikico, với khối lượng phát sinh khoảng 30kg/ngày.

❖ **Biện pháp lưu trữ và xử lý**

Để giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Công ty đã xây dựng 01 kho chứa có diện tích 52,42m^2 để lưu trữ chất thải nguy hại. Kết cấu kho chứa: mái tôn, vách xây gạch trát xi măng, có cửa khóa, nền bê tông chống thấm, có gờ, rãnh, rốn, các thùng rác được dán nhãn để phân loại chất thải. Trong kho bố trí các thùng chứa chuyên dụng để đựng chất thải nguy hại. Định kỳ sẽ có đơn vị có chức năng đến thu gom vận chuyển đi xử lý theo đúng các quy định hiện hành.

- Riêng đối với bùn tại hệ thống xử lý nước thải của nhà máy được lưu chứa ở bể chứa bùn sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng đến hút, vận chuyển đi xử lý theo quy định với tần suất 1 tuần/lần.
- Công ty sẽ quản lý bùn thải như là chất thải nguy hại, sau đó Công ty sẽ tiến hành gửi mẫu bùn này đi thử nghiệm, nếu như các chỉ tiêu về ngưỡng nguy hại trong loại bùn này không thuộc chất thải nguy hại theo QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước, Công ty sẽ tiến hành có biện pháp quản lý loại bùn thải này như là chất thải rắn thông thường.
- Thu gom, phân loại và lưu giữ trong khoảng 12 thùng chứa có thể tích 120L, bằng nhựa HPDE, có nắp đậy kín, dán nhãn sau đó chuyển về nhà chứa chất thải nguy hại theo đúng quy định. Toàn bộ lượng chất thải này được ký hợp đồng thu mua với đơn vị có chức năng để thu gom xử lý.
- Bố trí công nhân thường xuyên kiểm tra, giám sát việc lưu giữ, quản lý CTNH, việc vận chuyển CTNH phải có chứng từ theo quy định.

Công ty thực hiện đúng các yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý đối với chủ nguồn thải CTNH theo đúng yêu cầu kỹ thuật của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị là Công Ty Cổ Phần Môi Trường Miền Đông để thu gom và xử lý theo hợp đồng số 08.2022/HĐDV-RNH-JFBP ngày 01/08/2022 (Hợp đồng đính kèm phụ lục).

4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Trong quá trình hoạt động của dự án, nguồn phát sinh tiếng ồn không đáng kể, chủ yếu là tiếng ồn từ phương tiện vận chuyển, quạt hút, máy bơm, máy phát điện. Để giảm thiểu hơn nữa tiếng ồn phát sinh, một số biện pháp giảm ồn được đề xuất như sau:

- Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật;
- Gia cố nền móng để giảm độ rung và tiếng ồn;
- Lắp đệm chống rung cho các máy móc thiết bị có độ rung cao;
- Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ xe tải và máy phát điện);
- Máy phát điện được đặt trong phòng cách ly cách xa khu vực nhà kho, máy được đặt trên giá đỡ có các chân đệm bằng cao su, gỗ nhằm hạn chế tiếng ồn;
- Thường xuyên bảo dưỡng trang thiết bị;
- Xưởng sản xuất được bao che xung quanh, hạn chế tối đa âm thanh máy móc, thiết bị phát ra bên ngoài;
- Khu vực văn phòng làm việc được lắp đặt các cửa kính để hạn chế bụi và tiếng ồn do quá trình sản xuất gây ra;
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp sản xuất;

- Riêng đối với các khu vực phát sinh tiếng ồn lớn như khu vực máy nghiền, máy sàng, chúng tôi trang bị nút bịt tai cho công nhân và treo các biển báo "khu vực có mức ồn cao" để công nhận biết, đồng thời có kế hoạch thay ca cho các công nhân tại các vị trí này, hạn chế công nhân tiếp xúc lâu tại vị trí gây ồn cao;
- Xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm khi vào Nhà máy phải hạn chế tốc độ, tắt máy khi chờ hàng hoặc bốc dỡ nguyên liệu; phân công cán bộ điều khiển xe ra vào Nhà máy tránh trường hợp bị ùn tắc;
- Trồng cây xanh xung trong phạm vi Nhà máy, đảm bảo tỷ lệ cây xanh theo tỷ lệ yêu cầu.

5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

5.1. Hệ thống xử lý nước thải

a. Phương án phòng ngừa sự cố

Để phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành, và bảo trì, bảo dưỡng HTXLNT;
- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn;
- Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng. Trong trường hợp sự cố thiết bị, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố;
- Ngưng hoạt động sản xuất nếu hệ thống xử lý nước thải không có khả năng xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép.
- Thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn nước, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn;

b. Phương án ứng phó sự cố

- Khi phát hiện sự cố rò rỉ đường ống, tiến hành thay thế đường dẫn bị hư hỏng trong thời gian sớm nhất. Sử dụng men vi sinh pha chế theo nồng độ để giảm mùi hôi. Sau khi khắc phục xong sự cố mới sử dụng.
- Công ty sẽ nhanh chóng kiểm tra và khắc phục lỗi hệ thống xử lý nước thải trước khi đưa hệ thống xử lý nước thải vận hành trở lại.
- Trong trường hợp thời gian khác phục dài, Nhà máy sẽ dừng tạm thời các quy trình sản xuất, các công trình có liên quan đến việc phát sinh nước thải sản xuất. Nhà máy sẽ chỉ hoạt động sản xuất bình thường trở lại sau khi khắc phục xong sự cố hệ thống.

5.2. Hệ thống xử lý khí thải lò hơi

Để phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải lò hơi, Công ty đã thực hiện các biện pháp như sau:

a. Phương án phòng ngừa sự cố

- Tiến hành bảo dưỡng định kỳ nhằm duy trì hiệu suất lò hơi và sự hoạt động hiệu quả của lò hơi;
- Tuân thủ hướng dẫn vận hành lò hơi;
- Van an toàn luôn duy trì trong tình trạng hoạt động tốt;
- Kiểm tra thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống xử lý khí thải.
- Giũ bụi định kỳ và thay mới túi vải.

b. Phương án ứng phó sự cố

- Dừng và kiểm tra tình trạng lò ngay khi phát hiện dấu hiệu bất thường;
- Nhà máy sẽ tạm ngưng sản xuất nếu lò hơi gặp sự cố;
- Nhà máy sẽ nhanh chóng kiểm tra và khắc phục lỗi lò hơi trước khi vận hành trở lại;
- Vận hành theo yêu cầu thiết kế;
- Kiểm tra thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên;

5.3. Phòng cháy chữa cháy

Để giảm phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

a. Phương án phòng ngừa sự cố

- Thiết lập khoảng cách ly an toàn của kho chứa nguyên liệu, kho thành phẩm với các công trình khác hoặc khu vực sản xuất. Sắp xếp bố trí nguyên vật liệu theo thứ tự, dễ bảo quản, vận chuyển và sử dụng. Lập kế hoạch sử dụng để tránh tồn kho nhiều dễ phát sinh cháy nổ mùa nắng nóng;
- Cần định rõ khu nhà kho, khu trữ nguyên liệu đảm bảo vệ sinh công nghiệp, dọn sạch khi vận chuyển nguyên vật liệu và khi lắp đặt máy móc thiết bị cần thiết phải thực hiện hệ thống thông gió để giảm nồng độ chất gây cháy, giảm nhiệt độ không khí cũng như cách ly các bảng điện, tủ điện điều khiển,... Đồng thời trong các giai đoạn công nghệ cần lưu ý tiếp đất cho các thiết bị;
- Đã đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống cảnh báo tự động đảm bảo đúng quy định; thiết lập các hệ thống báo cháy, đèn hiệu và thông tin tốt, các phương tiện và thiết bị chữa cháy hiệu quả;
- Trang bị đầy đủ trang thiết bị sẵn sàng ứng phó với sự cố cháy nổ: cát chữa cháy, bình khí CO_2 và bình bọt cầm tay tại các khu vực dễ phát sinh cháy nổ như kho chứa hóa chất, kho chứa nguyên liệu vải, khu vực lưu trữ CTNH để kịp thời ngăn chặn khi có đám cháy nhỏ phát sinh;

- Có phương án PCCC và đội PCCC của Nhà máy được phân công nhiệm vụ và trách nhiệm khi có sự cố cháy nổ;
- Tập huấn và đào tạo cho đội PCCC của Nhà máy và định kỳ 1 lần/năm diễn tập PCCC cho toàn bộ công nhân trong nhà máy;
- Thường xuyên kiểm tra các trang thiết bị, đến niên hạn thay mới phải lập kế hoạch thay mới, tránh trường hợp khi có sự cố cháy nổ lại không sử dụng được;
- Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và tuân thủ các qui định về Phòng cháy Chữa cháy của tỉnh Bình Phước.

b. Phương án ứng phó sự cố

- *Dập lửa*: Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại các công trường và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như: bình chữa cháy, nước để dập lửa.
- Khi xảy ra sự cố cháy nổ tại nhà máy: đặc biệt tại các khu vực cháy có liên quan đến hóa chất, nhanh chóng khóa hoặc chặn hệ thống thoát nước mưa, nhằm hạn chế khả năng nước sau quá trình dập lửa có thể nhiễm hoá chất, chảy vào hệ thống thoát nước mưa. Đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình chữa cháy được dẫn về hệ thống thu gom nước thải để xử lý.
- *Dọn dẹp*: Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.
- *Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm*: Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó chủ đầu tư sẽ cùng với cơ quan hữu quan sẽ cùng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra Chủ đầu tư sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phần cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

5.4. Biện pháp giảm thiểu tai nạn lao động

Để đảm bảo an toàn lao động trong Nhà máy, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

a. Phương án phòng ngừa sự cố

Các biện pháp để bảo vệ an toàn lao động cho người công nhân là không thể thiếu. Vì vậy Công ty phải quan tâm đến các yếu tố vi khí hậu nhằm đảm bảo môi trường lao động an toàn và hợp vệ sinh cho công nhân như sau:

- Thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra để không xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy vận hành sử dụng an toàn thiết bị;
- Toàn bộ máy móc thiết bị sẽ được kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch để bảo đảm luôn ở tình trạng tốt;

- Về an toàn kỹ thuật điện: Công ty sẽ chú trọng công tác thực hiện các biện pháp an toàn kỹ thuật tại các bộ phận của các phân xưởng. Tất cả các bộ phận đều có bảng nội quy an toàn kỹ thuật điện tại nơi làm việc, đảm bảo công nhân phải tuân thủ đúng nội quy;
- Đào tạo định kỳ về an toàn lao động;
- Trang bị đầy đủ các phục trang cần thiết về an toàn lao động và hạn chế những tác hại cho sức khỏe công nhân. Các trang phục này bao gồm: quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay, kính bảo vệ mắt, ủng...
- Ngoài ra, trong những trường hợp cần thiết phải sử dụng thêm quạt thông gió để làm thoáng và mát cục bộ;
- Điều kiện về ánh sáng và tiếng ồn cũng cần được tuân thủ chặt chẽ;
- Trong những trường hợp sự cố, công nhân vận hành phải được hướng dẫn và thực tập xử lý theo đúng quy tắc an toàn. Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố cần được chỉ thị rõ ràng: địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: bệnh viện, cứu hỏa...

b. Phương án ứng phó sự cố

- Trang bị các dụng cụ và thiết bị cần thiết cho việc sơ cấp cứu người bị tai nạn lao động;
- Ghi rõ các địa chỉ liện hệ cần thiết như người liên hệ trong trường hợp khẩn cấp, trạm xá, bệnh viện,…. tại vị trí dễ thấy để liên hệ;
- Tiến hành sơ cấp cứu cho người bị tai nạn hoặc chuyển người bị nạn đến trạm xá, bệnh viện gần nhất hoặc gọi cấp cứu để kịp thời cứu chữa người bị nạn.

Nhà máy cũng tổ chức bộ phận sơ cứu tai nạn, bố trí phòng y tế ngay tại nhà máy và ký hợp đồng chăm sóc sức khỏe với cơ sở y tế tại địa phương, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân làm việc tại nhà máy. Bố trí cán bộ an toàn vệ sinh lao động làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

5.5. Sự cố rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ hóa chất

a. Phương án phòng ngừa sự cố

Để phòng ngừa sự cố rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ hóa chất trong Nhà máy, Công ty đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu, cụ thể như sau:

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn khi vận chuyển. Tránh chất đống bừa bãi trong quá trình vận chuyển. Những thùng chứa chất lỏng dễ cháy phải được sắp xếp một cách có khoa học để đảm bảo chống va đập và ngăn chặn sự phát sinh lửa do chính chất lỏng tạo ra;
- Thường xuyên kiểm tra các phương tiện khi vận chuyển, đảm bảo phương tiện không làm hỏng thùng chứa hóa chất. Phải kiểm tra trên xe có đinh hoặc vật sắc nhọn;
- Hóa chất được lưu trữ thích hợp trong khu vực chứa, lập kế hoạch để việc lưu kho hóa chất tối thiểu;

- Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình lưu trữ và sử dụng các loại hóa chất theo hướng dẫn của nhà sản xuất;
- Khi làm việc với hóa chất, công nhân phải mang bảo hộ lao động phù hợp như khẩu trang, kính, găng tay…
- Lựa chọn nhà cung cấp hóa chất uy tín, đảm bảo chất lượng hóa chất và bao bì an toàn, không rách, thủng trong quá trình di chuyển;
- Công nhân quản kho và trực tiếp sử dụng hóa chất được huấn luyện an toàn hóa chất theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP;
- Thông tin về hóa chất được thông báo đầy đủ và có sẵn ở nơi dễ thấy.
- Lắp đặt dấu hiệu cảnh báo đối với các hóa chất độc hại, dễ cháy đồng thời lắp đặt nội dung sơ cấp cứu trong khu vực nhà máy để thực hiện khi cần thiết.
- Trang bị tủ thuốc và dụng cụ sơ cấp cứu trong khu vực Nhà máy.
- Niêm yết địa chỉ, số điện thoại liên hệ cấp cứu khi cần thiết.

Việc lưu trữ, sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

b. Phương án ứng phó sự cố

- Nhanh chóng thu gom toàn bộ lượng hóa chất rò rỉ, rơi vãi để tái sử dụng sản xuất. Khu vực sản xuất được đảm bảo sạch sẽ để hóa chất rò rỉ, rơi vãi sau khi thu gom có thể tái sử dụng được.
- Nhanh chóng sơ tán công nhân ra khỏi nơi rò rỉ, tràn đổ hóa chất để tiến hành thu gom hóa chất.
- Công nhân thu gom được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động khi tiếp xúc với hóa chất trong quá trình ứng cứu.
- Sơ cấp cứu cho công nhân nhiễm độc nếu có theo quy trình sơ cấp cứu đã được ban hành và nhanh chóng chuyển công nhân đến bệnh viện gần nhất.

Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

- Dùng các vật liệu thấm hút: vải, mút xốp, cát,....
- Thông gió diện tích tràn đổ hóa chất và khoanh vùng xảy ra sự cố.
- Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ trước khi tiến hành thu gom, xử lý.
- Thu hồi hóa chất tràn đổ vào thùng chứa chất thải hóa học kín.
- Hóa chất tràn đổ và vật liệu dùng để thu gom hóa chất phải được chuyển cho đơn vị có chức năng xử lý chất thải nguy hại xử lý.

Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

- Khi phát hiện sự cố tràn đổ, người phát hiện nhanh chóng ngăn chặn đầu nguồn tràn, vây xung quanh hóa chất bị tràn đổ, không cho hóa chất lan rộng, chảy xuống hệ thống cống nước mưa. Đồng thời báo cho ban giám đốc và phòng an toàn lao động để được hỗ trợ xử lý.

- Quản lý báo động sơ tán những người không phận sự ra khỏi khu vực sự cố. Nếu có người bị nạn thì phải di chuyển ngay lập tức nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm, tiến hành sơ cấp cứu rồi chuyển xuống phòng y tế cơ sở.
- Công nhân viên được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ mới được tham gia xử lý sự cố. Dùng những thiết bị thích hợp như bơm tay, bơm máy, dụng cụ khác,.... để thu hóa chất vào trong thùng chứa.
- Ngăn không cho hóa chất tác động lên nhau gây cháy, nổ.
- Dùng dây bao quanh khu vực sự cố treo biển "Cấm đến gần".
- Phòng an toàn lao động điều tra nguyên nhân, đưa ra phương pháp cải thiện và ngăn chặn tái phát sinh, lưu giữ hồ sơ liên quan và rút kinh nghiệm sau này.

Ứng phó khi bị ngộ độc hóa chất

- Nếu hít phải khí độc: Cần đưa nạn nhân đến nơi thoáng khí, có đầy đủ oxy để nạn nhân nhanh chóng đào thải chất độc ra khỏi cơ thể. Nếu trường hợp nạn nhân có triệu chứng khó thở/thở gấp thì cần hô hấp nhân tạo. Sau đó, đưa nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất để khám sức khỏe.
- Nếu nuốt phải hóa chất: Cần loại bỏ tất cả tạp chất còn trong miệng của nạn nhân hoặc nhanh chóng đưa đi cấp cứu để rửa ruột.

5.6. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố mối mọt

a. Phương án phòng ngừa sự cố

- Đảm bảo nguyên liệu nhập về Công ty đạt yêu cầu về độ ẩm; kho lưu chứa thông thoáng không bị ẩm ướt.
- Thường xuyên thực hiện các công tác bảo quản nguyên liệu, sản phẩm như: thường xuyên vệ sinh, có biện pháp chống mối mọt bằng cách định kỳ phun thuốc chống mối mọt – loại thuốc này là thuốc có tên trong danh sách được phép sử dụng,....
- Định kỳ 03 tháng/lần (tần suất này sẽ thay đổi tùy thuộc vào chất lượng nguyên liệu, trường hợp mối mọt phát sinh sớm hơn Công ty sẽ thực hiện phun trùng ngay không để phát sinh nhiều) thực hiện công tác phun thuốc sát trùng, khử trùng để ngăn ngừa mối mọt.
- Lắp đặt cửa chắn tại các lối ra vào của kho chứa nguyên liệu để hạn chế mối mọt từ bên ngoài bay vào hoặc để tối ưu hơn Công ty sẽ lắp hệ thống đèn xử lý mối mọt từ bên ngoài bay vào.

b. Phương án ứng phó sự cố

- Khi xảy ra sự cố trong quá trình sản xuất, công ty sẽ di dời nguyên liệu, sản phẩm khỏi nơi có mối mọt, cách ly và khoanh vùng bị mối mọt, tránh ảnh hưởng đến nguyên liệu và sản phẩm của Công ty và thuê đơn vị có chức năng thực hiện ngay biện pháp sát trùng, khử trùng để tiêu diệt. Các loại thuốc sử dụng đều nằm trong danh mục cho phép theo quy định hiện hành.

- Thu gom lượng nguyên liệu, sản phẩm bị hư hỏng do mối mọt không thể tái sử dụng, thuê đơn vị chức năng xử lý theo quy định, không đưa nguyên liệu bị hỏng vào sản xuất thức ăn gia súc.

5.7. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố rò rỉ nguyên liệu dạng lỏng

a. Phương án phòng ngừa sự cố

- Xây dựng phương án khắc phục các sự cố có khả năng xảy ra trong Nhà máy, tuyên truyền và thông báo đến tất cả các nhân viên, lao động làm việc.
- Tăng cường công tác kiểm tra, theo dõi đường ống dẫn nguyên liệu dạng lỏng và lượng hơi nhiệt cấp vào bồn chứa để hòa tan một số chất trong nguyên liệu hỗn hợp.
- Các đường ống dẫn nguyên liệu lỏng từ bồn chứa sử dụng ống dẫn chuyên dụng, thiết kế lắp đặt đúng yêu cầu kỹ thuật tránh rò rỉ ra nhà xưởng.

b. Phương án ứng phó sự cố

- Khi xảy ra sự cố, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp khắc phục như sau: Tạm thời ngừng cấp nguyên liệu cho bồn chứa nguyên liệu dạng lỏng để khắc phục sửa chữa, chuyển qua chế độ hòa tan nguyên liệu lỏng bằng thủ công và đổ vào bồn định lượng để duy trì quá trình sản xuất.
- Nếu bị hỏng van thì tiến hành thay van hoặc thay 1 đoạn đường ống dẫn bị rò rỉ.

6. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Trong quá trình xây dựng và lắp đặt thiết bị, Công ty nhận thấy việc cần thay đổi một vài thông số kỹ thuật của hệ thống lọc bụi túi vải và hệ thống xử lý khí thải lò hơi nhằm phù hợp hơn cho quá trình sản xuất của Dự án sau này. Các nội dung thay đổi được trình bày cụ thể trong bảng sau:

Bảng 3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt ĐTM

TT	Nội dung thay đổi	Phương án đề đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh thay đổi đã thực hiện	Đánh giá sự thay đổi
1	Hệ thống lọc bụi túi vải tại khu vực nạp liệu và đóng gói	- 02 hệ thống - Lưu lượng quạt hút: 4.800m^3/h/hệ thống. - Tổng công suất 2 hệ thống: 9.600m^3/h	- **Khu vực nạp liệu:** + 03 hệ thống + Công suất: 22.000 m^3/h/hệ thống + Tổng công suất 3 hệ thống: 66.000m^3/h - **Khu vực đóng bao** + 01 hệ thống + Công suất: 12.000 m^3/h	Khu vực nạp liệu và đóng bao không thay đổi về tiết diện phát sinh chất. Trong quá trình xây dựng và lắp đặt thiết bị máy móc của dự án. Công ty thay đổi số lượng và công suất của hệ thống lọc bụi túi vải. Tuy nhiên, tại khu vực nạp liệu và đóng bao không thay đổi về tiết

TT	Nội dung thay đổi	Phương án đề đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh thay đổi đã thực hiện	Đánh giá sự thay đổi
				diện, cũng như không thay đổi công suất sản sản xuất. Do đó, tải lượng và nồng độ bụi phát sinh từ 2 khu vực này không thay đổi. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao hiệu quả xử lý bụi triệt để hơn, giảm chi phí thất thoát nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra từ quá trình nạp liệu và đóng bao cũng như dự phòng trong quá trình gặp sự cố thiết bị. Vì vậy, Công ty tiến hành đầu tư thêm số lượng và tăng công suất của hệ thống lọc bụi túi vải.
2	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi 10 tấn/giờ	- Thông số quạt hút: + Công suất: 75 Kw + Lưu lượng: 30.000 m^3/giờ. - Thông số ống khói: + Chiều cao: 26m + Đường kính: D1.390/D960mm	- Thông số quạt hút: + Công suất: 30 kW + Lưu lượng: 15.000 m^3/giờ. - Thông số ống khói: + Chiều cao: 18m + Đường kính: D1.000mm/ D540	Để tăng tuổi thọ cho lò hơi và giảm chi phí lắp đặt, Công ty đã tham khảo sự tư vấn của đơn vị lắp đặt lò hơi. Công ty sẽ không vận hành tối đa công suất hoạt động lò. Do đó, Công ty xin thay đổi thông số của hệ thống xử lý khí thải lò hơi. Đồng thời, với sự thay đổi này sẽ góp phần giảm nồng độ phát thải chất ô nhiễm đến môi trường.

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

Công ty tiến hành tăng số lượng, công suất xử lý của hệ thống lọc bụi túi vải và thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải lò hơi nhưng không thay đổi phương án xử lý cũng như tải lượng bụi, khí thải phát sinh so với Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường ngày 01/10/2021 trước khi đi vào vận hành thử nghiệm. Do đó, căn cứ theo điểm a, khoản 4 điều 37 của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Chính Phủ. Công ty xin Cơ quan nhà nước chấp thuận sự thay đổi này trong nội dung báo cáo cấp giấy phép môi trường. Công ty cam kết không thay đổi công suất sản suất làm tăng tác động xấu đến môi trường và luôn tuân thủ, chấp hành đúng qui định của pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực môi trường.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất phát sinh từ dự án sau khi xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT sẽ được đấu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Sikico để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì Dự án không thuộc đối tượng xin cấp phép đối với nước thải. *(Hợp đồng đấu nối với KCN đính kèm phụ lục)*.

1. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với nước thải: Không có

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

a. Nguồn phát sinh khí thải: 03 nguồn

- Nguồn thải 1: Khí thải tại 01 ống khói thải lò hơi công suất 10 tấn/giờ.
- Nguồn thải 2: Khí thải tại 03 ống khói thải hệ thống xử lý bụi tại khu vực nạp liệu.
- Nguồn thải 3: Khí thải tại 01 ống ống khói thải hệ thống xử lý bụi tại khu vực đóng bao.

b. Lưu lượng xả khí tối đa:

- Nguồn thải 1: Lưu lượng 15.000 m^3/giờ.
- Nguồn thải 2: Lưu lượng 66.000 m^3/giờ.
- Nguồn thải 3: Lưu lượng 12.000 m^3/giờ.

c. Dòng khí thải

- 01 dòng khí thải từ HTXL khí thải tại ống khói thải lò hơi công suất 10 tấn/giờ.
- 03 dòng khí thải từ HTXL xử lý bụi tại khu vực nạp liệu công suất 66.000 m^3/giờ.
- 01 dòng khí thải từ HTXL xử lý bụi tại khu vực đóng bao công suất 12.000 m^3/giờ.

d. Các chất ô nhiễm và giá trị tới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

- Khí thải từ HTXL khí thải tại ống khói thải lò hơi công suất 10 tấn/giờ:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm trong khí thải và giá trị giới hạn của khí thải

TT	Thông số	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B
1	Lưu lượng	-
2	Bụi	200
3	NO_x	850
4	SO_2	500
5	CO	1.000

- Khí thải từ HTXL khí thải tại ống khói thải hệ thống xử lý bụi:

Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của khí thải

TT	Thông số	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B
1	Lưu lượng	-
2	Bụi	200

❖ **Vị trí, phương thức xả khí thải:**

- Vị trí xả khí thải tại ống thoát của HTXL khí thải tại ống khói thải lò hơi công suất 10 tấn/giờ**:** X=1161703, Y=571460.

Khí thải từ lò hơi công suất 10 tấn/giờ được xử lý qua hệ thống xử lý khí thải trước khi thải ra môi trường thông qua các ống thoát. Quy trình xử lý của hệ thống xử lý được trình bày như sau: Khí thải -> Cyclone -> Lọc bụi túi vải -> Quạt hút -> Ống thoát.

- Vị trí xả khí thải ống thoát của HTXL xử lý bụi:

Bảng 4.3. Vị trí xả khí thải tại các ống thoát HTXL bụi

TT	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ X (m)	Tọa độ Y (m)
1	Khí thải tại vị trí ống thoát khí từ hệ thống xử lý bụi khu vực nạp liệu – Máy 1	1249080	509124
2	Khí thải tại vị trí ống thoát khí từ hệ thống xử lý bụi khu vực nạp liệu – Máy 2	1249080	509124
3	Khí thải tại vị trí ống thoát khí từ hệ thống xử lý bụi khu vực nạp liệu – Máy 3	1249080	509124
4	Khí thải tại vị trí ống thoát khí từ hệ thống xử lý bụi khu vực đóng bao	1249062	509154

Khí thải từ HTXL bụi tại khu vực nạp liệu và khu vực đóng bao được xử lý qua hệ thống xử lý bụi trước khi thải ra môi trường thông qua các ống thoát. Mỗi quy trình xử lý của hệ thống xử lý được trình bày như sau: Khí thải -> Chụp hút -> Ống hút -> Lọc bụi túi vải -> Quạt hút -> Ống thoát.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: Không có

CHƯƠNG V. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải của Dự án đầu tư được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 5.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
1	Hệ thống xử nước thải công suất 100m^3/ngày.đêm	11/2022	02/2023	51,96 m^3/ngày
2	Hệ thống xử khí thải lò hơi 10 tấn/giờ	11/2022	02/2023	15.000 m^3/giờ
3	03 hệ thống xử lý bụi tại khu vực nạp liệu	11/2022	02/2023	66.000 m^3/giờ
4	01 hệ thống xử lý bụi tại khu vực đóng bao	11/2022	02/2023	12.000 m^3/giờ

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải của công trình trước khi thải ra môi trường

a. Nước thải

Căn cứ Khoản 5, Điều 21, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Công ty thuộc đối tượng thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải.

Thời gian dự kiến lấy mẫu nước thải: 01/12/2022 – 03/12/2022; Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu nước thải trước khi thải ra môi trường được trình bày như sau:

Bảng 5.2. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu nước thải trước khi thải ra môi trường

STT	Tên mẫu, vị trí lấy mẫu	Thông số phân tích	Số lần lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu
1	Nước thải tại hố ga đấu nối nước thải vào KCN	Lưu lượng, pH, TSS, COD, BOD_5, Tổng N, Tổng P, tổng dầu mỡ động thực vật, Coliform	3	- 01/12/2022 - 02/12/2022 - 03/12/2022

❖ **Khí thải**

Căn cứ Khoản 5, Điều 21, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Công ty thuộc đối tượng thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý khí thải.

Thời gian dự kiến lấy mẫu khí thải: 01/12/2022 – 03/12/2022; Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu khí thải trước khí thải ra môi trường được trình bày như sau:

Bảng 5.3. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu khí thải trước khi thải ra môi trường

STT	Tên mẫu, vị trí lấy mẫu	Thông số phân tích	Số lần lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu
1	Hệ thống xử khí thải lò hơi 10 tấn/giờ	Lưu lượng, bụi, CO, SO_2, NO_x	3	- 01/12/2022 - 02/12/2022 - 03/12/2022
2	03 hệ thống xử lý bụi tại khu vực nạp liệu	Lưu lượng, bụi	3	- 01/12/2022 - 02/12/2022 - 03/12/2022
3	01 hệ thống xử lý bụi tại khu vực đóng bao	Lưu lượng, bụi	3	- 01/12/2022 - 02/12/2022 - 03/12/2022

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

- Tên công ty: Công ty CP đầu tư phát triển môi trường Đại Việt (DVE)
- Đại diện: Bà Phan Thanh Quí - Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Địa chỉ liên lạc: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P.Thạnh Lộc, Q.12, TP.HCM.
- Điện thoại: 028.37010199 - Fax: 028.37010198
- Email: daiviet@dve.vn

- Điều kiện năng lực: *(hồ sơ đính kèm phụ lục)*

- Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường với mã số chứng nhận VIMCERTS 066 kèm theo quyết định số 386/QĐ-BTNMT cấp ngày 04 tháng 03 năm 2021 về việc đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.
- Chứng nhận VILAS số hiệu VILAS 718 của Bộ Khoa học và công nghệ - Văn phòng công nhận chất lượng kèm theo quyết định số 660.2020/QĐ-VPCNCL ngày 11 tháng 08 năm 2020 về việc công nhận phòng thí nghiệm phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a. Giám sát nước thải

Căn cứ tại khoản 2, điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, công trình xử lý nước thải của Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ. Tuy nhiên, nhằm đảm bảo chất lượng nước thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi đấu nối vào HTXL nước thải tập trung của KCN Minh Hưng – Sikico, Công ty sẽ thực hiện chương trình giám sát nước thải như sau:

- Vị trí giám sát: Nước thải tại hố ga đấu nối nước thải vào KCN.
- Thông số giám sát: pH, TSS, COD, BOD_5, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy định áp dụng: Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng – Sikico – QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

b. Giám sát khí thải

- Vị trí giám sát: 05 vị trí

+ 01 vị trí ống khói thải lò hơi công suất 10 tấn/giờ.

+ 03 vị trí ống khói thải hệ thống xử lý bụi tại khu vực nạp liệu.

+ 01 vị trí ống khói thải hệ thống xử lý bụi tại khu vực đóng bao.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.
- Thông số:

+ 01 vị trí ống khói thải lò hơi công suất 10 tấn/giờ: Lưu lượng, Bụi, CO, NO_x, SO_2.

+ 03 vị trí ống khói thải hệ thống xử lý bụi tại khu vực nạp liệu: Lưu lượng, Bụi.

+ 01 vị trí ống khói thải hệ thống xử lý bụi tại khu vực đóng bao: Lưu lượng, Bụi.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

c. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt.
- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và chứng từ.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

d. Giám sát chất thải rắn công nghiệp không nguy hại

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải công nghiệp không nguy hại.
- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và chứng từ.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

e. Giám sát chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và chứng từ.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

Về chất thải, Công ty sẽ tiếp tục ký kết hợp đồng với các đơn vị chức năng để chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại, chất thải nguy hại xử lý theo đúng quy định hiện hành.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ tại khoản 2, điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, công trình xử lý nước thải của Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

Căn cứ tại khoản 2, điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, công trình xử lý khí thải của Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục.

Vì vậy, Dự án không thực hiện chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Bảng 5.4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

STT	Nội dung	Đơn vị	Chi phí
1	Quan trắc khí thải	triệu đồng/năm	12
2	Quan trắc nước thải	triệu đồng/năm	4
3	Giám sát chất thải rắn sinh hoạt	triệu đồng/năm	0,8

STT	Nội dung	Đơn vị	Chi phí
4	Giám sát chất thải rắn công nghiệp không nguy hại	triệu đồng/năm	0,8
5	Giám sát chất thải nguy hại	triệu đồng/năm	0,8
Tổng cộng		**Triệu đồng**	**18,4**

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, 2022

CHƯƠNG VI
CAM KẾT CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Nội dung của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án: "Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản, công suất 480.000 tấn/năm – Giai đoạn 1: Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, công suất 240.000 tấn/năm" được thực hiện theo tình hình thực tế của cơ sở. Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

2. Cam kết về việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

- Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam cam kết dự án sẽ xử lý môi trường đạt QCVN quy định về không khí, nước thải không ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng cũng như các hoạt động kinh tế - xã hội khác trong khu vực lân cận.
- Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam cam kết các nguồn gây ô nhiễm từ Dự án được phát hiện kịp thời, giám sát thường xuyên không để các nguồn này ảnh hưởng đến con người và môi trường xung quanh.
- Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam cam kết không phát sinh thêm lượng bụi trong quá trình sản xuất của Dự án sau khi thay đổi về số lượng, công suất xử lý của hệ thống lọc bụi túi vải tại 02 khu vực nạp liệu và đóng bao.
- Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam cam kết trường hợp các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường mà Công ty đã đề xuất không đảm bảo tiếp nhận, xử lý các chất thải phát sinh của quy trình sản xuất thì Công ty sẽ thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để cải tạo các công trình và thay đổi các phương pháp quản lý cho phù hợp.
- Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và chịu trách nhiệm trước Pháp luật Việt Nam nếu dự án có bất kỳ vi phạm nào về việc bảo vệ môi trường.
- Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam cam kết hoạt động của dự án tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn, Quy chuẩn về môi trường như sau:

+ Khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.
+ Nước thải đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng – Sikico – QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.
+ Công ty cam kết thực hiện báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ và trình lên cơ quan nhà nước đúng quy định.
+ Công ty cam kết thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ đúng quy định.
+ Công ty cam kết thực hiện các biện pháp ứng phó khi có sự cố môi trường xảy ra.

Thực hiện đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường theo quy định trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do triển khai dự án.

Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các công ước quốc tế, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường Việt Nam nếu xảy sự cố gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC

- Văn bản pháp lý
- Bản vẽ

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 3264563720

Chứng nhận lần đầu: Ngày 11 tháng 12 năm 2020

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: Ngày 10 tháng 6 năm 2021

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 04 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 2500175548-066 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2020 và thay đổi lần thứ nhất ngày 15 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3264563720 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 11 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước 3 nộp ngày 10 tháng 06 năm 2021,

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Chứng nhận:

Dự án đầu tư NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI VÀ THỦY SẢN; mã số dự án 3264563720 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp

lần đầu ngày 11 tháng 12 năm 2020; được đăng ký điều chỉnh lần thứ nhất: Điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án.

Nhà đầu tư:

- CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2500175548 cấp ngày 29/06/2007 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc; trụ sở đăng ký tại thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện bởi: Ông HOÀNG PHAN TẤN; sinh ngày 12/06/1946; quốc tịch Việt Nam; chứng minh nhân dân số 011395022 cấp ngày 03/10/2011 tại Công an Thành phố Hà Nội; địa chỉ thường trú tại số 15, phố Hàng Bè, phường Hàng Bạc, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay tại số 121/192, phố Lê Trọng Tấn, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên; số điện thoại: 02113 866 170; email: secretary@japfavietnam.com.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước 3, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 2500175548-066 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2020 và thay đổi lần thứ nhất ngày 15 tháng 3 năm 2021.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI VÀ THỦY SẢN.

2. Mục tiêu dự án: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản.

3. Quy mô dự án: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản với công suất 480.000 tấn/năm. Cụ thể chia làm 02 giai đoạn như sau:

+ Giai đoạn 1: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản với công suất 240.000 tấn/năm.

+ Giai đoạn 2: Tiếp tục mở rộng triển khai thực hiện dự án sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản với công suất 240.000 tấn/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô B7-1, B7-2, B7-3, Khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

5. Diện tích mặt đất dự kiến: 103.381,8 m^2.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 529.000.000.000 VNĐ (Năm trăm hai mươi chín tỷ đồng), tương đương 23.000.000 USD (Hai mươi ba triệu đô la Mỹ).

Trong đó vốn góp để thực hiện dự án là 138.000.000.000 VNĐ (Một trăm ba mươi tám tỷ đồng), tương đương 6.000.000 USD (Sáu triệu đô la Mỹ), chiếm tỷ lệ 26% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ và phương thức góp vốn như sau:

- CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM góp 138.000.000.000

VND (Một trăm ba mươi tám tỷ đồng), tương đương 6.000.000 USD (Sáu triệu đô la Mỹ), bằng tiền mặt, chiếm 100% vốn góp.

Tiến độ góp vốn: Thực hiện theo tiến độ thực hiện dự án, và tiến độ góp vốn cho giai đoạn cuối cùng không trễ hơn Quý I/2024.

7. Thời hạn hoạt động của dự án đến ngày 30/05/2066.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- *Giai đoạn 1:* Dự án đạt công suất 240.000 tấn/năm.

+ Quý III/2021: Hoàn thành các thủ tục pháp lý.

+ Quý II/2022: Hoàn thành việc xây dựng nhà xưởng; lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành thử.

+ Quý III/2022: Đi vào hoạt động giai đoạn 1.

- *Giai đoạn 2:* Tiếp tục mở rộng triển khai thực hiện dự án với công suất 240.000 tấn/năm.

+ Quý IV/2022: Hoàn thành các thủ tục pháp lý.

+ Quý IV/2023: Hoàn thành việc xây dựng nhà xưởng; lắp đặt máy móc thiết bị và vận hành thử.

+ Quý I/2024: Đi vào hoạt động giai đoạn 2.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp và các hình thức hỗ trợ đầu tư:

Được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp và các hình thức hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành quy định về chính sách khuyến khích, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu theo quy định tại Luật Thuế xuất nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016; Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các quy định hiện hành.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước 3 phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư và mở tài khoản vốn đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Các quy định khác đối với nhà đầu tư khi thực hiện dự án: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước 3 phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về đầu tư, môi trường, xây dựng, lao động...

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3264563720 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 11 tháng 12 năm 2020.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 (ba) bản gốc;

nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản cấp cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án và 01 bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước Phước và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia,về đầu tư.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Lưu VT.

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Minh Chiến

(4/4/3264563720)

MINH HUNG SIKICO JOINT STOCK COMPANY
Group 2, Xa Cam, Hung Chien, Binh Long, Binh Phuoc Province
(+84) 981 555 777
www.minhhungsikico.vn

MINH HUNG SIKICO

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 3

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHO THUÊ LẠI ĐẤT
TẠI KHU CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG – SIKICO
(Số: JAPFA - FM.01.2020/MOU.LSA)

Căn cứ:

- Bộ Luật Dân sự số: 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Luật Đất đai số: 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Đầu tư số: 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị Định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính Phủ quy định về quản lý Khu Công Nghiệp và khu kinh tế;
- Quyết định số: 549/QĐ-UBND ngày 23/03/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số: 3063/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico mở rộng, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số: 1970/QĐ-UBND ngày 18/07/2015 của UBND tỉnh Bình Phước về việc thành lập Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico tại Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;
- Quyết định số: 3324/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico và Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico mở rộng, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước;
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có mã số dự án: 1781864278, do Ban Quản Lý Khu Kinh Tế Bình Phước chứng nhận lần đầu cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Minh Hưng - Sikico ngày 30/05/2016 và chứng nhận thay đổi lần 1 ngày 12/12/2019;
- Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3801100876 của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 01/06/2015 và qua các lần thay đổi;
- Quyết định số 587/QĐ-BTNMT ngày 13/03/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico từ 495,8ha lên 655ha" của Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico;
- Biên Bản Ghi Nhớ số JAPFA-FM.01-2020 ngày 08/12/2020 giữa Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico và Công Ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam (sau đây gọi là "**Biên Bản Ghi Nhớ**")

Trên cơ sở nhu cầu và thỏa thuận giữa Hai Bên,

Hôm nay, ngày 14/12/2020, tại văn phòng Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng-Sikico, chúng tôi gồm có:

BÊN A (BÊN CHO THUÊ ĐẤT): CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG - SIKICO

- Địa chỉ trụ sở : Tổ 2, Khu phố Xa Cam, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long tỉnh Bình Phước, Việt Nam
- Mã số thuế : 3801100876
- Điện thoại : 0283.8999495
- Tài khoản số : 100.0242367.00001 mở tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Nam Á Chi nhánh Trung tâm
- Đại diện : Ông HUỲNH THÀNH CHUNG Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Sau đây gọi tắt là "Bên A", hoặc "Bên Cho Thuê Đất" hoặc "Chủ Đầu Tư"

BÊN B: (BÊN THUÊ LẠI ĐẤT):
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

- Địa chỉ : Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
- Mã số thuế : 2500175548
- Điện thoại : 0211 3 866 170
- Tài khoản số : 111000013505 mở tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Long An
- Đại diện : Ông ARIF WIDJAJA Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Sau đây gọi tắt là "Bên B", hoặc "Bên Thuê Lại Đất" hoặc "Nhà Đầu Tư" hoặc "Bên Thuê"

Xét rằng:

- Bên A là Chủ Đầu Tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico, tại xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi tắt là "Dự Án"), được Nhà nước cho thuê đất (trả tiền thuê đất một lần cho toàn bộ thời gian thuê) để đầu tư xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng và phát triển Khu Công Nghiệp;
- Bên B đang thực hiện thủ tục đăng ký dự án đầu tư và thành lập Chi Nhánh Mới theo pháp luật Việt Nam tại tỉnh Bình Phước, mong muốn thuê lại đất của Chủ Đầu Tư để xây dựng nhà xưởng, tổ chức sản xuất kinh doanh tại Khu Công nghiệp.
- Bên B sau khi được Bên A cung cấp, đã đọc, hiểu rõ toàn bộ hồ sơ pháp lý Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico (bao gồm cả hồ sơ quy hoạch chức năng chi tiết từng phân khu và báo cáo đánh giá tác động môi trường KCN), mong muốn được thuê lại đất để xây dựng nhà xưởng và thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh tại Khu Công Nghiệp.

Các Bên tự nguyện ký kết bản Hợp Đồng này với các điều khoản như sau:

PHẦN I: GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trừ khi ngữ cảnh quy định khác đi thì các từ viết hoa trong Hợp Đồng này và các từ, cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Khu Công Nghiệp" hay "KCN" hoặc "Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico" là Khu công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 1970/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Phước ngày 18/07/2016 về việc thành lập khu công nghiệp Minh Hưng – Sikico tại xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước, thuộc Dự Án do Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico làm Chủ Đầu Tư.
2. "Khu Đất" là bao gồm các Lô Đất được nêu tại Hợp Đồng này, có tổng diện tích 103.381,8 m^2(*Một trăm lẻ ba nghìn, ba trăm tám mươi mốt phẩy tám mét vuông*) trong Khu Công Nghiệp (đính kèm Phụ Lục 2: Sơ đồ xác định vị trí Khu Đất, theo Bản đồ địa chính do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước ban hành ngày 15/10/2019).
3. "Lô Đất" là phần diện tích mỗi thửa đất thuộc Khu Đất trong Khu Công Nghiệp, được xác định theo Điều 1, đáp ứng quy định về diện tích tối thiểu của mỗi Lô Đất và theo quy hoạch tổng thể của Khu Công Nghiệp đã được cơ quan nhà nước phê duyệt.
4. "Hợp Đồng" hoặc "Hợp Đồng Cho Thuê Lại Đất" là Hợp Đồng chính thức được ký kết giữa Bên A và Bên B và toàn bộ các Phụ lục đính kèm cũng như mọi sửa đổi, bổ sung bằng văn bản do Các Bên lập và ký kết trong quá trình thực hiện Hợp Đồng này.
5. "Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư": là giấy chứng nhận do Ban Quản Lý Khu Kinh Tế tỉnh Bình Phước cấp cho Bên B để thực hiện dự án đầu tư trong Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico.
6. "Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Chi Nhánh": là giấy chứng nhận do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của tỉnh Bình Phước cấp cho Bên B để tiến hành hoạt động kinh doanh và triển khai thực hiện dự án đầu tư theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư tại Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico.
7. "Chi Nhánh Mới" là chi nhánh của Bên B được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Chi Nhánh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của tỉnh Bình Phước cấp, để thực hiện dự án đầu tư trong Khu Công Nghiệp theo quy định pháp luật và cũng là Bên Thuê Lại Đất theo Hợp Đồng này
8. "Bên B" hoặc "Nhà Đầu Tư" hoặc "Bên Thuê Lại Đất" hoặc "Bên Thuê" được đề cập đến trong Biên Bản Ghi Nhớ và Hợp Đồng Cho Thuê Lại Đất là đề cập đến mỗi thành viên của Bên B và Chi Nhánh Mới; Bên B và các thành viên của Bên B sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới cho các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm thuộc Bên B nêu tại Hợp Đồng này.
9. "Giá Trị Quy Đổi": là giá trị bằng tiền đồng Việt Nam sau khi quy đổi từ một đồng Đô La Mỹ (USD) ra tiền đồng Việt Nam (VND). Giá Trị Quy Đổi này được xác định trên cơ sở giá Bán đồng Đô La Mỹ của Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank). Tại mỗi lần thanh toán Tiền Thuê Đất và các loại phí dịch vụ cho Bên A, Bên B có trách nhiệm căn cứ vào Giá Trị Quy Đổi tại thời điểm đó để làm căn cứ thanh toán. Trong trường hợp Giá Trị Quy Đổi thay đổi, các khoản thanh toán tương ứng dựa trên cơ sở Giá Trị Quy Đổi sẽ được điều chỉnh tương ứng.

10. "Đơn Giá" hoặc "Đơn Giá Thuê Đất" là giá trị của mỗi mét vuông của Lô Đất, chưa bao gồm Thuế GTGT được quy định chi tiết tại Điều 3 của Hợp Đồng này.
11. "Tổng Tiền Thuê Đất" là Tiền Thuê Đất của toàn bộ Khu Đất với Đơn Giá Thuê Đất đã bao gồm thuế GTGT nhưng không bao gồm các khoản phí, thuế khác nêu tại Điều 4 của Hợp Đồng.
12. "Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất" là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc tên gọi khác theo quy định của pháp luật, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho Bên B theo Hợp Đồng Cho Thuê Lại Đất được ký kết giữa Bên A và Bên B đối với (các) Lô Đất trong KCN để Bên B thuê lại đất thực hiện dự án đầu tư trong Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico.
13. "Bên Nhận Chuyển Giao" là cách gọi chung đối với bên thứ ba được phép nhận chuyển giao và/hoặc được phép nhận chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ của Bên Thuê khi thực hiện bất kỳ thủ tục nào theo đúng quy định pháp luật (chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng, chuyển nhượng tài sản trên đất gắn liền với quyền sử dụng đất, thực hiện ủy quyền, kế thừa, thừa kế .... được quy định tại Điều 7 Hợp Đồng này).
14. "Ngày": là ngày dương lịch. "Ngày Làm Việc" là có nghĩa là một ngày trong tuần (từ thứ hai đến thứ sáu) mà các ngân hàng đã đăng ký mở cửa hoạt động kinh doanh chung ở Việt Nam, không bao gồm ngày nghỉ, ngày lễ, Tết theo quy định của Luật lao động Việt Nam.

PHẦN II: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 1: MÔ TẢ LÔ ĐẤT THUÊ

1.1. Diện tích Khu Đất/ Lô Đất là 103.381,8m² *(Bằng chữ: Một trăm lẻ ba nghìn, ba trăm tám mươi mốt phẩy tám mét vuông)*

1.1.1. Diện Tích được xác nhận trên Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất.

1.1.2. Trường hợp nếu có sự chênh lệch về diện tích với bất kỳ lý do gì so với Diện Tích nêu tại Điều 1.1.1 thì Hai Bên sẽ điều chỉnh lại Tổng Tiền Thuê Đất theo Đơn Giá quy định tại Điều 3 Hợp Đồng này.

1.2. Vị trí và ranh giới Lô Đất:

1.2.1. Ký hiệu Lô Đất: dãy B7 các lô 1, 2, 3

1.2.2. Địa chỉ Lô Đất: Xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

1.2.3. Thuộc thửa đất số: 30, 33, 35

Tờ bản đồ số 02 (Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico)

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất mang tên Bên A do UBND tỉnh Bình Phước cấp:

- Số GCN: CT766322, số vào sổ cấp GCN: CT21335; cấp ngày: 31/12/2019
- Số GCN: CT766324; số vào sổ cấp GCN: CT21337, cấp ngày: 31/12/2019
- Số GCN: CT766325; số vào sổ cấp GCN: CT21338, cấp ngày: 31/12/2019

(Phụ Lục 3: đính kèm bản sao)

1.2.4. Vị trí Lô Đất: Theo sơ đồ, vị trí đính kèm.

1.2.5. Bản vẽ vị trí lô, các mốc tọa độ cụ thể của Lô Đất thể hiện trong Biên Bản Bàn Giao thực địa kèm theo Hợp Đồng (và được xác định trên Bản đồ địa chính do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Bình Phước ban hành ngày 15/10/2019).

1.3. **Loại đất và tiêu chuẩn cơ sở hạ tầng Lô Đất:**

1.3.1. Lô Đất quy định tại Hợp Đồng là đất được Nhà nước cho Bên A thuê đất trả tiền thuê một lần để Bên A đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật Khu Công Nghiệp và cho các nhà đầu tư thuê lại để xây dựng nhà xưởng, tổ chức sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật

1.3.2. Bên A đầu tư xây dựng các hạng mục cơ sở hạ tầng Khu Công Nghiệp theo thiết kế được phê duyệt bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đưa vào sử dụng phù hợp tiến độ đầu tư của Bên B.

1.3.3. Để tránh nhầm lẫn, Các Bên thống nhất rằng: (i) Tại thời điểm ký kết Hợp Đồng, Bên A đang thi công các hạng mục cơ sở hạ tầng và sẽ hoàn thành theo lộ trình cam kết tại Hợp Đồng; (ii) Bên A chỉ cam kết hoàn thành các hạng mục cơ sở hạ tầng có liên quan và đến Lô Đất thuê của Bên B mà không phải toàn bộ diện tích Khu Công Nghiệp.

1.4. **Mục đích sử dụng đất thuê:**

Bên B cam kết sử dụng các Lô Đất để đầu tư xây dựng nhà xưởng và kinh doanh đúng với mục đích, ngành nghề sản xuất kinh doanh trong phạm vi Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư và/hoặc Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Chi Nhánh do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện thì Bên B phải đảm bảo đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật và của Khu Công Nghiệp trước khi tiến hành kinh doanh. Việc Bên B kinh doanh các ngành nghề có điều kiện nhưng chưa đáp ứng đầy đủ các điều kiện kinh doanh này cũng được xem là sử dụng đất thuê sai mục đích.

1.5. **Tiến độ sử dụng đất:**

1.5.1. Bên B cam kết xây dựng công trình, nhà xưởng trên Lô Đất theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư ghi trong Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp cho Bên B. Trường hợp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư không quy định rõ tiến độ sử dụng đất/tiến độ đầu tư hoặc không có Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư thì tiến độ sử dụng đất/tiến độ đầu tư của Bên B sẽ là:

a) Giai đoạn chuẩn bị đầu tư: 06 tháng, kể từ ngày ký Hợp Đồng này.
   (i) Ký Biên Bản Ghi Nhớ (nếu có);
   (ii) Ký Hợp Đồng Nguyên Tắc;
   (iii) Xin cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư, Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Chi Nhánh;
   (iv) Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật (nếu có);
   (v) Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường.
   (vi) Ký kết HĐ thuê đất, nhận bàn giao Lô Đất.

b) Giai đoạn triển khai xây dựng: 12 tháng, kể từ ngày Bên B nhận bàn giao

4.1.3 Hồ sơ đề nghị thanh toán Phí Quản Lý:

a) Thông báo nộp Phí Quản Lý;

b) Dự thảo Hóa đơn GTGT (bản chính hóa đơn sẽ được gửi cho Bên B trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên A nhận được tiền thanh toán của Bên B; ngày ghi trên hóa đơn là ngày Bên A nhận được tiền thanh toán)

4.2 Phí Xử Lý Nước Thải:

4.2.1 Phí Xử Lý Nước Thải được xác định như sau:

Phí Xử Lý Nước Thải = (Đơn Giá Phí Xử Lý Nước Thải X (nhân) khối lượng thực tế) + (cộng) thuế GTGT 10%

Trong đó:

a) Đơn Giá Phí Xử Lý Nước Thải: chưa bao gồm thuế GTGT, được xác định theo Thông báo lần đầu (Phụ Lục 4) từ Bên A và theo nguyên tắc sau:

(i) Lượng nước xả thải của Bên B sẽ được tính dựa trên số đo của đồng hồ đo lượng nước thải ra của Doanh nghiệp tại cuối mỗi tháng.

(ii) Việc xác định mức nước thải Loại B và quy trình kiểm soát và đánh giá tỷ lệ vượt chuẩn nước thải sẽ được quy định tại Phụ lục Xử lý Nước thải của Khu Công Nghiệp (bao gồm tiêu chuẩn xả thải, phương pháp đo đạc và công nghệ đo đạc);

b) Đơn Giá Phí Xử Lý Nước Thải theo Thông báo lần đầu nói trên được áp dụng đến hết ngày 31/12/2021.

Giá Trị Quy Đổi nếu có áp dụng đối với Phí Xử Lý Nước Thải được xác định lại ngày Bên A thông báo chung cho toàn bộ bên thuê lại đất trong Khu Công Nghiệp.

c) Kể từ ngày 01/01/2022 trở đi, Đơn Giá Phí Xử Lý Nước Thải sẽ do Bên A điều chỉnh và công bố định kỳ để áp dụng cho toàn Khu Công Nghiệp.

(i) Đơn Giá Xử Lý Nước Thải sau điều chỉnh sẽ tăng/giảm theo biến động giá thị trường đối với các hàng hóa, nguyên liệu vỏ mức lương tối thiểu cấu thành giá đầu vào của dịch vụ quản lý và bảo dưỡng cơ sở hạ tầng Khu Công Nghiệp.

(ii) Chu Kỳ Điều Chỉnh: 2 năm/lần, cụ thể là vào ngày 01 tháng 01 các năm 2022, 2024, 2026, 2028 .... cho đến khi kết thúc Thời Hạn Thuê Đất.

4.2.2 Tiêu chuẩn nước thải khi Bên A tiếp nhận:

a) Bên A sẽ xây dựng quy trình lấy mẫu/đo đạc để xác định chuẩn nước thải đầu ra của Bên B làm cơ sở để xác định Đơn Giá Phí Xử Lý Nước Thải.

b) Bên Thuê Lại Đất tự đầu tư hệ thống xử lý nước thải nội bộ bằng kinh phí riêng của mình để xử lý sơ bộ và đảm bảo rằng chuẩn nước thải của Bên Thuê Lại Đất đạt tiêu chuẩn nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải chung của Khu Công Nghiệp.

c) Áp dụng riêng cho Bên Thuê Lại Đất trong trường hợp trong hoạt động kinh doanh của mình có công đoạn xi mạ trong quy trình sản xuất, nước xả thải

bắt buộc phải xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn tối thiểu Loại B (Lý tính và hóa tính), riêng chỉ tiêu kim loại phải đạt Loại A theo quy định của pháp luật Việt Nam trước khi thoát vào hệ thống thoát nước thải chung của Khu Công Nghiệp. Bên B phải chịu trách nhiệm xây dựng/lắp đặt hệ thống quan trắc trước khi đấu nối vào hệ thống xả thải chung của Khu Công Nghiệp. Hệ thống này phải bàn giao cho Bên A kiểm tra hàng ngày.

d) Để tránh phẩm lầm, Các Bên thống nhất rằng, để đảm bảo tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường và đảm bảo cơ chế giám sát tập trung từ phía cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường, toàn bộ lượng nước thải của Bên Thuê Lại Đất và của tất cả các Bên thuê khác trong Khu Công Nghiệp phải được đấu nối tập trung và duy nhất về hệ thống xử lý nước thải của Bên A để xử lý trước khi xả thải ra tự nhiên.

e) Bên B có trách nhiệm xác định và đăng ký định mức lượng nước thải ra môi trường với Bên A và/hoặc đơn vị quản lý vận hành nhà máy xử lý nước thải và được Bên A và đơn vị này chấp thuận. Việc chấp thuận này phải được lập thành văn bản và là cơ sở để xem xét hành vi Bên B vi phạm theo Hợp Đồng này. Định mức nước thải được đăng ký sẽ thực hiện phù hợp với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét cấp cho Bên B.

4.2.3 **Thời hạn thanh toán Phí Xử Lý Nước Thải:**

a) **Phí Xử lý Nước Thải** được tính theo định kỳ hàng tháng dựa trên chỉ số đồng hồ đo lượng nước thải được Bên A xác nhận vào ngày cuối của mỗi tháng.

b) **Thời hạn thanh toán:** Bên B thanh toán Phí Xử Lý Nước Thải trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận Thông Báo nộp Phí Xử Lý Nước Thải của Bên A.

c) **Hồ sơ đề nghị thanh toán Phí Xử Lý Nước Thải:**

(i) Thông Báo nộp Phí Xử Lý Nước Thải;

(ii) Dự thảo Hóa đơn GTGT (bản chính hóa đơn sẽ được gửi cho Bên B trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên A nhận được tiền thanh toán của Bên B; ngày ghi trên hóa đơn là ngày Bên A nhận được tiền thanh toán)

4.3 **Các loại phí dịch vụ và chi phí khác:**

Để tránh hiểu nhầm, Các Bên thống nhất rằng Tổng Tiền Thuê Đất, Phí Quản Lý, Phí Xử Lý Nước Thải không bao gồm các loại phí dịch vụ và các chi phí sau.

4.3.1 Chi phí về trạm biến áp, chi phí lắp đặt, kết nối điện, nước, nước thải và các hệ thống khác từ điểm đấu nối thuộc hệ thống chung của Khu Công Nghiệp nằm bên ngoài hàng rào Lô Đất vào đến hệ thống riêng của Bên Thuê Lại Đất.

4.3.2 Chi phí cho các dịch vụ tiện ích trong quá trình hoạt động của Bên B, bao gồm chi phí sử dụng điện, nước, dịch vụ cung cấp gas, dịch vụ bưu chính, viễn thông, truyền hình, dịch vụ bảo vệ, phòng cháy chữa cháy... (trừ điện chiếu sáng công cộng, phòng cháy chữa cháy và an ninh bảo vệ chung của Khu Công Nghiệp).

bắt buộc phải xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn tối thiểu Loại B (Lý tính và hóa tính), riêng chỉ tiêu kim loại phải đạt Loại A theo quy định của pháp luật Việt Nam trước khi thoát vào hệ thống thoát nước thải chung của Khu Công Nghiệp. Bên B phải chịu trách nhiệm xây dựng/lắp đặt hệ thống quan trắc trước khi đấu nối vào hệ thống xả thải chung của Khu Công Nghiệp. Hệ thống này phải bàn giao cho Bên A kiểm tra hàng ngày.

d) Để tránh nhầm lẫn, Các Bên thống nhất rằng: để đảm bảo tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường và đảm bảo cơ chế giám sát tập trung từ phía cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường, toàn bộ lượng nước thải của Bên Thuê Lại Đất và của tất cả các Bên thuê khác trong Khu Công Nghiệp phải được đấu nối tập trung và duy nhất về hệ thống xử lý nước thải của Bên A để xử lý trước khi xả thải ra tự nhiên.

e) Bên B có trách nhiệm xác định và đăng ký định mức lượng nước thải ra môi trường với Bên A và/hoặc đơn vị quản lý vận hành nhà máy xử lý nước thải và được Bên A và đơn vị này chấp thuận. Việc chấp thuận này phải được lập thành văn bản và là cơ sở để xem xét hành vi Bên B vi phạm theo Hợp Đồng này. Định mức nước thải được đăng ký sẽ thực hiện phù hợp với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét cấp cho Bên B.

4.2.3 **Thời hạn thanh toán Phí Xử Lý Nước Thải:**

a) Phí Xử lý Nước Thải được tính theo định kỳ hàng tháng dựa trên chỉ số đồng hồ đo lượng nước thải được Bên A xác nhận vào ngày cuối của mỗi tháng.

b) Thời hạn thanh toán: Bên B thanh toán Phí Xử Lý Nước Thải trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận Thông Báo nộp Phí Xử Lý Nước Thải của Bên A.

c) Hồ sơ đề nghị thanh toán Phí Xử Lý Nước Thải:

(i) Thông Báo nộp Phí Xử Lý Nước Thải;

(ii) Dự thảo Hóa đơn GTGT (hóa chính hóa đơn sẽ được gửi cho Bên B trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên A nhận được tiền thanh toán của Bên B; ngày ghi trên hóa đơn là ngày Bên A nhận được tiền thanh toán)

4.3 **Các loại phí dịch vụ và chi phí khác:**

Để tránh hiểu nhầm, Các Bên thống nhất rằng Tổng Tiền Thuê Đất, Phí Quản Lý, Phí Xử Lý Nước Thải không bao gồm các loại phí dịch vụ và các chi phí sau:

4.3.1 Chi phí về trạm biến áp, chi phí lắp đặt, kết nối điện, nước, nước thải và các hệ thống khác từ điểm đấu nối thuộc hệ thống chung của Khu Công Nghiệp nằm bên ngoài hàng rào Lô Đất vào đến hệ thống riêng của Bên Thuê Lại Đất.

4.3.2 Chi phí cho các dịch vụ tiện ích trong quá trình hoạt động của Bên B, bao gồm chi phí sử dụng điện, nước, dịch vụ cung cấp gas, dịch vụ bưu chính, viễn thông, truyền hình, dịch vụ bảo vệ, phòng cháy chữa cháy ... (trừ điện chiếu sáng công cộng, phòng cháy chữa cháy và cảnh báo vệ chung của Khu Công Nghiệp)

4.3.3 Chi phí liên quan đến việc đăng ký và các thủ tục hành chính liên quan đến việc xây dựng công trình trên (các) Lô Đất, xin cấp tất cả các giấy phép và giấy chứng nhận có liên quan mà Bên B được yêu cầu thực hiện.

4.3.4 Các chi phí trực tiếp hoặc gián tiếp mà Bên B phải trả cho Nhà nước và/ hoặc Bên thứ ba trong quá trình xây dựng nhà xưởng và sản xuất kinh doanh.

4.3.5 Lệ phí trước bạ, các khoản phí khác theo quy định mà Bên B phải thanh toán trong việc xin cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho Bên B được quy định tại Hợp Đồng này và phù hợp với quy định của pháp luật.

4.3.6 Thuế và các chi phí khác phát sinh trong quá trình Bên B hoạt động kinh doanh trên (các) Lô Đất.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM THANH TOÁN

5.1 **Tài khoản tiếp nhận thanh toán và hoá đơn GTGT**

5.1.1 Tiền Thuê Đất, Phí Quản Lý, Phí Xử Lý Nước Thải và các loại phí dịch vụ khác mà Bên B có nghĩa vụ thanh toán cho Bên A theo Hợp Đồng được chuyển vào tài khoản của Bên A nêu tại phần đầu Hợp Đồng.

Trong trường hợp có sự thay đổi về tài khoản nhận thanh toán nêu tại Điều này, Bên A sẽ thông báo thông tin tài khoản cho Bên B bằng văn bản cho đợt thanh toán đó.

5.1.2 Bên A có nghĩa vụ xuất hóa đơn GTGT và cấp cho Bên B trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên B thanh toán cho Bên A

5.2 **Đồng tiền thanh toán:** bất kỳ khoản tiền nào được Bên B thanh toán cho Bên A theo Hợp Đồng này đều sử dụng tiền Đồng Việt Nam (VND).

5.3 **Các biện pháp xử lý khi vi phạm nghĩa vụ thanh toán:**

5.3.1 Nếu Bên B chậm thanh toán cho Bên A bất kỳ khoản tiền nào theo thời hạn quy định trong Hợp Đồng thì ngoài số tiền phải thanh toán đó, Bên B phải trả thêm tiền lãi cho số tiền chậm thanh toán với mức lãi suất bằng 0,05%/ngày nhưng không quá 8% Tổng giá trị nghĩa vụ vi phạm, tính từ thời điểm đến hạn phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế, nhưng thời gian chậm thanh toán của mỗi đợt đến hạn thanh toán nêu tại Điều này không được vượt quá: (i) 30 ngày của mỗi đợt thanh toán và không quá 45 ngày cộng dồn của tất cả các đợt thanh toán đối với Tiền Thuê Đất, (ii) 30 ngày đối với Phí Quản Lý, Phí Xử Lý Nước Thải, (iii) 15 ngày đối với các khoản thanh toán khác (nếu có); theo đó số ngày xác định thời gian chậm thanh toán ở đây được gọi tắt là "**Thời Hạn Tính Lãi**"

5.3.2 Tại thời điểm có sự đồng ý bằng văn bản khác của Hai Bên, nếu hết Thời Hạn Tính Lãi nói trên mà Bên B vẫn chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Bên B đã vi phạm Hợp Đồng và tùy thuộc Bên B vi phạm khoản thanh toán nào thì Bên A được áp dụng biện pháp xử lý tương ứng:

a) Vi phạm đối với Tiền Thuê Đất:

(i) Bên A được quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này;

(ii) Bên B chấp nhận mất toàn bộ số tiền đã thanh toán cho Bên A, kể cả

sơ xin cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất theo Thông Báo của Bên A.

6.2.2 Hồ sơ xin cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho Bên B gồm:

a) Đơn (theo mẫu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền);

b) Hợp Đồng Cho Thuê Lại Đất;

c) Bản vẽ hiện trạng Lô Đất;

d) Chứng từ nộp thuế GTGT trên 100% tổng số Tiền Thuê Đất của các Lô Đất;

e) Bản vẽ hoàn công và các tài liệu khác khi Bên B hoàn thành việc xây dựng nhà xưởng trên Lô Đất (nếu có);

f) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật và/hoặc theo yêu cầu/hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6.2.3 Các chi phí liên quan đến thủ tục cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất do Bên B thanh toán.

6.2.4 Nếu quá thời hạn 90 ngày kể từ ngày Bên B thanh toán đủ 100% Tổng Tiền Thuê Đất và các khoản khác theo quy định tại Đợt Bàn Giao Giấy Chứng Nhận nêu tại Điều 3.2 và đã nộp đầy đủ hồ sơ xin Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho Bên A (gọi tắt là "**Thời Hạn Bàn Giao Giấy Chứng Nhận**") mà Bên A chưa bàn giao được Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất này thì Bên A chấp nhận bị phạt với mức phạt theo lãi suất bằng 0,05%/ngày nhưng không quá 8% Tổng giá trị nghĩa vụ vi phạm tính từ thời điểm vi phạm cho tới ngày chính thức bàn giao Giấy Chứng Nhận. Nếu cơ quan nhà nước chậm bàn giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất thì Thời Hạn Bàn Giao Giấy Chứng Nhận nêu tại Điều này sẽ được gia hạn tương ứng với thời gian cơ quan nhà nước có thẩm quyền chậm cấp và giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho Bên B mà Bên A không bị xem là vi phạm Thời Hạn Bàn Giao Giấy Chứng Nhận.

6.3 **Thủ tục bàn giao lại Lô Đất khi chấm dứt Thời Hạn Thuê Đất hoặc khi chấm dứt Hợp Đồng:**

6.3.1 Hai Bên tiến hành thanh lý Hợp Đồng này, nếu Bên B không ký Biên bản thanh lý nêu tại Hợp Đồng này, thì khi đó Bên A sẽ phát hành Thông Báo Thanh Lý Hợp Đồng gửi hợp lệ đến đúng địa chỉ, thông tin của Bên B nêu tại Hợp Đồng này ("**Thông Báo Thanh Lý Hợp Đồng**") thì Bên B hoàn chấp nhận Thông Báo Thanh Lý Hợp Đồng này sẽ thay thế Biên Bản Thanh Lý Hợp Đồng, khi đó Hợp Đồng này mặc nhiên được thanh lý kể từ ngày Bên A phát hành Thông Báo Thanh Lý Hợp Đồng.

6.3.2 Bên B có trách nhiệm hoàn tất thủ tục chấm dứt dự án đầu tư theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư và/hoặc chấm dứt hoạt động kinh doanh theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh mà Cơ Quan Nhà Nước Có Thẩm Quyền đã cấp cho Bên B theo quy định của pháp luật.

6.3.3 Bên B bàn giao lại cho Bên A Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất đã cấp cho Bên B theo Hợp Đồng này (nếu có). Tại đây, Bên B đồng ý ủy quyền cho Bên A toàn quyền thực hiện thủ tục xóa đăng ký cho thuê đất theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp Các Bên có thỏa thuận khác. Trong trường hợp Bên B không

bàn giao Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho Bên A theo quy định tại Điều này, Bên B được xem như từ bỏ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất đã được cấp và khi đó Bên A được toàn quyền quyết định đối với Lô Đất và thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để thực hiện thủ tục xóa đăng ký cho thuê theo quy định tại Điều này.

6.3.4 Bên B bàn giao lại Lô Đất theo quy định tại Điều 2.2 Hợp Đồng này.

ĐIỀU 7: CHUYỂN GIAO QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG

7.1 Bên B được phép chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng này trong trường hợp: Bên B giải thể; chia; tách; sáp nhập; hợp nhất; hoặc chuyển nhượng tài sản trên đất gắn với quyền thuê đất cho bên thứ ba ("**Bên Nhận Chuyển Giao**") và Bên A cam kết hỗ trợ các thủ tục để Bên B chuyển giao, khi Bên B và Bên Nhận Chuyển Giao đáp ứng đủ các điều kiện sau:

7.1.1 Pháp luật có hiệu lực tại thời điểm chuyển giao không cấm các giao dịch này.

7.1.2 Bên B đã thanh toán cho Bên A đủ Tổng Tiền Thuê Đất theo Hợp Đồng, Các Loại Phí Dịch Vụ Trong Khu Công Nghiệp và các nghĩa vụ đến hạn thanh toán theo Hợp Đồng này.

7.1.3 Bên Nhận Chuyển Giao đồng ý kế thừa toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của Bên B phát sinh từ Hợp Đồng này, các phụ lục đi kèm và các quy định nội bộ của Khu Công Nghiệp.

7.1.4 Bên B và Bên Nhận Chuyển Giao chịu mọi khoản phí, lệ phí, thuế cho Nhà nước (kể cả thuế nhà thầu áp dụng cho nhà đầu tư nước ngoài) và Bên thứ ba (nếu có) kể cả các chi phí xây dựng, đấu nối hạ tầng vào hệ thống chung của Khu Công Nghiệp và các chi phí khác liên quan đến giao dịch.

7.1.5 (Các) Lô Đất và/hoặc tài sản gắn liền với đất thuê của Bên B không bị thế chấp, hoặc đang là tài sản đảm bảo tại các tổ chức tín dụng, Lô Đất không bị kê biên để thi hành án, hoặc các hạn chế khác mà Bên B không được phép dịch chuyển tài sản theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7.1.6 Bên B và Bên Nhận Chuyển Giao tuân thủ quy trình, điều kiện và thủ tục hành chính của Cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai và đầu tư.

7.1.7 Tuân thủ quy định tại Điều 7.2.

7.2 **Quy định chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng này:**

7.2.1 Khi có nhu cầu chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng này, Bên B và Bên Nhận Chuyển Giao phải gửi văn bản đề nghị chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng cho Bên A và Ban Quản Lý Khu Kinh Tế tỉnh Bình Phước được biết và chấp thuận trước khi tiến hành giao dịch ("**Văn Bản Đề Nghị Chuyển Giao**"). Văn Bản Đề Nghị Chuyển Giao là bắt buộc thực hiện trước khi Bên B và Bên Nhận Chuyển Giao tiến hành các thủ tục chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng ở các bước tiếp theo.

a) Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận Văn Bản Đề Nghị Chuyển

Giao, Bên A có trách nhiệm thông báo các nghĩa vụ đến hạn mà Bên B còn phải thanh toán cho Bên A theo Hợp Đồng này.

b) Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo này, Bên B có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ còn lại theo Hợp Đồng để tiến hành giao dịch với Bên Nhận Chuyển Giao.

7.2.2 Trừ khi pháp luật có quy định khác đi, Bên B và Bên Nhận Chuyển Giao thực hiện các thủ tục hành chính với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành giao dịch, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

a) Văn bản cho phép chuyển nhượng; văn bản chấp thuận (chủ trương) đầu tư; Hợp Đồng chuyển nhượng được công chứng, chứng thực theo quy định; Quyết định thu hồi dự án đầu tư của Bên B/Văn bản chấm dứt dự án đầu tư; Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư của Bên Nhận Chuyển Giao tại Lô Đất; các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước liên quan đến giao dịch này.

b) Bên A và Bên B ký Biên Bản Thanh Lý Hợp Đồng này, Bên A ký lại Hợp Đồng Cho Thuê Lại Đất với Bên Nhận Chuyển Giao (nếu có).

c) Bên B bàn giao lại Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất của Bên B đã được cấp theo Hợp Đồng này; Các Bên tiến hành thực hiện thủ tục xóa đăng ký cho thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai đối với Bên B; Bên A thực hiện thủ tục đăng ký biến động do thay đổi Bên Thuê Lại Đất là Bên Nhận Chuyển Giao và/hoặc có văn bản xác nhận hoàn thành việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng cho Bên Nhận Chuyển Giao phù hợp với quy định của pháp luật.

7.2.3 Văn Bản Đề Nghị Chuyển Giao phải có các nội dung chính sau:

a) Thông tin đầy đủ của Bên B và Bên Nhận Chuyển Giao;

b) Giá Chuyển Giao: (i) Giá Trị Lô Đất được chuyển giao và (ii) Giá Trị Tài Sản gắn liền với Lô Đất được chuyển giao; (iii) Lượng nước xả thải ra môi trường (nếu có).

c) Thời điểm chuyển giao: ghi rõ cụ thể ngày dự kiến các bên ký kết và công chứng Hợp Đồng; Ngày Bên B tiến hành thủ tục chấm dứt dự án đầu tư ghi trên Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư trên Lô Đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền; trách nhiệm của mỗi bên đối với Bên A; các cam kết của Bên B và Bên Nhận Chuyển Giao về tuân thủ quy định của pháp luật đầu tư và pháp luật đất đai; cam kết sử dụng đất đúng mục đích thuê nêu tại Điều 1.4 và các nội dung thỏa thuận khác (nếu có).

7.2.4 Bên B nộp cho Bên A khoản phí thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến việc thực hiện chuyển giao theo quy định tại Điều 7 này theo thông báo của Chủ Đầu Tư nhưng không quá là 50,000,000 VND (Năm mươi triệu đồng) và Bên B có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ theo thông báo của Chủ Đầu Tư trước khi thực hiện chuyển giao theo quy định tại Điều 7 này.

7.3 Ngoài quy định tại Điều 7.1 thì Bên B được thực hiện chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng này theo thủ tục đặc biệt khác nhưng được sự chấp thuận của Chủ Đầu

Tài; theo Quyết định/Bản án của tòa án nhân dân có thẩm quyền đã có hiệu lực pháp luật; xử lý tài sản bảo đảm/thế chấp; các thủ tục đặc biệt khác, ... Bên B hoặc người kế thừa, người được Bên B ủy quyền thực hiện phải có trách nhiệm thông báo cho Bên A biết trước khi thực hiện và tiến hành các bước thủ tục theo quy định của pháp luật tương ứng; và thông báo kết quả cho Bên A sau khi các thủ tục nêu tại điều này đã thực hiện xong.

7.4 Các quy định nêu tại Điều 7.2 và Điều 7.3 này có thể thay đổi thứ tự thực hiện trước hay sau để Bên B và Bên Nhận Chuyển Giao chủ động trong giao dịch. Tuy nhiên giao dịch Chuyển Giao Quyền Và Nghĩa Vụ Theo Hợp Đồng nêu tại Điều này chỉ hoàn thành và Bên Nhận Chuyển Giao chỉ được xác định là chủ sở hữu hợp pháp đối với tài sản và chủ sử dụng đất hợp pháp đối với (các) Lô Đất tại thời điểm Bên A hoàn thành thủ tục đăng ký biến động tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thay đổi Bên Thuê Lại Đất là Bên Nhận Chuyển Giao.

7.5 Bên A được chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng này theo quy định của pháp luật và Bên nhận chuyển giao phải tiếp tục thực hiện toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Bên A theo Hợp Đồng này đối với Bên B. Khi tiến hành chuyển giao, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B được biết và thực hiện thủ tục cần thiết (nếu có).

7.6 Toàn bộ các thủ tục cũng như chi phí phát sinh liên quan đến việc chuyển giao theo Điều 7 của Hợp Đồng do Bên B tự thực hiện và thanh toán các chi phí có liên quan, trừ trường hợp quy định tại Điều 7.5.

ĐIỀU 8: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

Ngoài các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Hợp Đồng này thì Bên A còn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

8.1 Quyền của Bên A:

8.1.1 Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng khi Bên B vi phạm một trong các điều khoản của Hợp Đồng hoặc trong trường hợp Bên B vi phạm pháp luật khác chưa được quy định trong Hợp Đồng mà Bên B không thể khắc phục theo quy định tại Hợp Đồng này hoặc theo văn bản xử lý của cơ quan có thẩm quyền. Bên A không phải bồi thường bất kỳ khoản tiền nào cho Bên B khi đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo Điều này;

8.1.2 Yêu cầu Bên B thanh toán tiền đúng thời hạn; yêu cầu Bên B xây dựng đúng quy định về kỹ thuật, quy chuẩn, mỹ quan đã được duyệt bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; yêu cầu Bên B dừng thi công bất cứ lúc nào nếu nhận thấy Bên B vi phạm.

8.1.3 Có quyền yêu cầu ngừng hoạt động nếu Bên B vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, trật tự, an ninh và có các hoạt động liên quan.

8.1.4 Thu hồi và/hoặc đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư và/hoặc Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất đối với (các) Lô Đất khi Bên B vi phạm nghĩa vụ thanh toán Tiền Thuê Đất hoặc các loại phí, tiến độ đầu tư và/hoặc tiến độ sử dụng đất theo cam kết trong Hợp Đồng.

8.2 Nghĩa vụ của Bên A:

8.2.1 Đầu tư xây dựng đường giao thông, hệ thống chiếu sáng, hệ thống điện nguồn, cây xanh, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải và hệ thống cấp nước sạch hoàn chỉnh trong Khu Công Nghiệp kết nối với Lô Đất của Bên B theo tiến độ cam kết.

8.2.2 Hỗ trợ Bên B khi Bên B thực hiện các thủ tục đăng ký cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Chi Nhánh, Giấy phép xây dựng (nếu có).

8.2.3 Hỗ trợ Bên B khi Bên B ký hợp đồng cấp điện, cấp nước với đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước trong Khu Công Nghiệp.

8.2.4 Có trách nhiệm đầu tư nhà máy xử lý nước thải cho Khu Công Nghiệp theo tiến độ đã cam kết.

8.2.5 Có trách nhiệm duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng, đảm bảo an ninh trật tự tại Khu Công Nghiệp trên cơ sở thu Các Loại Phí Dịch Vụ Trong Khu Công Nghiệp nêu tại Điều 4 trong suốt Thời Hạn Thuê Đất.

8.2.6 Bên A đảm bảo quyền sử dụng Lô Đất ổn định cho Bên B khi Bên B đã tuân thủ đúng các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp Đồng này trừ trường hợp Lô Đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN B

Ngoài các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Hợp Đồng này thì Bên B còn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

9.1 Quyền của Bên B

9.1.1 Được Nhà nước cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho Lô Đất với hình thức thuê đất trả tiền một lần trong Khu Công Nghiệp. Trong trường hợp phải thay đổi hình thức thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bên A vẫn đảm bảo cho Bên B có quyền thuê đất, quyền sử dụng Khu Đất theo đúng Thời Hạn Thuê Đất nêu tại Điều 2.1 của Hợp Đồng này; khi đó Bên A không chịu trách nhiệm về các thiệt hại (nếu có) khi phải thay đổi hình thức thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê sang hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.

Để làm rõ, tại thời điểm ký Hợp Đồng này, Hai Bên xác nhận rằng Lô Đất của Bên A được nhà nước cho thuê đất là hình thức thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê.

9.1.2 Hưởng thành quả lao động, kết quả đầu tư trên đất.

9.1.3 Được bảo hộ khi người khác xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp về đất đai của mình.

9.1.4 Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về những hành vi vi phạm quyền sử dụng đất hợp pháp của mình và những hành vi khác vi phạm pháp luật về đất đai.

9.1.5 Góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; hoặc thế chấp tài

sản thuộc sở hữu của mình trên đất thuê tại các tổ chức tín dụng được phép hoạt động tại Việt Nam sau khi đã thanh toán đủ 100% Tiền Thuê Đất (đã bao gồm Thuế GTGT) của (các) Lô Đất đó.

9.1.6 Bán tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của mình đồng thời với chuyển nhượng quyền thuê lại đất.

9.1.7 Bên B có quyền sử dụng Lô Đất thuê lại trong Khu Công Nghiệp đúng mục đích, đúng quy định của Khu Công Nghiệp và pháp luật Việt Nam.

9.2 **Nghĩa vụ của Bên B**

9.2.1 Sử dụng Lô Đất đúng mục đích thuê, đúng ranh giới thửa đất, đúng quy định về độ sâu trong lòng đất và chiều cao trên không theo hồ sơ xây dựng đã được thẩm định hoặc phê duyệt và các quy định pháp luật có liên quan.

9.2.2 Tuân thủ các quy định, quy chế, nội quy Khu Công Nghiệp, không làm ảnh hưởng hoặc tổn hại đến lợi ích hợp pháp của Bên A và các chủ thể sử dụng đất khác trong Khu Công Nghiệp.

9.2.3 Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về việc tìm thấy cổ vật trong lòng đất.

9.2.4 Hoàn trả Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất, mặt bằng sạch khi Hợp Đồng chấm dứt và các trường hợp vi phạm Hợp Đồng bị buộc phải chấm dứt Hợp Đồng.

9.2.5 Bên B sử dụng Lô Đất để thực hiện hoạt động sản xuất-kinh doanh phù hợp với mục đích sử dụng đất và lĩnh vực đầu tư quy định trong Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp cho Bên B và theo những quy định chung của Khu công nghiệp.

9.2.6 Bên B có trách nhiệm cung cấp những tài liệu pháp lý cần thiết và phối hợp cùng Bên A thực hiện các thủ tục để được cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất cho Bên B. Nộp lệ phí trước bạ và các khoản thuế, phí khác (nếu có) theo quy định của Nhà nước trước khi nhận Giấy Chứng Nhận.

9.2.7 Bên B cam kết tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam về bảo vệ môi trường, khắc phục và bồi thường thiệt hại trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường. Trường hợp Bên B tự đầu tư xây dựng vận hành hệ thống xử lý nước thải nội bộ thì hệ thống này vẫn phải chịu sự kiểm tra, giám sát bởi Bên A và/ hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thông qua các thiết bị đụng cụ quan trắc đo kiểm tin cậy, kiểm tra hồ sơ ghi chép theo dõi quá trình vận hành nhà máy xử lý nước thải của Bên B;

9.2.8 Bảo đảm các biện pháp phòng chống cháy nổ và thực hiện các biện pháp an ninh trật tự, vệ sinh môi trường theo yêu cầu của các cơ quan chức năng.

9.2.9 Bên B tự xây dựng nhà xưởng, tường rào hoặc các kiến trúc khác phải phù hợp với Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư, giấy phép xây dựng và theo đúng các quy định xây dựng công trình trong Khu Công Nghiệp và thực hiện việc ký quỹ xây dựng theo quy định của Ban Nội Quy hoặc theo thông báo của Chủ Đầu Tư (mức ký quỹ xây dựng dự kiến là 100.000.000 VND (Một trăm triệu đồng). Mức ký quỹ này sẽ không được tính lãi trong mọi trường hợp và sẽ hoàn trả lại mới

phần hoặc toàn bộ tiền ký quỹ sau khi Bên B hoàn thành việc xây dựng và tùy thuộc vào mức độ gây ra bất cứ tổn hại nào của Bên B và Nhà thầu đến hạ tầng chung của Khu Công Nghiệp và các chủ thể lân cận khác trong suốt quá trình thi công xây dựng của Bên B.

9.2.10 Bên B chịu các chi phí lắp đặt trạm biến áp....., hệ thống đường dây nối từ chân tường rào vào công trình của Bên B bên trong Lô Đất; chi phí lắp đặt đường ống nối và đồng hồ nước từ tường rào tới công trình của Bên B bên trong Lô Đất.

9.2.11 Bên B nếu có nhu cầu xây dựng nhà xưởng hoặc các công trình phụ khác cần phải đào đường ống cấp nước, thoát nước hoặc các công trình công cộng khác ngoài phạm vi Lô Đất thì phải được sự đồng ý của Bên A trước khi tiến hành thi công và chịu mọi chi phí khôi phục lại hiện trạng ban đầu.

9.2.12 Để phục vụ cho việc giám sát, kiểm tra của bên A và thuận lợi trong hợp tác đấu nối các hạng mục hạ tầng (điện, nước, viễn thông, các cổng ra vào của Lô Đất với các trục đường của Bên A) trước khi nộp Hồ sơ thẩm định thiết kế, Bên B cung cấp cho Bên A các hồ sơ tài liệu sau: (i) bản vẽ thiết kế mặt bằng tổng thể công trình nhà xưởng; (ii) Bản vẽ kiến trúc mặt chính của nhà máy; (iii) Hệ thống cấp, thoát nước của Lô Đất; (iv) hệ thống cấp điện Lô Đất. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, Bên A phải xem xét và thảo luận với Bên B để đạt hiệu quả kinh tế và kỹ thuật khi đấu nối các hạng mục cơ sở hạ tầng.

9.2.13 Trong quá trình hoạt động, Bên B chịu mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/ Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Chi Nhánh và các khoản thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của các quốc gia liên quan (nếu có).

9.2.14 Trường hợp Bên B cho bên thứ ba thuê lại văn phòng/kho/xưởng trong phạm vi Lô Đất đúng mục đích sử dụng đất thuê nêu tại Điều 1.4 thì Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A và phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A trước khi tiến hành ký hợp đồng cho thuê lại văn phòng/kho/xưởng với bên thứ ba.

9.2.15 Bên B không được phép đào, khoan giếng khai thác nước ngầm trong phạm vi Lô Đất thuê hay tại bất kỳ vị trí nào trong Khu Công Nghiệp khi chưa được sự chấp thuận của Bên A và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

9.2.16 Bên B cần chuẩn bị một bể chứa nước hoặc tháp nước riêng bằng phí tổn của Bên B để dự trữ nước trong trường hợp thiếu nước không do lỗi của Bên A và để duy trì áp suất nước ổn định trong quá trình sử dụng.

9.2.17 Bên B chịu trách nhiệm và bồi thường đầy đủ cho Bên A trong trường hợp Bên A bị thiệt hại về cơ sở hạ tầng Khu Công Nghiệp với bất cứ lý do nào phát sinh do việc làm cố ý hoặc không cố ý của Bên B hay nhân viên hoặc người thừa hành của Bên B gây ra trong quá trình xây dựng và hoạt động sản xuất kinh doanh tại Khu Công Nghiệp.

ĐIỀU 10: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG VÀ SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

10.1 Hợp Đồng chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

10.1.1 Do Hai Bên thỏa thuận và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Trong trường hợp này, Các Bên thỏa thuận phương thức xử lý các nghĩa vụ, trách nhiệm còn lại của Các Bên khi chấm dứt Hợp Đồng.

10.1.2 Bên B vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 3.2.

10.1.3 Lô Đất bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi do các vi phạm pháp luật nghiêm trọng của Bên B. Trong trường hợp này, Bên B phải chấp nhận các thiệt hại từ việc bị thu hồi Lô Đất và chấm dứt Hợp Đồng trước hạn.

10.1.4 Trường hợp một trong các Bên bị phá sản thì Hợp Đồng chấm dứt hiệu lực và quyền và nghĩa vụ của Các Bên sẽ căn cứ pháp luật phá sản. Bên A không có nghĩa vụ hoàn lại bất kỳ khoản tiền nào đã nhận từ Bên B kể cả trong trường hợp Bên B bị phá sản.

10.2 Các sự kiện bất khả kháng và nguyên tắc xử lý:

10.2.1 Sự kiện bất khả kháng có nghĩa là một sự kiện hoặc trường hợp bất thường:

a) Nằm ngoài khả năng kiểm soát của một Bên;

b) Bên đó không có thể dự phòng một cách hợp lý trước khi ký kết Hợp Đồng;

c) Đã xảy ra mà Bên đó không thể tránh hay khắc phục một cách hợp lý

10.2.2 Sự Kiện Bất Khả Kháng có thể gồm, nhưng không giới hạn, những sự kiện hay trường hợp bất thường thuộc các loại được liệt kê dưới đây, nếu thỏa mãn các điều kiện nêu tại Điều 10.2.1 và không giới hạn bởi:

a) Chiến tranh, tình trạng chiến tranh (bất kể có tuyên bố chiến tranh không) sự xâm lược, hoạt động của kẻ thù nước ngoài;

b) Nổi loạn, khủng bố, cách mạng, khởi nghĩa, đảo chính hoặc nội chiến;

c) Nổi loạn, bãi công, hay bị bao vây;

d) Vũ khí đạn dược của chiến tranh, vật liệu nổ, phóng xạ ion hoặc ô nhiễm do hoạt động phóng xạ.

e) Các thiên tai như động đất, lốc, bão hay hoạt động núi lửa.

f) Thay đổi quy định của pháp luật (luật, pháp lệnh, nghị định, thông tư hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận và liên quan trực tiếp đến việc tiếp tục thực hiện Hợp Đồng này mà không thể khắc phục.

10.2.3 Sự Kiện Bất Khả Kháng không bao gồm: việc thiếu sự cấp phép, giấy phép, giấy phép cư trú, nhập cảnh hoặc văn bản chấp thuận cần thiết cho việc thực hiện Hợp Đồng được cấp bởi cơ quan có thẩm quyền; Khó khăn về tài chính; và lây chuy, đình công và các vụ đóng cửa để gây áp lực, lăn công, chiếm giữ nhà máy, tòa nhà và các khu nhà, và đừng sản xuất, kinh doanh xảy ra ở nhà máy, tòa nhà thuộc (các) Lô Đất của Bên B.

10.2.4 Nguyên tắc xử lý:

a) Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để Bên kia chấm dứt Hợp Đồng nếu Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng đó

(i) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do Sự kiện bất khả kháng gây ra.

(ii) Thông báo ngay cho Bên còn lại về Sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 24 giờ bằng điện thoại hoặc fax hoặc e-mail và trong vòng 48 giờ bằng văn bản sau khi xảy ra Sự kiện bất khả kháng.

b) Trong trường hợp xảy ra Sự kiện bất khả kháng, trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ của Hợp Đồng sẽ được kéo dài bằng với thời gian diễn ra Sự kiện bất khả kháng và thời gian khắc phục Sự kiện bất khả kháng. Thời hạn kéo dài này trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được phép vượt quá Thời Hạn Thuê Đất.

Bên bị ảnh hưởng được miễn trách nhiệm do công việc bị chậm trễ hoặc không thực hiện do Sự kiện bất khả kháng.

c) Trong trường hợp Sự kiện bất khả kháng xảy ra mà một hoặc cả Hai Bên không thể khắc phục trong vòng 90 ngày hoặc không thể tiếp tục thực hiện Hợp Đồng thì Hai Bên thống nhất chấm dứt Hợp Đồng. Thiệt hại do Sự kiện bất khả kháng gây ra, mỗi bên sẽ chịu tương ứng với thiệt hại của mình, trừ các nghĩa vụ Bên B còn nợ Bên A tính đến thời điểm xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng. Bên A không có nghĩa vụ hoàn lại bất kỳ khoản tiền nào đã nhận từ Bên B kể cả trong trường hợp Bên B ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng.

ĐIỀU 11: THÔNG BÁO

11.1 Bất kỳ nội dung thông báo nào về Hợp Đồng này giữa Các Bên chỉ được xem là đã thông báo khi được thực hiện bằng văn bản và gửi bằng thư bảo đảm hoặc giao tận tay hoặc gửi đến số fax hoặc gửi qua thư điện tử phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam theo các thông tin đã nêu tại Hợp Đồng này (bao gồm cả thông tin thay đổi được thông báo giữa Các Bên).

11.2 Mọi thông báo, yêu cầu, khiếu nại hoặc thư từ giao dịch mà một Bên gửi theo Hợp Đồng này được xem là Bên kia nhận được:

11.2.1 Vào ngày gửi trong trường hợp thư giao tận tay có ký biên nhận hoặc gửi bằng thư điện tử, hoặc

11.2.2 Vào ngày người gửi nhận được báo chuyển fax thành công trong trường hợp gửi bằng fax; hoặc

11.2.3 Vào ngày thứ hai kể từ ngày đóng dấu bưu điện trong trường hợp thư chuyển phát nhanh hoặc thư bảo đảm.

11.3 Bên nhận thông báo là:

11.3.1 Bên A:

Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico

Địa chỉ: Tổ 2, Khu phố Xa Cam, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Hoặc 247 Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người nhận: Bộ phận chăm sóc khách hàng - Công ty Cổ phần Công Nghiệp Minh Hưng - Sikico
Điện thoại: 0981 555 777 Email: customerservice@sikico.com

11.3.2 Bên B:

Công Ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam
Địa chỉ: Lầu 16, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, số 101 Tôn Dật Tiên, phường Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Người nhận: Johnny Ng
Email: johnny@japfa.com

11.4 Một Bên sẽ không chịu trách nhiệm về việc Bên kia không nhận được các thông báo, kể cả việc gửi thông báo bàn giao, thông báo phạt hoặc thông báo đơn phương chấm dứt Hợp Đồng (nếu có) nếu việc gửi thông báo đã thực hiện đúng quy định nói trên.

11.5 Các Bên phải thông báo bằng văn bản cho nhau biết nếu có thay đổi về địa chỉ, hình thức và tên người nhận thông báo; nếu khi đã có thay đổi này mà Bên có thay đổi không thông báo lại cho Bên kia biết thì Bên gửi thông báo không chịu trách nhiệm về việc Bên có thay đổi không nhận được các văn bản thông báo.

ĐIỀU 12: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

12.1 Hai Bên cam kết tuân thủ các nội dung đã thỏa thuận tại Hợp Đồng này. Mọi thỏa thuận phải được lập thành văn bản, có chữ ký của cả Hai Bên, có dẫn chiếu sang Hợp Đồng này và tuyên bố hiệu lực áp dụng các điều khoản sửa đổi, bổ sung đó, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Tất cả các sửa đổi, điều chỉnh này được xem là phụ lục Hợp Đồng và là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng. Trường hợp Hợp Đồng và các Phụ lục Hợp Đồng phát hành cùng một thời điểm nhưng có nội dung mâu thuẫn nhau thì nội dung của Hợp Đồng sẽ đương nhiên được ưu tiên áp dụng. Nếu Hợp Đồng và các Phụ lục Hợp Đồng phát hành ở các thời điểm khác nhau mà có nội dung mâu thuẫn nhau thì văn bản được phát hành sau sẽ đương nhiên được ưu tiên áp dụng.

12.2 Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh mâu thuẫn thì trước hết phải được hai bên giải quyết thông qua con đường thương lượng hòa giải. Nếu một trong Hai Bên có hành vi gây cản trở việc thực hiện các điều khoản đã ghi trong Hợp Đồng, gây thiệt hại cho Bên kia thì phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm đó gây ra. Trong trường hợp Hai bên không tự giải quyết được thì hai bên sẽ đồng ý đưa tranh chấp đó ra Toà án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng để hai bên thực hiện. Trong thời gian chờ giải quyết của Tòa án, Các Bên vẫn có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ của mình nêu tại Hợp Đồng này.

12.3 Hai Bên cùng đồng ý rằng trong trường hợp có sự thay đổi pháp luật và/hoặc cơ quan Nhà nước không chấp nhận theo hình thức và/hoặc nội dung theo Hợp Đồng này và yêu cầu thực hiện theo hình thức, mẫu quy định và/hoặc nhãn phù hợp theo quy định của pháp luật tại thời điểm hiện hành để thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy Chứng Nhận Quyền Sử Dụng Đất hoặc trong trường hợp Bên A chuyển giao quyền và nghĩa vụ nêu tại Điều 7.5, thì Hai Bên sẽ cùng ký kết Hợp Đồng mới theo hình thức, mẫu được quy

định tại thời điểm ký kết, trên cơ sở các nội dung cơ bản đã được thỏa thuận theo Hợp Đồng này. Bên được đề nghị không được từ chối ký kết lại Hợp Đồng theo quy định tại Điều này. Nếu từ chối, xem như Bên được đề nghị có lỗi, Bên đề nghị sẽ không phải chịu trách nhiệm gì trong trường hợp Hợp Đồng đã ký bị vô hiệu mà Bên được đề nghị không đồng ý ký kết lại Hợp Đồng mới.

12.4 Bên A được quyền tự điều chỉnh thiết kế, đề xuất và thực hiện điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng (nếu có) của Khu Công Nghiệp mà không cần phải được sự đồng ý của Bên B, miễn sao sự điều chỉnh đó làm tăng giá trị của Khu Công Nghiệp và không làm mất đi quyền sử dụng hợp pháp Lô Đất của Bên B theo Hợp Đồng này, trừ trường hợp việc điều chỉnh này theo quy hoạch và/hoặc quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B khi có kết quả điều chỉnh chính thức (nếu có).

12.5 Các Bên thừa nhận rằng, các tên được đặt cho mỗi khu vực trong Khu Công Nghiệp không phải là một phần của Hợp Đồng này. Mọi việc sử dụng tên, nhãn hiệu, hình ảnh, logo Khu Công Nghiệp Minh Hưng – Sikico ngoài mục đích cung cấp thông tin, địa chỉ Nhà Đầu Tư cho đối tác, và/hoặc các tên, nhãn hiệu khác của Bên A đều phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A trước khi Bên B sử dụng.

12.6 Mỗi Bên đồng ý bảo mật và không tiết lộ hoặc thông báo dưới bất kỳ hình thức nào cho bên thứ ba (ngoại trừ các cố vấn, chuyên gia tư vấn, luật sư hoặc nhân viên của mình khi cần thiết để tư vấn, hoặc theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền) bất kỳ thông tin nào liên quan đến Hợp Đồng này. Trong trường hợp một Bên vi phạm cam kết này, Bên kia có quyền thực hiện bất kỳ hoặc tất cả các biện pháp khắc phục kể cả yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài Hợp Đồng theo quy định của pháp luật Việt Nam.

12.7 Các Bên cùng đồng ý rằng Hợp Đồng này cùng với các Phụ lục, Bản Nội Quy, quy chế, Quy định về Quản lý Xây dựng (Phụ lục 5); Quy chế xây dựng và kết nối hạ tầng trong KCN (Phụ lục 6) quy định chung trong Khu Công Nghiệp, ... và các tài liệu khác đính kèm Hợp Đồng này do Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp, Chủ Đầu Tư ban hành sẽ tạo thành một thỏa thuận hoàn chỉnh giữa Các Bên và là một phần không tách rời Hợp Đồng. Hợp Đồng này thay thế toàn bộ các thỏa thuận, ghi nhớ bằng văn bản hoặc bằng miệng trước đó liên quan đến nội dung cơ bản của Hợp Đồng này (bao gồm Biên Bản Ghi Nhớ) và Bên B hiểu và thừa nhận rằng Bên B sẽ kế thừa thực hiện toàn bộ các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Bên Thuê Lại Đất đã cam kết tại các văn bản này.

12.8 Bên B xác nhận rằng, bằng việc ký kết Hợp Đồng này, Bên B đã nghiên cứu kỹ, hiểu và hoàn toàn đồng ý với các quy định trong Bản Nội Quy Khu Công Nghiệp đính kèm Hợp Đồng. Ngoài ra, Bên B chấp thuận và sẵn sàng ký kết bất kỳ cam kết, xác nhận nào theo yêu cầu của Bên A đối với Bản Nội Quy Khu Công Nghiệp và tuân thủ hoặc buộc người khác đang sử dụng Lô Đất tuân thủ nghiêm túc các quy định này.

12.9 Ngôn ngữ chính sử dụng trong Hợp Đồng, các phụ lục, văn bản, tài liệu kèm theo Hợp Đồng và các văn bản khác có liên quan đến việc thực hiện Hợp Đồng là tiếng Việt. Ngoài tiếng Việt, Các Bên có thể thỏa thuận sử dụng bản tiếng Hoa, tiếng Anh. Trong trường

hợp có sự khác biệt về nội dung giữa các ngôn ngữ thì bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng để giải thích, thực hiện và giải quyết tranh chấp (nếu có).

12.10 Sau thời điểm ký kết Hợp Đồng, Các Bên có thể thỏa thuận sửa đổi, bổ sung một, một số điều, khoản Hợp Đồng nhưng phải lập thành văn bản, có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của Các Bên..

12.11 Hợp Đồng này được lập thành 6 (sáu) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 4 bản, Bên B giữ 01 bản, 01 bản lưu tại Ban quản lý Khu Kinh tế tỉnh Bình Phước. Hợp Đồng có hiệu lực từ thời điểm ký kết.

12.12 Hai bên đã đọc kỹ và hiểu rõ các điều khoản quy định trong Hợp Đồng và tự nguyện ký tên bên dưới.

ĐẠI DIỆN BÊN B	ĐẠI DIỆN BÊN A
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED VIỆT NAM	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG SIKICO
Arief Widjaja	Huỳnh Thanh Chương

PHỤ LỤC I: TIẾN ĐỘ THANH TOÁN TỔNG TIỀN THUÊ ĐẤT

(đính kèm Hợp Đồng số: JETFA - FM.01.2020/HOU LSA)

1. Tiến độ thanh toán Tổng Tiền Thuê Đất

Đợt	Nội dung	Thời Hạn Thanh Toán	Tỷ lệ (%) so với Tổng Tiền Thuê Đất	Số tiền (VND)	Ghi chú
1	Đặt Cọc	ngay sau khi Bên B nhận được Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư (dự kiến vào ngày 25/12/2020)	35%	53.626.817.249	- Toàn bộ số tiền này (bao gồm cả các khoản Bên B đã thanh toán nêu tại Biên Bản Ghi Nhớ, nếu có) được gọi là "Tiền Đặt Cọc". - Đến hết Thời Hạn Thanh Toán Đợt 1 mà Bên B không đặt cọc đủ 35% Tổng Tiền Thuê Đất thì Hợp Đồng này đương nhiên bị hủy bỏ, Bên B bị mất toàn bộ số tiền đã thanh toán cho Bên A (nếu có).
2	Thanh toán đợt 2	25/01/2021	35%	53.626.817.249	- Đến hết Thời Hạn Thanh Toán Đợt 2 mà Bên B không thanh toán đủ thêm 35% Tổng Tiền Thuê Đất thì Hợp Đồng này đương nhiên bị hủy bỏ, Bên B bị mất toàn bộ số tiền đã thanh toán cho Bên A (bao gồm Tiền Đặt Cọc) - Sau khi thanh toán đủ 70% Tổng Tiền Thuê Đất, Bên B được nhận bàn giao (các) Lô Đất. Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A trước 15 ngày kể từ ngày dự kiến nhận bàn giao (các) Lô Đất tại giai đoạn này. Các Bên tiến hành bàn giao các Lô Đất trên thực địa theo quy định tại Điều 6 Hợp Đồng này.
3	Thanh toán đợt 3	25/03/2021	15%	22.982.921.678	
4	Thanh toán đợt 4	25/05/2021	15%	22.982.921.678	- Thực hiện thủ tục cấp GCN QSDĐ
TỔNG CỘNG			100%	153.219.477.853	

2. **Phương thức xử lý Tiền Đặt Cọc**

Bên A hoàn trả lại cho Bên B toàn bộ Tiền Đặt Cọc đã nhận, không có lãi, trong vòng 30 ngày kể từ ngày Các Bên chính thức xác nhận Cơ quan có thẩm quyền không cấp hoặc từ chối cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Đầu Tư cho Bên B mà không do lỗi của Bên B.

3. **Phương thức xử lý việc thanh toán hoàn trả thay thế Tiền Đặt Cọc mà Bên B đã chuyển**

Ngay sau khi Chi Nhánh Mới được thành lập, hoàn tất các thủ tục pháp lý về mở tài khoản vốn, nếu Chi Nhánh Mới và Bên B có yêu cầu bằng văn bản về việc chuyển lại khoản tiền đã đặt cọc để phù hợp quy chế góp vốn đầu tư thì Bên A sẽ hỗ trợ thủ tục thông qua việc hoàn lại Tiền Đặt Cọc mà Bên B đặt cọc cho Bên A trong vòng [illegible] làm việc kể từ ngày Bên A nhận được đủ Tiền Đặt Cọc thay thế do Chi Nhánh Mới chuyển cho Bên A. Các loại phí Ngân hàng, Bên B và Chi Nhánh Mới có trách nhiệm chi trả. Trong mọi trường hợp, Bên A chỉ hỗ trợ thực hiện thủ tục này trong phạm vi pháp luật cho phép.

Phụ lục này được ký đồng thời với Hợp Đồng, là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng.

4. Hai bên đã đọc kỹ và hiểu rõ các nội dung trong Phụ lục này và tự nguyện ký tên bên dưới.

ĐẠI DIỆN BÊN B	ĐẠI DIỆN BÊN A
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI JAPPA COMPANY VIỆT NAM	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG SIKICO
Arif Widjaja	Huỳnh Chánh Chương

JAPFA

GIẤY ỦY QUYỀN

(Số 03/2022/JCV-GA)

Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Bộ luật Lao động được Quốc hội thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020;
- Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020;
- Điều lệ hiện hành của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam ("**Công Ty**") và các văn bản sửa đổi điều lệ;
- Căn cứ Sơ Đồ Tổ Chức Nội Bộ hiện hành và Bảng Phân Quyền Nội bộ của Công ty áp dụng đối với bộ phận Hành Chính Nhân Sự,

Hôm nay, ngày ...03.... tháng ...06... năm 2022, chúng tôi gồm có:

1. BÊN ỦY QUYỀN

Họ và tên	:	**HOÀNG PHAN TẤN**
Ngày tháng năm sinh	:	12/06/1946
Địa chỉ cư trú	:	Số 15, Phố Hàng Bè, Phường Hàng Bạc, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chức vụ	:	Chủ tịch Hội đồng Thành viên
Căn cước công dân số	:	024046002792 cấp bởi Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội ngày 02/05/2021.

Là đại diện theo pháp luật của Công Ty.

(Sau đây gọi là "**Bên Ủy Quyền**");

Và

2. BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Họ và tên	:	**PHAN THANH LỊCH**
Ngày tháng năm sinh	:	24/12/1987
Địa chỉ cư trú	:	Khu phố 2, Thị trấn Thạnh Hóa, huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An
Chức vụ	:	Giám đốc Hành chính - Khu vực miền Nam.
Chứng minh nhân dân số	:	301619952 do Công an tỉnh Long An cấp ngày 20/02/2013

(Sau đây gọi là "**Bên Được Ủy Quyền**")

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

3.1. Trong phạm vi Giấy ủy quyền này, Bên Được Ủy Quyền sẽ được quyền thay mặt Bên Ủy Quyền thực hiện các công việc sau đây:

(a) Làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến việc đăng ký, sửa đổi, bổ sung các giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận của Công Ty và các chi nhánh, địa điểm kinh doanh, văn phòng đại diện của Công Ty, bao gồm nhưng không giới hạn: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh; giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế phòng cháy, chữa cháy; giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và các giấy phép, giấy chứng nhận khác cần thiết theo quy định của pháp luật tại khu vực miền Nam (từ thành phố Đà Nẵng đến hết các tỉnh miền Nam).

(b) Làm việc với các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chính quyền địa phương, tổ chức/cá nhân khác để giải quyết các vấn đề có liên quan đến hoạt động, hình ảnh và người lao động của Công Ty, các đơn vị/chi nhánh trực thuộc Công Ty tại khu vực miền Nam (từ thành phố Đà Nẵng đến hết các tỉnh miền Nam).

(c) Làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động môi trường, phòng cháy chữa cháy và an toàn lao động của Công Ty, bao gồm nhưng không giới hạn: Báo cáo đánh giá tác động môi trường; đề án bảo vệ môi trường; báo cáo giám sát môi trường; báo cáo quản lý và chuyển giao chất thải nguy hại; báo cáo tình hình khai thác nước dưới đất; kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường; báo cáo an toàn vệ sinh lao động, kế hoạch phân bổ bảo hộ lao động, kiểm tra an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy. Đồng thời, tiến hành liên hệ, làm việc, tiếp các đoàn thanh tra, kiểm tra, tham gia các cuộc họp theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và ký các giấy tờ có liên quan cho mục đích thanh tra, kiểm tra, thảo luận đối với các vấn đề nêu trên tại khu vực miền Nam (từ thành phố Đà Nẵng đến hết các tỉnh miền Nam).

(d) Làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chính quyền địa phương và các bên có liên quan để thực hiện các thủ tục hành chính cần thiết theo quy định của pháp luật, cũng như giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc sử dụng người lao động nước ngoài làm việc tại Công Ty và các đơn vị/chi nhánh trực thuộc Công Ty tại khu vực miền Nam (từ thành phố Đà Nẵng đến hết các tỉnh miền Nam).

(e) Thực hiện tất cả các hành động, hành vi, giải quyết và những công việc liên quan đến việc thực hiện các quyền trên hoặc Bên Được Ủy Quyền nhận thấy là cần thiết hoặc có lợi ích cho Công ty.

3.2. Thời hạn của Giấy ủy quyền

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày **01 tháng 02 năm 2022** đến ngày **31 tháng 12 năm 2022**, trừ khi Giấy ủy quyền này bị hủy bỏ sớm hơn bởi một trong các sự kiện sau: (i) Bên

Ủy Quyền chấm dứt Giấy Ủy Quyền này bằng văn bản; (ii) Bên Được Ủy Quyền từ bỏ chức vụ của mình; hoặc (iii) Bên Được Ủy Quyền bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự.

3.3. Bên Được Ủy Quyền sẽ không được ủy quyền lại cho bất kỳ người nào khác.

3.4. Bên Ủy Quyền cam kết rằng, trong thời hạn ủy quyền, Bên Ủy Quyền sẽ chấp nhận và xác nhận mọi hành vi được Bên Được Ủy Quyền tiến hành một cách hợp pháp trong phạm vi quyền hạn mà Bên Được Ủy Quyền được trao tại văn bản này.

4. CAM KẾT CỦA CÁC BÊN

4.1. Hai bên cam kết sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về mọi thông tin của Giấy ủy quyền ở trên.

4.2. Mọi tranh chấp phát sinh giữa Bên Ủy Quyền và Bên Được Ủy Quyền sẽ do hai bên tự giải quyết.

4.3. Giấy ủy quyền này sẽ được điều chỉnh và được giải thích theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4.4. Giấy ủy quyền này được lập thành 03 (ba) bản gốc, trong đó 01 (một) bản gốc sẽ được lưu tại Công ty và 02 (hai) bản gốc còn lại sẽ được giao cho Bên Ủy Quyền và Bên Được Ủy Quyền.

Bên Ủy Quyền	**Bên Được Ủy Quyền**
Hoàng Phan Tấn	**Phan Thanh Lịch**
Chủ tịch Hội đồng thành viên/ Đại diện theo pháp luật	Giám đốc Hành chính – Khu vực miền Nam

JAPFA

POWER OF ATTORNEY
(No. 03/2022/JCV-GA)

Pursuant to:

- The Civil Code passed by the National Assembly on 24 November 2015 and was effective from 01 January 2017;
- The Labour Code passed by the National Assembly on 20 November 2019 and was effective from 01 January 2020;
- The Law on Enterprise passed by the National Assembly on 17 June 2020 and was effective from 01 January 2020;
- The current Charter of Japfa Comfeed Vietnam Limited Company (the "**Company**") and its amendment;
- The current Internal Organizational Structures and current General Affairs Authority Matrix,

Today,....03 March 2022....., we include:

1. PRINCIPAL

Full name	:	**HOANG PHAN TAN**
Date of birth	:	12 June 1946
Residential Address	:	No. 15, Hang Be Town, Hang Bac Ward, Hoan Kiem district, Ha Noi city.
Title	:	Chairman of the Members' Council
ID No.	:	024046002792 issued by The police department for administrative management of social order dated 2 May 2021

Being the legal representative of Company.

(Hereinafter referred to as "**Principal**");

And,

2. AUTHORIZED PERSON

Full name	:	**PHAN THANH LICH**
Date of birth	:	24 December 1987
Residential Address	:	Group 2, Thach Hoa Tower, Thach Hoa District, Long An Province.
Title	:	GA Manager – South Area.
ID No	:	301619952 issued by Police of Long An province dated on 20 February 2013

(Hereinafter referred to as "**Authorized Person**")

3. SCOPE OF AUTHORIZATION

3.1. Within the scope of this Power of Attorney, the Authorized Person is hereby authorized to perform the followings for and on behalf of the Principal:

(a) Working with competent state agencies to carry out administrative procedures related to the registration, modification and supplementation of operating licenses and certificates of

the Company and branches, business location, representative office of the Company, including but not limited to: Investment registration certificate; enterprise registration certificate; branch operation certificate; certificate of business location registration; Certificate of land use right and ownership of residential house and other assets onland; wastewater discharge permit; permit for underground water exploitation; certificate of fire safety design appraisal; certificates of satisfaction of food safety conditions and other necessary permits and certificates as prescribed by law at South (from Da Nang city to entire Southern provinces).

(b) Working with competent state agencies, local authorities, other organizations/individuals to resolve issues related to the Company operations, image and employees, branches/units under the Company at South (from Da Nang city to entire Southern provinces).

(c) Working with competent state agencies to carry out administrative procedures as prescribed by law related to the Company's environmental activities, fire prevention and safety, including but not limited to: Environmental impact assessment report; environmental protection schemes; environmental monitoring report; hazardous waste management and transfer reports; report on the situation of underground water exploitation; declare and pay environmental protection fees; report on occupational safety and health, plan on allocation of labor protection, inspection of occupational safety and fire prevention. At the same time, contact, work, meet the inspection and inspection delegations, attend meetings at the request of competent state agencies and sign relevant documents for inspection purposes, examine and discuss the above issues at South (from Da Nang city to entire Southern provinces).

(d) Working with competent state agencies, local authorities and relevant parties to carry out necessary administrative procedures in accordance with the law, as well as resolve relevant issues related to the employment of foreign workers working at the Company and its subsidiaries/branches at South (from Da Nang city to entire Southern provinces).

(e) To do all acts, deeds, settlements and things related to the exercise of the above powers or which the Attorney shall consider necessary or expedient for the interests of the Company.

3.2. Duration of the Power of Attorney

This Power of Attorney takes effect from **01 February 2022 to 31 December 2022**, unless it is revoked sooner by either one of the following occurrences: (i) the Power of Attorney is terminated by the Principal in writing; (ii) the Authorized Person resigns from his/her position; or (iii) the Authorized Person become limited legal capacity or lack of legal capacity.

3.3. *The Authorized Person is not allowed to re-authorize any other third person.*

3.4. The Authorized Person, undertakes, within the duration of this Power of Attorney, to accept and confirm all actions that shall lawfully be taken by the Authorized Person in the capacity within the scope of the authority hereby conferred on the Authorized Person.

4. UNDERTAKINGS OF THE PARTIES

4.1. The parties undertake to take full responsibility before the laws of Vietnam for all information of this Power of Attorney above.

4.2. All disputes arising between the Principal and the Authorized Person shall be settled by the two parties themselves.

4.3. This Power of Attorney shall be governed and construed in accordance with the laws of Vietnam.

4.4. This Power of Attorney is made into 03 (three) original copies, in which 01 (one) original copy will be filed in the Company and 02 (two) original copies will be delivered to the Principal and the Authorized Person.

Principal	**Authorized Person**
Hoang Phan Tan	**Phan Thanh Lich**
Chairman of Members' Council/ Legal Representative	GA Manager – North Area

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2512 /QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 01 tháng 10 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: "Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản, công suất 480.000 tấn/năm" do Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam làm Chủ đầu tư tại lô B7-1, B7-2, B7-3, KCN Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản, công suất 480.000 tấn/năm" họp ngày 11/5/2021 tại Ban Quản lý Khu kinh tế;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản, công suất 480.000 tấn/năm" đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 2109 ngày 20/9/2021 của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 66/TTr-BQL ngày 29/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: "Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản, công suất 480.000 tấn/năm" (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại lô B7-1, B7-2, B7-3, KCN Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này; tổ chức kiểm tra và cấp Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Hớn Quản, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- UBND xã Đồng Nơ;
- Công ty CP CN Minh Hưng – Sikico;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Huỳnh Anh Minh

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN: "NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI VÀ THỦY SẢN, CÔNG SUẤT 480.000 TẤN/NĂM" DO CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM LÀM CHỦ ĐẦU TƯ TẠI LÔ B7-1, B7-2, B7-3, KCN MINH HƯNG - SIKICO, XÃ ĐỒNG NƠ, HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Kèm theo Quyết định số .2512.../QĐ-UBND ngày .01../.10../2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản, công suất 480.000 tấn/năm.

1.2. Địa điểm thực hiện: Lô B7-1, B7-2, B7-3, KCN Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

1.3. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam.

Địa chỉ liên hệ: Lô B7-1, B7-2, B7-3, KCN Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

Dự án "Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản, công suất 480.000 tấn/năm" được thực hiện trên diện tích 103.381,8 m^2 tại lô B7-1, B7-2, B7-3, KCN Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước bao gồm các hạng mục:

- Công trình chính: Xưởng sản xuất, nhà nguyên liệu, nhà thành phẩm, nhà nạp liệu, silo, nhà văn phòng, nhà lò hơi, nhà thí nghiệm mẫu…

- Công trình bảo vệ môi trường: Bể tự hoại 05 ngăn, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải lò hơi, hệ thống lọc bụi túi vải, kho chứa chất thải rắn thông thường, kho chứa chất thải nguy hại…

- Đường giao thông nội bộ, sân, cây xanh và các công trình phụ trợ khác.

1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:

1.5.1. Quy trình sản xuất thức ăn chăn nuôi:

Nguyên liệu → Hệ thống nhập → Sàng → Cân định lượng → Nghiền → Phối trộn → Bán thành phẩm dạng bột (1).

Bán thành phẩm dạng bột (1) → Đóng gói → Thức ăn chăn nuôi (dạng bột).

Bán thành phẩm dạng bột (1) → Hệ thống ép → Làm nguội → Bẻ mảnh → Sàng → Đóng gói → Thức ăn chăn nuôi (dạng viên).

1.5.2. Quy trình sản xuất thức ăn thủy sản:

Nguyên liệu → Hệ thống nhập → Sàng → Cân định lượng → Nghiền → Phối trộn → Ép đùn → Sấy chân không → Áo dầu → Làm nguội → Sàng → Đóng gói → Thức ăn thủy sản (dạng viên).

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án và lắp đặt máy móc thiết bị: Bụi từ quá trình san nền, đào hố móng xây dựng; bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; bụi và khí thải từ hoạt động xây dựng; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải nguy hại…

- Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy; bụi và khí thải từ quá trình sản xuất; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; nước thải sản xuất; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn sản xuất; chất thải nguy hại...

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh khoảng 4,5 m^3/ngày, chủ yếu chứa các thành phần gồm BOD_5, COD, TSS, tổng N, tổng P, amoni, dầu mỡ...

- Nước thải xây dựng: Phát sinh khoảng 03 m^3/ngày, chủ yếu chứa bùn, đất cát, xi măng, dầu mỡ…

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh khoảng 30,15 m^3/ngày, bao gồm nước thải từ nhà ăn và nước thải vệ sinh có chứa các chất lơ lửng, chất hữu cơ, các chất cặn bã, dầu mỡ, vi sinh vật…

- Nước thải sản xuất: Phát sinh khoảng 48,31 m^3/ngày bao gồm nước xả cặn lò hơi, nước thải từ phòng thí nghiệm và nước thải sát trùng xe. Nước thải sản xuất chứa các chất ô nhiễm như: cặn lơ lửng, chất hữu cơ, hóa chất khử trùng…

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Bụi từ quá trình san nền, đào hố móng xây dựng: Bụi thô, có kích thước lớn.

- Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ thi công xây dựng: Chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x, CO, VOC.

- Bụi và khí thải từ hoạt động của các loại máy móc thiết bị phục vụ thi công xây dựng: Chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO_2, NO_2, CO, VOC.

- Khí thải từ các hoạt động cơ khí: Quá trình hàn phát sinh chủ yếu là bụi và hơi kim loại.

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy: Thành phần khí thải gồm bụi, SO_2, NO_2, CO.

- Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất: Quá trình sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản, bụi, khí thải (mùi) phát sinh hầu hết ở các công đoạn sản xuất, đặc biệt là tại các công đoạn sản xuất hở như nạp liệu, đổ vào bao, đóng gói. Tuy nhiên do

quy trình sản xuất hiện đại, khép kín nên bụi, khí thải chủ yếu phát sinh trong nhà xưởng, không phát tán ra xung quanh môi trường.

- Bụi, mùi hôi tại khu vực chứa nguyên liệu sản xuất và khu vực lưu chứa thành phẩm: Nguyên liệu đầu vào và thành phẩm chủ yếu là các thành phần chứa hàm lượng protein cao như bột gạo, bột bắp, bột thịt xương... thường có mùi đặc trưng. Tuy nhiên do quy trình sản xuất hiện đại, khép kín nên bụi, mùi phát sinh không cao, chủ yếu phát sinh trong nhà kho, trong phạm vi Dự án, không phát tán ra xung quanh môi trường.

- Bụi, khí thải từ quá trình hoạt động của lò hơi: Nguồn khí thải phát sinh từ hoạt động đốt nhiên liệu biomass (củi, trấu viên nén, mùn cưa...), thành phần chất ô nhiễm chủ yếu gồm bụi, SO_2, NO_2, CO. Nếu nguồn thải này không được xử lý sẽ gây tác động đến môi trường không khí không chỉ trong phạm vi khu vực Dự án mà còn ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh khu vực Dự án.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Chất thải rắn xây dựng: Phát sinh khoảng 0,83 tấn/ngày, chủ yếu là bao bì giấy, ni lông, sắt thép vụn...

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh 90 kg/ngày, thành phần gồm rau, vỏ hoa quả, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 70% – 80% chất hữu cơ và 20% – 30% các chất khác.

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Khối lượng phát sinh khoảng 5,7 tấn/ngày gồm thùng carton, bao bì thải, nguyên liệu hư hỏng, tro, bụi, mẫu phân tích và khoảng 03 tấn/tháng bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (trường hợp kết quả phân tích bùn dưới ngưỡng quy định tại QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước).

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 243 kg/ngày gồm chất hữu cơ, giấy, ni lông, vỏ chai lọ, đồ hộp bằng nhựa hoặc kim loại...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 31 kg/tháng chủ yếu là giẻ lau dính dầu nhớt, que hàn thải, bao bì thải...

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 75 kg/năm gồm giẻ lau thải có chứa các thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; bao bì cứng thải bằng nhựa; hộp mực in thải và khoảng 03 tấn/tháng bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (trường hợp kết quả phân tích bùn thải vượt ngưỡng quy định tại QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước) ...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt: Lắp đặt 03 nhà vệ sinh di động; ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải theo quy định.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng: Bố trí hệ thống mương thu gom nước thải xây dựng tạm thời xung quanh khu vực xây dựng, san lấp các mương thoát nước tạm thời sau khi xây dựng xong; thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để phế thải hay cát xây dựng xâm nhập vào cống thoát nước gây tắc nghẽn, tái sử dụng nước thải xây dựng phục vụ quá trình thi công...

- Yêu cầu bảo vệ môi trường: Nước thải sinh hoạt phải được thu gom và xử lý theo quy định, không thải bỏ ra môi trường. Nước thải xây dựng được tái sử dụng phục vụ quá trình thi công, không xả ra ngoài môi trường.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải:

+ Xây dựng bể tự hoại 03 ngăn để xử lý nước thải từ nhà vệ sinh. Đầu tư, lắp đặt bể tách dầu để xử lý nước thải từ nhà ăn và bể tách cặn – dầu mỡ, cụm bể trung hòa – keo tụ – tạo bông, bể lắng, bể chứa bùn để xử lý nước thải rửa và khử trùng xe.

+ Xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m^3/ngày.đêm để xử lý nước thải sinh hoạt (nước thải từ nhà vệ sinh, nước thải từ nhà ăn) và nước thải sản xuất (nước thải từ phòng thí nghiệm, nước xả cặn lò hơi, nước rửa và khử trùng xe) với quy trình xử lý như sau:

Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn; nước thải nhà ăn sau khi qua bể tách dầu mỡ; nước thải xả đáy lò hơi; nước thải phòng thí nghiệm; nước thải rửa và khử trùng xe sau khi qua bể tách cặn - dầu mỡ, cụm bể trung hòa - keo tụ - tạo bông và bể lắng → Bể điều hòa → Bể thiếu khí (anoxic) → Bể hiếu khí (aerotank) → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng – Sikico.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của KCN Minh Hưng - Sikico (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Sikico.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình san nền, đào hố móng: Có kế hoạch nhập nguyên vật liệu xây dựng hợp lý, hạn chế việc tập kết vật tư tập trung vào cùng một thời điểm, tránh tồn đọng làm phát tán bụi theo gió, trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng...

- Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị: Che chắn công trường xây dựng, có kế hoạch

thi công thích hợp, các thiết bị máy móc được sử dụng đảm bảo kỹ thuật, được bảo dưỡng thường xuyên, tưới nước ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các hoạt động cơ khí:* Trang bị bảo hộ lao động gồm mắt kính, khẩu trang, găng tay cho công nhân thực hiện các hoạt động cơ khí tại công trình, bố trí thời gian làm việc hợp lý cho công nhân thi công...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy:* Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ; vệ sinh, thu dọn đất cát trong khuôn viên Dự án; bố trí bãi đậu xe hợp lý...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do không khí tại khu vực sản xuất:*

+ Trang bị dây chuyền sản xuất hiện đại, khép kín. Tại công đoạn hở như khu vực nạp liệu, đóng bao bố trí chụp hút, thiết bị thu hồi bụi, bụi được thu gom và tái sử dụng.

Thiết bị thu hồi bụi được lắp đặt đồng bộ theo dây chuyền sản xuất có quy trình công nghệ xử lý như sau: Bụi phát sinh tại khu vực nhập liệu, sàng, nghiền, đóng bao → Đường ống hút → Thiết bị lọc bụi túi vải → Quạt hút → Miệng thoát khí trong khu vực Dự án, bụi thu hồi được thu gom tái sử dụng làm nguyên liệu sản xuất..

+ Thiết kế nhà xưởng cao, thông thoáng. Kiểm soát, quản lý chặt chẽ chất lượng nguyên liệu đầu vào.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động của lò hơi tầng sôi, công suất 10 tấn/giờ:* Kiểm soát, đảm bảo quá trình cháy hoàn toàn và lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải lò hơi với quy trình công nghệ xử lý như sau: Bụi, khí thải lò hơi → Khử bụi thô (cyclone tổ hợp) → Khử bụi tinh (lọc bụi túi vải) → Quạt hút → Ống thải (chiều cao 26 m, đường kính 0,96 m).

Khí thải lò hơi sau khi qua hệ thống xử lý khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, mùi hôi từ hoạt động nhập, lưu trữ nguyên liệu, sản phẩm*: Các nguyên liệu được lưu chứa trong bao bì kín bằng ni lông 02 lớp. Nhà kho, nhà xưởng chứa nguyên liệu được xây dựng cao, thông thoáng. Nguyên liệu, sản phẩm được đóng bao và lưu chứa trong kho trên các pallet cách mặt đất 10 cm, cách tường 0,5 m để tránh tình trạng ẩm mốc làm phát

sinh mùi hôi. Hệ thống bồn chứa nguyên liệu được thiết kế với kết cấu kín, tiết diện và sức chứa nguyên liệu lớn, dễ dàng kiểm soát nhiệt độ, độ ẩm nguyên liệu hạn chế sự phá hoại của mối, mọt, chuột... và hạn chế phát sinh bụi, mùi hôi.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp, $k_v = 1$). Môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

3.3.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Chất thải rắn xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:* Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh, lưu giữ trong kho chứa tạm thời diện tích 24 m^2, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa rác có nắp đậy, lưu chứa tạm thời trong kho chứa diện tích 12 m^2, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Trang bị thùng rác các loại để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Thu gom toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường vào các thùng chứa, lưu giữ tại kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 150 m^2. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày

13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, đặt trong kho chứa chất thải nguy hại tạm thời tại khu vực xây dựng với diện tích 12 m^2 và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật về chất thải nguy hại.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, đặt trong kho chứa chất thải nguy hại diện tích 52,42 m^2, có mái che, vách bao quanh, có gờ, rãnh rốn để thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng, biển cảnh báo, thiết bị phòng cháy chữa cháy... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật về chất thải nguy hại.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- Tất cả các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị phục vụ Dự án phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường, không thi công vào các giờ cao điểm để tránh gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh, trang bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện

hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung:* Kiểm tra độ cân bằng của các thiết bị máy móc trên nền nhà xưởng trong quá trình lắp đặt, kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị, bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, trang bị nút chống ồn cho công nhân…

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư:* Bố trí hợp lý chiều cao nhà xưởng, trang bị hệ thống điều hoà, làm mát không khí, trồng cây xanh trong khu vực nhà máy…

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án. Trồng, chăm sóc, duy trì cây xanh trong khuôn viên nhà máy, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh đạt tối thiểu 20% tổng diện tích của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị: Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các sự cố về cháy nổ... theo đúng nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.

3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Áp dụng đầy đủ các biện pháp ứng phó, phòng ngừa sự cố môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng chống cháy nổ, ứng cứu sự cố, rủi ro và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ hoạt động của Dự án. Trường hợp xảy ra sự cố ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng, chủ Dự án phải chủ động tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố và khẩn trương báo cáo cho các cơ quan thẩm quyền để giải quyết sự cố theo quy định.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa, nước thải.

- Bể tự hoại 03 ngăn (06 bể, tổng thể tích 102 m^3).

- Công trình, hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m^3/ngày.

- Công trình, hệ thống xử lý khí thải lò hơi tầng sôi 10 tấn/giờ (số lượng: 01 hệ thống; công suất thiết kế: 30.000 m^3/giờ).

- Công trình, hệ thống xử lý lọc bụi túi vải (số lượng: 02 hệ thống và 48 túi vải; công suất thiết kế: 4.800 m^3/giờ/hệ thống).

- Kho lưu chứa chất thải công nghiệp có diện tích 150 m^2.

- Kho lưu chứa chất thải nguy hại có diện tích 52,42 m^2.

- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Giai đoạn xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công.

- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO_2, NO_2, CO.

- *Tần suất giám sát:* 01 lần trong suốt thời gian xây dựng.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu trữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, cách thức phân loại, lưu trữ.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/BTNMT, ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

5.2.1. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại khu vực nguyên liệu, 01 vị trí tại khu vực thành phẩm, 01 vị trí tại khu vực sản xuất.

- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NO_2, SO_2, NH_3, H_2S.

- *Tần suất giám sát:* 01 lần trong suốt quá trình vận hành thử nghiệm.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày

10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

5.2.2. Giám sát khí thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí đầu ra ống khói thoát khí thải lò hơi.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, bụi, CO, SO_2, NO_x.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp, $k_v = 1$).

5.2.3. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát:*

+ 01 vị trí đầu vào từ khu rửa, khử trùng xe (tại bể tách cặn và dầu mỡ): pH, COD, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng.

+ 01 vị trí sau cụm xử lý hóa lý (tại bể lắng hóa lý): COD, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng.

+ 01 vị trí tại bể điều hòa: pH, BOD_5, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng nitơ, tổng photpho.

+ 01 vị trí sau cụm xử lý sinh học (tại bể lắng sinh học): BOD_5, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng nitơ, tổng photpho.

+ 01 vị trí tại hố ga sau bể khử trùng trước khi đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN: Lưu lượng, pH, BOD_5, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng nitơ, tổng photpho, dầu mỡ khoáng, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn đấu nối nước thải của KCN Minh Hưng-Sikico (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

5.2.4. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Thành phần, khối lượng, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/BTNMT, ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.3. Giai đoạn vận hành thương mại:

5.3.1. Giám sát môi trường không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại khu vực nguyên liệu, 01 vị trí tại khu vực thành phẩm, 01 vị trí tại khu vực sản xuất.

- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, NO_2, SO_2, NH_3, H_2S.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

5.3.2. Giám sát khí thải tại nguồn:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí đầu ra sau hệ thống khí thải lò hơi.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, nhiệt độ, áp suất, bụi, CO, SO_2, NO_x.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số k_p phù hợp, $k_v = 1$).

5.3.3. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại hố ga đầu vào hệ thống xử lý nước thải; 01 vị trí tại hố ga đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Minh Hưng - Sikico.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, BOD_5, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng nitơ, tổng photpho, dầu mỡ khoáng, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn đấu nối nước thải của KCN Minh Hưng - Sikico (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

5.3.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Thành phần, khối lượng, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Thông tư số 36/2015/BTNMT, ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.3.5. Giám sát bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại bể chứa bùn từ hệ thống xử lý nước thải.

- *Thông số giám sát:* Asen, bari, cadimi, bạc, chì, coban, kẽm, niken, selen, thủy ngân, tổng dầu.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 50:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường: Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo đúng quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

6.2. Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

6.3. Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

6.4. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.5. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án.

6.6. Thực hiện việc đăng ký, công bố chất lượng các loại sản phẩm của Dự án trước khi thương mại hóa theo các quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

6.7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6.8. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

6.9. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành./.

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số : 43/GPXD

I. Cấp cho : **Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam.**

- Địa chỉ : Lô B7-1, B7-2, B7-3, KCN Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

II. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: "**Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản**".

- Tổng số công trình: 26 công trình.

- Theo thiết kế : Kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu kha thi DTXD dự án: Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam lô B7-1, B7-2, B7-3 tại KCN Minh Hưng – Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước tại Công văn số 1478/BQL-QHXDTNMT ngày 8/10/2021 của Ban Quản lý Khu kinh tế.

- Đơn vị thiết kế : Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế Xây Dựng Và Kiểm Định Bách Khoa Việt.

- Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế: Kts Đàm Duy Sơn và Ks Dương Ngọc Huân

- Đơn vị thẩm định, thẩm tra : Công ty Cổ phần tư vấn kiểm định Xây dựng Quốc tế theo Báo cáo Kết quả thẩm tra số 20/BCTTTK-21 ngày 24/9/2021.

- Chủ trì thẩm tra thiết kế: Kts Nguyễn Thanh Bình và Ks Văn Tấn Hội.

- Vị trí xây dựng : Lô B7-1, B7-2, B7-3, KCN Minh Hưng - Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

2. 1. Nhà thành phẩm: 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng : 01 (Không kể tầng bán hầm).

- Diện tích xây dựng : 6.183,0 m^2.

- Tổng diện tích sàn : 6.183,0 m^2.

- Chiều cao công trình : 15,55 m (Từ cao độ hoàn thiện sân đến đỉnh mái).

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng nông BTCT; Đà kiềng BTCT; Cột thép; Nền BTCT; Vì kèo, xà gồ thép, mái lợp tole; Tường xây gạch cao 1,2m, bên trên vách tole cao đến mái; Hệ thống cửa nhựa lõi thép, cửa sắt.

2. 2. Nhà nguyên liệu: 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp II.

- Số tầng : 01.

- Diện tích xây dựng : 11.671,0 m^2.

- Chiều cao công trình : 15,55 m (Từ cao độ hoàn thiện sân đến đỉnh mái).

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng nông BTCT; Đà kiềng BTCT ; Cột thép; Nền BTCT. Tường xây gạch cao 1,2m, bên trên vách tole cao đến mái. Vì kèo thép, mái lợp tole; Hệ thống cửa nhựa lõi thép, cửa sắt; Vách Panel cho kho lạnh.

2. 3. Tháp sản xuất + Thành phẩm bồn: 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp II.

- Số tầng : 11.

- Diện tích xây dựng : 864 m^2 + (4,4m x 24m) = 969,6 m^2

- Tổng diện tích sàn : 7.209,96 m^2.

- Chiều cao công trình : 43,2 m (Từ cao độ hoàn thiện sân đến đỉnh mái).

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng cọc BTCT; Đà kiềng BTCT ; Cột thép; Nền BTCT. Tường xây gạch cao 1,2m, bên trên vách tole cao đến mái. Vì kèo thép, mái lợp tole. Hệ thống cửa nhựa lõi thép, của sắt.

2. 4. Nhà chứa xá: 01 hạng mục.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng : 01.

- Diện tích xây dựng : 4.725,0 m^2.

- Chiều cao công trình : 19,285 m (Từ cao độ hoàn thiện sân đến đỉnh mái).

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng nông BTCT, đà kiềng BTCT; Cột, vách bằng BTCT cao 8m, bên trên cột thép cao đến mái; Tường xây gạch; Vì kèo thép, mái lợp tole; Hệ thống cửa sắt.

2. 5. Nhà nạp liệu, tháp gàu tải: 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng : 01.

- Diện tích xây dựng : 692 m^2.

- Chiều cao công trình : 18,0 m (Từ cao độ hoàn thiện sân đến đỉnh mái).

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng nông BTCT; Nền BTCT, cột, dầm BTCT. Tường xây gạch cao 1,2m, bên trên vách tole cao đến mái. Vì kèo thép, mái lợp tole. Hệ thống cửa nhựa lõi thép, cửa sắt.

2. 6. Nhà biến áp – máy phát điện: 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng : 01.

- Diện tích xây dựng : 267,12 m^2.

- Chiều cao công trình : 5,6 m (Từ cao độ hoàn thiện sân đến đỉnh mái).

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng BTCT. Sàn trệt, cột, dầm, sàn mái BTCT. Tường xây gạch. Hệ thống cửa nhựa lõi thép, cửa sắt.

2. 7. Khu vực bồn dầu: 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng : 01.

- Diện tích xây dựng : 179,9 m^2.

- Chiều cao công trình : 10,1 m (Từ cao độ hoàn thiện sân đến đỉnh mái).

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng BTCT. Sàn trệt BTCT. Tường xây gạch cao 500mm.

2. 8. Silo: 06 cái.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng : 01.

- Diện tích xây dựng : 422,6 m^2 x 6 = 2.535,6 m^2

- Chiều cao công trình : 35,10 m (Từ cao độ hoàn thiện sân đến đỉnh mái).

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,10 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng cọc BTCT. Sàn trệt, cột, dầm, sàn mái BTCT.

2. 9. Nhà lò hơi: 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng : 01.

- Diện tích xây dựng : 744,0 m^2.

- Chiều cao công trình : 13,6 m (Từ cao độ hoàn thiện sân đến đỉnh mái).

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng BTCT. Sàn trệt, đà kiềng BTCT; Cột thép. Vì kèo, xà gồ thép, mái lợp tole.Tường xây gạch cao 3m, bên trên vách tole cao đến mái. Hệ thống cửa nhựa lõi thép, cửa sắt.

2. 10. Nhà cơ khí: 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng : 01.

- Diện tích xây dựng : 256,0 m^2.

- Chiều cao công trình : 8,875 m (Từ cao độ hoàn thiện sân đến đỉnh mái).

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng BTCT. Sàn trệt, đà kiềng BTCT; Cột thép. Vì kèo, xà gồ thép, mái lợp tole.Tường xây gạch cao 1,2m, bên trên vách tole cao đến mái. Hệ thống cửa nhựa lõi thép, cửa sắt.

2.11. Bể xử lý nước thải: 01 công trình.

- Loại công trình: Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng: 01

- Diện tích xây dựng: 56,97 m^2.

- Chiều cao công trình: 5,2 m.

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000 thấp hơn so với mặt sân hoàn thiện là – 3,7 m

- Giải pháp kết cấu : Đáy, vách, nắp bể bằng Bê tông cốt thép.

2. 12. Bể nước, nhà bơm: 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng : 01.

- Diện tích xây dựng bể nước : 212,5 m^2.

- Thể tích bể nước : 860,62 m^2.

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000 thấp hơn so với mặt sân hoàn thiện là – 4,05 m

- Diện tích xây dựng nhà bơm: 49 m^2

- Chiều cao công trình : 3.786 m.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Đáy bể BTCT; thành bể BTCT; nắp bể BTCT.

2. 13. Nhà chất thải nguy hại: 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng : 01.

- Diện tích xây dựng : 202,5 m^2.

- Chiều cao công trình : 9,215 m (Từ cao độ hoàn thiện sân đến đỉnh mái).

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng BTCT. Sàn trệt, đà kiềng BTCT; Cột thép. Vì kèo. xà gồ thép, mái lợp tole.Tường xây gạch cao 1,2m, bên trên vách tole cao đến mái. Hệ thống cửa sắt.

2. 14. Nhà văn phòng: 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng : 02.

- Diện tích xây dựng tầng 1 : 665,79 m^2.

- Diện tích xây dựng tầng 2 : 554,16 m^2.

- Tổng diện tích sàn : 1.219,95 m^2.

- Chiều cao công trình : 9,8 m (Từ cao độ hoàn thiện sân đến đỉnh mái).

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,8 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng BTCT. Sàn trệt, đà kiềng, cột, dầm, sàn BTCT; Vì kèo. xà gồ thép, mái lợp tole.Tường xây gạch. Hệ thống cửa nhựa kính.

2. 15. Nhà căn tin: 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng : 01.

- Diện tích xây dựng : 433,44 m^2.

- Chiều cao công trình : 4,9 m (Từ cao độ hoàn thiện sân đến đỉnh mái).

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng BTCT. Sàn trệt, đà kiềng, cột BTCT; Vì kèo, xà gồ thép, mái lợp tole.Tường xây gạch. Hệ thống cửa nhựa kính.

2. 16. Nhà cân: 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng : 01.

- Diện tích xây dựng : 303,18 m^2.

- Chiều cao công trình : 6,62 m (Từ cao độ hoàn thiện sân đến đỉnh mái).

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình

có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng BTCT. Sàn trệt, đà kiềng, cột BTCT; Vì kèo, xà gồ thép, mái lợp tole.Tường xây gạch. Hệ thống cửa nhựa kính.

2. 17. Nhà thí nghiệm mẫu: 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp III.

- Số tầng : 02.

- Diện tích xây dựng tầng 1 : 160 m^2.

- Diện tích xây dựng tầng 2 : 160 m^2.

- Tổng diện tích sàn : 320 m^2.

- Chiều cao công trình : 9,179 m (Từ cao độ hoàn thiện sân đến đỉnh mái).

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0.2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng BTCT. Sàn trệt, đà kiềng, cột, dầm, sàn BTCT; Vì kèo, xà gồ thép, mái lợp tole.Tường xây gạch. Hệ thống cửa nhựa kính.

2. 18. Nhà bảo vệ - Cổng, bảng tên: 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng : 01.

- Diện tích xây dựng : 35,0 m^2.

- Chiều cao công trình : 3,80 m (Từ cao độ hoàn thiện sân đến đỉnh mái).

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng BTCT. Sàn trệt, đà kiềng, cột, dầm, sàn mái BTCT; Tường xây gạch. Hệ thống cửa nhựa kính.

2. 19. Nhà xe máy: 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng : 01.

- Diện tích xây dựng : 198 m^2.

- Chiều cao công trình : 4,6 m (Từ cao độ hoàn thiện sân đến đỉnh mái).

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng BTCT. Sàn trệt, đà kiềng BTCT; Cột thép. Vì kèo, xà gồ thép, mái lợp tole.

2. 20. Nhà xe ô tô 1 và nhà vệ sinh: 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng : 01.

- Diện tích xây dựng : 133,2 m^2.

- Chiều cao công trình : 5,8 m (Từ cao độ hoàn thiện sân đến đỉnh mái).

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng BTCT. Sàn trệt, đà kiềng BTCT; Cột thép. Vì kèo, xà gồ thép, mái lợp tole. Tường xây gạch. Hệ thống cửa nhôm kính.

2. 21. Trạm sấy khô: 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng : 01.

- Diện tích xây dựng : 206 m^2.

- Chiều cao công trình : 5,5 m (Từ cao độ hoàn thiện sân đến đỉnh mái).

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng BTCT. Sàn trệt, đà kiềng BTCT; Cột thép. Vì kèo, xà gồ thép, mái lợp tole.

2. 22. Trạm rửa xe: 01 nhà.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng : 01.

- Diện tích xây dựng : 206 m^2.

- Chiều cao công trình : 5,5 m (Từ cao độ hoàn thiện sân đến đỉnh mái).

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng BTCT. Sàn trệt, đà kiềng BTCT; Cột thép. Vì kèo, xà gồ thép, mái lợp tole. Vách tole.

2. 23. Nhà sát trùng xe: 02 nhà.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng : 01.

- Diện tích xây dựng : 179,55 m^2 x 2 = 359,1 m^2

- Chiều cao công trình : 6,26 m (Từ cao độ hoàn thiện sân đến đỉnh mái).

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng BTCT. Sàn trệt, đà kiềng BTCT; Cột thép. Vì kèo, xà gồ thép, mái lợp tole. Vách tole.

2. 24. Cầu cân: 02 cái.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng : 01.

- Diện tích xây dựng : 71,0 m^2 x 2 = 142 m^2

- Chiều cao công trình : 0,05 m (Từ cao độ hoàn thiện sân đến đỉnh mái).

- Cốt nền công trình : Cao độ đáy trạm cân -1,15 m so với mặt sân hoàn thiện sân đường nội bộ.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng BTCT.

2. 25. Cột cờ: 01 cái.

- Loại công trình : Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng : 01.

- Diện tích xây dựng : 9,0 m^2.

- Chiều cao công trình : 8,8 m (Từ cao độ hoàn thiện sân đến đỉnh mái).

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,3 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng BTCT, trụ inox.

2. 26. Nhà vệ sinh tài xế: 02 nhà.

- Loại công trình : Công trình dân dụng.

- Cấp công trình: Cấp IV.

- Số tầng : 01.

- Diện tích xây dựng : 23,0 m^2 x 2 = 46 m^2

- Chiều cao công trình : 3,5 m (Từ cao độ hoàn thiện sân đến đỉnh mái).

- Cốt nền công trình : Cao hơn 0,2 m so với mặt sân hoàn thiện công trình có ký hiệu ±0,000.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng BTCT. Sàn trệt, đà kiềng, cột, dầm, sàn mái BTCT; Tường xây gạch. Hệ thống cửa nhựa kính.

III. Giấy tờ về quyền sử dụng đất : Diện tích 103.381,8 m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số vào sổ cấp GCN: CT 34499, CT 34500 và CT 34501 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam ngày 15/04/2021.

IV. Ghi nhận công trình đã khởi công : Không.

V. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp. Quá thời hạn trên, Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam phải đề nghị gia hạn Giấy phép xây dựng./.

(Chủ đầu tư lưu ý xem những nội dung phải thực hiện ở mặt sau Giấy phép này).

Bình Phước, ngày 11 tháng 10 năm 2021

Nơi nhận :
- Như trên;
- Lưu VT, PQHXDTNMT

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Huy Hoàng

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY :

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh :

.....

.....

.....

2. Thời gian có hiệu lực của Giấy phép :

.....

.....

.....

Bình Phước, ngày tháng năm 2021

TRƯỞNG BAN

CTY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP
MINH HƯNG - SIKICO

Số: 93../TB.MHS-2021

V/v: Thông báo đóng tiền ký quỹ trước khi tiến hành thi công hạ tầng Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 22 tháng 04 năm 2022

Kính gửi: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam
(Lô B7-1,B7-2, B7-3)

Công ty Cổ phần Công nghiệp Minh Hưng - Sikico ("Công ty MHS") xin trân trọng cảm ơn Quý công ty đã tin tưởng, lựa chọn khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico làm nơi đầu tư và phát triển kinh doanh.

Theo nội dung văn bản đề nghị số 010422NPFM, ngày 01/04/2021,V/v "thi công công tác đấu nối vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại Khu Công nghiệp Minh Hưng- Sikico" của Quý Công ty đã gửi đến Công ty MHS. Công ty MHS kính đề nghị Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam chuyển số tiền ký quỹ 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) vào tài khoản của chúng tôi (theo thông tin phía dưới) trước khi tiến hành thi công đấu nối hạ tầng tại Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico.

Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Công nghiệp Minh Hưng - Sikico

Số tài khoản: 6380.201.01.7690 tại Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh Bình Thạnh, Tp.HCM

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT.

CTY CP CN MINH HƯNG - SIKICO
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

PHAN HUỲNH TẤN HOÀNG

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG SIKICO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: *010422/01 BPFM*	*Bình Phước, ngày 04 tháng 04 năm 2022*

BIÊN BẢN THỎA THUẬN ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT CỦA DỰ ÁN TẠI KHU CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG SIKICO

Dự Án : Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi và thủy sản
Địa điểm: Lô B7-1, B7-2, B7-3 KCN Minh Hưng Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

A. ĐẠI DIỆN BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG - SIKICO

- Ông/Bà: Phan Huỳnh Tấn Hoàng Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

B. ĐẠI DIỆN BÊN B: CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM – CN BÌNH PHƯỚC 3

- Ông/Bà: Nguyễn Công Phương Chức vụ: Giám Đốc chi nhánh

Căn cứ hồ sơ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật KCN được thẩm định và phê duyệt kèm theo Quyết định số 549/QĐ-UBND ngày 23/03/2015 và Quyết định số 3063/QĐ-UBND ngày 29/11/2016 của UBND Tỉnh Bình Phước;

Các Bên cùng thống nhất việc đấu nối hạ tầng kỹ thuật của Dự Án vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico với các nội dung như sau:

I. ĐẤU NỐI THOÁT NƯỚC MƯA, THOÁT NƯỚC THẢI:

1.1. Thoát nước mưa: *(Đấu nối 04 vị trí hệ thống thoát nước mưa của Dự án vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp: Đường D3, D4 01 vị trí; Đường N1 02 vị trí)*

- Các thông số kỹ thuật của mương/cống thoát nước mưa của KCN tại vị trí đấu nối:

• Vị trí tại đường D4, ký hiệu hố ga: G2.4

+ Cao độ đáy mương/đáy cống của KCN: *+56.93 m.*

+ Kích thước mương/cống của KCN: Dcống = 1000 mm

+ Kích thước mương/cống tại điểm đấu nối của Bên B: cống BTCT Dcống = 600mm

• Vị trí tại đường N1, ký hiệu hố ga: F3.4

+ Cao độ đáy mương/đáy cống của KCN: +56.12 m.

+ Kích thước mương/cống của KCN: Dcống = 600 mm

+ Kích thước mương/cống tại điểm đấu nối của Bên B: cống BTCT Dcống = 600mm

• Vị trí tại đường N1, ký hiệu hố ga: G.16

+ Cao độ đáy mương/đáy cống của KCN: +54.85 m.

+ Kích thước mương/cống của KCN: Dcống = 1500 mm

+ Kích thước mương/cống tại điểm đấu nối của Bên B: cống BTCT Dcống = 600mm

• Vị trí tại đường D3, ký hiệu hố ga: F2.8

+ Cao độ đáy mương/đáy cống của KCN: +57.26 m.

+ Kích thước mương/cống của KCN: Dcống = 600mm

+ Kích thước mương/cống tại điểm đấu nối của Bên B: cống BTCT Dcống = 600mm

- Để kiểm soát nước mưa từ nhà máy ra KCN, đề nghị Chủ đầu tư Dự Án bố trí hố ga thăm dường ống đấu nối tại vị trí đấu nối nước mưa.

- Bên B sẽ chịu trách nhiệm về việc đấu nối hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước chung của KCN (bao gồm các khoản chi phí thực hiện đấu nối và các nội dung đã cam kết).

1.2. Thoát nước thải: *(Đấu nối tại mấy vị trí và chỉ rõ vị trí đấu nối hệ thống thoát nước thải của dự án vào hệ thống thoát nước thải của Khu công nghiệp)*

- Đấu nối hệ thống thoát nước thải của Dự Án vào hệ thống thoát nước thải của Khu công nghiệp tại 01 vị trí hố ga ký hiệu E.14 (theo bản vẽ đính kèm)

- Hố ga thu nước thải của KCN tại vị trí đấu nối có các thông số như sau:

+ Cao độ đáy cống là: *+56.49 m.*

+ Kích thước cống thoát nước thải: *0.3 m.*

+ Cao độ đáy cống đấu nối từ bên B: +56.80

- Cao độ đáy cống đấu nối từ nhà máy ra phải cao hơn cao độ đáy cống thoát nước của KCN ít nhất là 0.3m.

1.3. Các yêu cầu chung về đấu nối thoát nước mưa, thoát nước thải:

- Trước khi thi công hệ thống mương/cống ngầm thoát nước mưa, nước thải của Dự Án. Bên B phải cung cấp bản vẽ chi tiết đấu nối vào hệ thống thoát nước KCN (thoát nước mưa, thoát nước thải) và liên hệ với Bên A để có thông tin về các đường ống hạ tầng kỹ thuật ngầm của KCN để có biện pháp thi công an toàn, mọi hư hỏng thiệt hại (nếu có) gây ra, Bên B phải chịu trách nhiệm bồi thường.

- Hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải trong nhà máy của Bên B phải được xây dựng đảm bảo tách riêng hoàn toàn và chịu sự kiểm soát của Bên A trong suốt quá trình xây dựng và hoạt động.

- Tại các vị trí đấu nối nước mưa từ mái nhà xuống hệ thống thoát nước mưa nhà máy phải thông qua hố ga kiểm tra, không được đấu nối trực tiếp vào đường cống nước mưa ngầm dưới đất.

- Tại các vị trí góc ngoặt, vị trí đấu nối các đường ống nước thải từ các hướng về một điểm giao phải bố trí hố ga kiểm tra để xác định hướng đi đường ống và xác định các đường ống nước thải đấu nối với nhau.

- Cao độ mặt hố ga nước thải phải cao hơn cao độ mặt đất xung quanh ít nhất 20 cm để ngăn nước mưa tràn vào hố ga.

- Trong quá trình Bên B thi công hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, Bên A sẽ phối hợp với Bên B để kiểm tra đảm bảo tách biệt riêng rẽ nước mưa và nước thải. Trước khi tiến hành lấp đất che khuất thì Bên B phải thông báo Bên A đến nghiệm thu. Công tác đấu nối hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải của Dự Án chỉ được tiến hành khi hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải nội bộ đã được Bên B thi công xong và đã được Bên A nghiệm thu.

- Đồng hồ đo lưu lượng nước thải do bên A cung cấp. Vị trí lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải phải bố trí bên ngoài Nhà máy để thuận lợi cho Bên A thực hiện công tác bảo trì và chốt chỉ số lưu lượng nước thải.

- Các yêu cầu khác tham khảo quy chế hoạt động KCN Minh Hưng - Sikico.

II. ĐẤU NỐI CẤP NƯỚC SẠCH:

Nguồn nước sạch:

- Vị trí đấu nối cấp nước: 1 vị trí trên đường D4 (các thông số theobanr vẽ đính kèm)

- Vị trí lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước nên bố trí gần với cổng ra vào Nhà máy để thuận lợi cho Bên A thực hiện công tác bảo trì và chốt chỉ số lưu lượng sử dụng nước.

- Bên B thông báo cho Bên A về nhu cầu sử dụng, thời gian bắt đầu sử dụng và tiến hành ký hợp đồng sử dụng nước với Bên A. Chi phí đấu nối vào đường ống chung và đồng hồ nước do Công ty cổ phần công nghiệp Minh Hưng - Sikico chịu.

- Bên B phải xây dựng bể chứa dự trữ nước đảm bảo dung tích theo Tiêu chuẩn Việt Nam về phòng cháy, chữa cháy và đảm bảo hoạt động Dự án theo quy định được Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh Bình Phước phê duyệt.

III. ĐẤU NỐI GIAO THÔNG VÀ CAO ĐỘ NỀN HOÀN THIỆN:

3.1. Đấu nối giao thông:

- Vị trí mở cổng của nhà máy phải đảm bảo an toàn giao thông, vị trí có tầm nhìn thông thoáng từ các phía, đảm bảo mỹ quan chung KCN. Trước khi thi công xây dựng nhà máy, Bên A phải tiến hành gia cố hệ thống hạ tầng bên dưới vỉa hè KCN tại vị trí mở cổng. Để tránh làm hư hỏng hạ tầng bên dưới hành lang kỹ thuật của KCN, công tác đào đất chỉ được thực hiện thủ công.

- Các yêu cầu khác tham khảo quy chế hoạt động KCN Minh Hưng - Sikico.

3.2. Nền hoàn thiện công trình:

- Cao độ hoàn thiện của mặt bằng nhà máy phải được tính toán sao cho phù hợp với cao độ hoàn thiện của đường giao thông giáp ranh khu đất, đảm bảo thoát nước cho Dự Án. Đất dư trong quá trình thi công san nền không được vận chuyển ra ngoài KCN mà phải được tập kết đến đúng vị trí do Bên A chỉ định.

- Cao độ mặt bằng hoàn thiện vị trí tiếp giáp đấu nối giao thông với đường KCN không cao quá 0,1 mét so với tim đường tại khu vực Dự Án công trình.

IV. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ VỀ XÂY DỰNG:

- Diện tích đất dành để trồng cây xanh của toàn nhà máy đạt tỷ lệ tối thiểu 20% trên tổng diện tích lô đất thuê.

- Chỉ giới xây dựng công trình: Cách tường rào tối thiểu 5m

- Mật độ xây dựng tối đa của Dự Án tối đa là 70%.

V. ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- Hai Bên thống nhất thực hiện đúng các nội dung trong Biên bản thoả thuận này. Trong quá trình thực hiện nếu gặp vướng mắc Hai Bên cùng nhau bàn bạc giải quyết.

- Biên bản được lập thành 2 bản, mỗi Bên giữ 1 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN B	ĐẠI DIỆN BÊN A
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 3	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP MINH HƯNG - SIKICO
Nguyễn Công Phương	Phan Huỳnh Tấn Hoàng

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số:01/NTLĐ/2022

Bình Phước, ngày 12 tháng 06 năm 2022.

Gói thầu: Thiết kế, cung cấp lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải công suất 100m^3/ngày.đêm.

Địa điểm: Lô B7-1, B7-2, B7-3, KCN Minh Hưng-Sikico, Xã Đồng Nơ, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào hợp đồng thi công số: 64/XLNT/HN-2022 về việc thực hiện gói thầu "Thiết kế, cung cấp lắp đặt thiết bị hệ thống xử lý nước thải công suất 100m^3/ngày.đêm", được ký giữa Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Và Công Nghệ Môi Trường Hợp Nhất và Công Ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam – Chi Nhánh Bình Phước 3.

Thành phần tham gia nghiệm thu:

ĐẠI DIỆN (BÊN A): CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM – CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 3

- Ông (Bà): Nguyễn Công Phương ..... Chức vụ: Giám đốc Sản xuất Thức ăn chăn nuôi .....
- Ông (Bà): ..... Chức vụ: .....

ĐẠI DIỆN (BÊN B): CÔNG TY CP XD VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT

- Ông (Bà): Phan Thanh Vũ ..... Chức vụ: TỔNG GIÁM ĐỐC .....
- Ông (Bà): Lương Quốc Hưng ..... Chức vụ: G.S.K.T .....

1. Thời gian nghiệm thu:

- Bắt đầu : 13 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 06 năm 2022.
- Kết thúc : 15 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 06 năm 2022.

2. Đánh giá hạng mục công trình

a) Tài liệu căn cứ nghiệm thu

Hợp đồng thi công, biên bản nghiệm thu tập kết thiết bị vật tư trước khi lắp đặt và các hồ sơ liên quan khác.

b) Các bên cùng tiến hành kiểm tra xác nhận các công việc hoàn thành tại công trường.

STT	NỘI DUNG	CHỨC NĂNG HẠNG MỤC	THÔNG SỐ HỢP NHẤT CUNG CẤP	XUẤT XỨ	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG	XÁC NHẬN	GHI CHÚ
I	**BỂ TÁCH MỠ**							
1	**Giỏ tách rác**	Loại bỏ rác có kích thước lớn	- Vật liệu: Inox 304 dày 2mm - Kích thước: DxRxC = 400 x 400 x 400mm	Hợp Nhất	Cái	1	✓	
2	**Bơm nước thải**	Bơm nước thải lên cụm bể hóa lý	- Loại: bơm chìm - Lưu lượng: 4m3/h - Cột áp: 11m - Công suất: 0,75kw - Điện áp: 380V, 3 phase - Đã bao gồm xích kéo và phao mực nước	Taiwan	Bộ	2	✓	
II	**BỂ TRUNG HÒA - KEO TỤ - TẠO BÔNG - LẮNG**							
1	**Cụm bể keo tụ - tạo bông - lắng**	Xử lý nước thải	- Kích thước: DxRxC = 3200 x 2400 x 3200mm - Vật liệu: Thép dày 2-3mm, quét composite chống oxy hóa	Việt Nam	Bộ	1	✓	Tăng khả năng chống ăn mòn trong môi trường nước thải so với thép sơn chống rỉ
2	**Cảm biến pH**	Điều khiển bơm định lượng chỉnh pH	- Thang đo: 1-14pH - Độ phân giải: 0.1pH - Phân liều: Tối đa 2A, 250VAC - Ngõ vào: 1012 Ohm - Nguồn điện: 230VAC/50Hz - Kích thước: 83 x 53 x 99mm - Tủ hiển thị: kẽm sơn tĩnh điện, 2 lớp vỏ	Hanna	Bộ	1	✓	
3	**Motor khuấy keo tụ**	Khuấy trộn nước thải	- Công suất: 1HP - Tốc độ: 120v/phút - Điện áp: 380V/ 3phase - Đã bao gồm cánh khuấy inox 304	Taiwan	Bộ	2	✓	

4	**Motor khuấy tạo bông**	Khuấy trộn nước thải	- Công suất: 1HP - Tốc độ: 30v/phút - Điện áp: 380V/ 3phase - Đã bao gồm cánh khuấy inox 304	Taiwan	Bộ	1		
5	**Sàn thao tác**	Thao tác vận hành	- Kích thước: DxR = 2800 x 600mm - Vật liệu: Inox 304	Việt Nam	Bộ	1	V	
6	**Bồn chứa hóa chất**	Chứa hóa chất xử lý	- Thể tích: 500 lít - Vật liệu: Nhựa	Việt Nam	Cái	3	V	
7	**Bơm định lượng**	Bơm hóa chất	- Lưu lượng: 50 lít/h - Công suất: 0,25kw	OBL - Italy	Cái	3	V	
8	**Tủ điều khiển tự động**	Điều khiển thiết bị tại hệ hóa lý	- Tủ điện: Tủ điện 02 lớp vỏ, bằng thép sơn tĩnh điện - Linh kiện: MCB, Contactor, Relay, Công tắc, đèn báo, còi báo, nút nhấn khẩn cấp, bộ bảo vệ pha - Sigma - Dây điện: Cadivi - Bảo vệ dây dẫn: máng cáp - Phụ kiện, support đồng bộ	Hợp Nhất	Hệ	1	V	
III	**BỂ ĐIỀU HÒA**							
1	**Giỏ tách rác**	Loại bỏ rác có kích thước lớn	- Vật liệu: Inox 304 dày 2mm - Kích thước: DxRxC = 400 x 400 x 400mm	Hợp Nhất	Cái	1	V	
2	**Bơm nước thải**	Bơm nước thải từ bể điều hòa sang bể thiếu khí	- Loại: bơm chìm - Lưu lượng: 5m3/h - Cột áp: 6m - Công suất: 0,4kw - Điện áp: 380V, 3 phase - Đã bao gồm xích kéo và phao mực nước	Taiwan	Bộ	2	V	
3	**Đồng hồ lưu lượng**	Đo lưu lượng vận hành đúng thiết kế	- Loại: Co - Size: DN50	Taiwan	Cái	1	V	

4	**Đĩa phân phối khí**	Xáo trộn nước thải	- Loại: Phân phối khí thô - Lưu lượng thiết kế: 5 – 26 m3/h - Đường kính: 127 mm (5inches) - Đầu nối: ren 27mm	SSI - USA	Cái	9	✓	
IV	**BỂ THIẾU KHÍ**							
1	**Máy khuấy chìm**	Khuấy trộn nước thải	- Công suất: 0,75kw - Điện áp: 380V, 3 phase - Đã bao gồm xích kéo và thanh trượt inox 304	Evak - Taiwan	Bộ	2	✓	
2	**Bồn chứa dinh dưỡng**	Chứa dinh dưỡng	- Thể tích: 500 lít - Vật liệu: Nhựa	Việt Nam	Cái	1	✓	
3	**Bơm định lượng**	Bơm dinh dưỡng	- Lưu lượng: 50 lit/h - Công suất: 0,25kw	OBL - Italy	Cái	1	✓	
V	**BỂ HIẾU KHÍ**							
1	**Máy thổi khí**	Cung cấp oxy cho vi sinh phát triển	- Lưu lượng: 2.5m3/phút - Cột áp: 4m - Công suất: 5HP - Điện áp: 380V, 3 phase	Taiwan	Cái	2	✓	
2	**Bơm tuần hoàn nước**	Tuần hoàn nước về bể anoxic khử nito	- Loại: bơm chìm - Lưu lượng: 4m3/h - Cột áp: 6m - Công suất: 0,4kw - Điện áp: 380V, 3 phase - Đã bao gồm xích kéo	Taiwan	Bộ	2	✓	
3	**Đĩa phân phối khí**	Xáo trộn nước thải	- Loại: Phân phối khí tinh - Lưu lượng thiết kế: 0 – 12 m3/h - Đường kính: 270 mm (9inches)	SSI - USA	Cái	24	✓	
VI	**Bể lắng sinh học**							
1	**Bơm tuần hoàn bùn**	Tuần hoàn bùn về bể sinh học	- Loại: bơm chìm - Lưu lượng: 3m3/h - Cột áp: 7m - Công suất: 0,4kw - Điện áp: 380V, 3 phase - Đã bao gồm xích kéo	Taiwan	Bộ	1	✓	

2	**Ống trung tâm**	Tránh xáo trộn nước thải	- Vật liệu: inox 304 - Kích thước: DxH = 0,5 x 2m	Việt Nam	Bộ	1	✓	
3	**Tấm răng cưa**	Phân phối đều nước bề mặt	- Vật liệu: inox 304 - Kích thước: DxR = 6,8 x 0,25m	Việt Nam	Bộ	1	✓	
4	**Tấm chắn bùn nổi**	Tránh bùn nổi bề mặt trôi ra ngoài	- Vật liệu: inox 304 - Kích thước: DxR = 6,0 x 0,25m	Việt Nam	Bộ	1	✓	
VII	**Bể khử trùng**							
1	**Bồn chứa hóa chất khử trùng**	Chứa dinh chất khử trùng	- Thể tích: 300 lít - Vật liệu: Nhựa	Việt Nam	Cái	1	✓	
2	**Bơm định lượng**	Bơm chất khử trùng	- Lưu lượng: 50 lít/h - Công suất: 0,25kw	OBL - Italy	Cái	1	✓	
3	**Bơm thoát nước thải**	Bơm nước thải đến điểm xả thải	- Loại: bơm chìm - Lưu lượng: 4m3/h - Cột áp: 11m - Công suất: 0,75kw - Điện áp: 380V, 3 phase - Đã bao gồm xích kéo và phao mực nước	Taiwan	Bộ	2	✓	
4	**Đồng hồ lưu lượng**	Đo lưu lượng vận hành đúng thiết kế	- Loại: Cơ - Size: DN50	Taiwan	Cái	1	✓	
VIII	**Đường ống công nghệ**							
1	**Đường ống STK và phụ kiện**	Kết nối đường ống khí trên cạn	- Vật liệu: STK	Việt Nam	Hệ	1	✓	
2	**Đường ống uPVC và phụ kiện**	Kết nối các hạng mục trong bể xử lý nước thải	- Vật liệu: uPVC	Bình Minh - Việt Nam	Hệ	1	✓	

IX	**Điện điều khiển**							
1	**Tủ điều khiển tự động**	Điều khiển thiết bị tại hệ hóa lý	- Tủ điện: Tủ điện 02 lớp vỏ, bằng thép sơn tĩnh điện - Linh kiện: MCB, Contactor, Relay, Công tắc, đèn báo, còi báo, nút nhấn khẩn cấp, bộ bảo vệ pha - Sigma - Dây điện: Cadivi - Bảo vệ dây dẫn: máng cáp - Phụ kiện, support đồng bộ	Hợp Nhất	Hệ	1	✓	
2	**Hệ thống cáp điện và máng dẫn**	Cấp nguồn động lực cho thiết bị	Cadivi	Hợp Nhất	Hệ	1	✓	

4. Kết luận:

.....

.....

.....

.....

.....

Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau

ĐẠI DIỆN (BÊN A)	ĐẠI DIỆN (BÊN B)
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM – CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 3	CÔNG TY CP XD VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT
	Phan Thanh Vũ

CÔNG TY TNHH
PHÚC TRƯỜNG HẢI
Số: 01-03 /2022/BBBG/PTH-ZRW

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
.....oOo.....

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU LẮP ĐẶT HOÀN THÀNH HỆ THỐNG

(V/v: Thi công lò hơi tầng sôi 10T/H Japfa –Bình Phước)

I. THỜI GIAN & ĐỊA ĐIỂM

- Vào lúc 09 giờ 00 phút, ngày 19./07/ 2022
- Địa chỉ: Nhà máy công ty Japfa Bình Phước

II. THÀNH PHẦN THAM DỰ :

A CÔNG TY TNHH VIỆT NAM ZERO WASTE (CHỦ ĐẦU TƯ)

42 Đường số 6, Khu Hưng Vượng 3, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh

1 Ông/Bà : Nguyễn Văn Sơn Chức vụ : Trưởng ban dự án
2 Ông/Bà : Phan Châu Thanh Tùng Chức vụ : Giám Sát

B CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI (NHÀ THẦU)

KCN Thạnh Phú, Xã Thạnh Phú, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai

1 Ông/Bà : Hoàng Đức Hữu Thế Chức vụ : Phụ trách dự án
2 Ông/Bà : _____ Chức vụ : _____

III. NỘI DUNG NGHIỆM THU

Hai Bên thống nhất ký kết biên nghiệm thu thiết bị hoàn thành với các nội dung như sau:

1. CÁC TÀI LIỆU CĂN CỨ

+ Hợp đồng số: 13/2022/PTH - ZRW/JAPFA-BP-10T. Ký ngày 22 tháng 4 năm 2022
+ Bảng báo giá số:21042022/PTH-ZRW/JAPFA-BP-5T ngày 21 tháng 02 năm 2022.giữa Công ty TNHH VIỆT NAM ZERO WASTE và Công ty TNHH Phúc Trường Hải
+ Căn cứ tiêu chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT

2. KẾT QUẢ KIỂM TRA

- Công tác thi công đúng tiến độ được lập được sự đồng ý của Chủ đầu tư.

- Công tác thi công đúng quy trình, quy phạm hiện hành của Nhà nước ban hành.
- Chủng loại vật tư thi công đúng theo tiêu chuẩn thi công của công trình.
- Công ty Phúc Trường Hải đã thi công thiết bị đã hoàn thành tại nhà máy PTH với khối lượng công việc theo bảng xác nhận. Nội dung chi tiết như sau:

A	HỆ THỐNG LÒ HƠI		THƯƠNG HIỆU	XUẤT XỨ	SL	ĐVT
1	**THÂN CHÍNH LÒ HƠI**					
	Balông hơi & nước	Thép chịu nhiệt A515/516 - GR60/70	Nippon	Nhật	1	Hệ
	Ống góp	Thép đúc SA/A106-GB	Trung Quốc TC	Trung Quốc		
	Ống sinh hơi	Thép đúc SA-A192; Ống Ø51 x 3.2mm Hoặc ống đúc SA-A192; Ống 51 x 2.9mm	Trung Quốc TC Mỹ Benteler	Trung Quốc Đức		
	Cách nhiệt dày 100mm	Ceramic tỷ trọng 96kg/m3 + Rockwool tỷ trọng 100 kg/m3; Bảo ôn theo tiêu chuẩn QCVN 04:2014/BCT	Khải Hoàn	Việt Nam		
	Bao che	Thép tấm dày 3mm	Trung Quốc	Trung Quốc		
	Sơn 2 lớp	Sơn chống rỉ, sơn màu thẩm mỹ	Donasa/Expo	Việt Nam		
2	**BUỒNG ĐỐT TẦNG SÔI**					
	Mặt sàn buồng đốt	Thép tấm SS400 - Quy cách theo thiết kế	Trung Quốc	PTH Boiler	1	Hệ
	Gạch chịu nhiệt	Samot Achịu nhiệt	Trung Quốc			
	Ống phun	Gang chịu nhiệt	PTH Boiler			
	Cửa thao tác	Gang chịu nhiệt	PTH Boiler			
	Côn cấp liệu	Inox 316; dày 3-4mm	Posco			
	Cách nhiệt dày 100mm	Ceramic tỷ trọng 96kg/m3 + Rockwool tỷ trọng 100 kg/m3; Bảo ôn theo tiêu chuẩn QCVN 04:2014/BCT	Khải Hoàn			
	Bao che	Thép tấm dày 3mm	Trung Quốc			
	Sơn 2 lớp	Sơn chống rỉ, sơn màu thẩm mỹ	Donasa/Expo			
3	**HỆ THỐNG CẤP NHIÊN LIỆU**					

	Phễu nạp liệu	Thép SS400, dày 3mm	Trung Quốc	PTH Boiler	1	Hệ
	Thân băng tải	Thép định hình U100 - 120mm	An Khánh/Nhà Bè			
	Băng su	Su bố B600, 4 lớp bố, su dạng V	Việt Nam			
	Động cơ hộp số	Công suất 2,2kw; I = 1/60 Đài Loan/Malaisia	Tunglee/			
	Sơn 2 lớp	Sơn chống rỉ, sơn màu thẩm mỹ	Bạch Tuyết/Donasa			
4	**HỆ THỐNG TIẾT KIỆM NHIỆT**					
4,1	**BỘ HÂM NƯỚC**					
	Ống trao đổi nhiệt	Ống đúc Ø42 SCH40	Kanghong/TQ	PTH Boiler	1	Hệ
	Thép mặt sàn	Thép SS400/CT3 dày 6mm	Trung Quốc			
	Vỏ bao che	Thép SS400/CT3 dày 6mm	/Trung Quốc			
	Cửa vệ sinh:	420x820mm	PTH Boiler			
	Bảo ôn dày 50mm	Rockwool tỷ trọng 100kg/m3	Khải Hoàn			
	Bao che	Thép SS 400 dày 1.2mm	Trung Quốc			
	Sơn 2 lớp	Sơn chống rỉ, Sơn màu thẩm mỹ	Bạch Tuyết/Donasa			
4,2	**BỘ SẤY KHÍ**					
	Ống trao đổi nhiệt	Ống thép Ø49 x 3mm	Hòa Phát	PTH Boiler	1	Hệ
	Thép mặt sàn	Thép SS400/CT3 dày 6mm	Trung Quốc			
	Vỏ bao che	Thép SS400/CT3 dày 6mm	Trung Quốc			
	Cửa vệ sinh	420x820mm	PTH Boiler			
	Bảo ôn dày 50mm	Rockwool tỷ trọng 96kg/m3	Khải Hoàn			
	Bao che	Thép SS 400 dày 1.2mm	Trung Quốc			
	Sơn 2 lớp	Sơn chống rỉ,	Donasa			
5	**HỆ THỐNG VAN TRÊN LÒ**					

	Van hơi chính	DN 150 - PN16	Soy	EU	1	Hệ
	Van an toàn	DN 40 - PN16 - Kiểm định	YNV	Hàn Quốc	2	Hệ
	Van tín hiệu	DN 20 - PN16	/Soy	EU	1	Hệ
	Van xả khí/xả nhanh	DN 40 - PN16	Soy	EU	1	Hệ
	Van ra cụm ống thủy	DN 20 - PN16	Soy	EU	2	Hệ
	Kính thủy sáng	DN 20 - PN16; L = 235x34x17	Hels	EU	2	Hệ
	Van cấp nước sau bơm	DN 50 - PN16	Đài Loan	Đài Loan	3	Hệ
	Van 1 chiều đĩa	DN 40 - PN16	Đài Loan	/Đài Loan	3	Hệ
	Van xả đáy balong	DN 40 - PN16	Soy	EU	1	Hệ
	Van xả đáy ống góp	DN 25 - PN16	Soy	EU	2	Hệ
	Hệ đường ống kết nối		PTH Boiler	PTH Boiler	1	Hệ
6	**THIẾT BỊ ĐIỀU KHIỂN LẮP TRÊN LÒ**					
	Cảm biến áp suất hơi	Sensor	Huba	Hàn Quốc	1	Hệ
	Công tắc áp suất hơi	Rơ le ON-OF	Danfoss	Hàn Quốc		
	Công tắc mức nước	Omron	Omron	Chính hãng		
	Đồng hồ áp suất lò hơi	Thang chia 0-16bar	Nuofatima/Wika	EU		
	Đồng hồ áp suất bơm tuần hoàn	Thang chia 0-6bar	Nuofatima/Wika	EU		
	Cảm biến nhiệt độ buồng lửa, nước, khói nóng	Sensor	Sensor	Hàn Quốc		
7	**HỆ THỐNG BƠM NƯỚC**					
	Bơm chính lò hơi 1 chạy 1 dự phòng	Công suất Q=5m3/h; H=120 - 150m; T = 120oC Điều chỉnh bằng biến tần	Ebara	EU	2	Bộ
	Kết nối hệ thống	Hệ Van bơm, Van cấp, Van xả, Y lọc Đường ống, co, tê, bích kết nối	Hàn Quốc/Đài Loan PTH Boiler	Hàn Quốc/Đài Loan PTH Boiler	1	Hệ

	Bồn nước 5m3	Thép SS400, dày 4mm; Bọc cách nhiệt dày 50mm, Rockwool 100kg/m3 Bọc cách nhiệt dày 50mm, Rockwool 100kg/m3 Bao che tôn mạ màu dày 0.4mm Hệ thống ống trong bồn, van, bích,... Cụm kính thủy sáng Cảm biến mức nước	Trung Quốc Khải Hoàn/ Hoa Sen/ Đông Á PTH Boiler Việt Nam Huba chính hãng	PTH Boiler	1	Bộ
8	**HỆ XỬ LÝ NƯỚC (1 CỘT)**					
	Hệ xử lý nước Bơm nước cấp Kết nối hệ thống Hệ điện điều khiển	Vỏ bồn composite Van điều kiển Hạt nhựa Mitshu Bơm nước cấp Đường ống và phụ kiện: PPR Hệ thống điện điều khiển	Trung Quốc Trung Quốc Mitshu CNP Bình Minh/ Tiền Phong LS - Hàn Quốc	Trung Quốc Trung Quốc Nhật Bản CNP PTH Boiler	1	Hệ
	GỚI HẠN CHỈ TIÊU NƯỚC	**TRƯỚC LÀM MỀM**		**SAU LÀM MỀM**		
1	pH	6.5 - 9		6.5 - 9		
2	Tổng độ cứng/ Total Hardness As CaCO3, ppm	<80		<1		
3	Độ dẫn điện, µS/cm	<1000		<1000		
4	Silicat (SiO2), As SIO2, ppm	<15		-		
5	Sắt tổng/ Total iron As, ppm	<0.3		<0.3		
6	Chlorua/ Chloride As Cl-, ppm	<150		<150		
7	Chlorine/ Clorin As Cl2, ppm	<0.2		-		
8	Sắt lơ lửng/SS, ppm	<1		-		
9	**HỆ THỐNG QUẠT**					

	Quạt hút khói - Quạn gián tiếp Q = 15.0000m3/h; H = 400mmH2O	Thân chính thép SS400; dày 4-8mm; sơn tĩnh điện Guồng cánh Inox 304 Gối đỡ + Vòng bi SKF Dây đai Bando; Buly côn rút Nhiệt độ làm việc: 180oC Động cơ: Teco/ABB/Hyosung	Phương Linh	Việt Nam	1	Bộ
	Quạt cấp 1 - Quạt trực tiếp Q = 5.000m3/h; H = 450mmH2O	Thân, vỏ giá bệ thép SS400 Guồng cánh thép SS400 sơn tĩnh điện Gối đỡ + Vòng bi SKF Động cơ: Teco	Phương Linh	Việt Nam	1	Bộ
	Quạt cấp 2 - Quạt trực tiếp Q = 1500m3/h H = 250mmH2O	Thân, vỏ giá bệ thép SS400 Guồng cánh thép SS400 sơn tĩnh điện Động cơ: Teco	Phương Linh	Việt Nam	1	Bộ
10	**HỆ THỐNG ĐIỆN**					
	Tủ điều điều khiển	Vỏ tủ điện - sơn tinh điện đạt TCVN Nút nhất, con tắc, đèn hiển thị Rơ le trung gian Thiết bị đóng cắt Biến tần quạt khói, quạt gió, băng tải Bộ điều hiển thị & điều khiển tần số, áp suất, áp suất âm, nhiệt độ	Việt Nam Idec/Omron Idec/Omron Fuji/ABB Yaskawa/Easydrive Omron/Emko	Việt Nam Chính hãng Chính hãng Chính hãng Chính hãng Chính hãng	1	Hệ
	Lập trình PLC - SCADA	Đếm thời gian làm việc thiết bị, để tiện theo dõi vận hành, bảo dưỡng Tự động điều chỉnh cấp liệu, quạt gió theo áp suất hơi Tự động điều chỉnh quạt khói theo áp suất âm		Việt Nam	1	Hệ

	Dây, máng điện	Máng điện, ke đỡ Hệ dây điện động lực	Cadivi/Ngohan	Việt Nam	1	Hệ
11	**CYCON TỔ HỢP**					
	Cyclon con Vỏ bao che Van xoay Chân đỡ, kết nối Sơn 2 lớp	Cấu tạo dạng cyclon chùm nhiều cấp lọc bụi Thép SS400 dày 3-4mm Động cơ: 0,75kw và 1,5kw; Xuất xứ: Đài Loan/Malaisia Thép hình U150/I150 Sơn chống rỉ, sơn màu thẩm mỹ theo yêu cầu khách hàng	Việt Nam/Trung Quốc Tunglee/ TMX An Khánh/Nhà Bè/Posco Bạch Tuyết/Donasa	PTH Boiler	1	Hệ
12	**HỆ TÚI VẢI - KHÔNG BAO GỒM MÁY NÉN KHÍ**					
	Lọc bụi túi vải; nhiệt độ làm việc max 200oC; tốc độ <1,3m/s. , - Có cyclone tổ hợp lọc bụi hiệu suất 95% trước khi qua túi lọc.	Hệ thống điện Thiết bị điện Hệ thống túi vải chịu nhiệt Van điều khiển Đồng hồ áp Van định lượng xả tro Thùng chứa túi vải, bonke chứa tro Chân đỡ, sàn thao tác (Không bao gồm máy nén khí)	PTH Boiler Hàn Quốc/Đài Loan Trung Quốc Trung Quốc Đài Loan PTH Boiler PTH Boiler PTH Boiler	PTH Boiler	1	Hệ
	Vít tải tro đến vít tải tro chung	Vỏ vít: Thép tấm SS400 dày 4mm Trục vít: Thép ống Φ114 x T6mm Cánh vít: Thép tấm SS400 dày 4mm Motor giảm tốc 1.5kW Đài Loan/Malaisia	Việt Nam/Trung Quốc Hòa Phát Việt Nam/Trung Quốc Tunglee/ TXM	PTH Boiler	1	Hệ

13	**SILO CHỨA TRO 20M3**					
	Silo chứa tro 20m3	Thân Silo dùng thép tấm SS400 dày 4mm, gân tăng cứng dùng thép tấm SS400 dày 8mm. Chân đỡ dùng ống thép hàn Ø140 x 4mm Lan can dùng thép hộp 40x40x2mm, thép ống hàn Ø27x2mm. Sàn thao tác dùng thép tấm gân SS400 dày 3mm và thép hình U80x4mm. Sơn lót 2 lớp và sơn hoàn thiện 1 lớp	Việt Nam/Trung Quốc Hòa Phát Hòa Phát Bạch Tuyết/Donasa	PTH Boiler	1	Hệ
	Vít tải tro	Vỏ vít: Thép tấm SS400 dày 4mm Trục vít: Thép ống Φ114 x T6mm Cánh vít: Thép tấm SS400 dày 4mm Motor giảm tốc Đài Loan 1.5kW	Việt Nam/Trung Quốc Hòa Phát Việt Nam/Trung Quốc Tunglee/ TXM	PTH Boiler	1	Hệ
	Gàu tải tro	Gầu tải tro H= 8mét (tổng chiều cao) Vòng bi gối 2 nửa 213-210 (SKF) Khung bao ống gầu tải: Thép tấm SS400 dày 2-4mm Gầu múc nhựa Pu: 266x168x154mm Dây băng tải trần 8 ly Họng xả liệu ống quần 2 ngã sử dụng van khí nén Thép hình V50, hộp vuông 30, thép SS400 gân 3mm Động cơ 2.2kW Đài Loan/Malaisia	SKF Trung Quốc Việt Nam Việt Nam Việt Nam An Khánh/Hòa Phát Tunglee/ TMX	PTH Boiler	1	Hệ

14	**ỐNG KHÓI**					
	Ống khói đường kính D600/D480 x 18 mét	Thân ống khói bằng thép tấm SS400 dày 4-6mm	Trung Quốc	PTH Boiler	1	Hệ
		Thang leo sàn thao tác	Việt Nam			
		Lỗ thăm, đo môi trường	Việt Nam			
		Hệ cáp giằng ống khói	Việt Nam			
		Hệ chống sét	Việt Nam			
15	**HỆ THỐNG KẾT NỐI**					
	Hệ xả	Xả đáy lò hơi	Trung Quốc	PTH - Việt Nam	1	Hệ
		Xả van an toàn	Trung Quốc			
		Xả khí lò hơi	Trung Quốc			
	Hệ ống dẫn gió, khói	Ống dẫn gió nóng	Trung Quốc			
		Côn dẫn khói 1,2,3,4	Trung Quốc			
		Ống dẫn khói ra quạt khói, lên ống khói	Trung Quốc			
16	**BỒN GÓP DN500 x 2000MM**					
	Bồn góp DN500 x 2000 x 12mm	Bồn góp DN500 x 2000mm - A106 GRB Gia công chân đế chân bồn góp thép hình U100, thép tấm SS400 dày 8mm, 12mm. Gia cường bảo ôn: Thép tấm chấn la dày 5mm Bảo ôn bông Roowol định hình dày 50mm tỷ trọng 100kg/m3, ngoài bọc tôn inox dày 0.4mm	Ống: Trung Quốc Thép tấm: VN/TQ Bông bảo ôn: Khải Hoàn, Shenzen Inox: Posco	PTH Boiler	1	Hệ
	Cổng van an toàn DN40	Ống đúc DN40 - SCH40 Van an toàn DN40 - PN16 (EU) Mặt bích DN40 - PN16 Hệ roong chì, bulong kết nối	Ống: Trung Quốc Van: YNV Phụ kiện: VN/TQ			

Cổng vào DN150	Ống đúc DN150 - SCH40 Van hơi DN150 - PN16 (EU) Mặt bích DN150 - PN16 DIN Hệ roong chì, bulong kết nối	Ống: Trung Quốc Van: Zetkama/Soy Phụ kiện: VN/TQ			
Cổng ra DN150	Ống đúc DN150 - SCH40 Van hơi DN150 - PN16 (EU) Mặt bích DN150 - PN16 DIN Hệ roong chì, bulong kết nối	Ống: Trung Quốc Van: Zetkama/Soy Phụ kiện: VN/TQ			
Cổng chờ DN150	Ống đúc DN150 - SCH40 Mặt bích rỗng, bích mù DN150 Hệ roong chì, bulong kết nối	Ống: Trung Quốc Phụ kiện: VN/TQ			
Cổng xả đáy bồn góp	Ống đúc DN100 - SCH40 Mặt bích rỗng, bích mù DN100 - PN16 Hệ roong chì, bulong kết nối	Ống: Trung Quốc Phụ kiện: VN/TQ			
Đồng hồ áp	Đồng hồ áp D100: 0-16bar (EU) - Hiệu chuẩn Van ÷ sifong kết nối	Đồng hồ: Noufatima/Wika Phụ kiện: Việt Nam/Trung Quốc			
Cụm tách nước bồn góp DN25	Ống đúc DN25 SCH40 Van cầu DN25-PN16 (EU) Cốc tách nước DN25 (EU) Mặt bích DN25-PN16	Ống: Trung Quốc Van: Zetkama/Soy Bẫy hơi: Hels Phụ kiện: VN/TQ			
Siêu âm	Siêu âm 100% mối hàn	Trung Tâm kiểm định			

3. Ý KIẾN KHÁC CỦA HAI BÊN

STT	BÊN GÓP Ý	NỘI DUNG
1	CHỦ ĐẦU TƯ	…… …… ……
2	NHÀ THẦU	…… …… ……

IV. KẾT LUẬN

- Sau khi kiểm tra các thiết bị các hạng mục đã lắp đặt hoàn thành Chủ Đầu Tư Đồng ý hay Không đồng ý nghiệm thu để đưa vào sử dụng.

{ V } ĐỒNG Ý { } KHÔNG ĐỒNG Ý

- Biên bản được thành lập 04 (bốn) bản, Bên chủ đầu tư giữ 02 (hai) bản, Đơn vị nhà thầu thi công lắp đặt giữ 02 (hai) bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ ZERO WASTE	ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU PHÚC TRƯỜNG HẢI
Nguyễn Văn Sơn	Mai Đức Thế

JAPFA

JAPFA COMFEED VIETNAM CO., LTD - BINH PHUOC 3.BRANCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH LẮP ĐẶT THIẾT BỊ

(Hạng mục: Thi công, lắp đặt thiết bị lọc bụi túi vải công suất 12.000m³/h tại khu đóng bao)

Thời gian, địa điểm thực hiện công việc:

- Thời gian: 15 giờ 00 phút, ngày 20 tháng 07 năm 2022
- Địa điểm: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước 3, Lô B7-1, B7-1, B7-3, KCN Minh Hưng Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

Các bên nghiệm thu gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM – CN BÌNH PHƯỚC 3

- Địa chỉ: Lô B7-1, B7-1, B7-3, KCN Minh Hưng Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
- Đại diện: Ông/Bà: Huỳnh Hữu Mộc Chức vụ: Giám Đốc nhà máy
- Đại diện: Ông/Bà: Nguyễn Xuân Hồng Chức vụ: Trợ lý dự án

BÊN B: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI AN TÂM

- Địa chỉ: số 50/6, đường Nguyễn Đình Chiểu, phường 3, quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Đại diện: Ông/Bà: Lê Nhật Ân Chức vụ: Chỉ huy trưởng

Sau khi kiểm tra thực tế, chúng tôi thống nhất xác nhận nghiệm thu hạng mục công việc như sau:

1/ Hạng mục: Thi công, lắp đặt thiết bị lọc bụi túi vải công suất 12.000m³/giờ tại khu đóng bao

2/ Model thiết bị: TBLMY76

3/ Số lượng: 01

4/ Khối lượng nghiệm thu: Đã hoàn thành lắp đặt thiết bị 100%

5/ Chất lượng công trình: Đạt yêu cầu

Kết luận: Sau khi kiểm tra, chúng tôi xác nhận Bên B đã hoàn thành khối lượng công việc như trên.

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Huỳnh Hữu Mộc	Lê Nhật Ân

JAPFA
JAPFA COMFEED VIETNAM CO., LTD - BINH PHUOC 3 BRANCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH LẮP ĐẶT THIẾT BỊ

(Hạng mục: Thi công, lắp đặt thiết bị lọc bụi túi vải công suất 66.000m³/h tại khu nhập liệu)

Thời gian, địa điểm thực hiện công việc:

- Thời gian: 15 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 07 năm 2022
- Địa điểm: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước 3, Lô B7-1, B7-1, B7-3, KCN Minh Hưng Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

Các bên nghiệm thu gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM – CN BÌNH PHƯỚC 3

- Địa chỉ: Lô B7-1, B7-1, B7-3, KCN Minh Hưng Sikico, xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước
- Đại diện: Ông/Bà: Huỳnh Hữu Mộc Chức vụ: Giám Đốc nhà máy
- Đại diện: Ông/Bà: Nguyễn Xuân Hồng Chức vụ: Trợ lý dự án

BÊN B: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI AN TÂM

- Địa chỉ: số 50/6, đường Nguyễn Đình Chiểu, phường 3, quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Đại diện: Ông/Bà: Lê Nhật Ân Chức vụ: Chỉ huy trưởng

Sau khi kiểm tra thực tế, chúng tôi thống nhất xác nhận nghiệm thu hạng mục công việc như sau:

1/ Hạng mục: Thi công, lắp đặt thiết bị lọc bụi túi vải công suất 66.000m³/giờ tại khu đóng bao

2/ Model thiết bị: LNGM45

3/ Số lượng: 03

4/ Công suất mỗi thiết bị: 22.000m³/giờ

5/ Khối lượng nghiệm thu: Đã hoàn thành lắp đặt thiết bị 100%

6/ Chất lượng công trình: Đạt yêu cầu

Kết luận: Sau khi kiểm tra, chúng tôi xác nhận Bên B đã hoàn thành khối lượng công việc như trên.

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Huỳnh Hữu Mộc	Lê Nhật Ân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

ISO 9001:2015

No: 0240	04	**IPDT**

Scanned with CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH PHÚC ĐẠI TÍN

Địa chỉ: 47/50/30 Trường Lưu, P.Long Trường, TP Thủ Đức, TP HCM

Điện thoại: 02873.088.677 - Số đăng ký chứng nhận: 132/GCN-KD

I . TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG

- Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY TNHH VIỆT NAM ZERO WASTE**
- Địa chỉ: 42 Đường số 6, Khu Hưng Vượng 3, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp.HCM

II . ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

- Tên đối tượng kiểm định: **BÌNH GÓP HƠI**
- Mã hiệu : **PTH/12.000-BG12/077**
- Số chế tạo : **BG-077/2022**
- Năm chế tạo : **2022**
- Nhà chế tạo : **Cty TNHH Phúc Trường Hải**
- Đặc tính, thông số kỹ thuật:
  - Dung tích : **440 lít**
  - Áp suất thiết kế : **12,0 bar**
  - Áp suất làm việc : **≤ 9,0 bar**
  - Nhiệt độ làm việc : **≤ 178^{0}C**
  - Môi chất làm việc : **Hơi bão hòa**
  - Công dụng của bình: **Chứa và cấp hơi bão hòa**
- Nơi lắp đặt: CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM-CN BÌNH PHƯỚC 3 – Lô B7-1, B7-2, B7-3, KCN Minh Hưng-Sikico, Xã Đồng Nơ, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước

Đã được kiểm định lần đầu đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số: **0240/04/IPDT** - Ngày: 25/06/2022

Số tem kiểm định: **02501**

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: **25/06/2024** (*)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH PHÚC ĐẠI TÍN

Ngô Thanh Niệm

(*)Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất.

Scanned with CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH PHÚC ĐẠI TÍN
Địa chỉ: 47/50/30 Trường Lưu, Phường Long Trường, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM
Điện thoại: 028. 730 886 77 - 0946 460 199
Web: phucdaitin.com.vn - Email: kiemdinh@phucdaitin.com.vn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Ngày 25 tháng 06 năm 2022

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN BÌNH CHỊU ÁP LỰC

Số: 0240/04/IPDT
(Theo biên bản ghi chép hiện trường số: 0240/04)

Chúng tôi gồm:
1. Ngô Thanh Niệm - *Số hiệu kiểm định viên : 143/KĐV-LĐTBXH*
2. Nguyễn Văn Bé Năm - *Số hiệu kiểm định viên : 987/KĐV-LĐTBXH*
3. Trần Khánh Duy - *Kỹ thuật viên*
4. Nguyễn Văn Tho - *Kỹ thuật viên*
5. Trần Quốc Lâm - *Kỹ thuật viên*
6. Trần Phước Tín - *Kỹ thuật viên*
Thuộc: **CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH PHÚC ĐẠI TÍN**
Số đăng ký chứng nhận: Số 132/GCN-KĐ
Đã tiến hành kiểm định: BÌNH GÓP HƠI
Của: **CÔNG TY TNHH VIỆT NAM ZERO WASTE**
Địa chỉ: 42 Đường số 6, Khu Hưng Vượng 3, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp.HCM
Địa chỉ lắp đặt: CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM-CN BÌNH PHƯỚC 3 – Lô B7-1, B7-2, B7-3, KCN Minh Hưng-Sikico, Xã Đồng Nơ, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước
Quy trình kiểm định áp dụng: QTKĐ 07-2016/BLĐTBXH
(TCVN 8366:2010; TCVN 6155:1996; TCVN 6156:1996; TCVN 6008:2010; .....)
Chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản:
1.Ông (Bà): *Nguyễn Văn Sơn* ; Chức vụ: *Quản lý dự án*
2.Ông (Bà): *Bùi Công Thành* ; Chức vụ: *Kỹ thuật Phúc Trường Hải*

I - THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA BÌNH

- Loại, mã hiệu:	PTH/12.000-BG12/077	- Áp suất thiết kế:	12,0 bar
- Số chế tạo:	BG-077/2022	- Áp suất làm việc:	≤ 9,0 bar
- Năm chế tạo:	2022	- Dung tích:	440 lít
- Công dụng của bình:	Chứa và cấp hơi bão hòa	- Nhiệt độ làm việc:	≤ 178 ^{0}C
- Môi chất làm việc:	Hơi bão hòa	- Nhà chế tạo: Cty TNHH Phúc Trường Hải	
- Ngày kiểm định lần trước:	Lần đầu	- Do: CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH PHÚC ĐẠI TÍN	

II - HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH

Lần đầu ☑; Định kỳ ☐, Bất thường ☐
Lý do trong trường hợp kiểm định bất thường: ./.

III - NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra hồ sơ :
- Nhận xét: hồ sơ phù hợp
- Đánh giá kết quả: Đạt ☑ Không đạt ☐

2. Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài, bên trong:

Hạng mục kiểm tra	Đạt	Không đạt
Vị trí lắp đặt	☐	☐
Sàn, cầu thang thao tác	☑	☐
Chiếu sáng vận hành	☑	☐
Tiếp địa chống sét, tiếp địa an toàn.	☐	☐
Tình trạng bề mặt kim loại các bộ phận chịu	☑	☐
Tình trạng mối hàn, các mối nối.	☑	☐

Scanned with CamScanner

Các van, thiết bị phụ trợ	☑	☐
Van an toàn	☑	☐
Áp kế	☑	☐
Đo mức	☐	☐
Các thiết bị an toàn, đo lường, tự động khác	☐	☐

- Nhận xét: Không phát hiện bất thường. Các thiết bị bảo vệ, đo lường phù hợp
- Đánh giá kết quả: Đạt ☑ Không đạt ☐

3. Thử nghiệm :

Nội dung	Môi chất thử	Áp suất thử (bar)	Thời gian duy trì (phút)
Thử bền	Nước	12,0	5
Thử kín	Nước	9,0	30
Thử vận hành	Hơi bão hòa	9,0	60

- Nhận xét: Không bị rò rỉ, biến dạng trong suốt thời gian thử bền. Các thông số vận hành phù hợp.
- Đánh giá kết quả: Đạt ☑ Không đạt ☐

IV - KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Bình được kiểm định có kết quả: Đạt ☑ Không đạt ☐
2. Đã được dán tem kiểm định số: **02501** - Tại vị trí: Thân bình
3. Áp suất làm việc : ≤ **9,0 bar**
4. Nhiệt độ làm việc: ≤ **178 ^{0}C**
5. Áp suất đặt của van an toàn: **9,9 bar**
6. Các kiến nghị:

- Tại thời điểm kiểm tra thiết bị hoạt động bình thường. Tuy nhiên trong quá trình làm việc nếu thiết bị có biểu hiện bất thường thì đơn vị sử dụng phải dừng thiết bị ngay lập tức để kiểm tra;

- Định kỳ kiểm tra, kiểm định các thiết bị phụ đúng quy định, bảo đảm luôn trong tình trạng tốt, hoạt động an toàn;

- Tuyệt đối không để bình hoạt động vượt quá áp suất quy định.

Thời gian thực hiện kiến nghị: Sau ngày kiểm định

V - THỜI HẠN KIỂM ĐỊNH

Kiểm định định kỳ ngày **25 tháng 06 năm 2024**

Lý do rút ngắn thời hạn:*Thiết bị sử dụng liên tục, nên rút ngắn thời gian kiểm định để kiểm tra đảm bảo an toàn trong quá trình sử dụng*

Biên bản đã được thông qua ngày 25 tháng 06 năm 2022

Tại: *đơn vị sử dụng(Lô B7-1, B7-2, B7-3, KCN Minh Hưng-Sikico, Xã Đồng Nơ, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước)*

Biên bản được lập thành 02 bản , mỗi bên giữ 01 bản.

CƠ SỞ SỬ DỤNG	**NGƯỜI THAM GIA**	**KIỂM ĐỊNH VIÊN**
Cam kết thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn kiến nghị	*(ký, ghi rõ họ, tên)*	
	1/	CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT AN TOÀN PHÚC MAI THỊNH KIỂM ĐỊNH VIÊN 86: 987/KDV LĐTBXH SAFETY IPDT
	2/.....	Nguyễn Văn Bé Năm

Scanned with CamScanner

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

ISO 9001:2015

No: 020	01	**IPDT**

Scanned with CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH PHÚC ĐẠI TÍN

Địa chỉ: 47/50/30 Trường Lưu, P.Long Trường, TP Thủ Đức, TP HCM

Điện thoại: 02873.088.677 - Số đăng ký chứng nhận: 132/GCN-KĐ

I . TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG

- Tên tổ chức sử dụng: **CÔNG TY TNHH VIỆT NAM ZERO WASTE**
- Địa chỉ: 42 Đường số 6, Khu Hưng Vượng 3, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp.HCM

II . ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

- Tên đối tượng kiểm định: **NỒI HƠI TẦNG SÔI**
- Mã hiệu : **PTH/10.000FB-12/077**
- Số chế tạo : **PTH/077/2022**
- Năm chế tạo : **2022**
- Nhà chế tạo : **CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI**
- Đặc tính, thông số kỹ thuật:
  - Công suất : **10,0 tấn/h**
  - Áp suất thiết kế : **12,0 bar**
  - Áp suất làm việc : **≤ 9,0 bar**
  - Nhiệt độ môi chất : **≤ 178 °C**
  - Môi chất làm việc : **Hơi bão hòa**
  - Nhiên liệu đốt : **Biomas(Trấu, mùn cưa,...)**
- Nơi lắp đặt: CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM-CN BÌNH PHƯỚC 3 – Lô B7-1, B7-2, B7-3, KCN Minh Hưng-Sikico, Xã Đồng Nơ, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước

Đã được kiểm định lần đầu đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số: **020/01/IPDT -** Ngày 25 tháng 06 năm 2022

Tem kiểm định số: **02521**

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: **25/06/2024**(*)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 06 năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH PHÚC ĐẠI TÍN

Ngô Thanh Niệm

(*)Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất.

Scanned with CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH PHÚC ĐẠI TÍN
Địa chỉ: 47/50/30 Trường Lưu, Phường Long Trường, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM
Điện thoại: 028. 730 866 77 - 0946 460 199
Web: phucdaitin.com.vn - Email: kiemdinh@phucdaitin.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Ngày 25 tháng 06 năm 2022

BIÊN BẢN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN NỒI HƠI

Số: 020/01/IPDT
(Theo biên bản ghi chép hiện trường số: 020/01)

Chúng tôi gồm:
1. Ngô Thanh Niệm - *Số hiệu kiểm định viên : 143/KĐV-LĐTBXH*
2. Nguyễn Văn Bé Năm - *Số hiệu kiểm định viên : 987/KĐV-LĐTBXH*
3. Nguyễn Văn Tho - *Kỹ thuật viên*
4. Trần Khánh Duy - *Kỹ thuật viên*
5. Trần Quốc Lâm - *Kỹ thuật viên*
6. Trần Phước Tín - *Kỹ thuật viên*
Thuộc: **CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH PHÚC ĐẠI TÍN**
Số đăng ký chứng nhận của tổ chức kiểm định: Số 132/GCN-KĐ
Đã tiến hành kiểm định: NỒI HƠI TẦNG SÔI
Của: **CÔNG TY TNHH VIỆT NAM ZERO WASTE**
Địa chỉ trụ sở chính: 42 Đường số 6, Khu Hưng Vượng 3, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp.HCM
Địa chỉ lắp đặt: CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM-CN BÌNH PHƯỚC 3 – Lô B7-1, B7-2, B7-3, KCN Minh Hưng-Sikico, Xã Đồng Nơ, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước.
Quy trình kiểm định áp dụng: QTKĐ: 01 - 2016/BLĐTBXH; TCVN 12728:2019
Chứng kiến kiểm định và thông qua biên bản:
1.Ông (Bà): *Nguyễn Văn Sơn* ; Chức vụ: *Quản lý dự án*
2.Ông (Bà): *Bùi Công Thành* ; Chức vụ: *Kỹ thuật Phúc Trường Hải*

I - THÔNG SỐ CƠ BẢN CỦA NỒI HƠI

- Loại, mã hiệu:	PTH/10.000FB-12/077	- Áp suất thiết kế:	12,0 bar
- Số chế tạo:	PTH/077/2022	- Áp suất làm việc:	≤ 9,0 bar
- Năm chế tạo:	2022	- Công suất:	10 tấn/h
- Nhiệt độ thiết kế hơi bão hòa:	≤ 192 °C	- Nhiên liệu sử dụng:	Biomas(Trấu, mùn cưa,..)
- Nhiệt độ thiết kế hơi quá nhiệt:	/.°C	- Công dụng:	Sản xuất hơi bão hòa
- Nhà chế tạo: CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI			
- Ngày kiểm định lần trước:	Lần đầu	Do: CÔNG TY CP KIỂM ĐỊNH PHÚC ĐẠI TÍN	

II - HÌNH THỨC KIỂM ĐỊNH

Lần đầu ☑ ; Định kỳ ☐ ; Bất thường ☐
Lý do trong trường hợp kiểm định bất thường: /.

III - NỘI DUNG KIỂM ĐỊNH

1. Kiểm tra hồ sơ :
- Nhận xét: hồ sơ phù hợp
- Đánh giá kết quả: Đạt ☑ Không đạt ☐

2. Kiểm tra kỹ thuật bên ngoài, bên trong :

Hạng mục kiểm tra	Đạt	K.đạt	Hạng mục k.tra	Đạt	K.đạt
Tình trạng cáu cặn	☑	☐	Cửa	☑	☐
Hệ thống cấp nước	☑	☐	Áp kế	☑	☐
Chiếu sáng vận hành	☑	☐	Đo mức	☑	☐
Cầu thang, sàn thao tác	☑	☐	Van an toàn	☑	☐
Các thiết bị, bộ phận phụ trợ	☑	☐	Khoảng cách	☑	☐
Các thiết bị bảo vệ, đo lường, tự động khác	☑	☐	Hệ thống chống sét	☑	☐
Tình trạng bề mặt kim loại bộ phận chịu áp lực	☑	☐	Tình trạng mối hàn	☑	☐

Scanned with CamScanner

Đánh giá kết quả:

- Nhận xét: Không phát hiện bất thường. Các thiết bị bảo vệ, đo lường phù hợp.
- Đánh giá kết quả: Đạt ☑ Không đạt ☐

3. Thử nghiệm:

Nội dung thử	Áp suất thử (bar)	Thời gian duy trì (phút)
Thử bền	18,0	20
Thử vận hành	10,0	60

Đánh giá kết quả:

- Nhận xét: Không phát hiện rò rỉ, biến dạng trong suốt thời gian thử bền. Các thông số vận hành ổn định.
- Đánh giá kết quả: Đạt ☑ Không đạt ☐

IV - KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nồi hơi được kiểm định có kết quả: Đạt ☑ Không đạt ☐ ;
2. Đã được dán tem kiểm định số: **02521** - Tại vị trí: *Trên tủ điện điều khiển*
3. Áp suất làm việc: **≤ 9,0 bar**
4. Nhiệt độ làm việc hơi bão hòa: **≤ 178 ^{0}C**
5. Nhiệt độ làm việc hơi quá nhiệt: ./. ^{0}C
6. Áp suất đặt của van an toàn:

Vị trí	Áp suất mở (bar)	Áp suất đóng (bar)
Van hơi bão hòa 1	9,9	9,0
Van hơi bão hòa 2	9,6	9,0
Van hơi quá nhiệt	./.	./.

7. Các kiến nghị: - *Người vận hành phải được huấn luyện an toàn và có chứng chỉ vận hành nồi hơi theo quy định pháp luật;*

- Đơn vị sử dụng thường xuyên kiểm tra công nhân vận hành thực hiện tốt các quy trình quy định đã ban hành cùng các tài liệu liên quan khác về an toàn sử dụng Nồi hơi;

- Định kỳ kiểm tra, kiểm định các thiết bị phụ đúng quy định, bảo đảm luôn trong tình trạng tốt, hoạt động an toàn;

- Tuyệt đối không để Nồi hơi hoạt động vượt quá áp suất quy định.

Thời hạn thực hiện kiến nghị: *Sau ngày kiểm định*

V-THỜI HẠN KIỂM ĐỊNH

Kiểm định định kỳ ngày **25 tháng 06 năm 2024**

Lý do rút ngắn thời hạn: *theo QTKĐ: 01 - 2016/BLĐTBXH*

Biên bản đã được thông qua ngày 25 tháng 06 năm 2022

Tại: *đơn vị sử dụng (Lô B7-1, B7-2, B7-3, KCN Minh Hưng-Sikico, Xã Đồng Nơ, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước)*

Biên bản được lập thành 02 bản , mỗi bên giữ 01 bản.

CƠ SỞ SỬ DỤNG	**NGƯỜI THAM GIA CHỨNG KIẾN**	**KIỂM ĐỊNH VIÊN**
(Cam kết thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn các kiến nghị)	1. …… 2. ……	CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH PHÚC ĐẠI THỊNH KIỂM ĐỊNH VIÊN Số: 987/KĐV - LĐTBXH SAFETY IPDT Nguyễn Văn Bé Năm

Scanned with CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH PHÚC ĐẠI TÍN
Địa chỉ: 47/58/30 Trường Lưu, Phường Long Trường, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM
Điện thoại: 028. 730 886 77 - 0946 469 199
Web: phucdaitin.com.vn - Email: kiemdinh@phucdaitin.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 0310/VAT-IPDT	**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH** ***CERTIFICATE OF INSPECTION***	Ngày/date: 27/06/2022 Page: 01/02

Đối tượng kiểm định/*Instrument:* ***Van An toàn*** /*Safety valve*

Số chế tạo/*Serial number*: ***AF4785*** | Năm sản xuất/*Year of manufacture*: ***2021***

Nhà Sản Xuất /*Manufacturer*: ***KOREA***

Mục đích sử dụng /*purpose of use*: ***Bảo vệ an toàn cho Bình góp hơi(Serial: BG-077/2022)***

Đơn vị sử dụng /*Client:* ***CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM-CN BÌNH PHƯỚC 3***
Lô B7-1, B7-2, B7-3, KCN Minh Hưng-Sikico, Xã Đồng Nơ, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT / TECHNICAL SPECIFICATIONS

Loại van /*Type of valve*: ***Lò xo***	Áp suất cài đặt cho phép lớn nhất /*maximum set pressure*: ***9.9 bar***
Kích thước vào/ra /*Size (Inlet/ outlet)*: ***DN40/DN65***	Áp suất cài đặt/*Set pressure*: ***9.9bar***

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THỬ NGHIỆM/*TESTING RESULT*

Phương pháp kiểm định/*Method of calibraion*: ***QTKĐ-VAT***	Môi chất thử/*Testing Fluid*: *Hơi bão hòa*

Thử nghiệm/*Testing*	Áp suất/*Pressure*	Đánh giá/*Assessment*	
		Đạt/Accept	Không đạt/No accept
• Áp suất mở/*Popping pressure*	***9.9***	☑	☐
• Áp suất đóng/*Close pressure*	***9.0***	☑	☐
• Thử độ kín/*Leakage testing*	***9.0***	☑	☐

- Giấy chứng nhận này có giá trị trong vòng 12 tháng kể từ ngày kiểm định (*)
- *This certificate is valid 12 months since date of test.*

Người Thực Hiện
(Executor)

Nguyễn Văn Tho

TỔNG GIÁM ĐỐC
(General director)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH PHÚC ĐẠI TÍN

Ngô Thanh Niệm

(*) Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản.
With respectfulness of conditions of use and maintenance.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH PHÚC ĐẠI TÍN
Địa chỉ: 47/50/38 Trường Lưu, Phường Long Trường, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM
Điện thoại: 028. 730 686 77 - 0946 460 199
Web: phucdaitin.com.vn - Email: kiemdinh@phucdaitin.com.vn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 0311/VAT-IPDT	**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH** ***CERTIFICATE OF INSPECTION***	Ngày/date: 27/06/2022 Page: 01/02

Đối tượng kiểm định/*Instrument:* ***Van An toàn*** /*Safety valve*

Số chế tạo/*Serial number*: ***AF4790*** | Năm sản xuất/*Year of manufacture*: ***2021***

Nhà Sản Xuất /*Manufacturer*: ***KOREA***

Mục đích sử dụng /*purpose of use*: ***Bảo vệ an toàn cho nồi hơi (Serial: PTH/077/2022)***

Đơn vị sử dụng /*Client*: ***CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM-CN BÌNH PHƯỚC 3***
Lô B7-1, B7-2, B7-3, KCN Minh Hưng-Sikico, Xã Đồng Nơ, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT / TECHNICAL SPECIFICATIONS

Loại van /*Type of valve*: ***Lò xo***	Áp suất cài đặt cho phép lớn nhất /*maximum set pressure*: ***9.9 bar***
Kích thước vào/ra /*Size (Inlet/ outlet)*: ***DN40/DN65***	Áp suất cài đặt/*Set pressure*: ***9.9bar***

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THỬ NGHIỆM/*TESTING RESULT*

Phương pháp kiểm định/*Method of calibraion*: ***QTKĐ-VAT***	Môi chất thử/*Testing Fluid*: *Hơi bão hòa*

Thử nghiệm/*Testing*	Áp suất/*Pressure*	Đánh giá/*Assessment*	
		Đạt/Accept	Không đạt/No accept
• Áp suất mở/*Popping pressure*	***9.9***	☑	☐
• Áp suất đóng/*Close pressure*	***9.0***	☑	☐
• Thử độ kín/*Leakage testing*	***9.0***	☑	☐

- Giấy chứng nhận này có giá trị trong vòng 12 tháng kể từ ngày kiểm định (*)
- *This certificate is valid 12 months since date of test.*

Người Thực Hiện
(Executor)

Nguyễn Văn Tho

TỔNG GIÁM ĐỐC
(General director)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH PHÚC ĐẠI TÍN

Ngô Thanh Niệm

(*) Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản.
With respectfulness of conditions of use and maintenance.

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH PHÚC ĐẠI TÍN
Địa chỉ: 47/50/30 Trường Lưu, Phường Long Trường, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM
Điện thoại: 028. 730 886 77 - 0946 460 199
Web: phucdaitin.com.vn - Email: kiemdinh@phucdaitin.com.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 0312/VAT-IPDT	**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH** *CERTIFICATE OF INSPECTION*	Ngày/date: 27/06/2022 Page: 01/02

Đối tượng kiểm định/*Instrument:* ***Van An toàn*** */Safety valve*

Số chế tạo/*Serial number*: ***AF0592***	Năm sản xuất/*Year of manufacture*: ***2021***

Nhà Sản Xuất /*Manufacturer*: ***KOREA***

Mục đích sử dụng /*purpose of use*: ***Bảo vệ an toàn cho nồi hơi (Serial: PTH/077/2022)***

Đơn vị sử dụng /*Client:* ***CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM-CN BÌNH PHƯỚC 3***
Lô B7-1, B7-2, B7-3, KCN Minh Hưng-Sikico, Xã Đồng Nơ, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT / TECHNICAL SPECIFICATIONS

Loại van /*Type of valve*: ***Lò xo***	Áp suất cài đặt cho phép lớn nhất /*maximum set pressure*: ***9.9 bar***
Kích thước vào/ra /*Size (Inlet/ outlet)*: ***DN40/DN65***	Áp suất cài đặt/*Set pressure*: ***9.6bar***

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THỬ NGHIỆM/*TESTING RESULT*

Phương pháp kiểm định/*Method of calibraion*: ***QTKD-VAT***	Môi chất thử/*Testing Fluid*: *Hơi bão hòa*

Thử nghiệm/*Testing*	Áp suất/*Pressure*	Đánh giá/*Assessment*	
		Đạt/Accept	Không đạt/No accept
• Áp suất mở/*Popping pressure*	***9.6***	☑	☐
• Áp suất đóng/*Close pressure*	***9.0***	☑	☐
• Thử độ kín/*Leakage testing*	***9.0***	☑	☐

- Giấy chứng nhận này có giá trị trong vòng 12 tháng kể từ ngày kiểm định (*)
- This certificate is valid 12 months since date of test.

Người Thực Hiện
(Executor)

Nguyễn Văn Tho

TỔNG GIÁM ĐỐC
(General director)

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH PHÚC ĐẠI TÍN

Ngô Thanh Niệm

(*) Với điều kiện tôn trọng các nguyên tắc sử dụng và bảo quản.
With respectfulness of conditions of use and maintenance.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Independence – Freedom - Happiness

-----o0o-----

HỢP ĐỒNG BÁN PHẾ

SCRAP SELLING CONTRACT

Số/No: 0107/JAPFA-BP

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2022, chúng tôi gồm có:

Today is July 01st, 2022, We are:

BÊN A/ *PARTY A*	:	**CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆTNAM CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 3**
Địa chỉ/ *Address*	:	Lô B7-1, B7-2, B7-3, KCN Minh Hưng Sikico, Xã Đồng Nơ,
	:	Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước
Điện thoại/ *Phone*	:	0211. 3866170
Mã số thuế/ *Tax Code*	:	2500175548 – 066
Tên tài khoản/ *Account Name*	:	Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam
Số tài khoản/ *Bank Account*		1033003256 Công Ty TNHH Một Thành Viên United Overseas Bank (Việt Nam)-Hà Nội
Đại diện bởi/ *Representative by*	:	Ông/ Mr. **Nguyễn Công Phương**
Chức vụ/ Position	:	Giám Đốc Chi Nhánh/ *Head of Branch*

BÊN B/*PARTY B*	:	**CÔNG TY TNHH TM – DV PHÚC THIỆN**
Địa chỉ/ *Address*	:	11 Hồ Bá Phấn, Khu phố 4, Phường Phước Long A, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại/ *Phone:* 0903922515		Fax: 0854485083
Số tài khoản/ *Bank Account*	:	6300.201.008.894 tại/*at* Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh 9 phòng giao dịch Long Trường /*Agribank – Long Trường Transaction Office of Branch 9* hoặc/*or* 0601.2004.4659 tại/*at* Ngân hàng Sacombank chi nhánh Nguyễn Duy Trinh/ Sacombank - *Nguyễn Duy Trinh Branch*
Mã số thuế/ *Tax Code*	:	0310571998
Đại diện bởi/ *Representative by*	:	Ông/ *Mr.* **Nguyễn Văn Thiện**
Chức vụ/ *Position*	:	Giám đốc/ *Director*

Sau khi thảo luận, bên A đồng ý bán và bên B đồng ý mua hàng hóa phế của bên A với những điều khoản sau:

Party A agrees to sell and, Party B agrees to buy the scraps with terms as follow:

ĐIỀU 1. TÊN HÀNG - GIÁ CẢ

ARTICLE 1. COMMODITIES - UNIT PRICE

STT/ *Item*	Tên hàng hóa *Commodity*	Đơn vị tính *Unit*	Đơn giá *Unit Price VND*	Ghi chú/*Remark*
1	Bao và giấy phế *Waste bags and waste paper*	Kg	4.200	
2	Cám quét, cám phế *Dust Feed from WH and tower and broken feed*	Kg	3.000	
3	Bụi bắp, mài bắp *Dust corn after pass Drumsieve*	Kg	1.000	
4	Bắp bể qua sàng *Broken corn sieve*	Kg	1.200	
5	Thùng 1000 lít *Tank 1000 lits*	Thùng	750.000	
6	Thùng 100 lít *Tank 100 lits*	Thùng	46.000	
7	Thùng 50 lít *Tank 50 lits*	Thùng	8.500	
8	Thùng 25 lít *Tank 25 lits*	Thùng	6.800	
9	Thùng xanh 20 lít *Tank 20 lits (BLUE)*	Thùng	6.500	
10	Thùng nhựa phế *Plastic waste scrap tank*	Kg	2.800	
11	Cám viên mẫu phế Waste sample pellet	Kg	2.500	
12	Nhựa phế *Plastic waste scrap*	Kg	3.000	
13	Bụi nành Dust soybean	Kg	1.300	
14	Bã đậu nành mốc Molding soybean meal	Kg	2.000	
15	Bắp bể qua sàng lớn *Broken corn big sieve*	Kg	2.000	

STT/ *Item*	Tên hàng hóa *Commodity*	Đơn vị tính *Unit*	Đơn giá *Unit Price VND*	Ghi chú/*Remark*
16	Can dầu ăn 30l Oil can 30l	Kg	6.500	
17	Bắp nguyên hạt mốc *Molding corn seed*	Kg	2.500	
18	Bắp ép đùn mốc Molding corn ext	Kg	1.700	
19	Bã bia mốc Molding DDGS	Kg	900	
20	Cám phế ướt *Wet waste feed*	Kg	700	
21	Sắt phế/thùng phi sắt (kg) *Iron waste scrap*	Kg	6.500	
22	Thùng nhựa phế 10lit *Waste plastic tank 10 liters*	Thùng	2.100	
23	Tôn phế *Waste sheet metal*	Kg	4.500	
24	Cám thành phẩm phế *Waste finished feed*	Kg	4.000	

Trong đó/*Therein*:

- Giá hàng hóa tại mục 01, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 12, 16, 21, 22, 23 đã bao gồm thuế GTGT.
  Unit price at items 01, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 12,16, 21, 22, 23 are *included VAT.*
- Hàng hóa tại mục 02, 03, 04, 11, 13, 14, 15, 17, 18, 19, 20, 24 không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và giá trên là giá thanh toán.
  Commodities at items 02, 03, 04, 11, 13, 14, 15, 17, 18, 19,20, 24 are non-taxable objects of VAT and the price is actual paid.
- Giá trên có giá trị trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng, chỉ được xem xét và điều chỉnh trong những trường hợp cần thiết theo yêu cầu của hai bên.

  This unit price shall be applied during the valid time of the Contract. The unit price is only reconsidered and adjust upon both parties's disposal.

ĐIỀU 2. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN HÀNG

ARTICLE 2. TIME AND PLACE DELIVERY

- Thời gian giao nhận: Bên A sẽ thông báo cụ thể cho bên B trước một ngày về thời gian và số lượng ước tính nhưng phải lấy hàng trong giờ làm việc của Bên A.
  Time of delivery: The party A will notice for the party B before one day on time and estimate quantity but only at administrative working time.
- Địa điểm giao nhận: Nhà máy công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam – CN Bình Phước 3 tại Lô B7-1, B7-2, B7-3, KCN Minh Hưng Sikico, Xã Đồng Nơ, Huyện Hớn Quản, Tỉnh Bình Phước *Place of delivery: Japfa Comfeed Viet Nam LTD Co – Branch Binh Phuoc 3 at* Lot B7-1, B7-2, B7-3, Minh Hung Sikico Industrial Park, *Dong No Commune, Hon Quan District, Binh Phuoc Province, VN*

ĐIỀU 3. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

ARTICLE 3. PAYMENT METHOD

- **Thanh toán đặt cọc:** Số tiền (bên B) đặt cọc 100.000.000 VNĐ (Một trăm triệu đồng) cho bên A của hợp đồng số **0107/JAPFA-BP** ký ngày 01/07/2022. Và nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu bên B không lấy hàng hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng thì sẽ mất toàn bộ số tiền cọc trên cho bên A
  The amount party B deposited to party A 100,000,000 VND (one hundred million VND) of the contract No **0107/JAPFA-BP** *date 01/07/2022. If the party B don't take goods or stop this contract unilaterally the party B will lose all deposit mentioned above for the party A*
- **Thanh toán hàng hóa:** Bên B sẽ thanh toán cho bên A bằng chuyển khoản theo thông tin tài khoản đã nêu trong hợp đồng ngay sau khi nhận hàng. Sau khi thanh toán và nhận hóa đơn GTGT hợp pháp hàng hóa mới được ra khỏi công ty Japfa.
  The party B will pay by transfer right after receive. After payment and receive finance invoice, the goods can go out Japfa company.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

ARTICLE 4. OBLIGATION OF PARTY A

Tạo điều kiện cho bên B ra vào công ty lấy hàng được thuận lợi
Creating conditions for Party B to the company take commodities are advantage.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B

ARTICLE 4. OBLIGATIONS OF PARTY B

- Đặt cọc và thanh toán cho bên A theo hợp đồng
  Deposit and payment to party A based on this contract
- Lấy hàng theo thông báo của đại diện bên A
  Perform taking scraps under notice of representative of party A
- Sau khi lấy hàng xong phải thu dọn sạch sẽ, vệ sinh quét dọn khu vực lấy hàng hóa. Đồng thời nếu xe chở không hết hàng thì phải gom lại gọn gàng đúng nơi quy định.
  Party B must keep cleaning delivery of goods area. Concomitant if the truck not all goods must be grouped neatly right where permitted.

ĐIỀU 6. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

ARTICLE 6. ARBITRATION

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của hợp đồng này. Bên nào đơn phương sửa đổi hợp đồng đều không có giá trị.
  Both Parties undertake to emplement all articles of this contract, if one of both parties have been unilaterally alter the contract is not valid.
- Bên nào làm sai, không thực hiện những điều khoản trong hợp đồng này bên còn lại có quyền chấm dứt hợp đồng, và nếu bên nào làm sai gây thiệt hại về kinh tế cho bên kia thì phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bên bị thiệt hại ngoài trừ trường hợp bất khả kháng.
  A party who did wrong, do not perform the clauses in this contract, cause damage about economic to the remaining party must compensate for all damages to the victims and remaining party have the right cancel this contract, except cases of force majeure.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có khó khăn phát sinh, hai bên cùng ngồi lại bàn bạc để giải quyết trên tinh thần hợp tác hỗ trợ. Trường hợp hai bên không thống nhất thì đưa những tranh chấp ra toà án có thẩm quyền xử lý.
  During perform process this contract if any problem arises, both parties have to discuss to solve problem based on Co-operation. In case the conversation doesn't go to the unification, it will get The Competent Court to solve.

DIỀU 7. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ARTICLE 7. GENERAL TERMS

- Hợp đồng được lập thành 03 bản song ngữ tiếng Anh và tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản và bên B giữ 01 bản để thực hiện. Nếu có sự khác biệt, Tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.
  This contract is made into English and Vietnamese in 03 originals, Party A keeps 02 coriginals and Party B keeps 01 original that having equal validity. If there are differences, Vietnamese will prevail.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2022 cho đến hết ngày 31/12/2022 và mặc nhiên được thanh lý ngay sau khi hết thời hạn hợp đồng. Hết hạn hợp đồng và hai bên không tiếp tục hợp tác nữa thì bên A có nghĩa vụ trả lại số tiền đặt cọc cho bên B.
  The contract comes into effect from July 01st, 2022 to the end of Dec 31st, 2022 and will be liquidated after the end of this contract. Contract expired and two sides not to continue further cooperation, Party A has to repay the deposit to Party B.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
REPRESENTATIVE FROM PARTY A	***REPRESENTATIVE FROM PARY B***
NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG	**NGUYỄN VĂN THIỆN**

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định sau:

1. Xuất trình Giấy chứng nhận khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Cấm sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo nội dung trong Giấy chứng nhận.

3. Cấm cho mượn, cho thuê và trao đổi Giấy chứng nhận

4. Cấm hoạt động không đúng phạm vi, lĩnh vực theo Giấy chứng nhận được cấp.

5. Làm thủ tục đăng ký gia hạn, cấp lại, điều chỉnh nội dung tại Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 066

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 066

(Cấp lần 04)

Tên tổ chức:

Công ty cổ phần đầu tư phát triển môi trường Đại Việt

Trụ sở chính: Số 4C1, KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định số: 386 /QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Phan Thanh Quí Chức vụ: Tổng giám đốc

Số CMT: 025945026

Nơi cấp: Công an Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày cấp: 26 tháng 9 năm 2014

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 03 năm

Từ ngày 04 tháng 3 năm 2021

Đến ngày 03 tháng 3 năm 2024

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:		
- Nước mặt:	Lấy mẫu: 05 thông số	Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Nước thải:	Lấy mẫu: 02 thông số	Đo tại hiện trường: 03 thông số
- Nước biển:	Lấy mẫu: 02 thông số	Đo tại hiện trường: 06 thông số
- Nước mưa:	Lấy mẫu: 01 thông số	Đo tại hiện trường: 05 thông số
- Nước dưới đất:	Lấy mẫu: 02 thông số	Đo tại hiện trường: 06 thông số
2. Đất:	Lấy mẫu: 01 thông số	
3. Bùn:	Lấy mẫu: 01 thông số	
4. Trầm tích:	Lấy mẫu: 01 thông số	
5. Chất thải rắn:	Lấy mẫu: 01 thông số	
6. Khí:		
- Không khí xung quanh:	Lấy mẫu: 26 thông số	Đo tại hiện trường: 06 thông số
- Khí thải:	Lấy mẫu: 30 thông số	Đo tại hiện trường: 11 thông số

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:	
- Nước mặt:	39 thông số
- Nước thải:	34 thông số
- Nước biển:	27 thông số
- Nước mưa:	11 thông số
- Nước dưới đất:	40 thông số
2. Đất:	17 thông số
3. Bùn:	16 thông số
4. Trầm tích:	09 thông số
5. Chất thải rắn:	19 thông số
6. Khí:	
- Không khí xung quanh:	20 thông số
- Khí thải:	22 thông số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: 386 /QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Hà Nội, ngày 04 tháng 3 năm 2021

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Võ Tuấn Nhân

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

MINISTRY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
BUREAU OF ACCREDITATION (BoA)

Member of ILAC/APAC MRA

CHỨNG CHỈ CÔNG NHẬN
Certificate of Accreditation

Phòng thí nghiệm:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT

Laboratory:

DAI VIET ENVIRONMENT DEVELOPMENT INVESTMENT CORP

Địa điểm PTN/ Lab location:

4C1, KĐC Nam Long, Hà Huy Giáp, phường Thạnh Lộc, quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

đã được đánh giá và phù hợp các yêu cầu của

has been assessed and found to conform with the requirements of

ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực công nhận

Field of Accreditation

HÓA

Chemical

Mã số

Accreditation No

VILAS 718

GIÁM ĐỐC
VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG
(Director of Bureau of Accreditation)

VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG

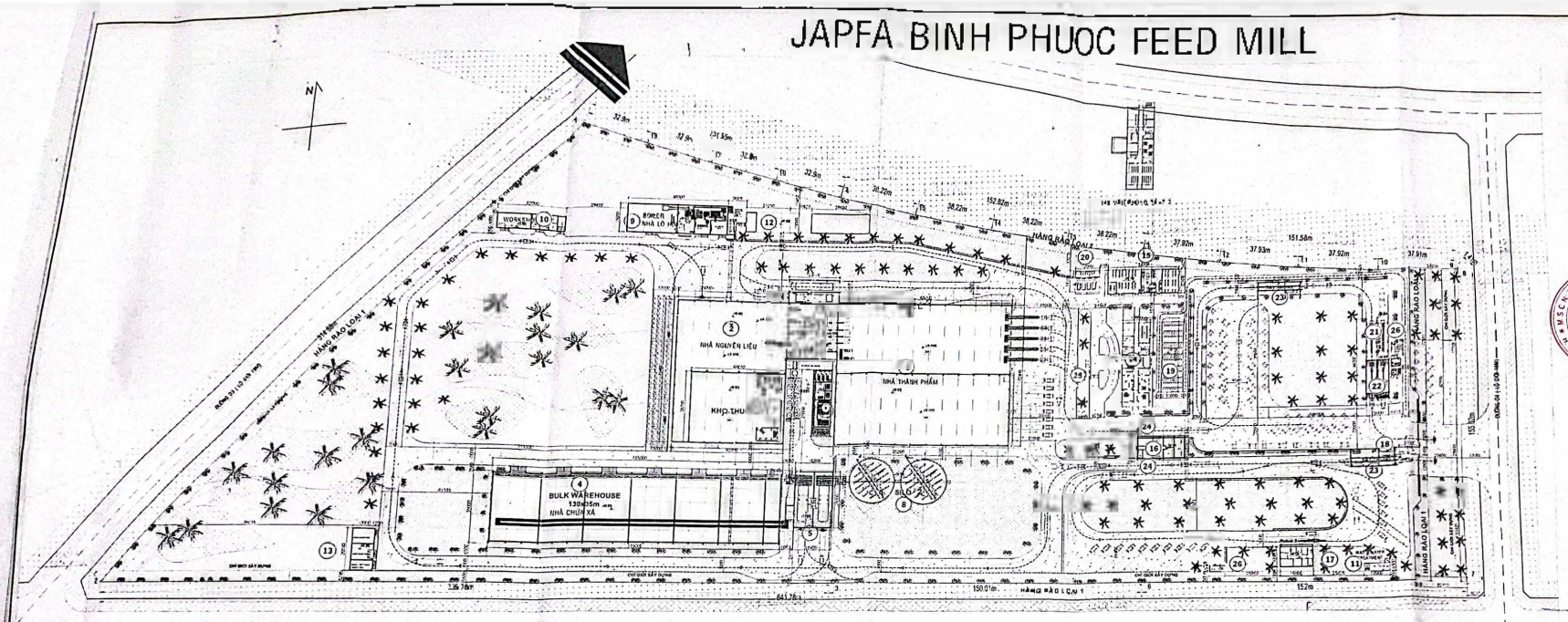
VŨ XUÂN THUỶ

Ngày/ Date of Issue: 11/08/2020 (Annex of decision: 660.2020/QĐ-VPCNCL date 11/08/2020)

Hiệu lực công nhận/ Period of validation: up to 03/08/2023

Hiệu lực lần đầu/ Beginning of accreditation: 24/01/2014

JAPFA BINH PHUOC FEED MILL



MẶT BẰNG TỔNG THE GĐ1 - TL 1/500

GHI CHÚ

TƯỜNG LỄ
ĐƯỜNG ĐI BỘ
NHÀ XƯỞNG GIAI ĐOẠN 1 + 2
RANH GIỚI KHU ĐẤT
CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
HÀNG RÀO NHÀ MÁY

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	Loại đất	Quy hoạch	
		Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)
A	Đất xây dựng công trình	37.191,0	31,07
B	Đất giao thông nội bộ + sân bãi	39.949,3	33,37
D	Đất cây xanh	42.911,1	35,13
	Tổng cộng:	120.051,4	100,00

TỌA ĐỘ CÁC MỐC THEO HỆ TỌA ĐỘ VN-2000 KINH TUYẾN TRỤC 107°45', MÚI CHIẾU 3°

STT	TÊN MỐC TỌA ĐỘ	TỌA ĐỘ VN-2000	
		X	Y
1	1	1271553,285	534092,181
2	2	1271329,63	534021,40
3		1271315,88	534211,1
4		1271319,25	534361
5		1271330,53	534513,80
6	8	1271349,5	534513,7
7		1271460,53	534516,79
8	10	1271451,922	534198,9
9	11	1271463,144	534111,3 5
10	12	1271472,23	534103,032
11		1271478,452	534106,218
12	13	1271485,517	534124,061
13	14	1271493,306	534291,348
14	15	1271502,483	534254,16
15		1271512,321	534171,2
16	16	1271521,525	534147,01
17	17	1271531,85	534151,221
18	18	1271541,99	534151,071

CONTRACTOR/ NHÀ THẦU THI CÔNG
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI AN TẤT
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
(AS-BUILT DRAWING)
Ngày ... tháng ...
Người lập (Prepared by) | Chỉ huy trưởng công trường (Site manager) | Giám đốc / Chỉ huy trưởng (Director / Manager)

DỰ ÁN: NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI VÀ THỦY SẢN
DANH SÁCH CÁC HẠNG MỤC
LIST OF ITEMS

STT (No.)	Hạng mục / Items	Ký hiệu	Số tầng/ stories	Chiều Cao	Số lượng	Diện tích/ Area: Xây dựng / Construction (m²)	Diện tích/ Area: TỶ LỆ (%)
A	Các hạng mục xây dựng					33.191,0	31,4
1	[illegible]	A	1	37,5	1	6.882,96	5,98
2	[illegible]	B	1	17,5	1	1.470,90	1,23
3	[illegible]	C	1	45	1	865,68	0,89
4	[illegible]	D	1	19,5	4	4.154,00	4,59
5	[illegible]	E	1	19,5	1	1.038,50	1,15
6	[illegible]	F	1	30	1	284,10	0,21
7	[illegible]	G	1	30	1	165,39	0,14
8	[illegible]	H	1	19,5	1	[illegible]	2,19
9	[illegible]	K	1	5	1	971,00	0,85
10	[illegible]	L	1	8	1	254,00	0,25
11	[illegible]	M	1	5	1	96,85	0,06
12	[illegible]	N	1	8	1	212,50	0,21
13	[illegible]	O	1	13	1	207,42	0,20
14	[illegible]	P	1	13	1	195,78	0,16
15	[illegible]	Q	1	8	1	531,92	0,47
16	[illegible]	R	1	8	1	302,18	0,26
17	[illegible]	S	1	10	1	171,75	0,17
18	[illegible]	T	1	5	1	59,94	0,04
19	[illegible]	U	1	8	1	160,30	0,14
20	[illegible]	V	1	8	1	115,19	0,10
21	[illegible]	X	1	10	1	206,00	0,16
22	[illegible]	Y	1	10	1	206,00	0,19
23	[illegible]	Z	1	5	1	140,00	0,13
24	[illegible]	AA	1	8	1	168,00	0,16
25	[illegible]	AB	1	20	1	0,00	0,00
26	[illegible]	AC	1		1	46,50	0,04
II	Diện tích chưa xây dựng					36.769,5	37,34
III	Diện tích cây xanh					42.911,1	35,13
	Tổng diện tích					120.051,4	100,00

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 3

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
DESIGN COMPANY
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG & KIỂM ĐỊNH BÁCH KHOA VIỆT
POLYCONS LAS-XD178

ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT
CONSULTANT
TRÍ VIỆT

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CONSTRUCTION
ANTACO

GIÁM ĐỐC / MANAGING DIRECTOR

DỰ ÁN
PROJECT
NHÀ MÁY SX THỨC ĂN CHĂN NUÔI & THỦY SẢN JAPFA COMFEED VN - CN BÌNH PHƯỚC 3

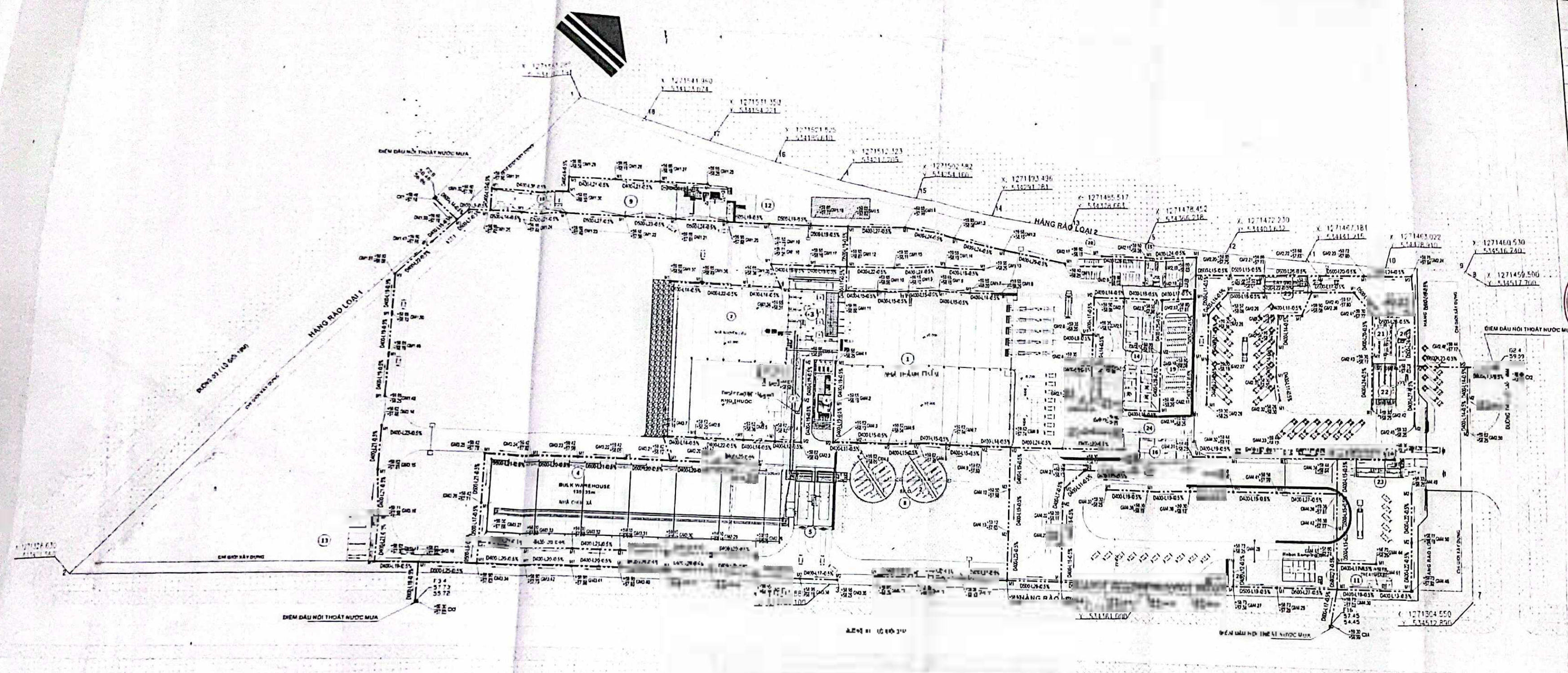
ĐỊA ĐIỂM
LOCATION

HẠNG MỤC
ITEM
TỔNG MẶT

TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE
MẶT BẰNG TỔNG THỂ GĐ1

SỐ HIỆU DỰ ÁN
PROJECT NUMBER: BFFM-0521
DRAWING NUMBER: A-00-01
TỔNG SỐ BẢN VẼ
DRAWING TOTAL:
NGÀY PHÁT HÀNH
ISSUED DATE: 07/2022

Scanned with CamScanner



1 MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA

SCALE 1:1000

KÍ HIỆU

	CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
D400-L21-0.5%	ĐƯỜNG KÍNH (mm) - CHIỀU DÀI CỐNG (m) - ĐỘ DỐC (%)
	CAO ĐỘ ĐÁY HỐ GA THẤP HƠN CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG 300MM
	CAO ĐỘ ĐỈNH HỐ GA CAO HƠN CAO ĐỘ NỀN HOÀN THIỆN 200MM

GM1 2	SỐ THỨ TỰ HỐ GA
	TÊN HỐ GA
GM1	HỐ GA TUYẾN SỐ 1
GM2	HỐ GA TUYẾN SỐ 2
GM3	HỐ GA TUYẾN SỐ 3
GM4	HỐ GA TUYẾN SỐ 4
M1	HỐ GA LOẠI 1 TRÊN VỈA HÈ
M2	HỐ GA LOẠI 2 DƯỚI ĐƯỜNG

CONTRACTOR / NHÀ THẦU THI CÔNG

(AN TAN CONSTRUCTION & TRADING CO., LTD)

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
(AS-BUILT DRAWINGS)

Người lập (Prepared by)	Chỉ huy trưởng công trình (Site manager)	Tư vấn giám sát trưởng (Supervisor)
	Đỗ Nhật An	

DỰ ÁN: NHÀ MÁY JAPFA BÌNH PHƯỚC
Project: JAPFA Binh Phuoc Feed Factory
DANH SÁCH CÁC HẠNG MỤC
LIST OF ITEMS

STT No.	Hạng mục / Items	Kí hiệu	Số tầng stories	Số lượng	Diện tích Area: Xây dựng Construction (m^2)	Tỷ lệ (%)
I	Các hạng mục xây dựng				31,880.7	30.84
1	[illegible] Nhà thành phẩm	1	1	1	[illegible]	[illegible]
2	Nhà nguyên liệu	2	1	1	[illegible]	[illegible]
3	[illegible] Phối trộn xuất + Thành phẩm bao	3	11	1	[illegible]	[illegible]
4	Bulk warehouse Nhà chứa xá	4	1	1	[illegible]	[illegible]
5	[illegible]	5	1	1	[illegible]	[illegible]
6	[illegible]	6	1	1	[illegible]	[illegible]
7	[illegible]	7	1	1	[illegible]	[illegible]
8	[illegible]	8	1	[illegible]	[illegible]	[illegible]
9	Boiler house Nhà lò hơi	9	1	1	[illegible]	[illegible]
10	[illegible] Nhà cơ khí	10	1	1	[illegible]	[illegible]
11	[illegible]	11	1	1	[illegible]	[illegible]
12	[illegible]	12	1	1	[illegible]	[illegible]
13	[illegible]	13	1	1	[illegible]	[illegible]
14	Office house Nhà văn phòng	14	2	1	[illegible]	[illegible]
15	Canteen house Nhà căn tin	15	1	1	[illegible]	[illegible]
16	Weight scale house Nhà cân	16	1	1	[illegible]	[illegible]
17	Sample house Nhà thí nghiệm mẫu	17	1	1	[illegible]	[illegible]
18	Guard house + [illegible] Nhà bảo vệ, Cổng hàng rào	18	1	1	[illegible]	[illegible]
19	Motorbike parking Nhà xe máy	19	1	1	[illegible]	[illegible]
20	Car parking Nhà xe ô tô	20	1	1	[illegible]	[illegible]
21	[illegible]	21	1	1	[illegible]	[illegible]
22	[illegible]	22	1	1	[illegible]	[illegible]
23	[illegible]	23	1	1	[illegible]	[illegible]
24	Weighbridge Cầu cân	24	1	[illegible]	[illegible]	[illegible]
25	[illegible]	25	1	1	[illegible]	[illegible]
26	[illegible]	26	1	1	[illegible]	[illegible]
27	[illegible]	27	1	2	[illegible]	[illegible]
II	Diện tích đường nội bộ				38,706.4	37.44
III	Diện tích cây xanh				32,794.8	31.72
	Tổng diện tích				103,351.8	100.00

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

TRÌNH DUYỆT (FOR APPROVAL)

THAM KHẢO (FOR REFERENCE)

THI CÔNG (FOR CONSTRUCTION)

X

A | B
C | D

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

JAPFA

ĐẠI DIỆN (REPRESENTATION)

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ / DESIGN COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG & KIỂM ĐỊNH BÁCH KHOA VIỆT

ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT / CONSULTANT

CÔNG TY CP TƯ VẤN KỸ NGHỆ TRÍ VIỆT

ĐƠN VỊ THI CÔNG / CONSTRUCTION

ANTACO

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI AN TÂN

GIÁM ĐỐC (MANAGING DIRECTOR)

DỰ ÁN / PROJECT: NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỨC ĂN CHĂN NUÔI & THỦY SẢN JAPFA COMFEED VN - CN BÌNH PHƯỚC 3

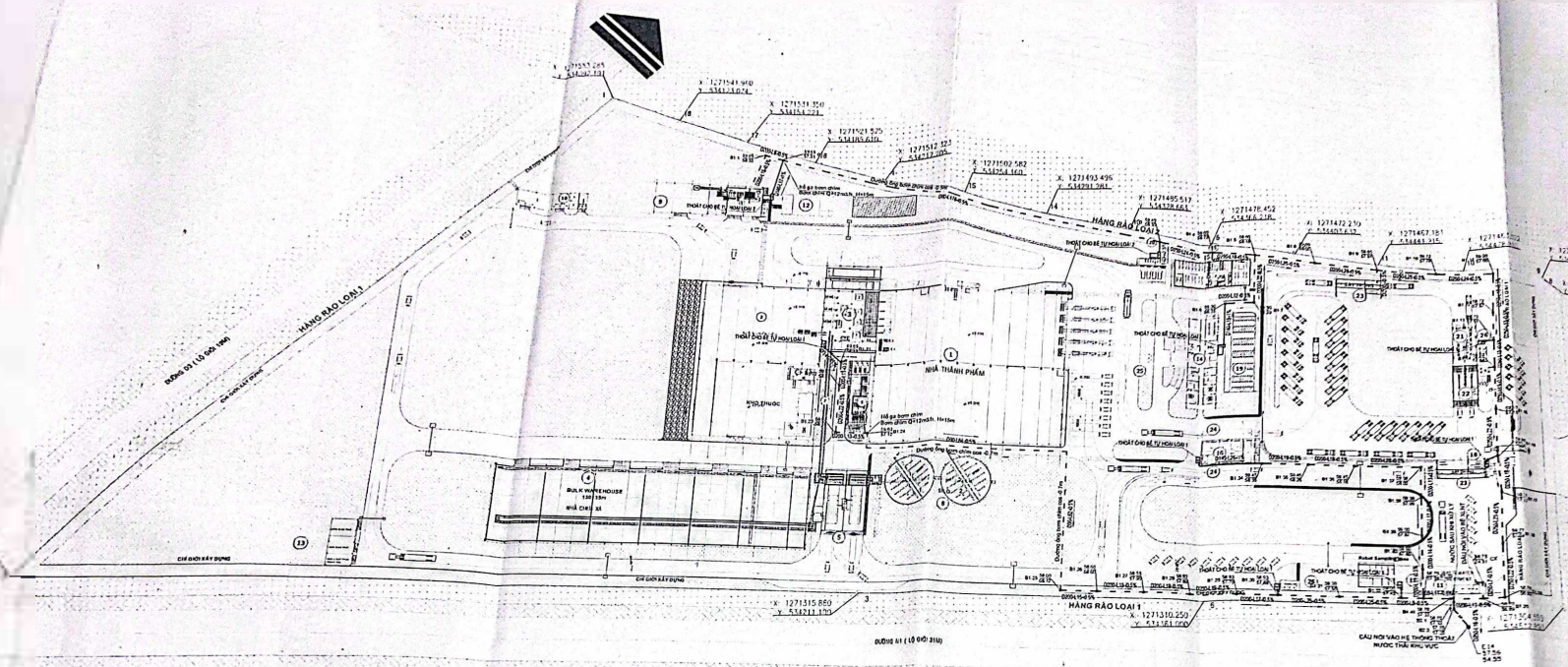
ĐỊA ĐIỂM / LOCATION

HẠNG MỤC / ITEM: TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE: MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA

SỐ HIỆU DỰ ÁN / PROJECT NUMBER	BPFM-0521
SỐ HIỆU BẢN VẼ / DRAWING NUMBER	P-01-202
TỔNG SỐ BẢN VẼ / DRAWING TOTAL	
NGÀY PHÁT HÀNH / ISSUED DATE	07/2022

Scanned with CamScanner



1 MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI

SCALE 1:1000

THUYẾT MINH KỸ THUẬT:

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế riêng biệt đối với thoát nước mưa, có nhiệm vụ thu nước thải từ các bể tự hoại và khu sản xuất về trạm xử lý nước thải chung của nhà máy.
- Nước thải sau khi được xử lý được dẫn ra đấu nối vào hệ thống thoát nước thải của khu vực.
- Công thoát nước sử dụng loại cống tròn HDPE. Ống thoát từ bể tự hoại ra hố ga dùng ống D140, cống thoát nước thải bên ngoài có đường kính từ D200 đến D250.
- Hố ga thăm theo phương pháp nối ngang đỉnh cống.
- Hố ga loại 1 đặt bên vỉa hè, lề đường, hố ga loại 2 đặt dưới lòng đường.
- Hố ga được đặt trên lớp bê tông đá 1x2 M100
- Hệ cao độ sử dụng cao độ chuẩn quốc gia Hòn Dấu

KÍ HIỆU

- DP — CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI HDPE TỪ TRẠM XLNT RA BÊN NGOÀI
- CỐNG THOÁT NƯỚC THẢI HDPE TỪ CÁC HẠNG MỤC VỀ TRẠM XLNT
- D200-L26 SI 0.5% — ĐƯỜNG KÍNH (mm) - CHIỀU DÀI CỐNG (m) - ĐỘ DỐC (%)
- HƯỚNG THOÁT NƯỚC
- BỂ TỰ HOẠI
- 3.55 / 2.82 — CAO ĐỘ ĐỈNH GA / CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG
- CAO ĐỘ ĐỈNH HỐ GA CAO HƠN CAO ĐỘ NỀN HOÀN THIỆN 200MM

CONTRACTOR NHÀ THẦU THI CÔNG:
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI AN TÂM
(AN TAM CONSTRUCTION & TRADING CO., LTD)

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
(AS-BUILT DRAWINGS)
Ngày ..... tháng ..... năm .....

Người lập (Prepared by)	Chỉ huy trưởng công trình (Site manager)	Tư vấn giám sát trưởng (Supervisor)
Phan Thanh Phương	Lê Nhật An	Nguyễn Đức Tuyến

DỰ ÁN: NHÀ MÁY JAPFA BÌNH PHƯỚC
Project: JAPFA Binh Phuoc Feed Factory

DANH SÁCH CÁC HẠNG MỤC
LIST OF ITEMS

STT No.	Hạng mục / Items	Số lượng Quantity	Diện tích / Area (m²)
1	Các hạng mục xây dựng		31,656.77
2	Trạm biến áp Máy phát điện	2	116.16
3	Nhà bảo vệ	2	11.28
4	Nhà xưởng Nhà máy	1	1,147.20
5	Nhà xưởng Nhà máy 2	1	1,147.20
6	Kho thành phẩm Nhà máy 2	1	576.00
7	Kho thành phẩm Nhà máy 3	1	576.00
8	Nhà vệ sinh	1	144.00
9	Nhà nghỉ Nhà máy 2	1	144.00
10	Nhà nghỉ Nhà máy 3	1	144.00
11	Nhà xưởng Nhà máy 3	1	1,147.20
12	Nhà xưởng Nhà máy 4	1	576.00
13	Nhà xưởng Nhà máy 4	1	576.00
14	Nhà xưởng Nhà máy 5	1	576.00
15	Nhà xưởng Nhà máy 5	1	576.00
16	Nhà xưởng Nhà máy 6	1	576.00
17	Nhà xưởng Nhà máy 6	1	576.00
18	Nhà xưởng Nhà máy 7	1	576.00
19	Nhà xưởng Nhà máy 7	1	576.00
20	Nhà xưởng Nhà máy 8	1	576.00
21	Nhà xưởng Nhà máy 8	1	576.00
22	Nhà xưởng Nhà máy 9	1	576.00
23	Nhà xưởng Nhà máy 9	1	576.00
24	Nhà xưởng Nhà máy 10	1	576.00
25	Nhà xưởng Nhà máy 10	1	576.00
26	Nhà xưởng Nhà máy 11	1	576.00
27	Nhà xưởng Nhà máy 11	1	576.00
II	Hạng mục phụ trợ		10,796.1
III	Hạng mục khác		32,794.8
	Tổng diện tích		104,941.8

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

	THẨM DUYỆT (FOR APPROVAL)
	THAM KHẢO (FOR REFERENCE)
	THI CÔNG (FOR CONSTRUCTION)
	ĐẤU THẦU (FOR TENDER)
X	HOÀN CÔNG (AS-BUILT)

HIỆU CHỈNH / REVISION

A		B	
C		D	

CHỦ ĐẦU TƯ / CLIENT
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
JAPFA
ĐẠI DIỆN (REPRESENTATION)

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ / DESIGN COMPANY
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG & KIỂM ĐỊNH BÁCH KHOA VIỆT
ĐC: 25/15 PHAN ĐÌNH GIÓT, Q. TÂN BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH
ADD: 25/15 PHAN DINH GIOT ST. - Tan Binh DIST. HCM CITY

ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT / CONSULTANT
CÔNG TY CP TƯ VẤN KỸ NGHỆ TRÍ VIỆT
ĐC: 246 ĐƯỜNG 1A, P. BÌNH TRỊ ĐÔNG, Q. BÌNH TÂN, TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: 0918454615 E-MAIL: vtvn@vtvn.com

ĐƠN VỊ THI CÔNG / CONSTRUCTION
ANTACO
Since 2000
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI AN TÂM
ĐC : 50/6 Nguyễn Bỉnh Chiêu - Q. Phú Nhuận- TP.HCM
GIÁM ĐỐC (MANAGING DIRECTOR)

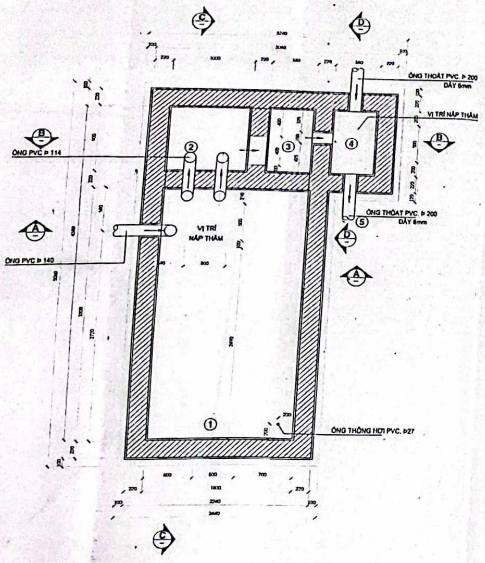
DỰ ÁN / PROJECT
NHÀ MÁY SX THỨC ĂN CHĂN NUÔI & THỦY SẢN JAPFA COMFEED VN - CN BÌNH PHƯỚC 3
ĐỊA ĐIỂM / LOCATION
LÔ B7.1, B7.2, B7.3, KCN MINH HƯNG SIKICO X. ĐỒNG NƠ - H. HỚN QUẢN - TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC / ITEM
TỔNG THỂ

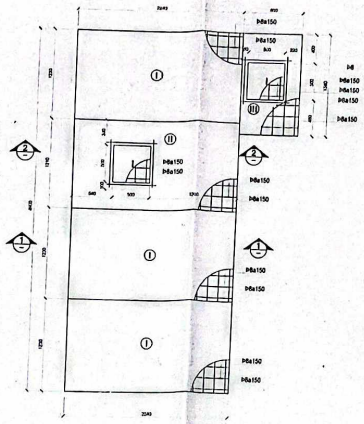
TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE
MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI

SỐ HIỆU DỰ ÁN / PROJECT NUMBER	BPFM-0521
SỐ HIỆU BẢN VẼ / DRAWING NUMBER	P-01-203
TỔNG SỐ BẢN VẼ / DRAWING TOTAL	
NGÀY PHÁT HÀNH / ISSUED DATE	07/2022

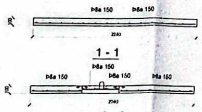
Scanned with CamScanner

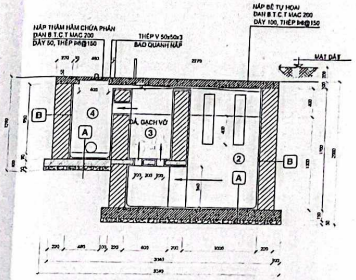


MẶT BẰNG BỂ TỰ HOẠI 2 TL:1/25

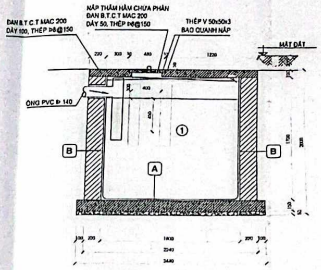


MẶT BẰNG NẮP TL:1/25

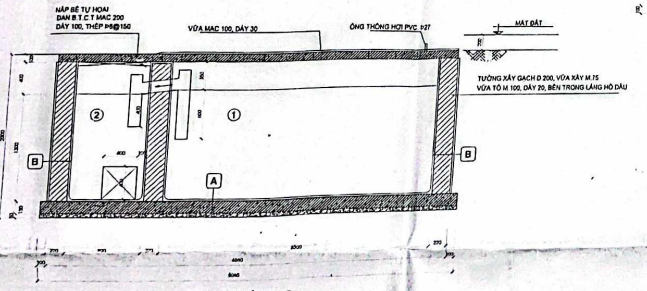




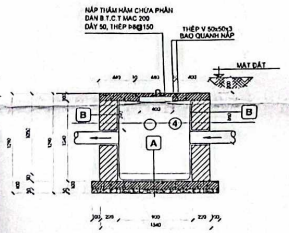
MẶT CẮT B - B



MẶT CẮT A - A



MẶT CẮT C - C



MẶT CẮT D - D

A	
VỮA MAC.75, D=20mm	
BT ĐÁ 1x2, MAC 200, DÀY 150	
ĐÁ 1x2, MAC 150, DÀY 50	
ĐẤT ĐẦM CHẶT	

B	
VỮA MAC.75, D=20mm	
GẠCH THẺ D=220mm, VỮA M.75	
VỮA MAC 75, D=20mm	

GHI CHÚ

L : CHIỀU DÀI CỦA ĐƯỜNG ỐNG (TÍNH TỪ ĐIỂM ĐẦU CỦA TUYẾN)
I : ĐỘ DỐC CỦA ĐƯỜNG ỐNG
1 : HẦM CHỨA PHÂN
2 : HẦM LẮNG
3 : HẦM LỌC
4 : HỐ GA
5 : ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI PVC. Φ 200

CONTRACTOR/ NHÀ THẦU THI CÔNG
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI AN TÂM
(AN TAM CONSTRUCTION & TRADING CO., LTD)

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
(AS-BUILT DRAWINGS)

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Kiểm tra (Inspected by)	Chủ huy trưởng công trình (Site manager)	Tư vấn giám sát trưởng (Supervisor)
Trần Thanh Thương	Lê Nhật An	Nguyễn Việt Hùng

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

	TRÌNH DUYỆT (FOR APPROVAL)
	THAM KHẢO (FOR REFERENCE)
	THI CÔNG (FOR CONSTRUCTION)
	ĐẤU THẦU (FOR TENDER)
X	HOÀN CÔNG (AS-BUILT)

HIỆU CHỈNH / REVISION

A		B	
C		D	

CHỦ ĐẦU TƯ
CLIENT
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
JAPFA
ĐẠI DIỆN (REPRESENTATION)

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ
DESIGN COMPANY
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG & KIỂM ĐỊNH BÁCH KHOA VIỆT
LAS-XD1195
ĐC: 28/15 PHAN ĐÌNH GIÓT, Q. TÂN BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH
ADD: 28/15 PHAN DINH GIOT, ST - TAN BINH DIST -HCM CITY

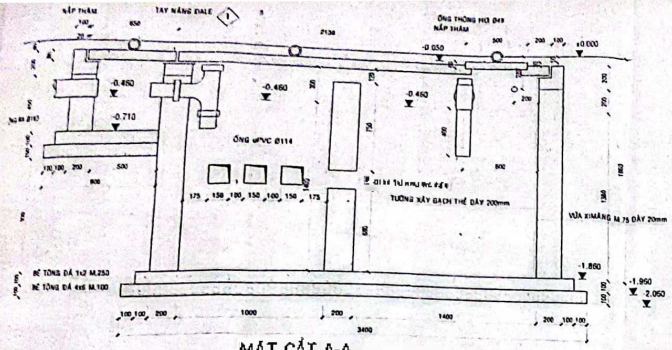
ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT
CONSULTANT
CÔNG TY CP TƯ VẤN KỸ NGHỆ TRÍ VIỆT
ĐC: 246 ĐƯỜNG 1A, P. BÌNH TRỊ ĐÔNG, Q. BÌNH TÂN, TP. HCM
ĐIỆN THOẠI: (08)66548419 E-MAIL: info@trivietcc.com

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CONSTRUCTION
ANTACO Since 2000
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI AN TÂM
ĐC : 50/6 Nguyễn Bỉnh Chiêu - Q. Phú Nhuận - TP.HCM
GIÁM ĐỐC (MANAGING DIRECTOR)

DỰ ÁN
PROJECT
NHÀ MÁY SX THỨC ĂN CHĂN NUÔI & THỦY SẢN JAPFA COMFEED VN - CN BÌNH PHƯỚC 3
ĐỊA ĐIỂM
LOCATION
LÔ G2-1, G2-2, G2-3 - KCN MINH HƯNG SIKICO X. ĐỒNG NƠ - H. HỚN QUẢN - TỈNH BÌNH PHƯỚC
HẠNG MỤC
ITEM
TỔNG THỂ
TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE
CHI TIẾT LẮP ĐẶT BỂ TỰ HOẠI 1

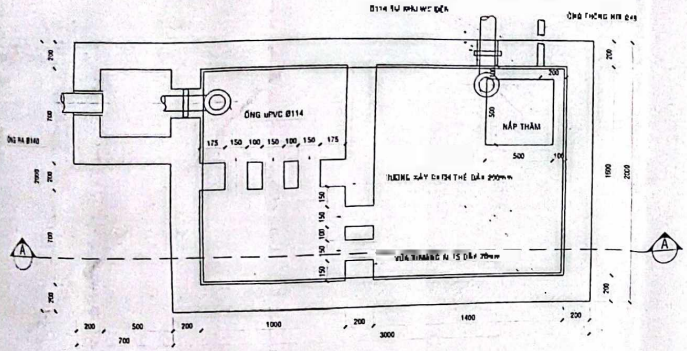
SỐ HIỆU DỰ ÁN PROJECT NUMBER	BPFM-0521
SỐ HIỆU BẢN VẼ DRAWING NUMBER	P-01- 406
TỔNG SỐ BẢN VẼ DRAWING TOTAL	07
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUED DATE	07/2022

Scanned with CamScanner

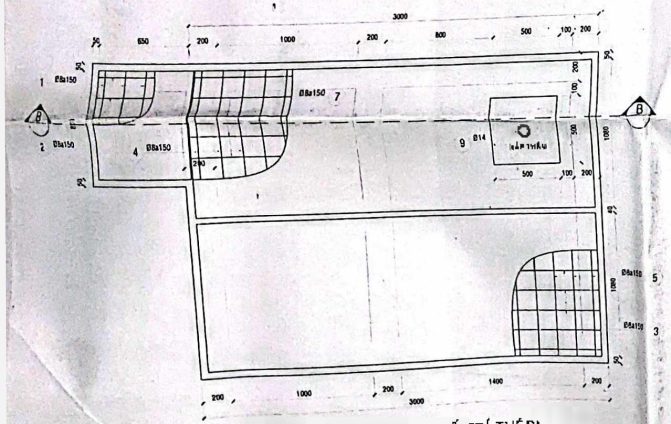


MẶT CẮT A-A

TL : 1/20

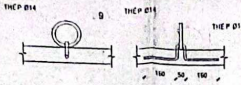


MẶT BẰNG BỂ TỰ HOẠI 1, 2 TL : 1/20

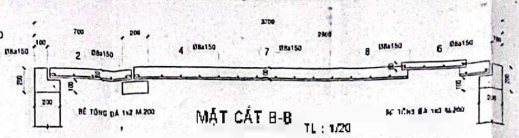


MẶT BẰNG BỂ TỰ HOẠI (BỐ TRÍ THÉP) TL : 1/20

CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI



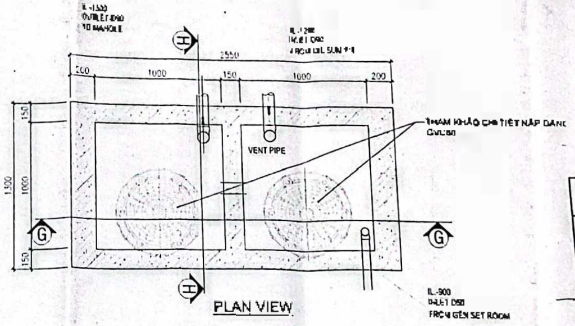
CHI TIẾT 1

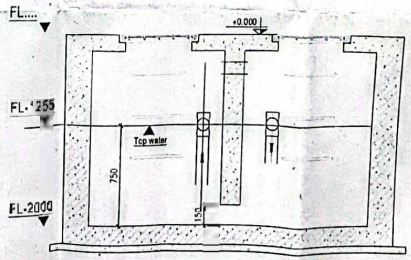


MẶT CẮT B-B TL : 1/20

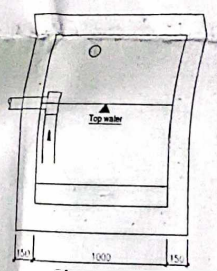
BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP BỂ TỰ HOẠI

TÊN CẤU KIỆN	S#	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	#1 (mm)	Ø (mm)	S THANH	TỔNG C DÀI (m)	T LƯỢNG (kg)
BỂ TỰ HOẠI	1	25	1	8	45	4.50	2.22
	2	25 750 25	1	8	90	8.10	3.99
	3	25 2950 25	1	8	12	3.60	1.78
	4	25 2300 25	1	8	17	3.95	1.95
	5	25 1300 25	1	8	64	8.32	4.11
	6	25 500 25	1	8	67	3.45	1.70
	7	25 2150 25	1	8	64	8.32	4.11
	8	25 500 25	1	8	61	3.05	1.51
	9	150	1	8	61	0.91	0.45
	10	25 575 25	1	8	61	2.50	0.98
					KHỐI LƯỢNG THÉP (kg)		20.69





SECTION G-G



SECTION H-H

CHI TIẾT BỂ TỰ TÁCH DẦU 1,5M3

CONTRACTOR: NHÀ THẦU THI CÔNG
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI AN TÂM
(AN TAM CONSTRUCTION & TRADING CO., LTD)

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
(AS-BUILT DRAWINGS)
Ngày ..... tháng ..... năm .....

Người lập (Prepared by)	Chỉ huy trưởng công trình (Site manager)	Tư vấn giám sát trưởng (Supervisor)
Trần Thanh Thương	Lê Nhật An	

ISSUED FOR
- THAM DỰ Ý KIẾN (FOR APPROVAL)
- THAM KHẢO (FOR REFERENCE)
- THI CÔNG (FOR CONSTRUCTION)
- ĐẤU THẦU (FOR TENDER)
- X HOÀN CÔNG (AS BUILT)
- HIỆU CHỈNH (REVISION)

A		B	
C		D	

CHỦ ĐẦU TƯ CLIENT
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
JAPFA
ĐẠI DIỆN (REPRESENTATION)
JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 3

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ DESIGN COMPANY
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG & KIỂM ĐỊNH BÁCH KHOA VIỆT

ĐƠN VỊ TƯ VẤN GIÁM SÁT CONSULTANT
CÔNG TY CP TƯ VẤN KỸ NGHỆ TRÍ VIỆT

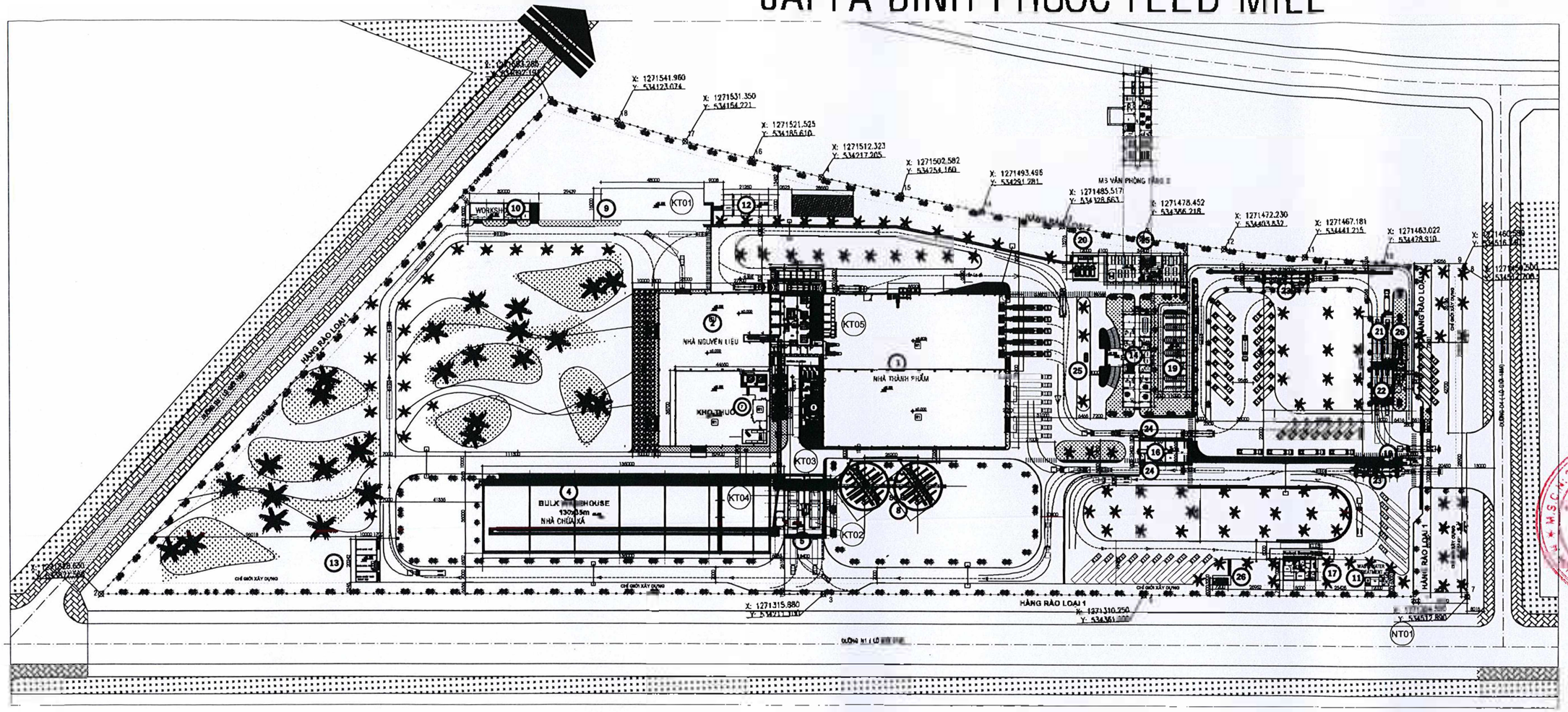
ĐƠN VỊ THI CÔNG CONSTRUCTION
ANTACO
CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI AN TÂM
GIÁM ĐỐC (MANAGING DIRECTOR)

DỰ ÁN PROJECT
NHÀ MÁY SX THỨC ĂN CHĂN NUÔI & THỦY SẢN JAPFA COMFEED VN - CN BÌNH PHƯỚC 3
ĐỊA ĐIỂM LOCATION
LÔ B7.1, B8.2, B7.3 - KCN MINH HƯNG SIKICO, X. ĐỒNG NƠ - H. HỚN QUẢN - T. BÌNH PHƯỚC
HẠNG MỤC ITEM
TỔNG THỂ
TÊN BẢN VẼ DRAWING TITLE
CHI TIẾT LẮP ĐẶT BỂ TỰ HOẠI 2

SỐ HIỆU DỰ ÁN PROJECT NUMBER	BPFM-0521
SỐ HIỆU BẢN VẼ DRAWING NUMBER	P-01-407
DRAWING TOTAL	07
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUED DATE	07/2022

Scanned with CamScanner

JAPFA BINH PHUOC FEED MILL



VỊ TRÍ LẤY MẪU ĐO ĐẠC HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG - TL 1/500

NT01 : NƯỚC THẢI TẠI HỐ GA ĐẤU NỐI NƯỚC THẢI VÀO KCN

KT01 : KHÍ THẢI TẠI ỐNG KHÓI THẢI LÒ HƠI CÔNG SUẤT 10 TẤN/GIỜ

KT02 : KHÍ THẢI TẠI ỐNG KHÓI THẢI HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI TẠI KHU VỰC NẠP LIỆU - MÁY 01

KT03 : KHÍ THẢI TẠI ỐNG KHÓI THẢI HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI TẠI KHU VỰC NẠP LIỆU - MÁY 02

KT04 : KHÍ THẢI TẠI ỐNG KHÓI THẢI HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI TẠI KHU VỰC NẠP LIỆU - MÁY 03

KT05 : KHÍ THẢI TẠI ỐNG KHÓI THẢI HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI TẠI KHU VỰC ĐÓNG BAO

- Tỷ lệ bản vẽ chỉ đúng trên khổ giấy A1
- Không dùng thước đo kích thước trên bản vẽ

N

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

HIỆU CHỈNH
REVISION

STT SUFFIX	NGÀY HIỆU CHỈNH DATE OF REVISION	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH REVISION DETAILS

CHỦ ĐẦU TƯ
CLIENT

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

PHÊ DUYỆT - NGÀY
APPROVED BY - DATE

TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG & KIỂM ĐỊNH BÁCH KHOA VIỆT

LAS-XD1185

DC: 28/15 PHAN ĐÌNH GIÓT, Q. TÂN BÌNH, TP. HỒ CHÍ MINH
ADD: 28/15 PHAN ĐÌNH GIÓT ST., TAN BINH DIST., HCM CITY
TEL: (84 8) 38 445 369- 62 966 139 FAX: (84 8) 39 971 646
Website: www.pckyvona.vn Email: tkv@pckyvona.vn

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR
KTS. KSXD. NGUYỄN HOÀNG QUANG

CHỦ TRÌ
MAJOR ENG.
KTS. ĐÀM DUY SƠN

THIẾT KẾ
DESIGNED BY
KTS. NGUYỄN ĐĂNG TÂM

VẼ
DRAWN BY
KTS. NGUYỄN ĐĂNG TÂM

KIỂM TRA
CHECKED BY
KS. ĐỖ THÁI CƯỜNG

DỰ ÁN
PROJECT
NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI & THỦY SẢN

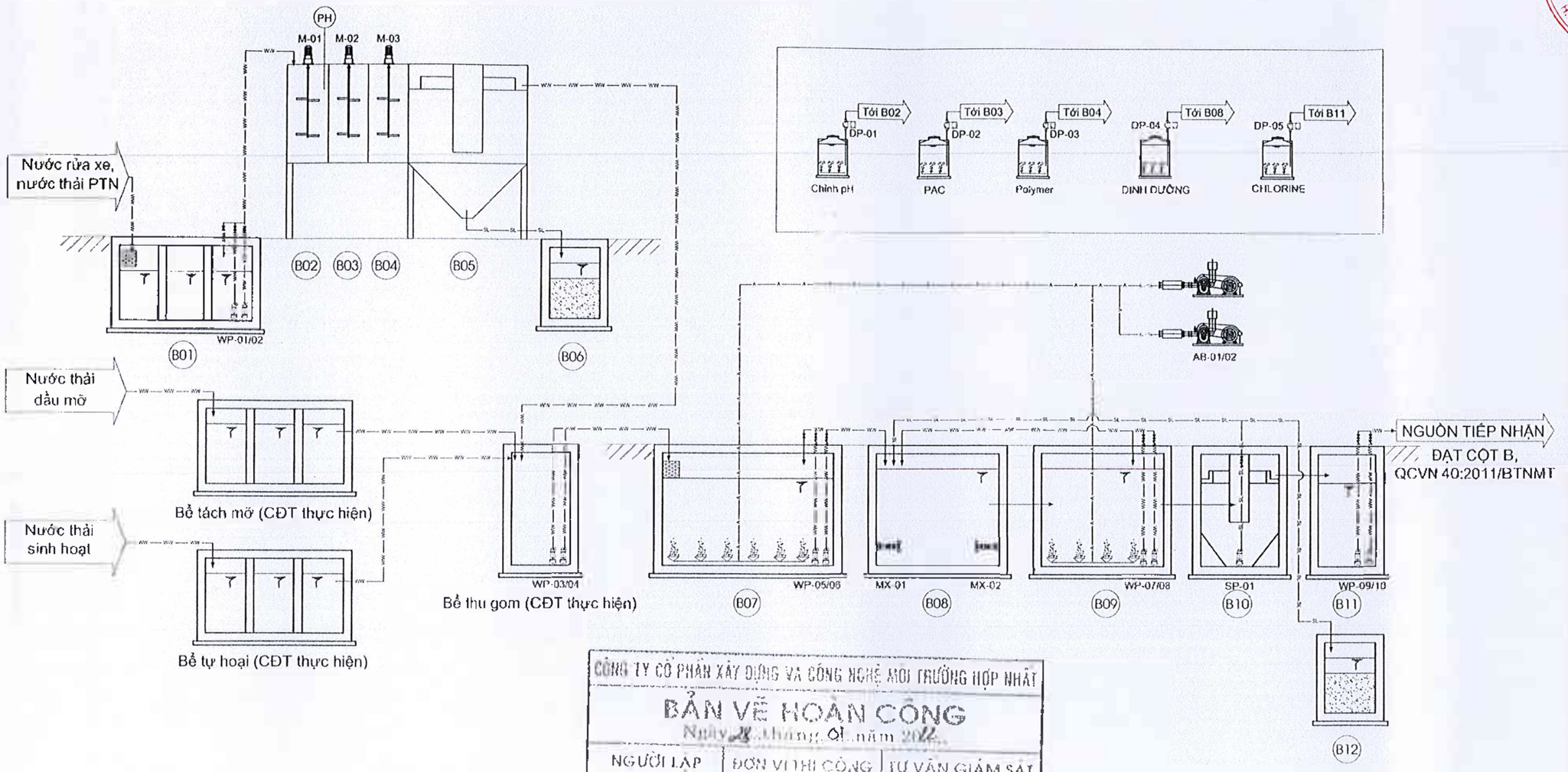
ĐỊA ĐIỂM
LOCATION
LÔ B7-1, B7-2, B7-3 KCN MINH HƯNG-SIKICO, HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC
ITEM
TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE
VỊ TRÍ LẤY MẪU ĐO ĐẠC HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG

SỐ HIỆU DỰ ÁN PROJECT NUMBER	BPFM-0421
SỐ HIỆU BẢN VẼ DRAWING NUMBER	A-00-01
TỔNG SỐ BẢN VẼ DRAWING TOTAL	
NGÀY PHÁT HÀNH ISSUED DATE	07/2021

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ - HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 28 tháng 01 năm 2022

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT
Nguyễn Hạnh Linh	Phan Thanh Vũ	

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	CAO ĐỘ	VẬT LIỆU
B01	BỂ TÁCH MỠ/ GREASE TRAP TANK	(+0.00;-2.70)	SÀN BÊ TÔNG, TƯỜNG GẠCH
B02	BỂ TRUNG HÒA/ BALANCE TANK	(+0.00;+3.20)	THÉP PHỦ COMPOSITE MẶT TRONG
B03	BỂ KEO TỤ/ MIXING TANK	(+0.00;+3.20)	THÉP PHỦ COMPOSITE MẶT TRONG
B04	BỂ TẠO BÔNG/ RESPONSE TANK	(+0.00;+3.20)	THÉP PHỦ COMPOSITE MẶT TRONG
B05	BỂ LẮNG/ CLARIFIER TANK	(+0.00;+3.20)	THÉP PHỦ COMPOSITE MẶT TRONG
B06	BỂ CHỨA BÙN/ SLUDGE STORAGE TANK	(+0.00;-2.70)	SÀN BÊ TÔNG, TƯỜNG GẠCH

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	CAO ĐỘ	VẬT LIỆU
B07	BỂ ĐIỀU HÒA/ EQUALIZING TANK	(+0.00;-3.65)	BÊ TÔNG CỐT THÉP
B08	BỂ ANOXIC/ ANOXIC TANK	(+0.00;-3.65)	BÊ TÔNG CỐT THÉP
B09	BỂ AEROTANK/ AEROTANK TANK	(+0.00;-3.65)	BÊ TÔNG CỐT THÉP
B10	BỂ LẮNG SINH HỌC/ ECOLOGICAL TANK	(+0.00;-3.65)	BÊ TÔNG CỐT THÉP
B11	BỂ KHỬ TRÙNG/ DISINFECTION TANK	(+0.00;-3.65)	BÊ TÔNG CỐT THÉP
B12	BỂ CHỨA BÙN/ SLUDGE STORAGE TANK	(+0.00;-3.65)	BÊ TÔNG CỐT THÉP

KÍ HIỆU	GHI CHÚ
WW	ĐƯỜNG NƯỚC THẢI
A	ĐƯỜNG KHÍ
SL	ĐƯỜNG BÙN
WP	BƠM NƯỚC THẢI
SP	BƠM BÙN
DP	BƠM ĐỊNH LƯỢNG
M	MOTOR KHUẤY
AB	MÁY THỔI KHÍ
MX	MÁY KHUẤY CHÌM

Chủ đầu tư/ Investor:

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 3

ĐỊA CHỈ: KCN MINH HƯNG SIKICO, XÃ MINH HƯNG, H. HỚN QUẢN, T. BÌNH PHƯỚC

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

Mục đích phát hành/ Issued for:

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày/ Date:	Sửa/ Rev.:	Mô tả/ Description:

Mặt bằng chỉ dẫn/ Key plan:

Ghi chú/ Notes:

Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến hành.
Only figured dimension are to be worked from. Discrepancies must be reported immediately to the designer before proceeding.

Tư vấn thiết kế/ Consultant:

CTY CP XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT

Địa chỉ: Chung cư Khang Gia, Đường số 45, P.14, Q.Gò Vấp, TP. HCM
Điện thoại: 028.38315523 - 0938.857.788
Email: congtyhopnhat@moitruonghopnhat.com
Website: www.moitruonghopnhat.com - MST: 0312298568

Giám đốc/ Director: PHAN THANH VŨ

Chủ trì/ Chief: NGUYỄN HẠNH LINH

Kiểm tra/ Checked by: LÊ VĂN HÒA

Thiết kế/ Designed by: NGUYỄN VĂN LÂM

Vẽ/ Drawn by: VŨ XUÂN TRƯỜNG

Tên dự án/ Project name :

JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Địa điểm/ Location:

ĐỒNG NỌ, HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC

Hạng mục/ Item:

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

Công suất (m³/ngày)/ Capacity (m³/day):

100 (m³/ ngày đêm)

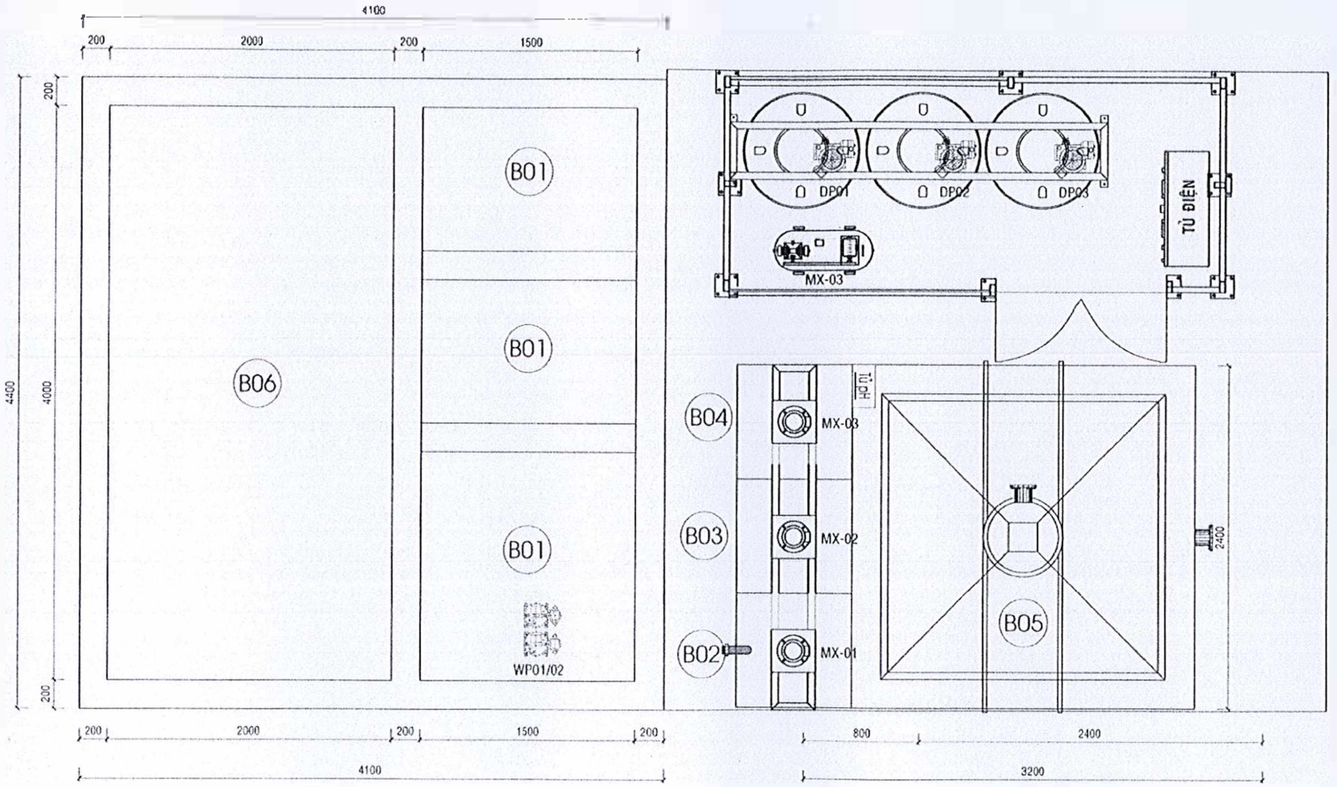
Tên bản vẽ/ Drawing title:

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ

Tỉ lệ/ Scale:	Kích cỡ/ Size:	Ngày/ Date:
NTS	A3	21/07/2022

Bản vẽ số/ Drawing no.:	Tổng/ Total
HN-HC-01	11

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ



CHÚ THÍCH TÊN BỂ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	CAO ĐỘ
B01	BỂ TÁCH MỠ/ GREASE TRAP TANK	(+0.00;-2.70)
B02	BỂ TRUNG HÒA/ BALANCE TANK	(+0.00;+3.20)
B03	BỂ KEO TỤ/ MIXING TANK	(+0.00;+3.20)
B04	BỂ TẠO BÔNG/ RESPONSE TANK	(+0.00;+3.20)
B05	BỂ LẮNG/ CLARIFIER TANK	(+0.00;+3.20)
B06	BỂ CHỨA BÙN/ SLUDGE STORAGE TANK	(+0.00;-2.70)

CHÚ THÍCH TÊN ỐNG DẪN

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
01	AP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ
02	CP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN HÓA CHẤT
03	CW	ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC CẤP
04	EP	ĐƯỜNG ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN
05	SP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN
06	WP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC THẢI

Chủ đầu tư/ Investor:
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH
ĐỒNG NO, HÒN QUẢN, BÌNH PHƯỚC

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

Mục đích phát hành/ Issued for:
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày/ Date: Sửa/ Mô tả/ Description:
Rev.

Mặt bằng chỉ dẫn/ Key plan:

Ghi chú/ Notes:
Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến hành.
Only figured dimension are to be worked from Discrepancies must be reported immediately to the designer before proceeding.

Tư vấn thiết kế/ Consultant:
CTY CP XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT
Địa chỉ: Chung cư Nhang Gia, Đường số 45, P.13, Q.Gò Vấp, TP. HCM
Điện thoại: 028 38315473 - 0938 857.768
Website: ... MST: 0312298568
Giám đốc/ Director:
PHAN THANH MY
Chủ trì/ Chief:
NGUYỄN VĂN TÍNH
Kiểm tra/ Check by:
LÊ VĂN NG
Thiết kế/ Designed by:
NGUYỄN VĂN TÍNH
Vẽ/ Drawn by:
VŨ XUÂN THƯỜNG

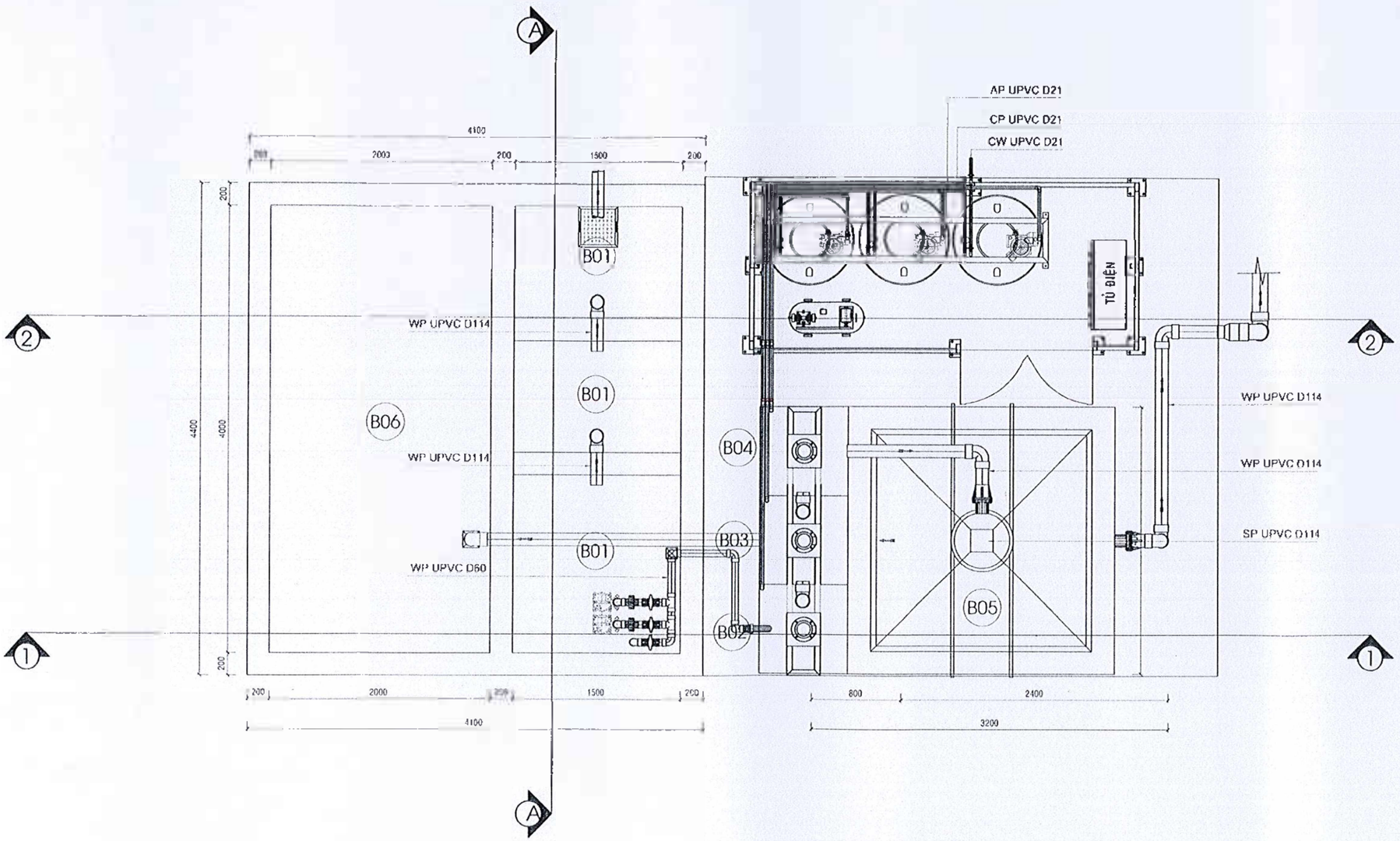
Tên dự án/ Project name :
JAPFA COMFEED VIỆT NAM
Địa điểm/ Location:
ĐỒNG NO, HÒN QUẢN, BÌNH PHƯỚC
Hạng mục/ Item:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
Công suất (m³/ngày)/ Capacity (m³/day):
100 (m³/ ngày đêm)

Tên bản vẽ/ Drawing title:
MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Tỉ lệ/ Scale:	Kích cỡ/ Size.	Ngày/ Date:
NTS	A3	21/07/2022

Bản vẽ số/ Drawing no : HN-HC-02
Tổng/ Total: 11

MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ



CHÚ THÍCH TÊN BỂ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	CAO ĐỘ
B01	BỂ TÁCH MỠ/ GREASE TRAP TANK	(+0.00;-2.70)
B02	BỂ TRUNG HÒA/ BALANCE TANK	(+0.00;+3.20)
B03	BỂ KEO TỤ/ MIXING TANK	(+0.00;+3.20)
B04	BỂ TẠO BÔNG/ RESPONSE TANK	(+0.00;+3.20)
B05	BỂ LẮNG/ CLARIFIER TANK	(+0.00;+3.20)
B06	BỂ CHỨA BÙN/ SLUDGE STORAGE TANK	(+0.00;-2.70)

CHÚ THÍCH TÊN ỐNG DẪN:

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
01	AP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ
02	CP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN HÓA CHẤT
03	CW	ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC CẤP
04	EP	ĐƯỜNG ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN
05	SP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN
06	WP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC THẢI

Chủ đầu tư/ Investor:
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 3
Địa chỉ: Đường số 3, Khu công nghiệp Đồng Nơ, Hớn Quản, Bình Phước

Cơ quan thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

Mục đích phát hành/ Issued for:
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày/ Date:	Sửa/ Rev.:	Mô tả/ Description:

Mặt bằng chỉ dẫn/ Key plan:

Ghi chú/ Notes:
Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến hành.
Only figured dimension are to be worked from. Discrepancies must be reported immediately to the designer before proceeding.

Tư vấn thiết kế/ Consultant:
CTY CP XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT
Địa chỉ: Chung cư Khang Gia, Đường số 45, P.14, Q.6, Tp. HCM
Điện thoại: 028 38195123 - 0938 857 768
Email: congnghemoitruonghopnhat.com
Website: www.hopnhat.com.vn MST: 0312298568

Giám đốc/ Director:
PHẠM THÀNH VŨ
Chủ trì/ Chief:
HỒ [illegible]
Kiểm tra/ Check by:
LÊ VĂN HẢI
Thiết kế/ Designed by:
NGUYỄN VĂN LINH
Vẽ/ Drawn by:
VŨ XUÂN TRƯỜNG

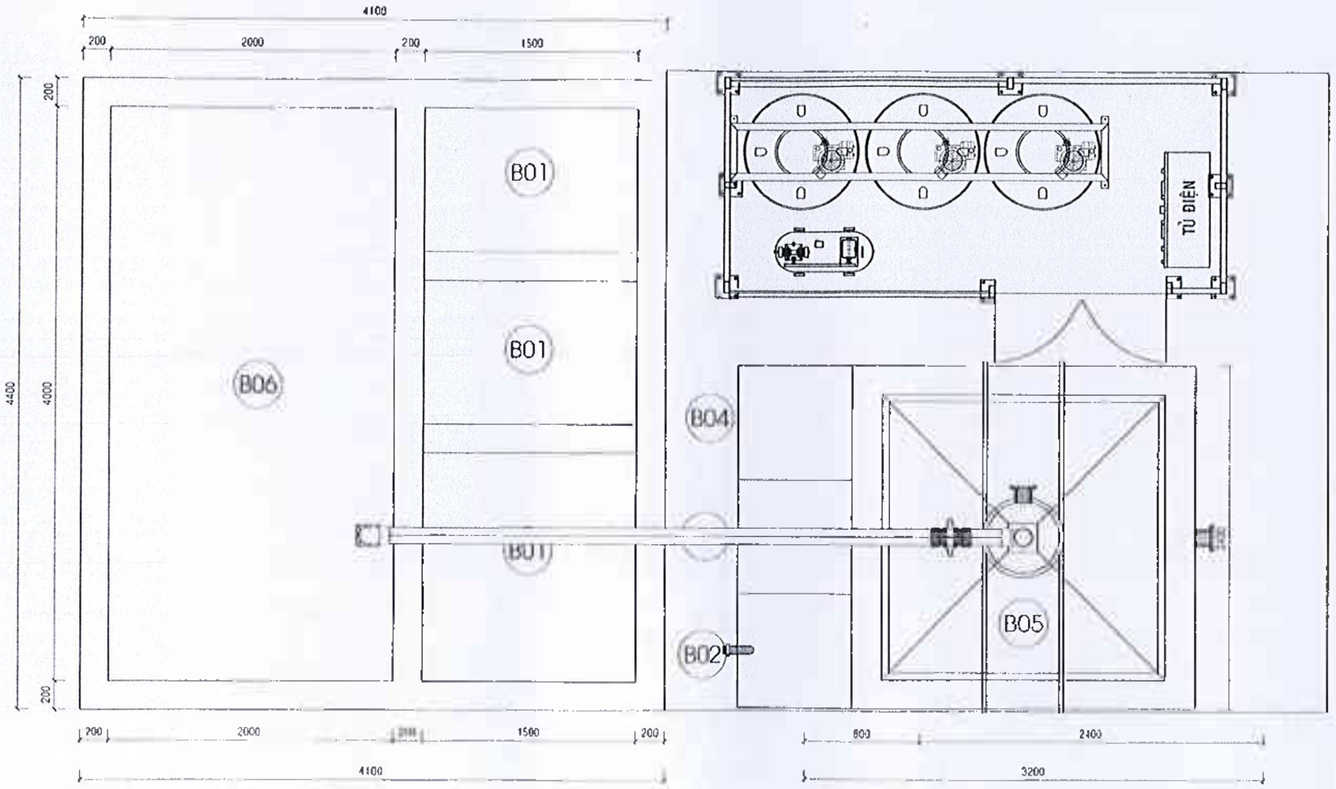
Tên dự án/ Project name :
JAPFA COMFEED VIỆT NAM
Địa điểm/ Location:
ĐỒNG NƠ, HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC
Hạng mục/ Item:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
Công suất (m³/ngày)/ Capacity (m³/day):
100 (m³/ ngày đêm)

Tên bản vẽ/ Drawing title:
MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Tỉ lệ/ Scale:	Kích cỡ/ Size:	Ngày/ Date:
NTS	A3	21/07/2022

Bản vẽ số/ Drawing no : HH-HC-03
Tổng/ Total: 11

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN



CHÚ THÍCH TÊN BỂ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	CAO ĐỘ
B01	BỂ TÁCH MỠ/ GREASE TRAP TANK	(+0.00;-2.70)
B02	BỂ TRUNG HÒA/ BALANCE TANK	(+0.00;+3.20)
B03	BỂ KEO TỤ/ MIXING TANK	(+0.00;+3.20)
B04	BỂ TẠO BÔNG/ RESPONSE TANK	(+0.00;+3.20)
B05	BỂ LẮNG/ CLARIFIER TANK	(+0.00;+3.20)
B06	BỂ CHỨA BÙN/ SLUDGE STORAGE TANK	(+0.00;-2.70)

CHÚ THÍCH TÊN ỐNG DẪN:

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
01	AP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ
02	CP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN HÓA CHẤT
03	CW	ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC CẤP
04	EP	ĐƯỜNG ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN
05	SP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN
06	WP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC THẢI

Chủ đầu tư/ Investor:
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC
KCN MINH HƯNG SIKOMA, ĐỒNG NƠ, HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

Mục đích phát hành/ Issued for:
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày/ Date: Sửa/ Mô tả/ Description:
Rev

Mặt bằng chỉ dẫn/ Key plan:

Ghi chú/ Notes:
Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến hành.
Only figured dimension are to be worked from. Discrepancies must be reported immediately to the designer before proceeding.

Tư vấn thiết kế/ Consultant:
CTY CP XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT
Địa chỉ: Chung cư Khang Gia, Đường số 45, P.13, Q.6A Vip, TP. HCM
Điện thoại: 028.38615473 - 0938.857.768
Email: congnghemoitruonghopnhat.com
Website: www.moitruonghopnhat.com - MST: 0312758568

Giám đốc/ Director:
PHAN THANH VŨ

Chủ trì/ Chief:
HỒ ĐỨC SƠN

Kiểm tra/ Check by:
LÊ VĂN HẠC

Thiết kế/ Designed by:
NGUYỄN VĂN LINH

Vẽ/ Drawn by:
VŨ XUÂN THƯỞNG

Tên dự án/ Project name :
JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Địa điểm/ Location:
ĐỒNG NƠ, HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC

Hạng mục/ Item:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

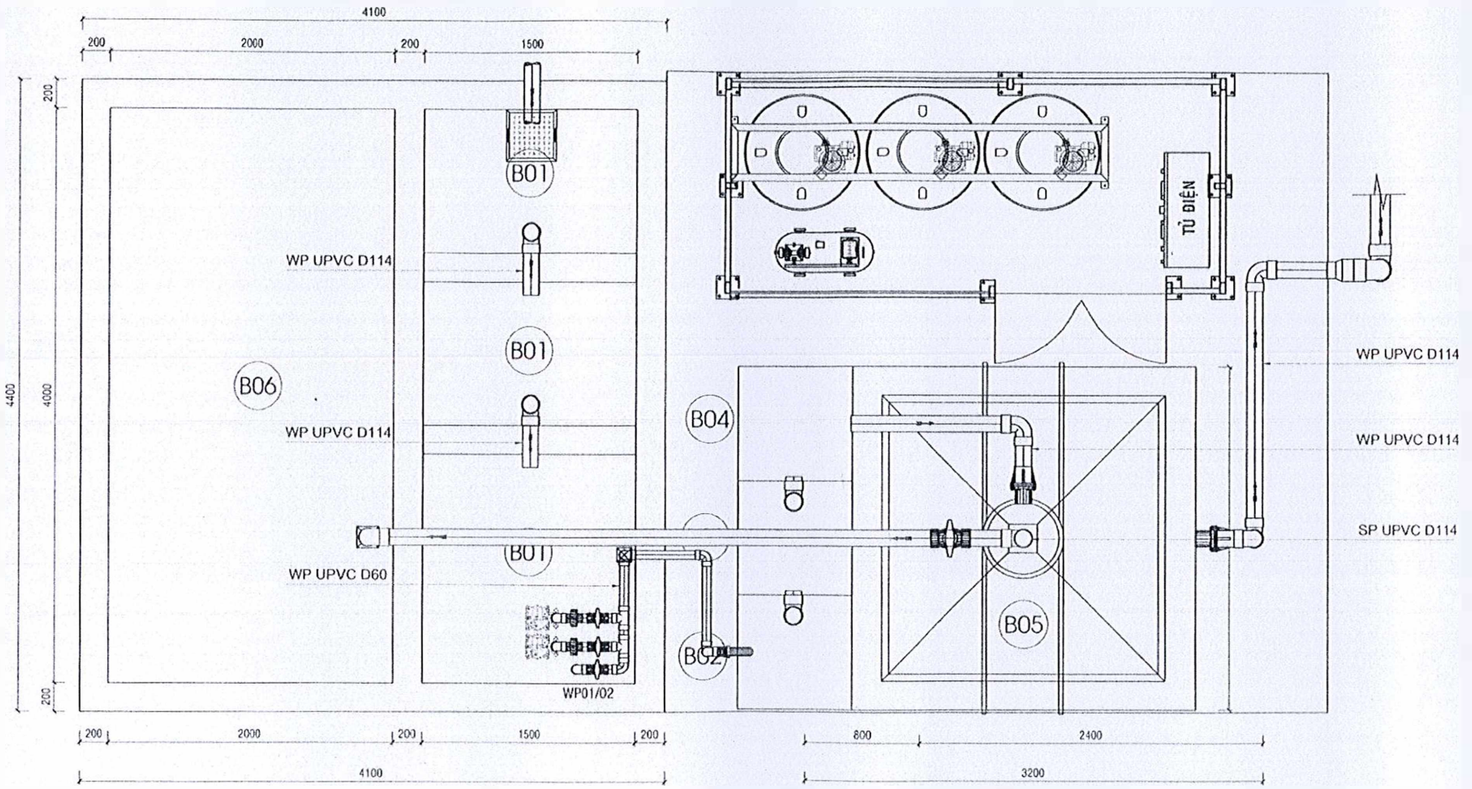
Công suất (m³/ngày)/ Capacity (m³/day):
100 (m³/ ngày đêm)

Tên bản vẽ/ Drawing title:
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG XẢ BÙN

Tỉ lệ/ Scale:	Kích cỡ/ Size:	Ngày/ Date:
NTS	A3	21/07/2022

Bản vẽ số/ Drawing no.:	Tổng/ Total:
HN-HC-04	11

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC



CHÚ THÍCH TÊN BỂ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	CAO ĐỘ
B01	BỂ TÁCH MỠ/ GREASE TRAP TANK	(+0.00;-2.70)
B02	BỂ TRUNG HÒA/ BALANCE TANK	(+0.00;+3.20)
B03	BỂ KEO TỤ/ MIXING TANK	(+0.00;+3.20)
B04	BỂ TẠO BÔNG/ RESPONSE TANK	(+0.00;+3.20)
B05	BỂ LẮNG/ CLARIFIER TANK	(+0.00;+3.20)
B06	BỂ CHỨA BÙN/ SLUDGE STORAGE TANK	(+0.00;-2.70)

CHÚ THÍCH TÊN ỐNG DẪN

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
01	AP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ
02	CP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN HÓA CHẤT
03	CW	ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC CẤP
04	EP	ĐƯỜNG ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN
05	SP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN
06	WP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC THẢI

Chủ đầu tư/ Investor:
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
KCN MINH HƯNG SIKOMBO, XÃ ĐỒNG NƠ, HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

Mục đích phát hành/ Issued for:
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày/ Date: Sửa/ Mô tả/ Description: Rev.:

Mặt bằng chỉ dẫn/ Key plan

Ghi chú/ Notes:
Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến hành.
Only figured dimension are to be worked from. Discrepancies must be reported immediately to the designer before proceeding.

Tư vấn thiết kế/ Consultant:
CTY CP XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT
Địa chỉ: Chung cư Hưng Gia, Đường số 15, P.14, Q.Gò Vấp, TP. HCM
Điện thoại: 028 38915423 - 0938.857.768
Email:
Website: .com - MST: 0312298565

Giám đốc/ Director:
PHAN THANH VŨ
Chủ trì/ Chief:
HỒ ĐỨC SƠN
Kiểm tra/ Check by:
LÊ VĂN HÀI
Thiết kế/ Designed by:
NGUYỄN VĂN LINH
Vẽ/ Drawn by:
VŨ XUÂN TRƯỜNG

Tên dự án/ Project name :
JAPFA COMFEED VIỆT NAM

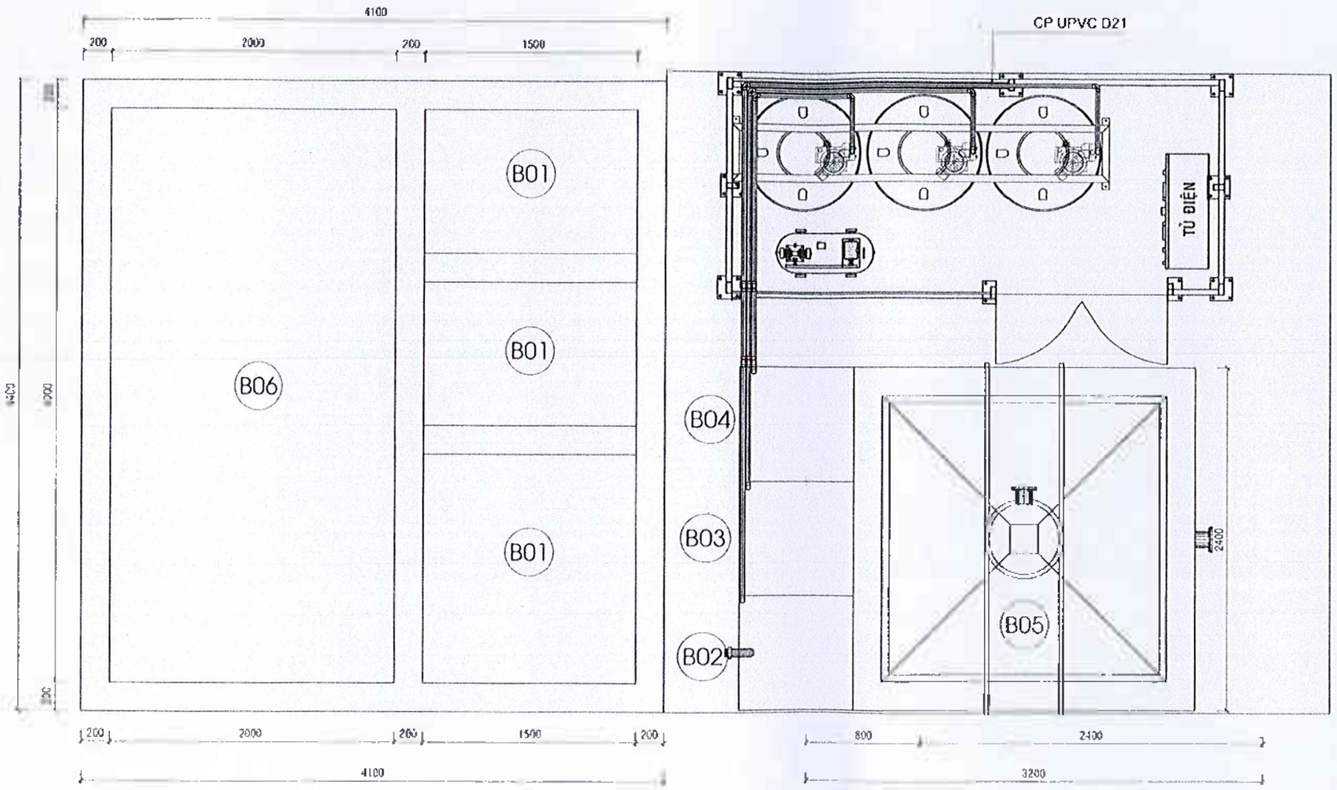
Địa điểm/ Location:
ĐỒNG NƠ, HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC
Hạng mục/ Item:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
Công suất (m³/ngày)/ Capacity (m³/day):
100 (m³/ ngày đêm)

Tên bản vẽ/ Drawing title:
MẶT BẰNG CÔNG NGHỆ
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Tỉ lệ/ Scale	Kích cỡ/ Size:	Ngày/ Date:
NTS	A3	21/07/2022

Bản vẽ số/ Drawing no.: HN HC 05
Tổng/ Total: 11

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG HÓA CHẤT



CHÚ THÍCH TÊN BỂ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	CAO ĐỘ
B01	BỂ TÁCH MỠ/ GREASE TRAP TANK	(+0.00;-2.70)
B02	BỂ TRUNG HÒA/ BALANCE TANK	(+0.00;+3.20)
B03	BỂ KEO TỤ/ MIXING TANK	(+0.00;+3.20)
B04	BỂ TẠO BÔNG/ RESPONSE TANK	(+0.00;+3.20)
B05	BỂ LẮNG/ CLARIFIER TANK	(+0.00;+3.20)
B06	BỂ CHỨA BÙN/ SLUDGE STORAGE TANK	(+0.00;-2.70)

CHÚ THÍCH TÊN ỐNG DẪN

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
01	AP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ
02	CP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN HÓA CHẤT
03	CW	ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC CẤP
04	EP	ĐƯỜNG ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN
05	SP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN
06	WP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC THẢI

Chủ đầu tư/ Investor:
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

Mục đích phát hành/ Issued for:
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày/ Date: Sửa/ Mô tả/ Description: Rev.:

Mặt bằng chỉ dẫn/ Key plan

Ghi chú/ Notes:
Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến hành.
Only figured dimension are to be worked from. Descrepancies must be reported immediately to the designer before proceeding.

Tư vấn thiết kế/ Consultant:
CTY CP XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT
Địa chỉ: Chung cư Khang Gia, Đường số 45, P.14, Q.Gò Vấp, TP. HCM
Điện thoại: 028 38715123 - 0918 857 258
Email: congtienglanhmoitruonghopnhat.com
Website: www.moitruonghopnhat.com - MST: 0312298565

Giám đốc/ Director:
PHAN THANH VŨ

Chủ trì/ Chief:
HỒ SỸ SƠN

Kiểm tra/ Check by:
LÊ VĂN HẠC

Thiết kế/ Designed by:
NGUYỄN VĂN LIỄU

Vẽ/ Drawn by:
VŨ XUÂN TRƯỜNG

Tên dự án/ Project name :
JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Địa điểm/ Location:
ĐỒNG NƯ, HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC

Hạng mục/ Item:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

Công suất (m³/ngày)/ Capacity (m³/day):
100 (m³/ ngày đêm)

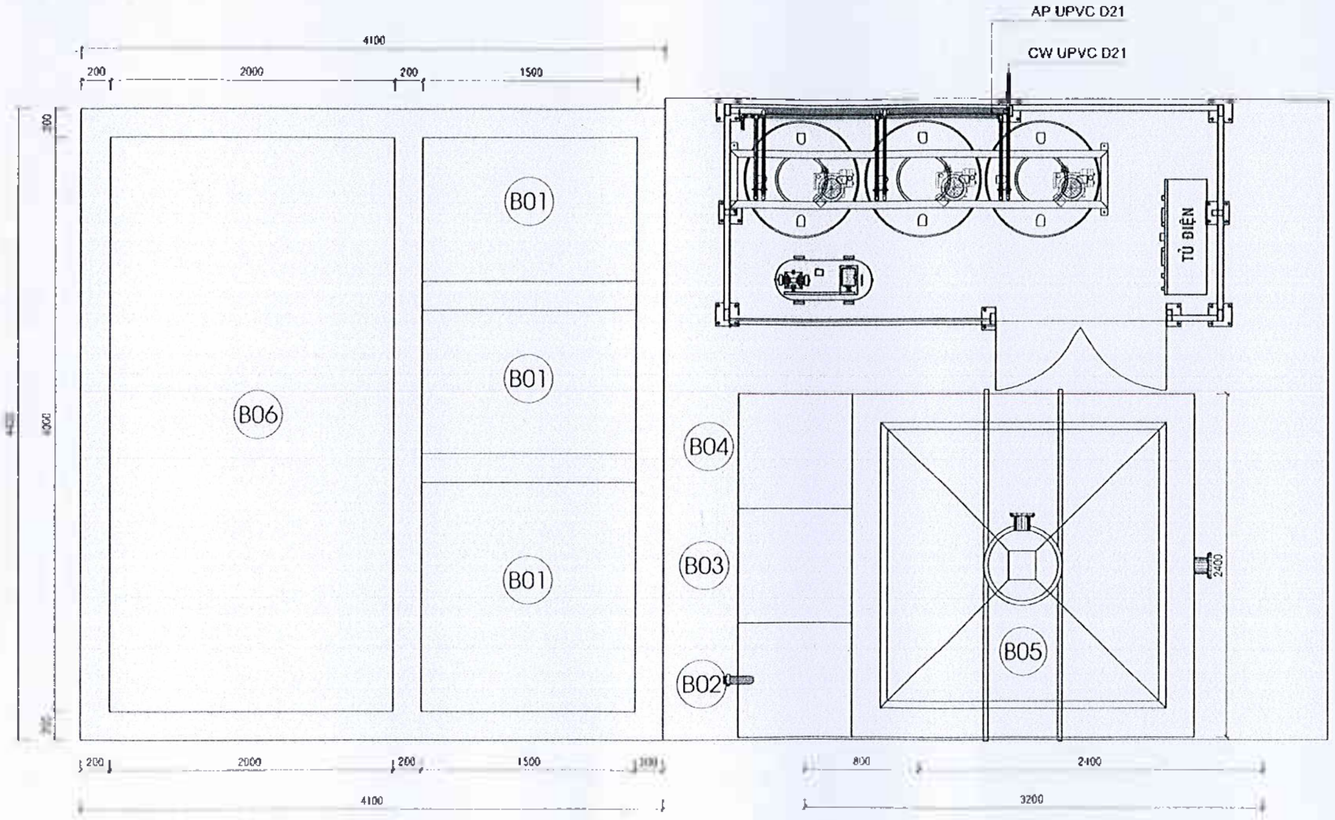
Tên bản vẽ/ Drawing title:
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG HÓA CHẤT

Tỉ lệ/ Scale:	Kích cỡ/ Size:	Ngày/ Date:
NTS	A3	21/07/2022

Bản vẽ số/ Drawing no: HN-HC-06

Tổng/ Total: 11

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC CẤP VÀ ĐƯỜNG ỐNG KHÍ



CHÚ THÍCH TÊN BỂ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	CAO ĐỘ
B01	BỂ TÁCH MỠ/ GREASE TRAP TANK	(+0.00;-2.70)
B02	BỂ TRUNG HÒA/ BALANCE TANK	(+0.00;+3.20)
B03	BỂ KEO TỤ/ MIXING TANK	(+0.00;+3.20)
B04	BỂ TẠO BÔNG/ RESPONSE TANK	(+0.00;+3.20)
B05	BỂ LẮNG/ CLARIFIER TANK	(+0.00;+3.20)
B06	BỂ CHỨA BÙN/ SLUDGE STORAGE TANK	(+0.00;-2.70)

CHÚ THÍCH TÊN ỐNG DẪN:

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
01	AP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ
02	CP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN HÓA CHẤT
03	CW	ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC CẤP
04	EP	ĐƯỜNG ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN
05	SP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN
06	WP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC THẢI

Chủ đầu tư/ Investor:
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

Mục đích phát hành/ Issued for:
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày/ Date: Sửa/ Rev. Mô tả/ Description:

Mặt bằng chỉ dẫn/ Key plan:

Ghi chú/ Notes:
Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến hành.
Only figured dimension are to be worked from
Discrepancies must be reported immediately to the designer before proceeding.

Tư vấn thiết kế/ Consultant:
CTY CP XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI THƯỜNG HỢP NHẤT
Địa chỉ: Chung cư Khang Gia, Đường số 45, P.11, Q.Gò Vấp, TP. HCM
Điện thoại: 028.38315123 - 0938.851.268
Email: congtytonghinhmoitruonghopnhat.com
Website: www.moitruonghopnhat.com - MST: 0312208568

Giám đốc/ Director:
HỒ ĐỨC SƠN
Kiểm tra/ Check by:
LÊ VĂN HẠC
Thiết kế/ Designed by:
NGUYỄN VĂN LINH
Vẽ/ Drawn by:
VŨ XUÂN TRƯỜNG

Tên dự án/ Project name :
JAPFA COMFEED VIỆT NAM

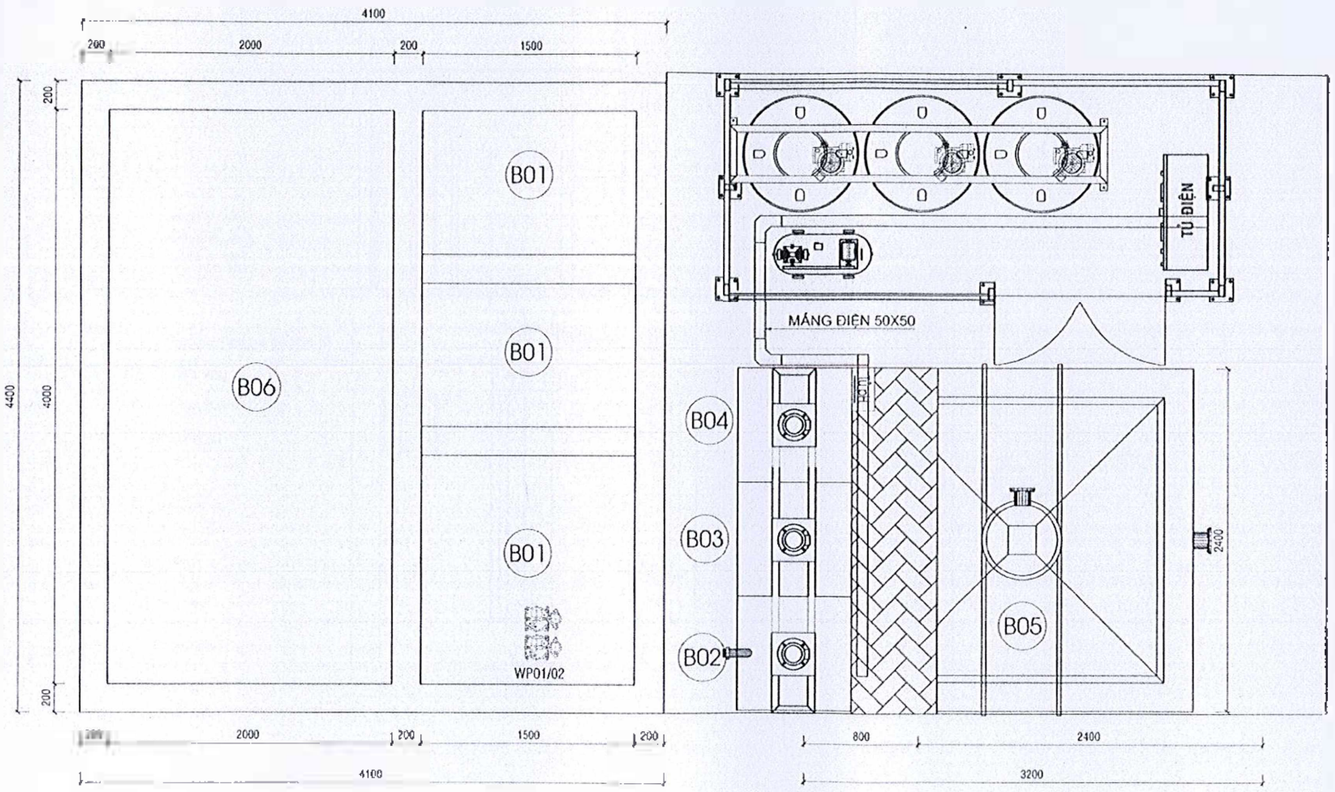
Địa điểm/ Location:
ĐỒNG NO, HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC
Hạng mục/ Item:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
Công suất (m³/ngày)/ Capacity (m³/day):
100 (m³/ ngày đêm)

Tên bản vẽ/ Drawing title:
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG CẤP KHÍ VÀ NƯỚC PHA HÓA CHẤT

Tỉ lệ/ Scale:	Kích cỡ/ Size:	Ngày/ Date:
NTS	A3	21/07/2022

Bản vẽ số/ Drawing no.: HN-HC-07
Tổng/ Total:

MẶT BẰNG MÁNG CÁP BẢO VỆ DÂY ĐIỆN



CHÚ THÍCH TÊN BỂ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	CAO ĐỘ
B01	BỂ TÁCH MỠ/ GREASE TRAP TANK	(+0.00;-2.70)
B02	BỂ TRUNG HÒA/ BALANCE TANK	(+0.00;+3.20)
B03	BỂ KEO TỤ/ MIXING TANK	(+0.00,+3.20)
B04	BỂ TẠO BÔNG/ RESPONSE TANK	(+0.00,+3.20)
B05	BỂ LẮNG/ CLARIFIER TANK	(+0.00,+3.20)
B06	BỂ CHỨA BÙN/ SLUDGE STORAGE TANK	(+0.00,-2.70)

CHÚ THÍCH TÊN ỐNG DẪN:

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
01	AP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ
02	CP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN HÓA CHẤT
03	CW	ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC CẤP
04	EP	ĐƯỜNG ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN
05	SP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN
06	WP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC THẢI

Chủ đầu tư/ Investor:
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 1
Địa chỉ/ Address: KCN HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

Mục đích phát hành/ Issued for:
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày/ Date: Sửa/ Mô tả/ Description: Rev.

Mặt bằng chỉ dẫn/ Key plan:

Ghi chú/ Notes.
Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến hành
Only figured dimension are to be worked from. Discrepancies must be reported immediately to the designer before proceeding

Tư vấn thiết kế/ Consultant:
CTY CP XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT
Địa chỉ: Chung cư Khang Gia, Đường số 45, P.11, Q.Gò Vấp, TP. HCM
Điện thoại: 028.38315923 - 6938 857
Email: congthonglap@moitruonghopnhat.com
Website: www.moitruonghopnhat.com - MST: 0312298568

Giám đốc/ Director:
PHAN THÀNH VŨ
Chủ trì/ Chief:
HỒ ĐỨC SỬU
Kiểm tra/ Check by:
LÊ VĂN HẢI
Thiết kế/ Designed by:
NGUYỄN VĂN LINH
Vẽ/ Drawn by:
VŨ XUÂN TRƯỜNG

Tên dự án/ Project name :
JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Địa điểm/ Location:
ĐỒNG NƠ, HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC

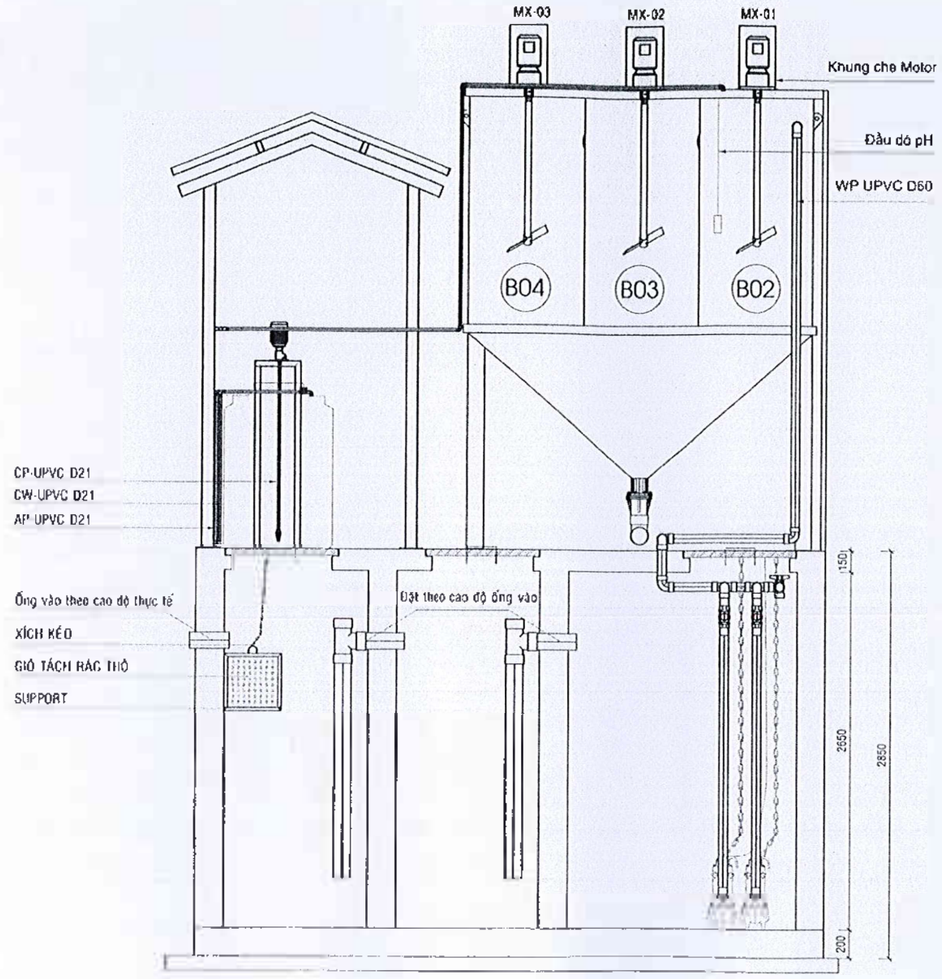
Hạng mục/ Item:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

Công suất (m³/ngày)/ Capacity (m³/day):
100 (m³/ ngày đêm)

Tên bản vẽ/ Drawing title:
MẶT BẰNG MÁNG CÁP ĐIỆN

Tỉ lệ/ Scale:	Kích cỡ/ Size:	Ngày/ Date:
NTS	A3	21/07/2022

Bản vẽ số/ Drawing no.:	Tổng/ Total:
HN-HC-08	11



MẶT CẮT A-A

CHÚ THÍCH TÊN BỂ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	CAO ĐỘ
B01	BỂ TÁCH MỠ/ GREASE TRAP TANK	(+0.00;-2.70)
B02	BỂ TRUNG HÒA/ BALANCE TANK	(+0.00;+3.20)
B03	BỂ KEO TỤ/ MIXING TANK	(+0.00;+3.20)
B04	BỂ TẠO BÔNG/ RESPONSE TANK	(+0.00;+3.20)
B05	BỂ LẮNG/ CLARIFIER TANK	(+0.00;+3.20)
B06	BỂ CHỨA BÙN/ SLUDGE STORAGE TANK	(+0.00;-2.70)

CHÚ THÍCH TÊN ỐNG DẪN:

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
01	AP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ
02	CP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN HÓA CHẤT
03	CW	ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC CẤP
04	EP	ĐƯỜNG ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN
05	SP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN
06	WP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC THẢI

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC
ẤP 1, XÃ THANH BÌNH, HUYỆN BÙNG, ĐỒNG NƠ, HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

Mục đích phát hành/ Issued for:
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày/ Date:	Sửa/ Rev.:	Mô tả/ Description:

Mặt bằng chỉ dẫn/ Key plan:

Ghi chú/ Notes:
Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến hành
Only figured dimension are to be worked from. Discrepancies must be reported immediately to the designer before proceeding.

Tư vấn thiết kế/ Consultant:
CTY CP XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT
Địa chỉ: Chung cư Khang Gia, Đường số 45, P.14, Q.Gò Vấp, TP. HCM
Điện thoại: 028.38315423 - 0938.857.168
Email: congthongtin@moitruonghopnhat.com
Website: www.moitruonghopnhat.com MST: 0312985858

Giám đốc/ Director:
PHAN THANH VŨ

Chủ trì/ Chief:
HỒ ĐỨC SỸ

Kiểm tra/ Check by:
LÊ VĂN HẢI

Thiết kế/ Designed by:
NGUYỄN VĂN LINH

Vẽ/ Drawn by:
VŨ XUÂN TRƯỜNG

Tên dự án/ Project name :
JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Địa điểm/ Location:
ĐỒNG NƠ, HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC

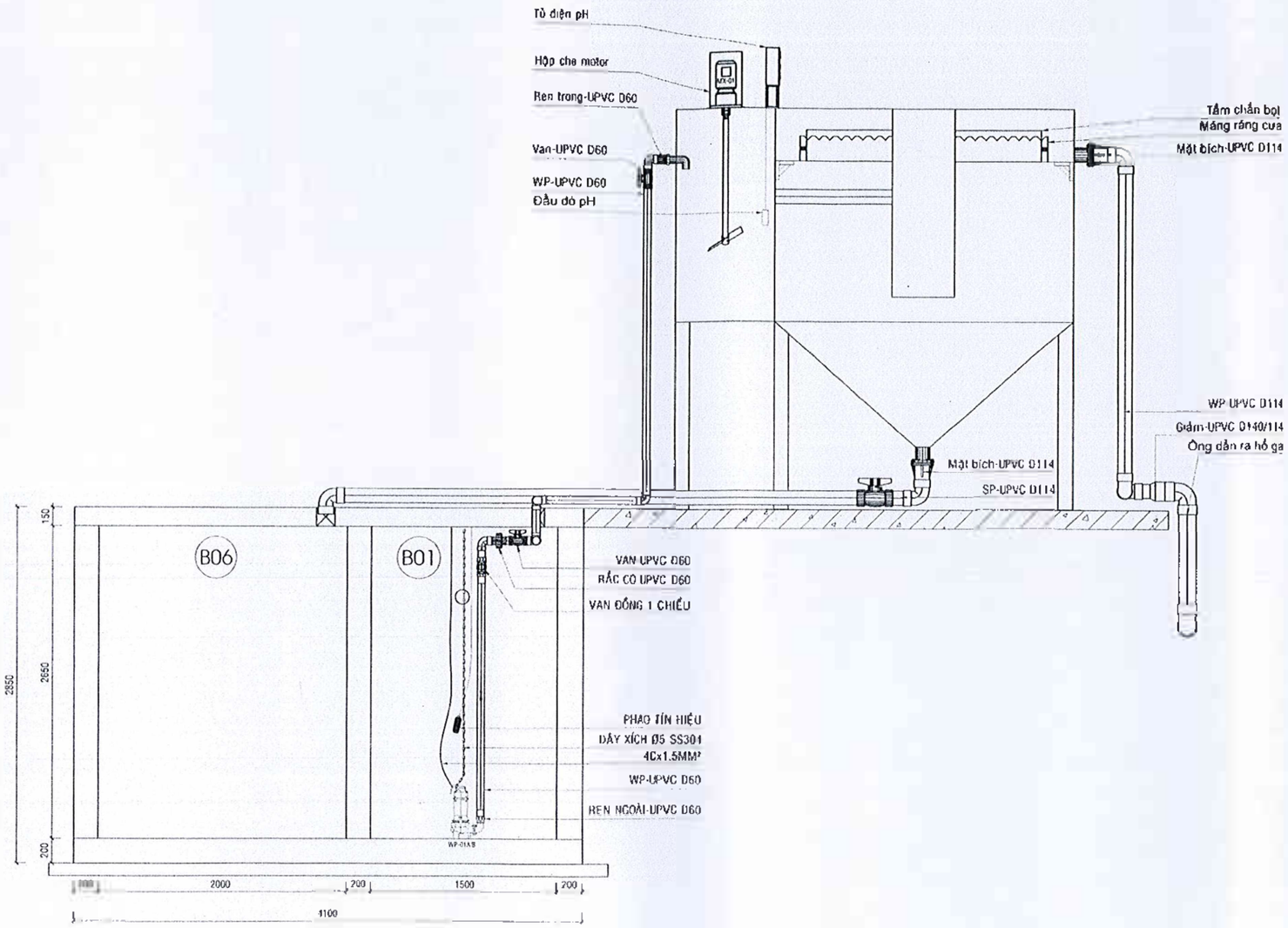
Hạng mục/ Item:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

Công suất (m³/ngày)/ Capacity (m³/day):
100 (m³/ ngày đêm)

Tên bản vẽ/ Drawing title:
MẶT CẮT CÔNG NGHỆ A-A

Tỉ lệ/ Scale:	Kích cỡ/ Size:	Ngày/ Date:
NTS	A3	21/07/2022

Bản vẽ số/ Drawing no.: HN-HC-09
Tổng/ Total: 11



MẶT CẮT 1-1

CHÚ THÍCH TÊN BỂ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	CAO ĐỘ
B01	BỂ TÁCH MỠ/ GREASE TRAP TANK	(+0.00;-2.70)
B02	BỂ TRUNG HÒA/ BALANCE TANK	(+0.00;+3.20)
B03	BỂ KEO TỤ/ MIXING TANK	(+0.00;+3.20)
B04	BỂ TẠO BÔNG/ RESPONSE TANK	(+0.00;+3.20)
B05	BỂ LẮNG/ CLARIFIER TANK	(+0.00;+3.20)
B06	BỂ CHỨA BÙN/ SLUDGE STORAGE TANK	(+0.00;-2.70)

CHÚ THÍCH TÊN ỐNG DẪN:

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
01	AP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ
02	CP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN HÓA CHẤT
03	CW	ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC CẤP
04	EP	ĐƯỜNG ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN
05	SP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN
06	WP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC THẢI

Chủ đầu tư/ Investor:
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

Mục đích phát hành/ Issued for:
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày/ Date: Sửa/ Mô tả/ Description: Rev.:

Mặt bằng chỉ dẫn/ Key plan:

Ghi chú/ Notes:
Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến hành.
Only figured dimension are to be worked from. Discrepancies must be reported immediately to the designer before proceeding

Tư vấn thiết kế/ Consultant:
CTY CP XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT
Địa chỉ: Chung cư Khang Gia, Đường số 45, P.14, Q.Gò Vấp, TP. HCM
Điện thoại: 028.38385423 - 0938.852.268
Email: [redacted]
Website: www.moitruonghoprhat.com - MST: 0312298568

Giám đốc/ Director:
PHAN THANH VŨ
Chủ trì/ Chief:
HỒ ĐỨC SƠN
Kiểm tra/ Check by:
LÊ VĂN HẢO
Thiết kế/ Designed by:
NGUYỄN VĂN CHÍN
Vẽ/ Drawn by:
VŨ XUÂN TRƯỜNG

Tên dự án/ Project name :
JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Địa điểm/ Location:
ĐỒNG NƠ, HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC

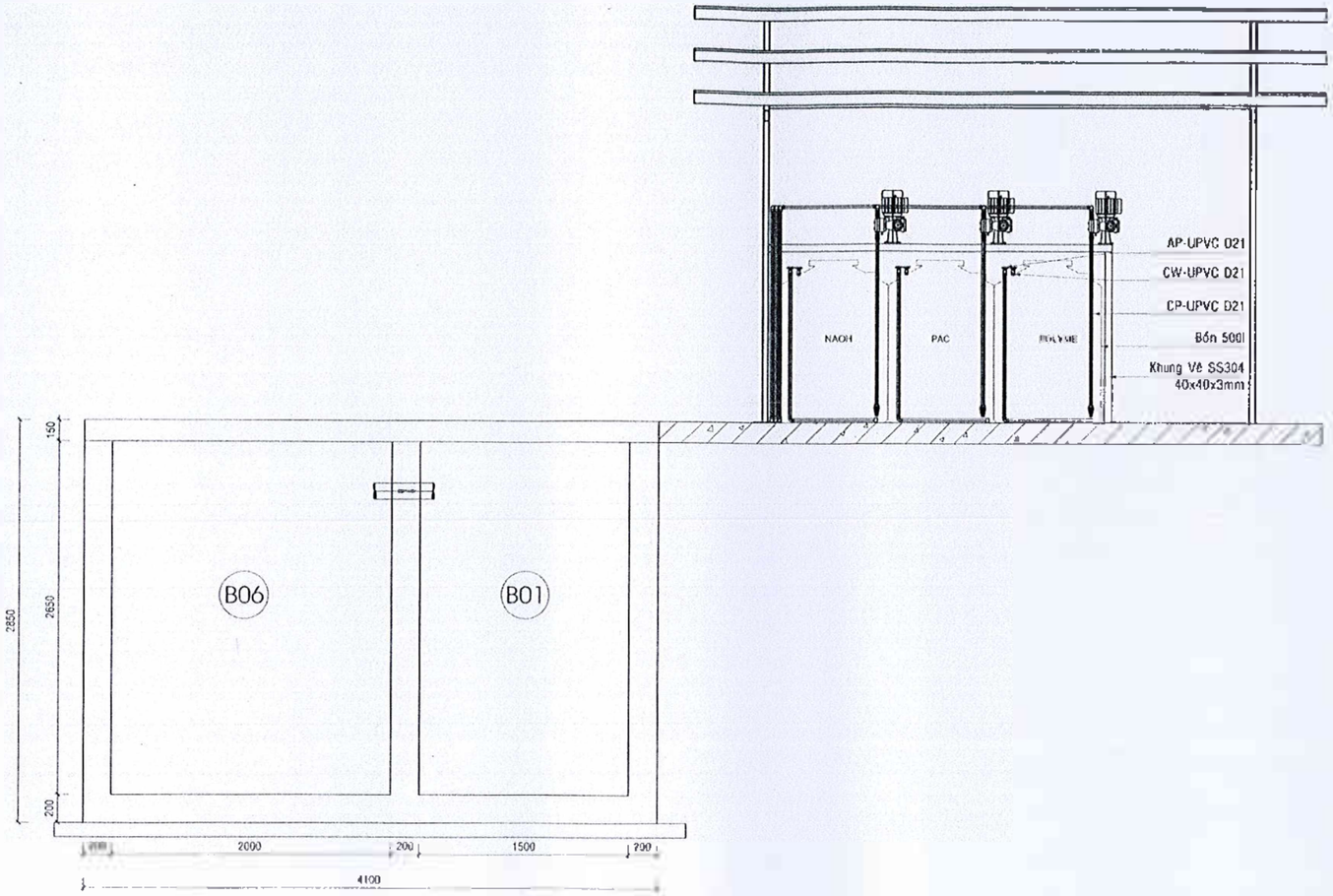
Hạng mục/ Item:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT

Công suất (m³/ngày)/ Capacity (m³/day):
100 (m³/ ngày đêm)

Tên bản vẽ/ Drawing title:
MẶT CẮT CÔNG NGHỆ 1-1

Tỉ lệ/ Scale:	Kích cỡ/ Size:	Ngày/ Date:
NTS	A3	21/07/2022

Bản vẽ số/ Drawing no.	Tổng/ Total:
HN-HC-10	11



MẶT CẮT 2-2

CHÚ THÍCH TÊN BỂ

KÝ HIỆU	HẠNG MỤC	CAO ĐỘ
B01	BỂ TÁCH MỠ/ GREASE TRAP TANK	(+0.00;-2.70)
B02	BỂ TRUNG HÒA/ BALANCE TANK	(+0.00;+3.20)
B03	BỂ KEO TỤ/ MIXING TANK	(+0.00;+3.20)
B04	BỂ TẠO BÔNG/ RESPONSE TANK	(+0.00;+3.20)
B05	BỂ LẮNG/ CLARIFIER TANK	(+0.00;+3.20)
B06	BỂ CHỨA BÙN/ SLUDGE STORAGE TANK	(+0.00;-2.70)

CHÚ THÍCH TÊN ỐNG DẪN

STT	KÝ HIỆU	HẠNG MỤC
01	AP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN KHÍ
02	CP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN HÓA CHẤT
03	CW	ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC CẤP
04	EP	ĐƯỜNG ỐNG LUỒN DÂY ĐIỆN
05	SP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN BÙN
06	WP	ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC THẢI

Chủ đầu tư/ Investor:
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 1
Địa chỉ: KCN MINH HƯNG, HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

Mục đích phát hành/ Issued for:
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày/ Date: Sửa/ Rev.: Mô tả/ Description:

Mặt bằng chỉ dẫn/ Key plan:

Ghi chú/ Notes:
Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến hành.
Only figured dimension are to be worked from. Discrepancies must be reported immediately to the designer before proceeding.

Tư vấn thiết kế/ Consultant:
CTY CP XÂY DỰNG & CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HỢP NHẤT
Địa chỉ: Chung cư Khang Gia, Đường số 45, P.11, Q.Gò Vấp, TP. HCM
Điện thoại: 028.38385423 - 0934.857.168
Email: [redacted]
Website: [redacted] - MST: 0312298563

Giám đốc/ Director:
PHAN [redacted]
Chủ trì/ Chief:
HỒ ĐỨC SƠN
Kiểm tra/ Check by:
LÊ VĂN HẠC
Thiết kế/ Designed by:
NGUYỄN VĂN LINH
Vẽ/ Drawn by:
VŨ XUÂN TRƯỜNG

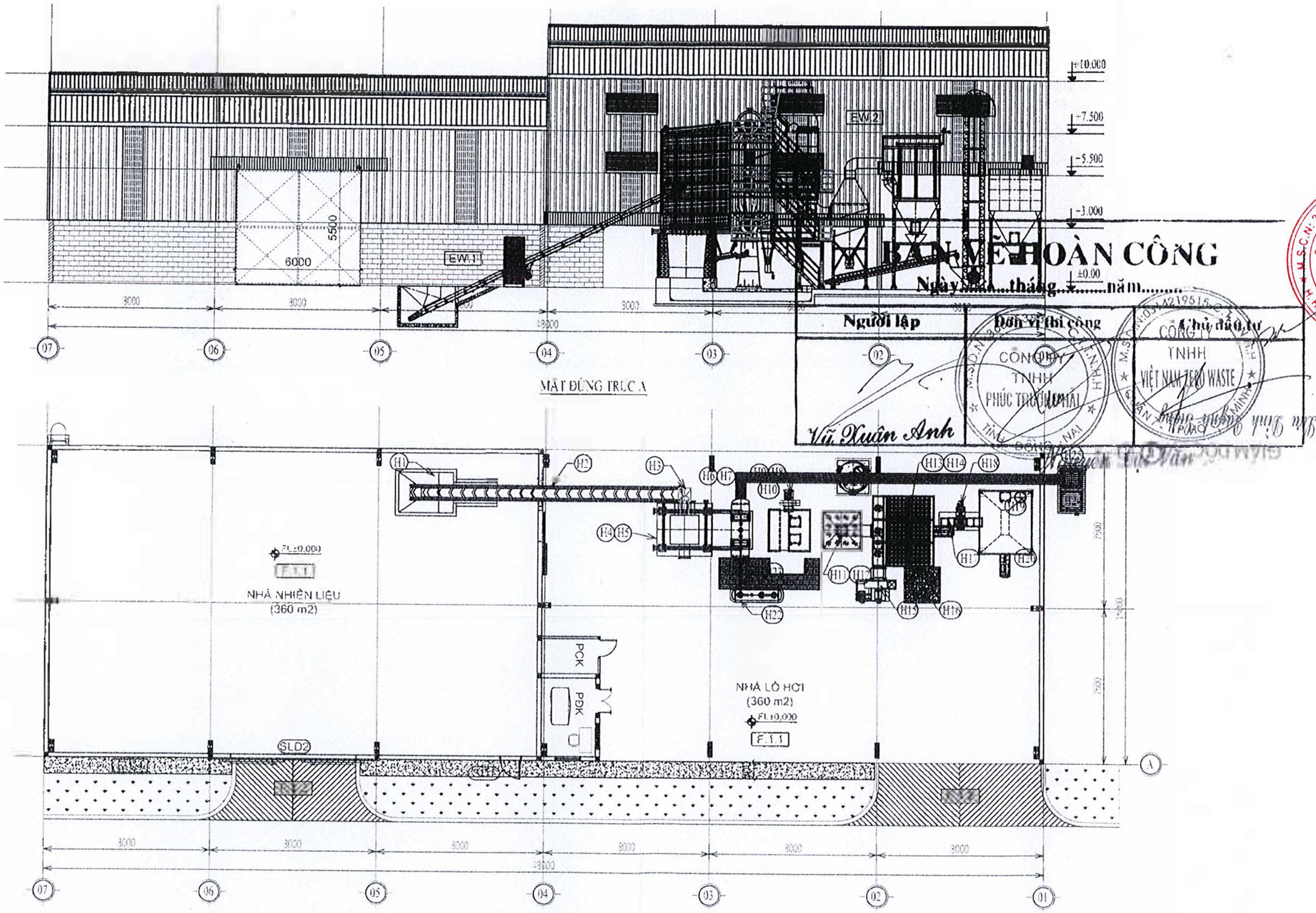
Tên dự án/ Project name :
JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Địa điểm/ Location:
ĐỒNG NƠ, HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC
Hạng mục/ Item:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT
Công suất (m³/ngày)/ Capacity (m³/day):
100 (m³/ ngày đêm)

Tên bản vẽ/ Drawing title:
MẶT CẮT CÔNG NGHỆ 2-2

Tỉ lệ/ Scale:	Kích cỡ/ Size:	Ngày/ Date:
NTS	A3	21/07/2022

Bản vẽ số/ Drawing no.:	Tổng/ Total:
HN-HC-11	11



MẶT BẰNG TỔNG THỂ
TL: 1/200

KÝ HIỆU	MÃ HIỆU	TÊN THIẾT BỊ	KÝ HIỆU	MÃ HIỆU	TÊN THIẾT BỊ
H1	FCL-1001	Fuel Cells/ Hố cấp liệu	H13	FBS-1001	Fabric Filter/ Lọc bụi tui vải
H2	FLC-1001	Flatbelt conveyer/ Băng tải cấp liệu	H14	ARV-1002	Ash Rotary Valve/ Van xoay thu tro
H3	FFH-1001	Fuel feeded hopper/ Phễu nạp liệu buồng đốt	H15	FAN-1003	Exhausts fan/ Quạt hút khói
H4	FLB-1001	Fluidized bed furnace/ Buồng đốt tầng sôi	H16	CHY-1001	Chimney/ Ống khói
H5	FHR-1001	Furnace heat radiation/ Buồng đốt bức xạ nhiệt	H17	ASC-1001	Ash Screw Conveyors/ Vít tải thu tro
H6	CVB-1001	Convection Bank/ Cụm đối lưu	H18	BEB-1001	Bucket Elevator Belt/ Gàu tải
H7	FAN-1002	2nd Force Draft Fan (Push fan)/ Quạt cấp 2	H19	ASS-1001	Ash Silo/ Silo chứa tro
H8	FAN-1001	1st Force Draft Fan (Push fan)/ Quạt cấp 1	H20	ASC-1002	Ash Screw Conveyors/ Vít tải thu tro
H9	ECO-1001	Economizer/ Bộ hâm nước	H21	WTT-1001	Water Tank/ Bồn chứa nước
H10	APH-1001	Air Pre Heater/ Bộ sấy không khí	H22	STH-1001	Steam header/ Bình góp hơi
H11	MCY-1001	Multi Cyclone/ Cyclone lố hợp	H23	STL-1001	Steam tubes line/ Dường ống hơi nội khu
H12	ARV-1001	Ash Rotary Valve/ Van xoay thu tro	H24	ACL-1002	Ash Clarifier/ Bể [illegible]

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày...tháng...năm.....

Người lập	Đơn vị thi công	Chủ đầu tư
Vũ Xuân Anh	CÔNG TY TNHH PHÚC THỊNH HẢI	CÔNG TY TNHH VIỆT NAM ZERO WASTE

GHI CHÚ - NOTES
1. COS ±0.00 LÀ COS RIÊNG CỦA TỪNG HẠNG MỤC
2. KHÔNG DÙNG THƯỚC ĐO TRÊN BẢN VẼ

KHÁCH HÀNG - CLIENT
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED - BÌNH PHƯỚC
JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 3

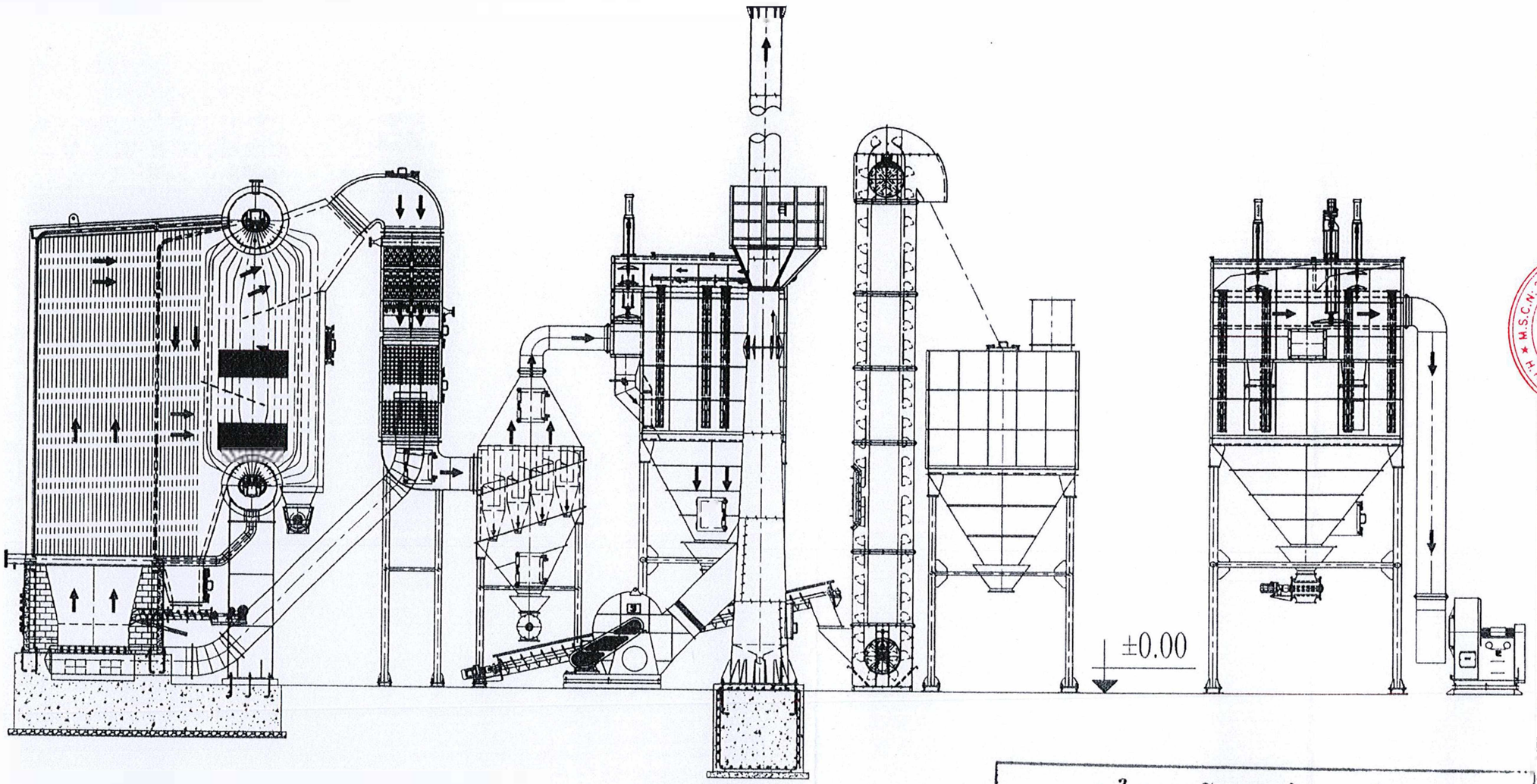
CÔNG TY VIỆT NAM ZERO WASTE
ĐỊA CHỈ - ADD
KCN Đ. Hoàng Quốc Việt, P. Phú Mỹ, Q.7, Tp. HCM, Việt Nam

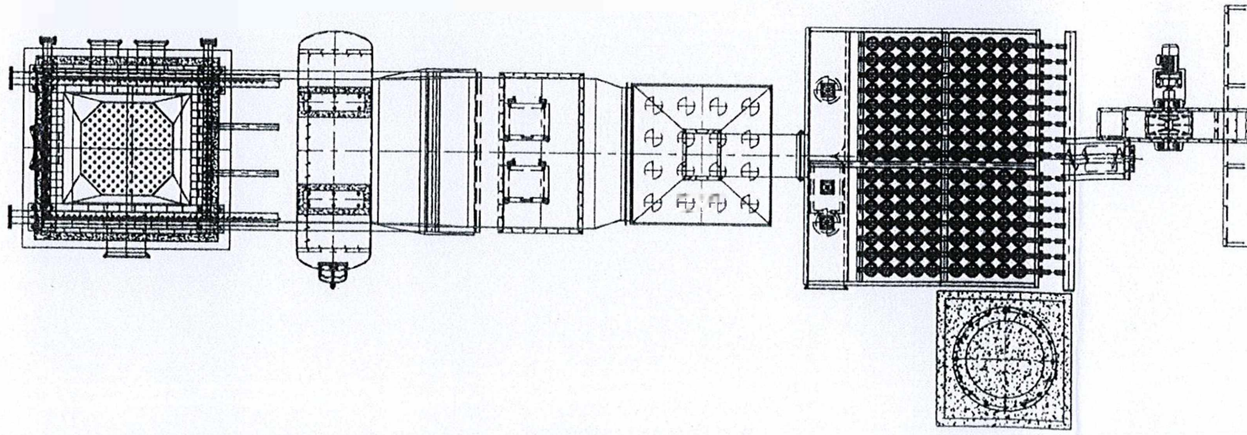
TÊN DỰ ÁN - PROJECT TITLE
NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI JAPFA - BÌNH PHƯỚC
ĐỊA ĐIỂM LẮP ĐẶT - LOCATION
XÃ SHROCO, HUYỆN ĐỒNG PHÚ, BÌNH PHƯỚC
HẠNG MỤC - ITEM
LÒ HƠI TẦNG SÔI CÔNG SUẤT 80T/H
GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ - DESIGN PHASE
HỒ SƠ THIẾT KẾ - BẢN VẼ THI CÔNG
HIỆU CHỈNH - REVISION

THIẾT KẾ & THI CÔNG - DESIGN & CONSTRUCTION
PTH BOILER
CÔNG TY TNHH PHÚC THỊNH HẢI
ĐỊA CHỈ - ADD
[illegible]

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME
BẢN VẼ BỐ TRÍ MẶT BẰNG TỔNG THỂ

THIẾT KẾ	NGUYỄN ĐẠI VĂN	
KIỂM TRA	ĐỖ LONG HIẾU VƯƠNG	
PHÊ DUYỆT	LÊ HOÀNG PHỤNG	
KẾT CẤU	NGUYỄN VĂN CHÍNH	
VẼ	NGUYỄN ĐẠI VĂN	





BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập	Đơn vị thi công	Chủ đầu tư
Vũ Xuân Anh	CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI	CÔNG TY TNHH VIỆT NAM ZERO WASTE GIÁM ĐỐC Nguyễn Đại Văn

GHI CHÚ - NOTES

1. COS ±0.00 LÀ COS RIÊNG CỦA TỪNG HẠNG MỤC
2. KHÔNG DÙNG THƯỚC ĐO TRÊN BẢN VẼ

KHÁCH HÀNG - CLIENT

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED - BÌNH PHƯỚC

CÔNG TY VIỆT NAM ZERO WASTE

ĐỊA CHỈ - ADD:

TÊN DỰ ÁN - PROJECT TITLE

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI JAPFA - BÌNH PHƯỚC

ĐỊA ĐIỂM LẮP ĐẶT - LOCATION

KCN SIKICO HỚN QUẢN - BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC - ITEM

LÒ HƠI TẦNG SÔI CÔNG SUẤT 10T/h

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ - DESIGN PHASE

HỒ SƠ THIẾT KẾ - BẢN VẼ THI CÔNG

HIỆU CHỈNH - REVISION

LẦN	NGÀY	NỘI DUNG	KÝ

THIẾT KẾ & THI CÔNG - DESIGN & CONSTRUCTION

PTH BOILER

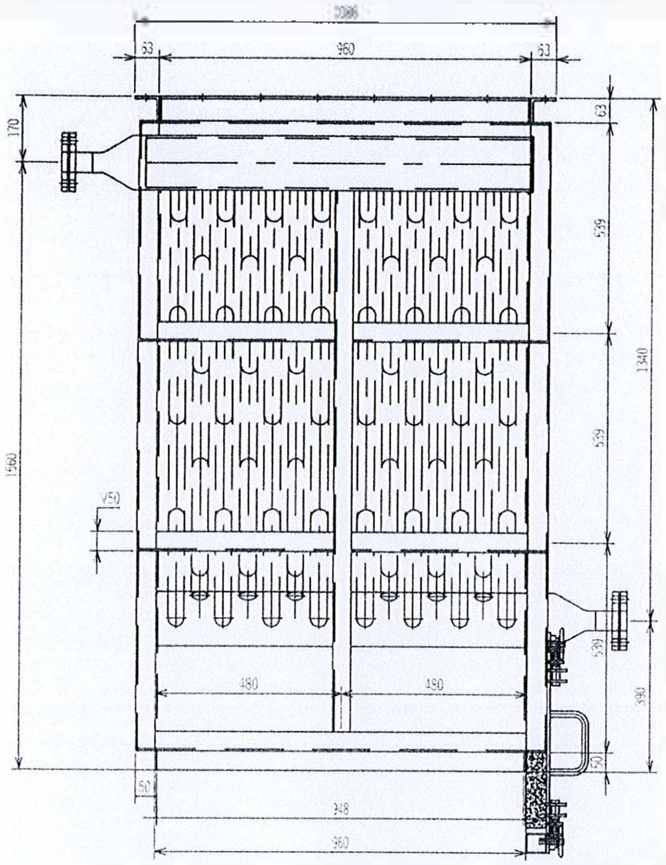
CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI

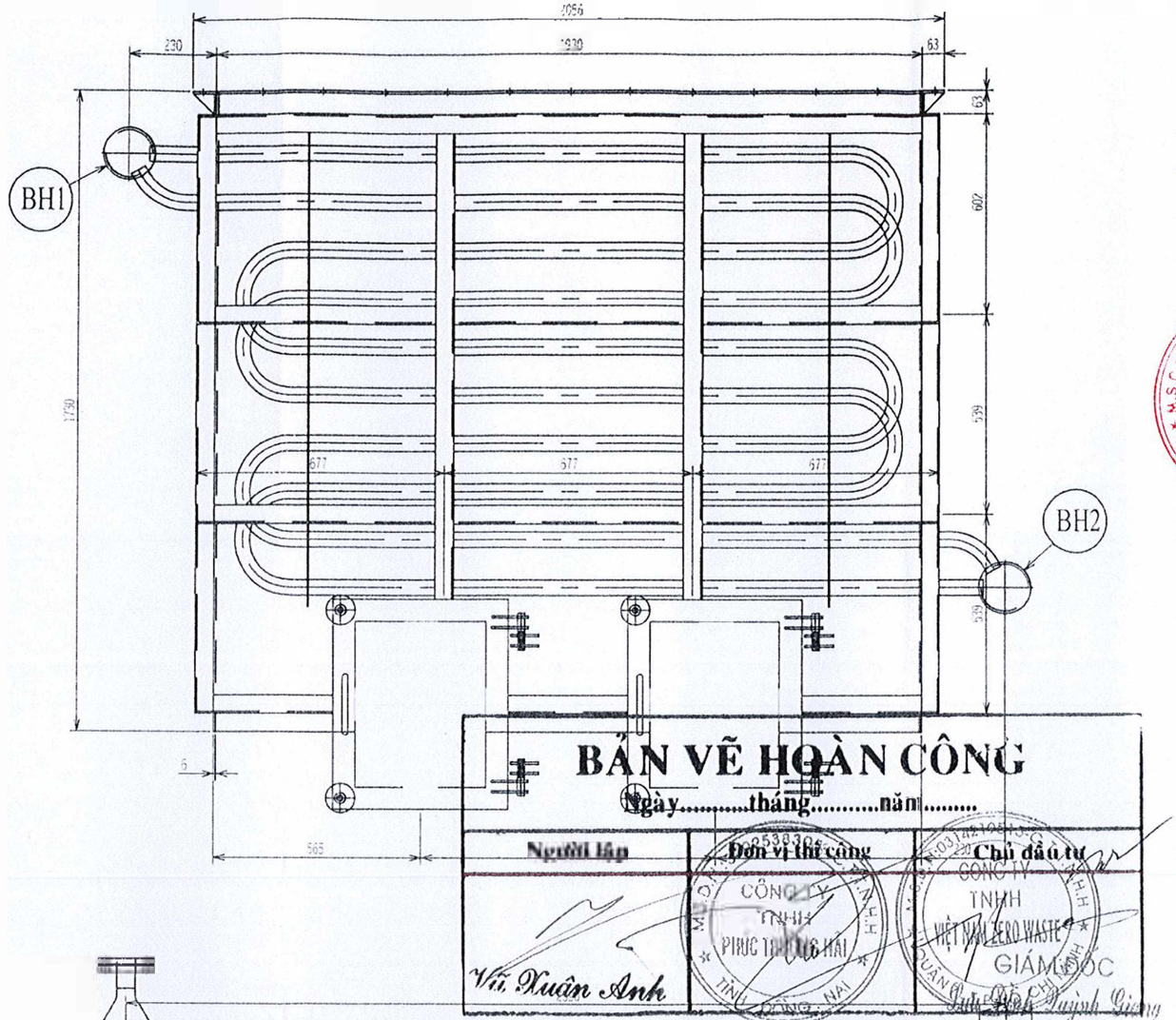
ĐỊA CHỈ - ADD

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

BẢN VẼ TỔNG THỂ THIẾT BỊ

GIÁM ĐỐC DIRECTOR	NGUYỄN ĐẠI VĂN	
CHỦ TRÌ CHECKED BY	TRƯƠNG HỮU VƯƠNG	
NGƯỜI VẼ DRAWN BY	LÊ HOÀNG PHƯƠNG	
KIỂM TRA CHECKED BY	NGUYỄN VĂN CHUNG	
DUYỆT APPROVED BY	NGUYỄN ĐẠI VĂN	
NGÀY - DATE	30/8/2025	TỶ LỆ - SCALE 1/75
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO.	BẢN VẼ HOÀN CÔNG	BVHC-001

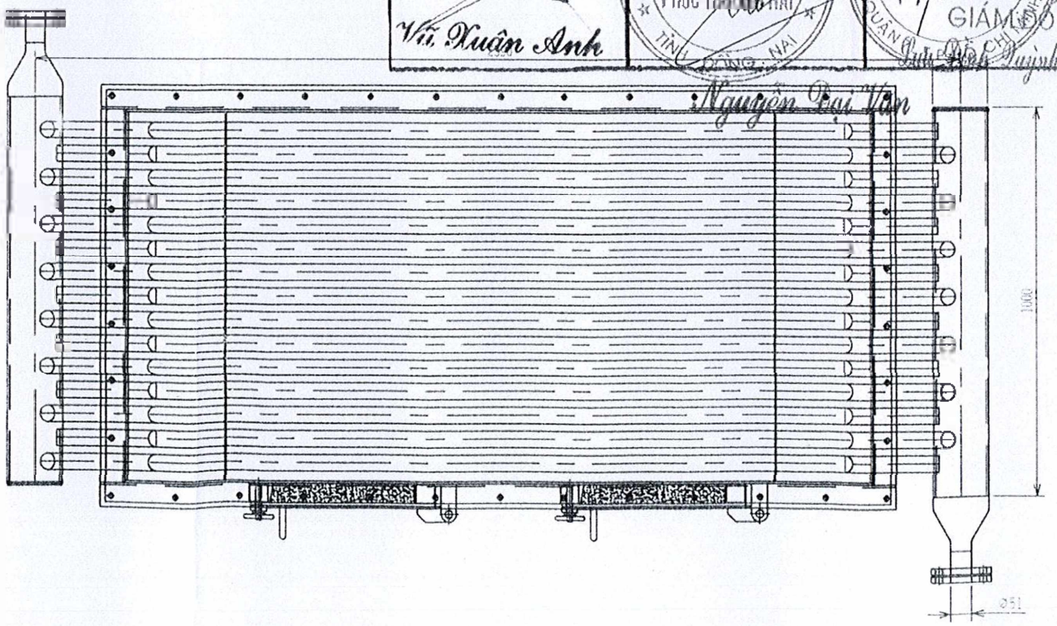




BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập	Đơn vị thi công	Chủ đầu tư
Vũ Xuân Anh		Nguyễn Đại Tân



Ghi chú:
_ Vật liệu: ống thúc SA192-a42 c[illegible] c 1180dcm
_ Ống gen R140 theo khuyến nhiên cá PTH
_ Tổng diện tích tiếp nhiệt: 25 m2
_ Vách ngoài bộ hâm sử dụng thép tấm CT3 dày 6mm.
_ Tất cả mối kết nối đều được chế tạo theo cấp
_ Bao ôn 3H dày 50mm khung bao ôn bằng V50x50x5 .Bông thuy tinh rockwood 1 trong 96kg/m3 .bao che thâm mỹ bằng tôn đen dày 1.2mm sóng vách theo mẫu quy định của PTH

GHI CHÚ - NOTES

1. COS =0.90 LÀ COS RIÊNG CỦA TỪNG HẠNG MỤC
2. KHÔNG DÙNG THƯỚC ĐO TRÊN BẢN VẼ

KHÁCH HÀNG - CLIENT

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED - BÌNH PHƯỚC

CÔNG TY VIỆT NAM ZERO WASTE

ĐỊA CHỈ - ADD

KÝ DUYỆT

NGÀY - DATE

TÊN DỰ ÁN - PROJECT TITLE

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI JAPFA - BÌNH PHƯỚC

ĐỊA ĐIỂM LẮP ĐẶT - LOCATION

KCN SIRIC0, HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC - ITEM

LÒ HƠI TẦNG SÔI CÔNG SUẤT 10T/h

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ - DESIGN PHASE

HỒ SƠ THIẾT KẾ - BẢN VẼ THI CÔNG

HIỆU CHỈNH - REVISION

LẦN VER	NGÀY DATE	[illegible]	KIỂM CHECK

THIẾT KẾ & THI CÔNG - DESIGN & CONSTRUCTION

PTH BOILER

CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI

ĐỊA CHỈ - ADD

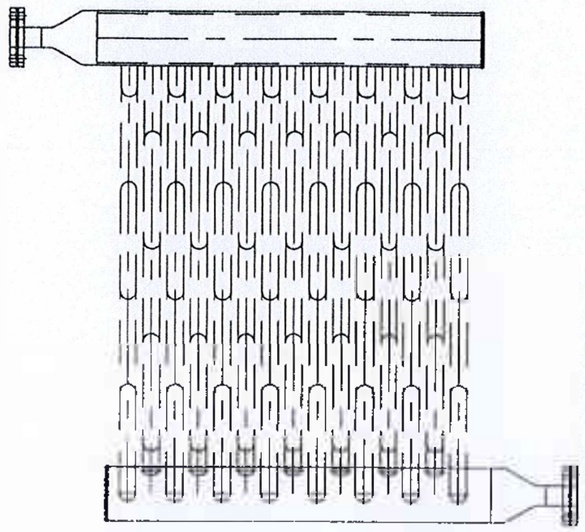
Điện thoại - Website: [illegible]

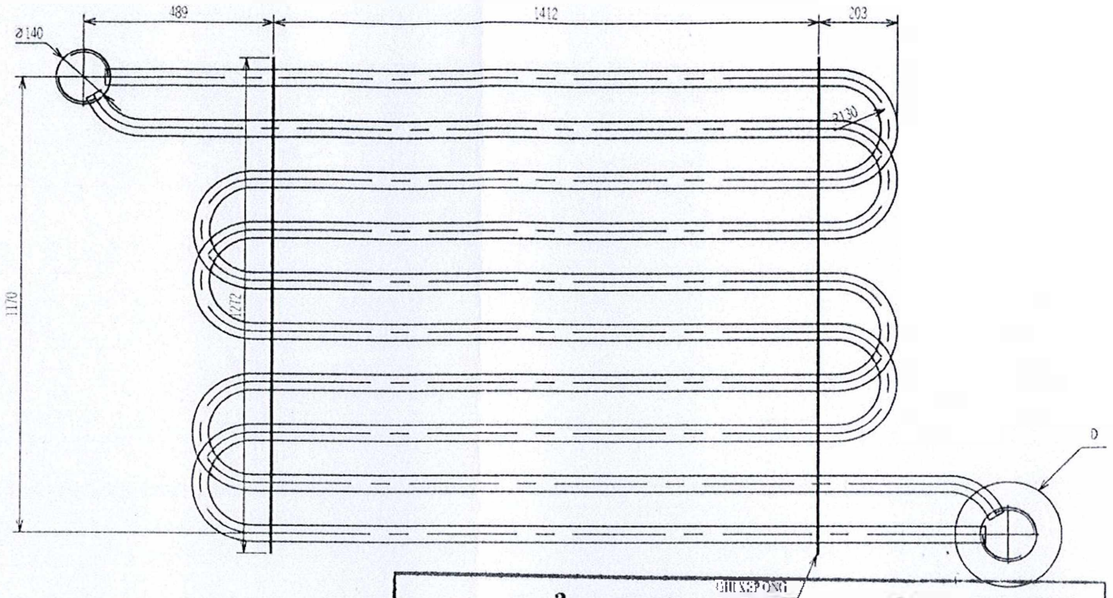
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

BẢN VẼ BỘ HÂM

GIÁM ĐỐC [illegible]	NGUYỄN ĐẠI VÂN	
[illegible] DESIGNED BY	TRƯƠNG HIẾU VƯƠNG	
[illegible] DRAWN BY	LÊ HOÀNG PHỤNG	
KIỂM TRA [illegible] CHECKED BY	NGUYỄN VĂN CHINH	
[illegible] APPROVED BY	[illegible]	

NGÀY - DATE	[illegible]	TỶ LỆ - SCALE	[illegible]
MÃ SỐ [illegible] PROJECT NO	[illegible]	BẢN VẼ [illegible] DRAWING NO	[illegible]



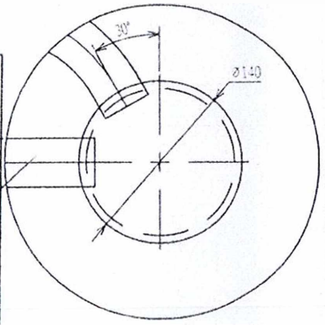


BẢN VẼ HOÀN CÔNG

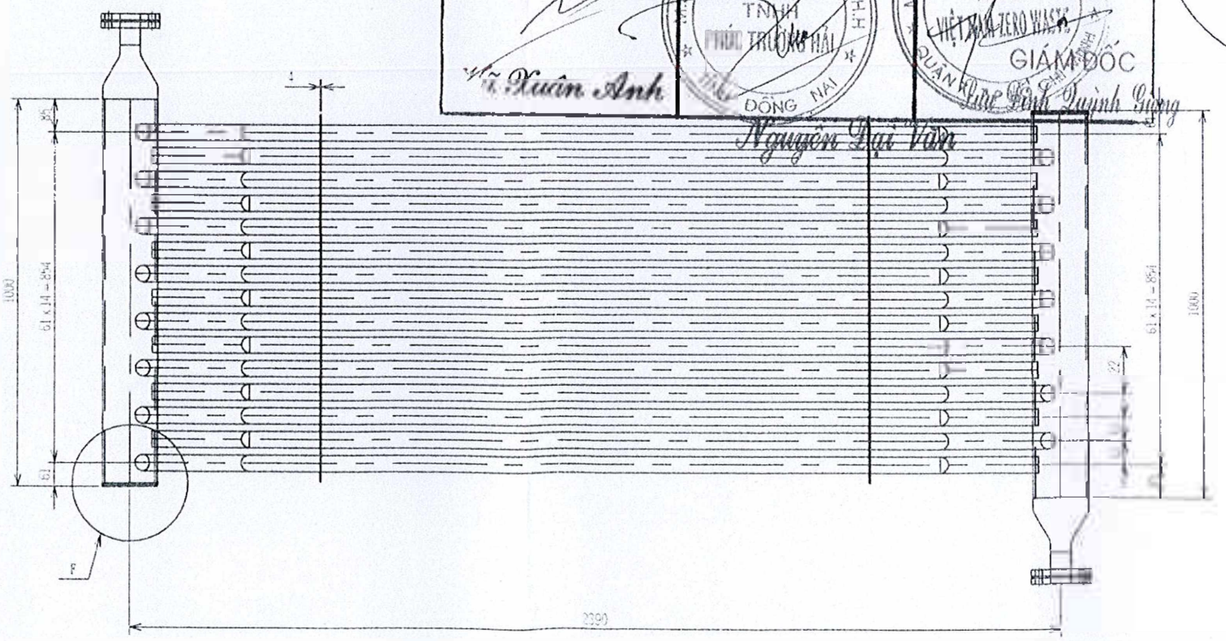
Ngày.....tháng.....năm.....

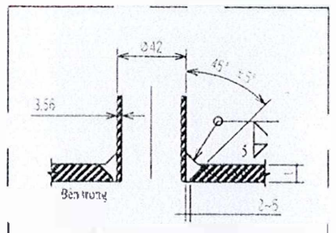
Người lập	Đơn vị thi công	Chủ đầu tư
Võ Xuân Anh	CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI	CÔNG TY TNHH VIỆT NAM ZERO WASTE GIÁM ĐỐC Trần Đỗ Quỳnh Giang

Nguyễn Đại Văn

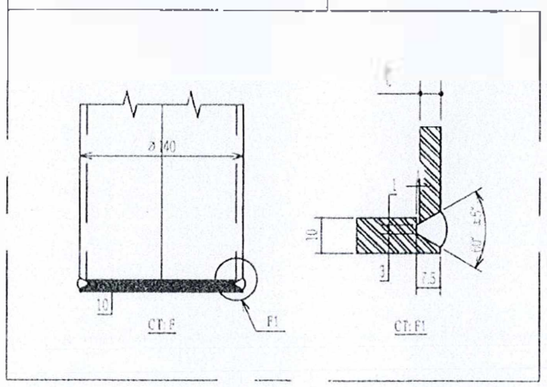


CHI TIẾT D
TL: 1/3





MỐI HAN KẾT NỐI ỐNG TRAO ĐỔI NHIỆT VÀO ỐNG GÓP



GHI CHÚ - NOTES

1. COS ±0.00 LÀ COS RIÊNG CỦA TỪNG HẠNG MỤC
2. KHÔNG DÙNG THƯỚC ĐO TRÊN BẢN VẼ

KHÁCH HÀNG - CLIENT

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED - BÌNH PHƯỚC

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM TẠI KHU KINH TẾ CỬA KHẨU HOA LƯ - BÌNH PHƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ - EMPLOYER

CÔNG TY VIET NAM ZERO WASTE

ĐỊA CHỈ - ADD

KCN SIKICO, HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC, VIỆT NAM

TÊN DỰ ÁN - PROJECT TITLE

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI JAPFA - BÌNH PHƯỚC

ĐỊA ĐIỂM LẮP ĐẶT - LOCATION

KCN SIKICO, HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC - ITEM

LÒ HƠI TẦNG SÔI CÔNG SUẤT 80T/H

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ - DESIGN PHASE

HỒ SƠ THIẾT KẾ - BẢN VẼ THI CÔNG

LẦN	NGÀY	MÔ TẢ	KÝ

THIẾT KẾ & THI CÔNG - DESIGN & CONSTRUCTION

PTH BOILER

CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI

ĐỊA CHỈ - ADD

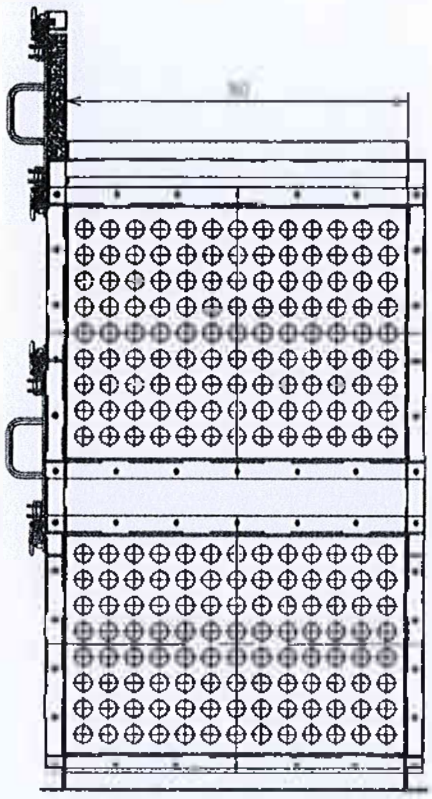
KCN Thạnh Phú - Vĩnh Cửu - Đồng Nai

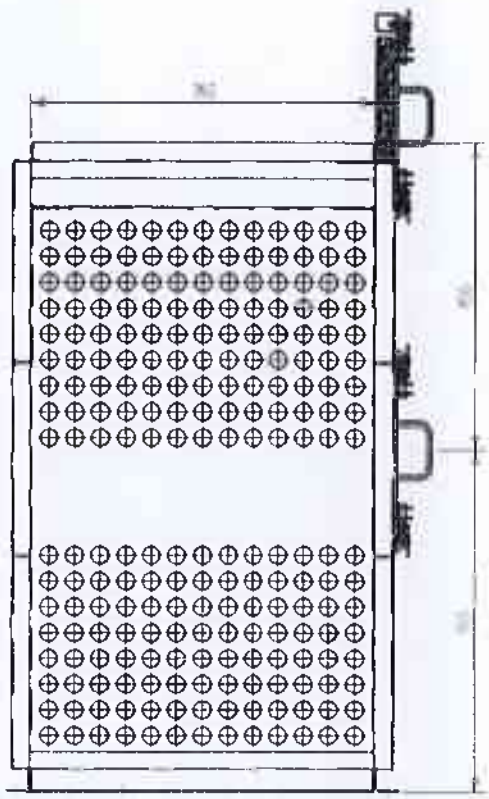
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

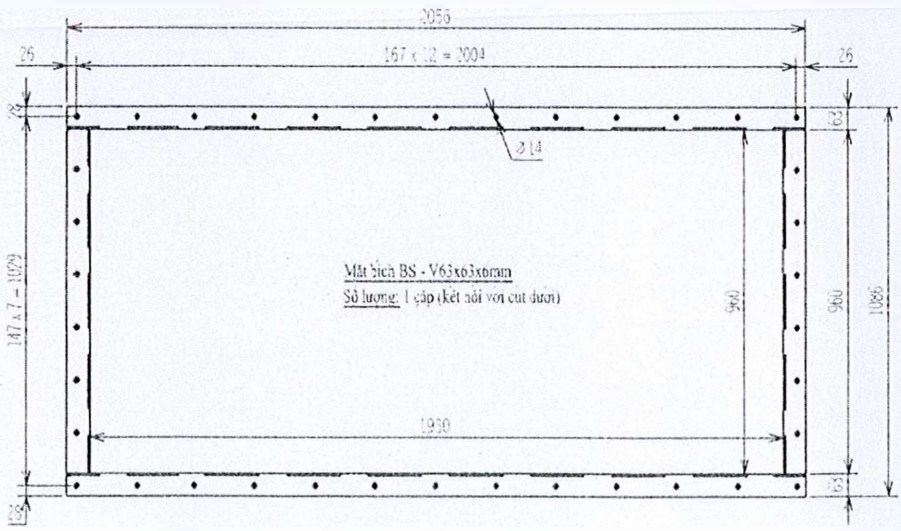
BẢN VẼ BỘ HÂM

GIÁM ĐỐC	NGUYỄN ĐẠI VĂN	
THIẾT KẾ DESIGNED BY	TRƯƠNG HỮU VƯƠNG	
KIỂM TRA CHECKED BY	LÊ HOÀNG PHƯƠNG	
THIẾT KẾ DRAWN BY	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	
APPROVED BY	NGUYỄN ĐẠI VĂN	

NGÀY - DATE	SỐ HỒ SƠ	TỶ LỆ - SCALE	TỜ
NGÀY HOÀN THÀNH	PTH-2022-HSTK	KÝ HIỆU BẢN VẼ	TK-BV-02



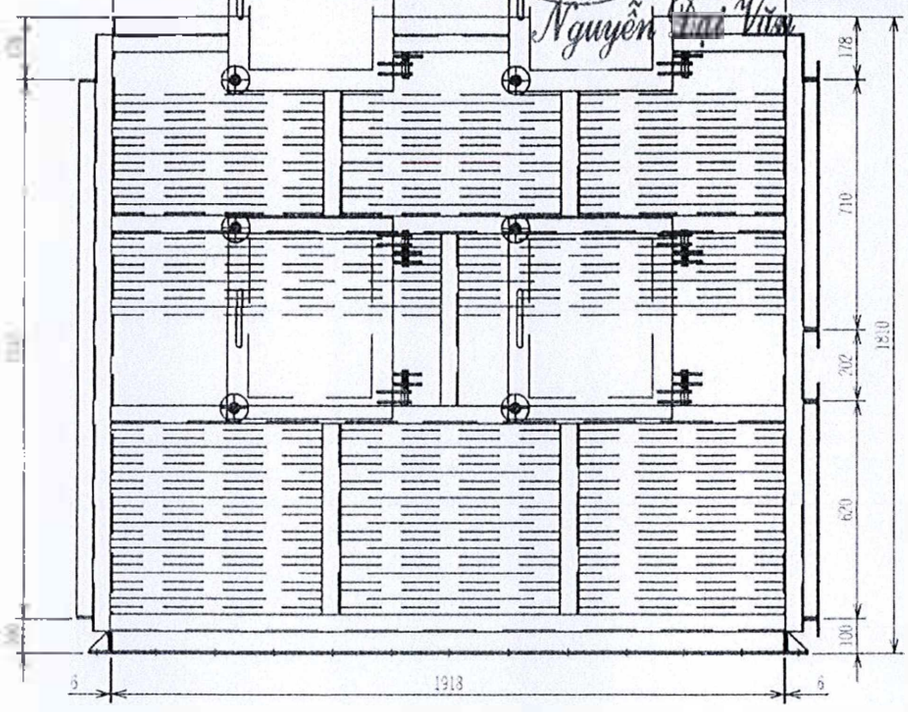


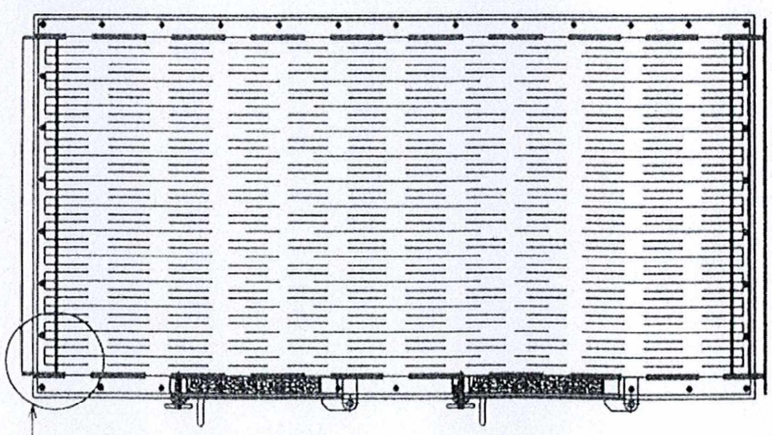

2056
26
167 x 12 = 2004
26
Ø14
Mặt bích BS - V63x63x6mm
Số lượng: 1 cặp (kết nối với cút dưới)
147 x 7 = 1029
960
960
1086
1930

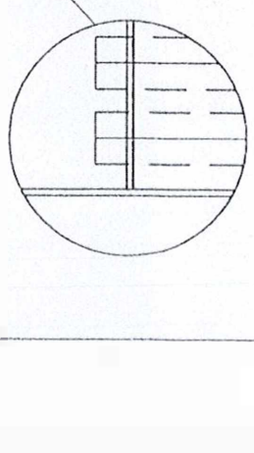
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập	Đơn vị thi công	Chủ đầu tư
Vũ Xuân Anh	CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI	CÔNG TY TNHH VIỆT NAM ZERO WASTE GIÁM ĐỐC Nguyễn Quỳnh Giang







Ghi chú:

_ Vật liệu: Ống thép đen SS400-Ø59.9 x 3 x 1900mm - SL: 220 ống

_ Tổng diện tích tiếp nhiệt: 87 m2

_ Vách ngoài bộ sấy sử dụng thép tấm CT3 dày 6mm, mặt sàn 6mm

_ Tất cả bích kết nối đều được chế tạo theo cặp

_ Bao lớn BS-01: 50mm khung bao da bằng V50x50x5. Bông thạch anh 96kg/m3. Bao che: Inox 304 dày 1.2mm sơn xanh theo màu quy định của PTH

GHI CHÚ - NOTES

1. COS ±0.00 LÀ COS XÂY DỰNG CỦA TỪNG HẠNG MỤC
2. KHÔNG DÙNG THƯỚC ĐO TRÊN BẢN VẼ

KHÁCH HÀNG - CLIENT

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED - BÌNH PHƯỚC

ĐỊA CHỈ - ADD

KCN SKICO, HÒN QUẢNG, BÌNH PHƯỚC

DUYỆT - APPROVED BY

NGÀY - DATE

CHỦ ĐẦU TƯ - EMPLOYER

CÔNG TY VIỆT NAM ZERO WASTE

ĐỊA CHỈ - ADD

(CM, 9 Hoàng Quốc Việt, P. Phú Mỹ, Q. ..., Tp. HCM, Việt Nam

DUYỆT - APPROVED BY

NGÀY - DATE

TÊN DỰ ÁN - PROJECT TITLE

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI JAPFA - BÌNH PHƯỚC

ĐỊA ĐIỂM LẮP ĐẶT - LOCATION

KCN SKICO, HÒN QUẢNG, BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC - ITEM

LÒ HƠI TẦNG SÔI CÔNG SUẤT 10T/H

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ - DESIGN PHASE

HỒ SƠ THIẾT KẾ - BẢN VẼ THI CÔNG

HIỆU CHỈNH - REVISION

LẦN	NGÀY	MÔ TẢ	GHI CHÚ

THIẾT KẾ & THI CÔNG - DESIGN & CONSTRUCTION

PTH BOILER

CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI

ĐỊA CHỈ - ADD

CCN Thuận Châu - Xã Thanh Phú - H. Trảng Bom - T. Đồng Nai

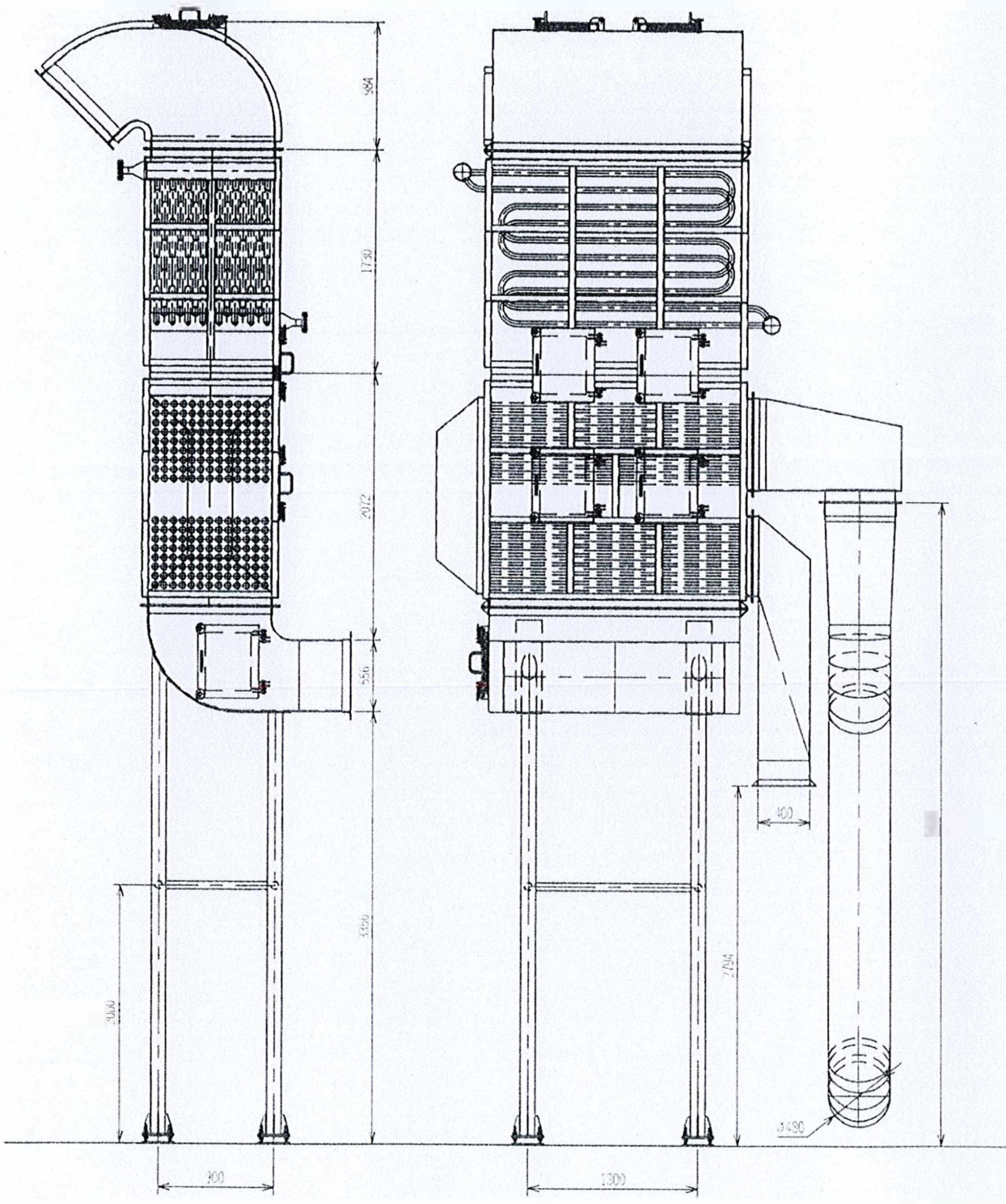
Tel: (0251) 3867 139 - Website: phuctruonghai.vn

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

BẢN VẼ BỘ SẤY

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR	NGUYỄN ĐẠI VĂN	
THIẾT KẾ - DESIGNED BY	TRƯƠNG HỮU VƯỢNG	
VẼ - DRAWN BY	LÊ HOÀNG PHÚNG	
KIỂM TRA - CHECKED BY	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	
DUYỆT - APPROVED BY	NGUYỄN ĐẠI VĂN	

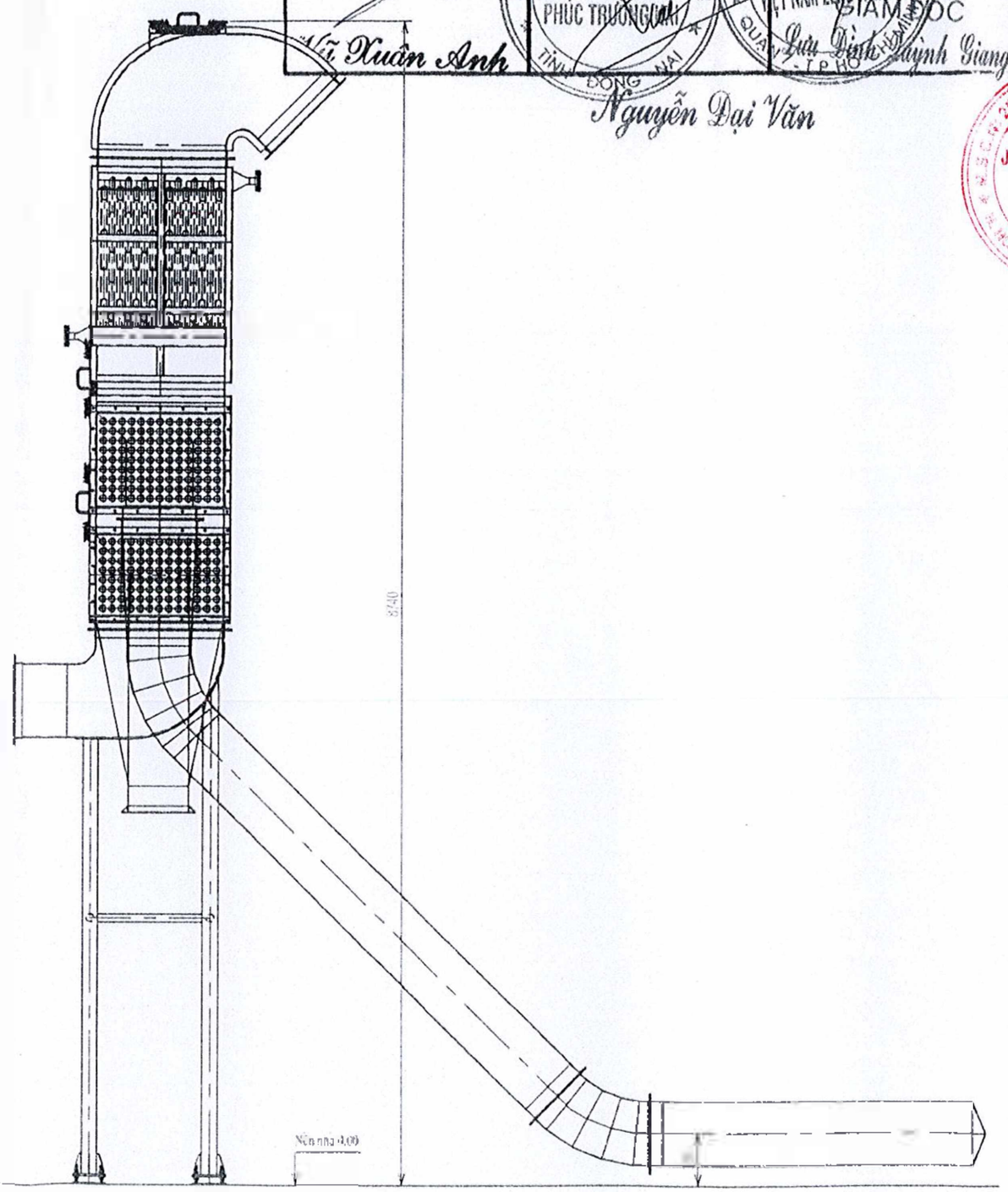
NGÀY - DATE	29/8/2025	TỶ LỆ - SCALE	1/20
SỐ HỒ SƠ - PROJECT No.	PTH-2025-10/TH	SỐ BẢN VẼ - DRAWING No.	TK-01


984
1730
2012
556
3396
3080
460
2704
Ø480
300
1300

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập	Đơn vị thi công	Chủ đầu tư
Võ Xuân Anh	CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI	CÔNG TY TNHH VIỆT NAM ZERO WASTE GIÁM ĐỐC Lưu Đình Quỳnh Giang
		Nguyễn Đại Văn



GHI CHÚ - NOTES

1. COS 9000 LÀ COS RIÊNG CỦA TỪNG HẠNG MỤC
2. KHÔNG DÙNG THƯỚC ĐO TRÊN BẢN VẼ

GIÁCH HÀNG - CLIENT

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED - BÌNH PHƯỚC

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED - BÌNH PHƯỚC
VIỆT NAM

CÔNG TY VIỆT NAM ZERO WASTE

ĐỊA CHỈ - ADD:

ĐM, Đ. Hoàng Quốc Việt, P. Phú Mỹ, Q. Tp. HCM, Việt Nam

DUYỆT APPROVED BY	
NGÀY - DATE	

DỰ ÁN - PROJECT TITLE

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI JAPFA - BÌNH PHƯỚC

ĐỊA ĐIỂM LÔ ĐẤT - LOCATION

XÃ SÀ RÓT, HUYỆN HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC - ITEM

LÒ HƠI TẦNG SÔI CÔNG SUẤT 10T/h

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ - DESIGN PHASE

BỘ SỐ THIẾT KẾ - BẢN VẼ THI CÔNG

HIỆU CHỈNH - REVISION

LẦN LẦN	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECK

THIẾT KẾ & THI CÔNG - DESIGN & CONTRUCTION

PTH BOILER

CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI

ĐỊA CHỈ - ADD:

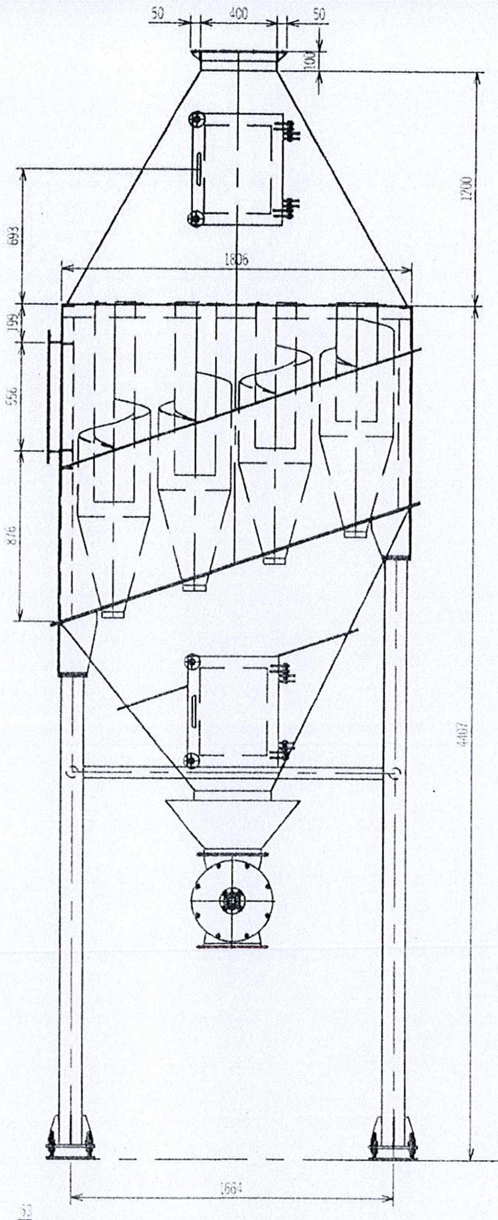
Xã Thạch Phú - H. Vĩnh Cửu - T. Đồng Nai

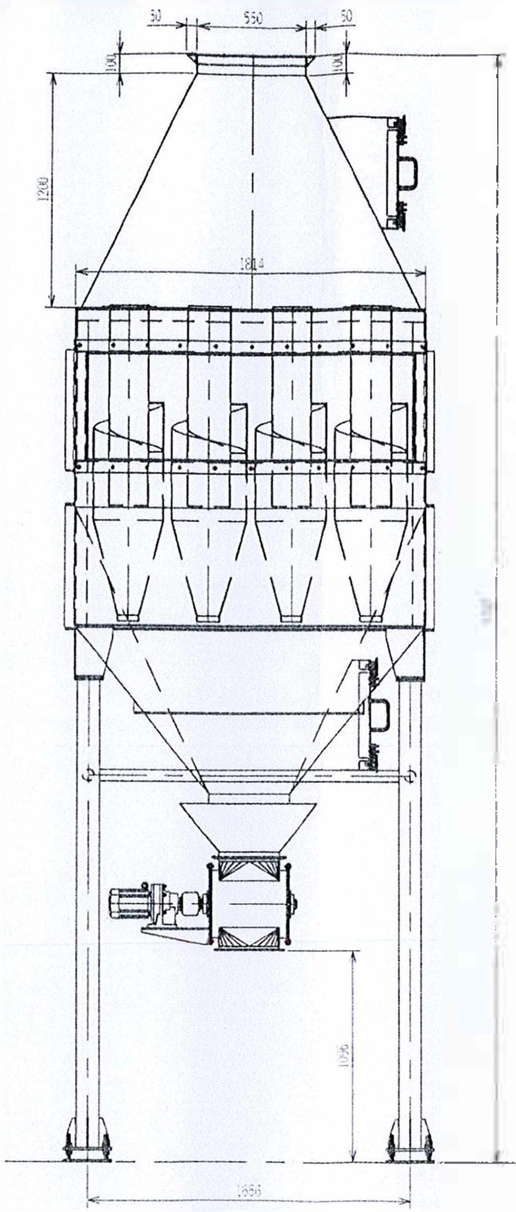
Tel: 0251 949 1279 - Website: phuctruonghai.vn

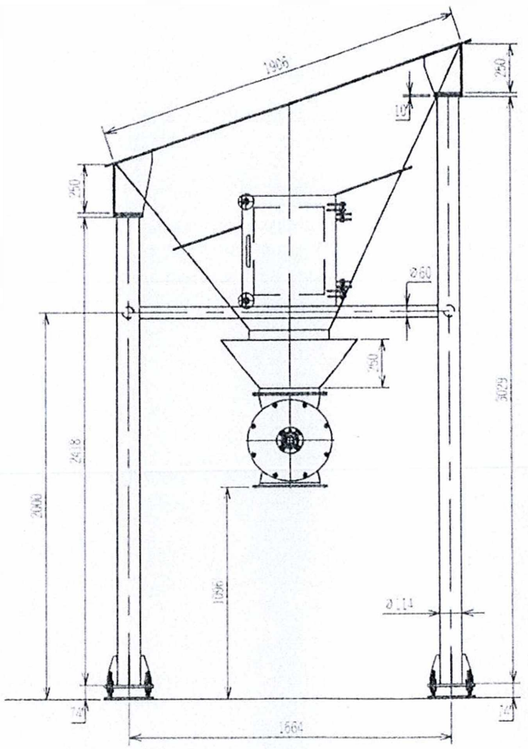
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

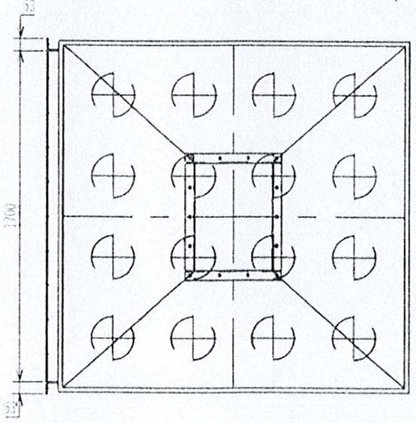
BẢN VẼ TỔNG THỂ BỆ HÀM & BỘ SẤY

GIÁM ĐỐC DIRECTOR	NGUYỄN ĐẠI VĂN		
THIẾT KẾ DESIGNED BY	TRƯƠNG HỮU VƯƠNG		
VẼ LẠI DRAWN BY	LÊ HOÀNG PHỤNG		
KIỂM TRA CHECKED BY	NGUYỄN VĂN CHINH		
DUYỆT APPROVED BY	NGUYỄN ĐẠI VĂN		
NGÀY - DATE	10/8/2022	TỶ LỆ - SCALE	1:50
DỰ ÁN PROJECT NO.	PTH-2022-10/VH	BẢN VẼ DRAWING NO.	TK-01









BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập	Đơn vị thi công	Chủ đầu tư
Vũ Xuân Anh	CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI	CÔNG TY TNHH VIỆT NAM ZERO WASTE GIÁM ĐỐC Nguyễn Đại Văn

Nguyễn Đại Văn

GHI CHÚ - NOTES

1. COS +0.00 LÀ COS RIÊNG CỦA TỪNG HẠNG MỤC
2. KHÔNG DÙNG THƯỚC ĐO TRÊN BẢN VẼ

KHÁCH HÀNG - CLIENT

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED - BÌNH PHƯỚC
JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 3

CÔNG TY VIỆT NAM ZERO WASTE

ĐỊA CHỈ - ADD
QL13, Ấp Hoàng Quốc Việt, P. Phú Mỹ, Q.7, Tp. HCM, Việt Nam

NGÀY - DATE

TÊN DỰ ÁN - PROJECT TITLE
NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI JAPFA - BÌNH PHƯỚC

ĐỊA ĐIỂM LẮP ĐẶT - LOCATION
KCN SIKICO, HUYỆN QUẢNG, BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC - ITEM
LÒ HƠI TẦNG SÔI CÔNG SUẤT 10T/h

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ - DESIGN PHASE
HỒ SƠ THIẾT KẾ - BẢN VẼ THI CÔNG

SỬA ĐỔI - REVISION			
		NỘI DUNG SỬA	NGÀY

THIẾT KẾ & THI CÔNG - DESIGN & CONSTRUCTION

FTH BOILER

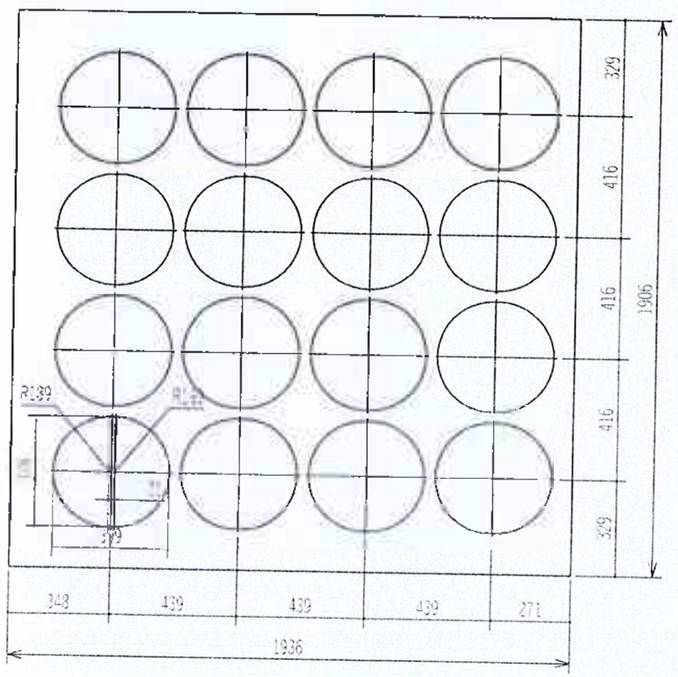
CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI

ĐỊA CHỈ - ADD
KCN Thạch Thất - Xã Thạch Thất - H. Vĩnh Cửu - T. Đồng Nai
Tel: 0252 600 139 - Website: phuctruonghai.vn

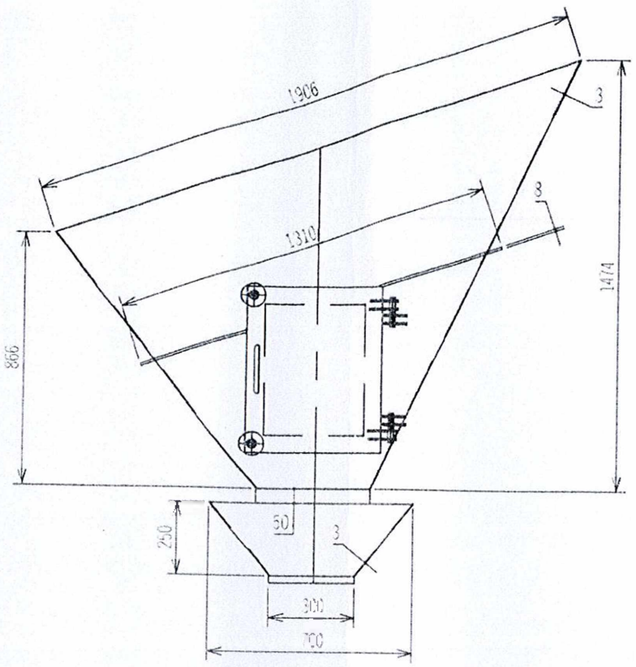
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME
BẢN VẼ TỔNG THỂ CYCLONE TỔ HỢP

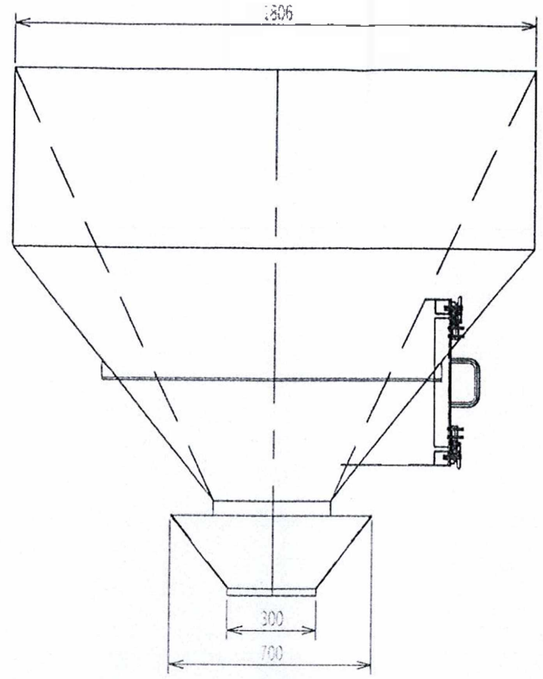
GIÁM ĐỐC - DIRECTOR	NGUYỄN ĐẠI VĂN	
THIẾT KẾ - DESIGNED BY	TRƯƠNG HỮU VƯƠNG	
VẼ - DRAWN BY	LÊ HOÀNG PHỤNG	
KIỂM TRA - CHECKED BY	NGUYỄN VĂN CHINH	
DUYỆT - APPROVED BY	NGUYỄN ĐẠI VĂN	

NGÀY - DATE	13/04/2023	TỶ LỆ - SCALE	1:50
SỐ TỜ - SHEET NO	KHỐI 2023-04/PHA	SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO	PHA-001

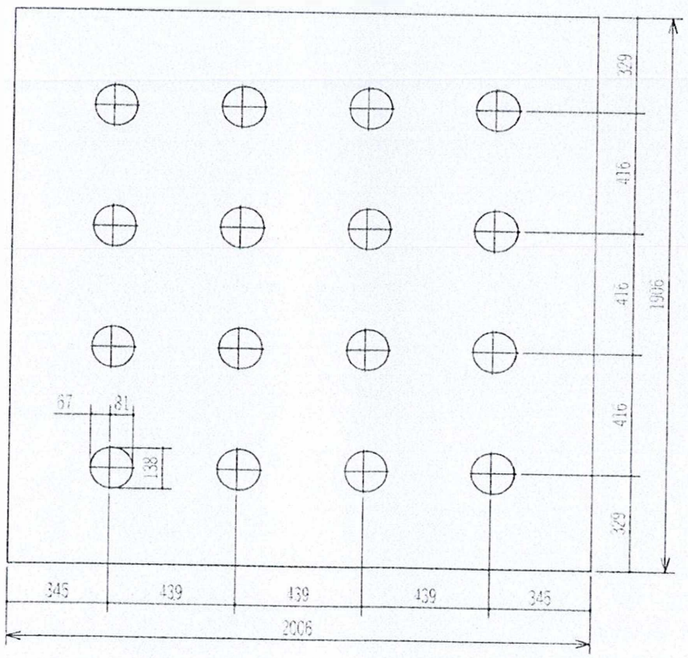


Mặt sàn số 2: Tôn 6mm - 1 tấm

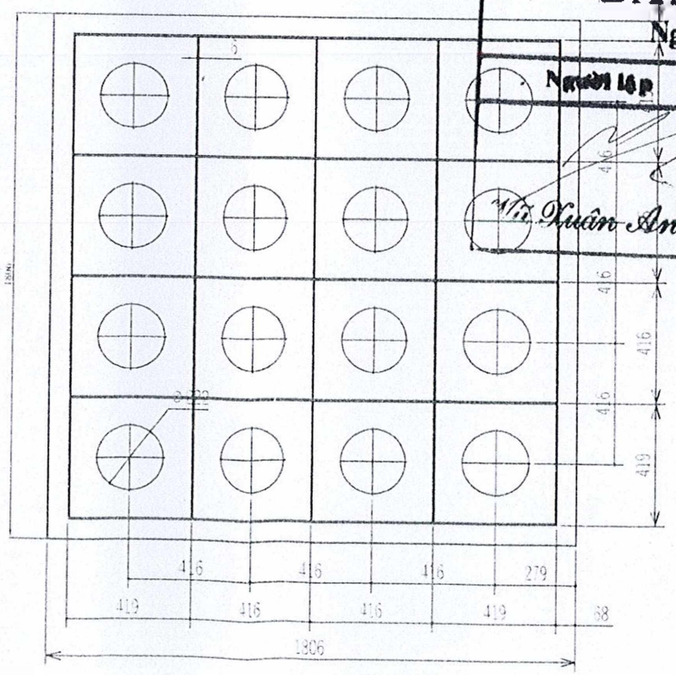




PHỄU THU TRO - 1 PHỄU - TÔN 3mm



Mặt sàn số 3: Tôn 4mm - 1 tấm



Mặt sàn số 1: Tôn 4mm - 1 tấm

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập	Đơn vị thi công	Chủ đầu tư
Vũ Xuân Anh	CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG GIA	CÔNG TY VIỆT NAM ZERO WASTE
	Nguyễn Đại Văn	Giám đốc Lưu Đình Quỳnh Giang

GHI CHÚ - NOTES

1. COS =0.00 LÀ COS RIÊNG CỦA TỪNG HẠNG MỤC
2. KHÔNG DÙNG THƯỚC ĐO TRÊN BẢN VẼ

KHÁCH HÀNG - CLIENT

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED - BÌNH PHƯỚC

ĐỊA CHỈ - ADD

KCN SRK3.3, HƯNG PHƯỚC, BÌNH PHƯỚC

DUYỆT / APPROVED BY

NGÀY / DATE

CHỦ ĐẦU TƯ - EMPLOYER

CÔNG TY VIỆT NAM ZERO WASTE

ĐỊA CHỈ - ADD

KCN Hoàng Quốc (GĐ 2 Phú Mỹ, Q.7, Tp. HCM, Việt Nam

DUYỆT / APPROVED BY

NGÀY / DATE

TÊN DỰ ÁN - PROJECT TITLE

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI JAPFA - BÌNH PHƯỚC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION

KCN SRK3.3, HƯNG PHƯỚC, BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC - ITEM

LÒ HƠI TẦNG SÔI CÔNG SUẤT 20T/H

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ - DESIGN PHASE

HỒ SƠ THIẾT KẾ - BẢN VẼ THI CÔNG

SHEET ISSUE / REVISION

LẦN / TIME	NGÀY / DATE	MÔ TẢ / DESCRIPTION	KIỂM / CHECK

THIẾT KẾ THI CÔNG - DESIGN & CONSTRUCTION

FH BOILER

CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI

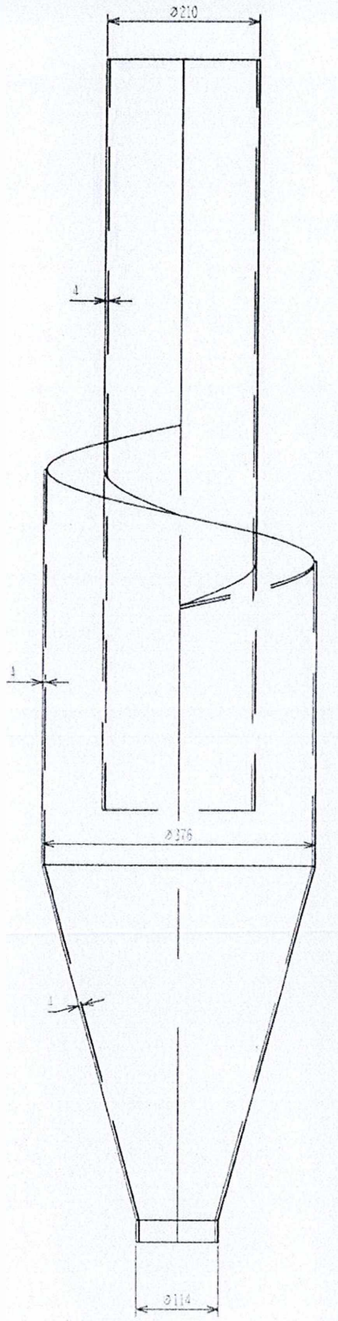
ĐỊA CHỈ - ADD

Tel: 0[illegible]

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

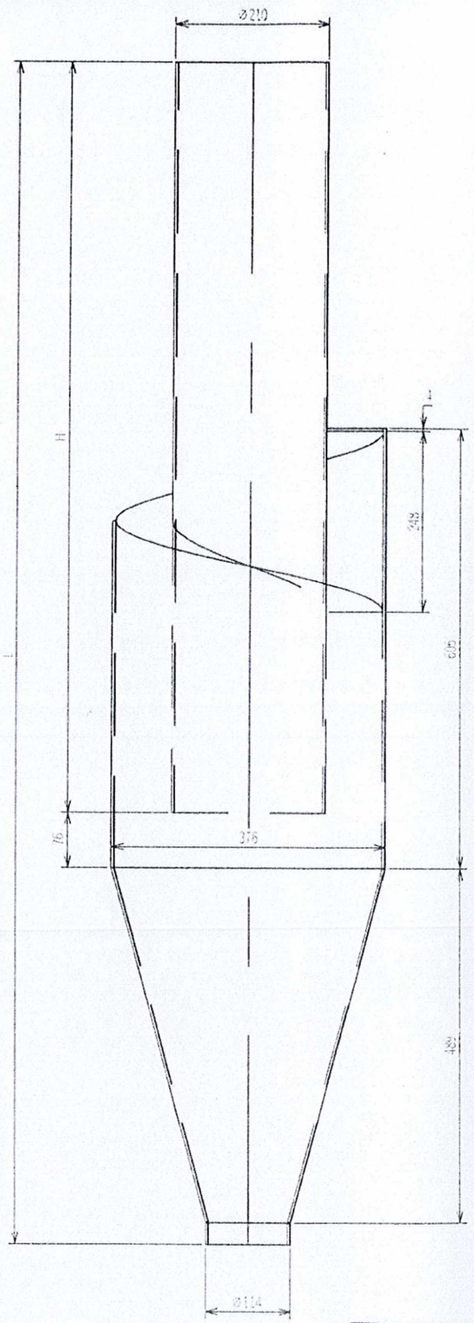
BẢN VẼ MẶT SÀN CYCLONE TỔ HỢP

THIẾT KẾ / DESIGNED BY	NGUYỄN ĐẠI VĂN		
THIẾT KẾ / DESIGNED BY	TRƯƠNG HỒNG LONG		
[illegible]	LÊ HOÀNG PHƯƠNG		
KIỂM TRA / CHECKED BY	NGUYỄN VĂN CHỈNH		
[illegible]	NGUYỄN ĐẠI VĂN		
NGÀY / DATE	23/8/2021	TỶ LỆ / SCALE	1/20
KÝ HIỆU / DRAWING NO.	[illegible]	BẢN VẼ SỐ / DRAWING NO.	TK-[illegible]

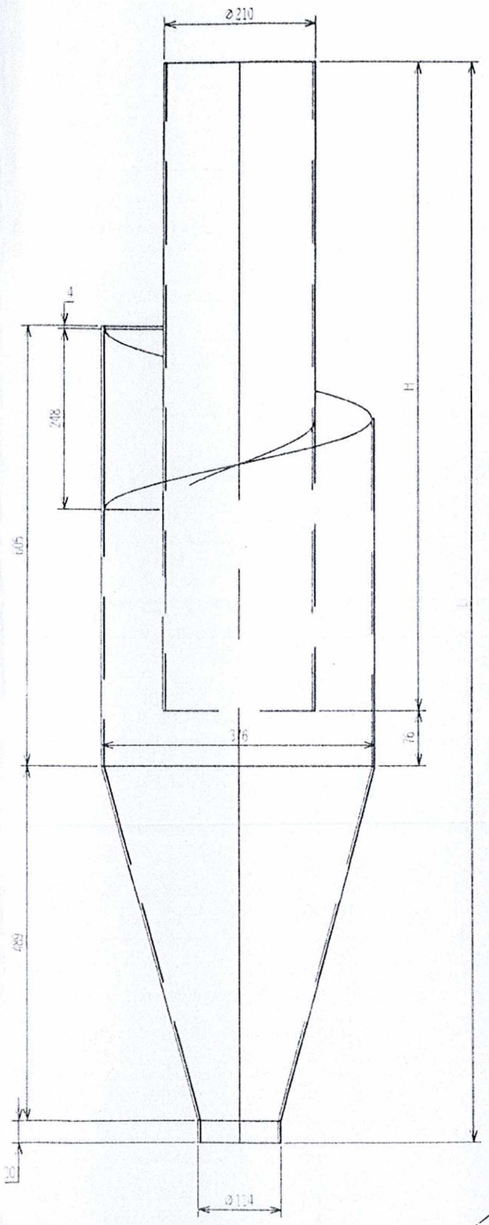


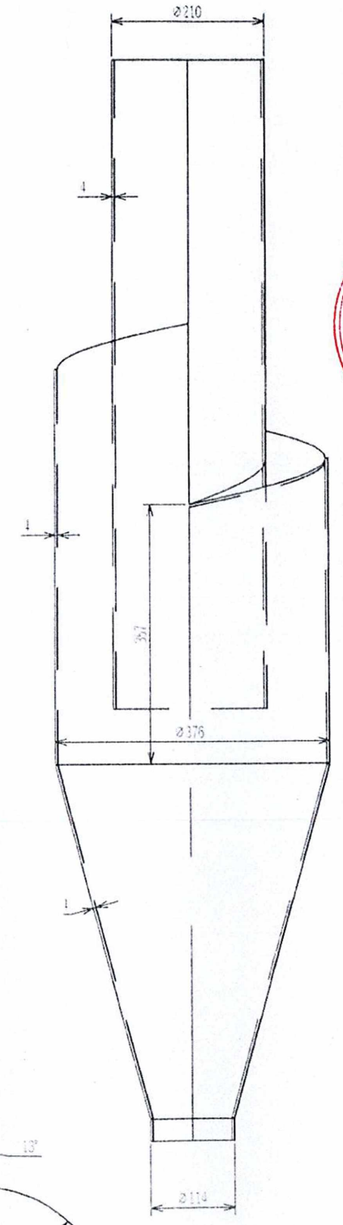
Cyclone loại phát

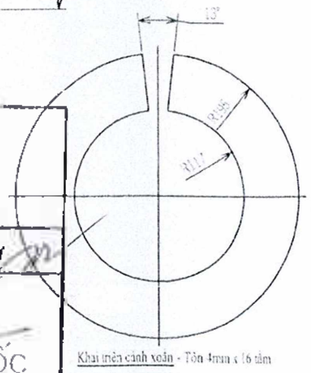
Cyclone loại phát				Cyclone loại trái			
Số	L	H	S.lượng	Số	L	H	S.lượng
01	1295	510	01	02	1845	750	01
03	1485	690	01	04	1625	1050	02



Cyclone loại trái







Khai triển cánh xoắn - Tôn 4mm x 16 tấm

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập	Đơn vị thi công	Chủ đầu tư
Võ Xuân Anh	CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI	CÔNG TY VIỆT NAM ZERO WASTE GIÁM ĐỐC Phùng Quỳnh Giang

Nguyễn Đại Tân

GHI CHÚ - NOTES

1. COS ±0.00 LÀ COS RIÊNG CỦA TỪNG HẠNG MỤC
2. KHÔNG DÙNG THƯỚC ĐO TRÊN BẢN VẼ

KHÁCH HÀNG - CLIENT

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED - BÌNH PHƯỚC

ĐỊA CHỈ - ADD

KCN SIKICO, HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC

KÝ DUYỆT - APPROVED BY

NGÀY - DATE

NHÂN VIÊN - EMPLOYEE

CÔNG TY VIỆT NAM ZERO WASTE

ĐỊA CHỈ - ADD

KCN Minh Hưng Sikico, H. Hớn Quản, T. Bình Phước, Việt Nam

ĐƯỢC DUYỆT BỞI

NGÀY - DATE

TÊN DỰ ÁN - PROJECT TITLE

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI JAPFA - BÌNH PHƯỚC

ĐỊA ĐIỂM LẮP ĐẶT - LOCATION

KCN SIKICO, HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC - ITEM

LÒ HƠI TẦNG SÔI CÔNG SUẤT 10 TẤN

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ - DESIGN PHASE

HỒ SƠ THIẾT KẾ - BẢN VẼ THI CÔNG

HIỆU CHỈNH - REVISION

KÝ HIỆU	NGÀY	SỬA ĐỔI	GHI CHÚ

THIẾT KẾ & THI CÔNG - DESIGN & CONSTRUCTION

PTH BOILER

CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI

ĐỊA CHỈ - ADD

KCN Thanh Phú - Xã Thanh Phú - H. Bến Cầu - T. Tây Ninh

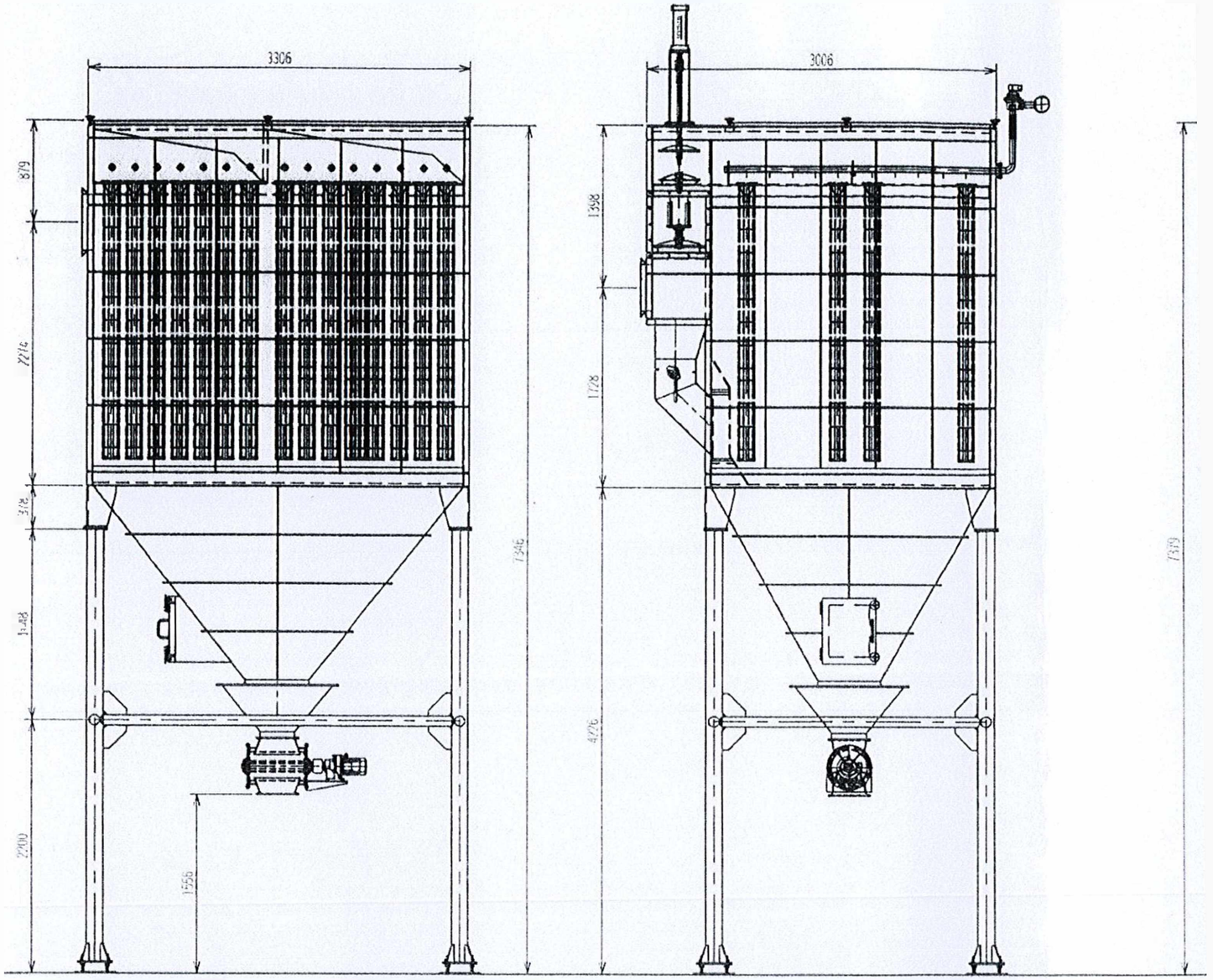
Tel: 0272 628 28 - Website: phuctruonghai.vn

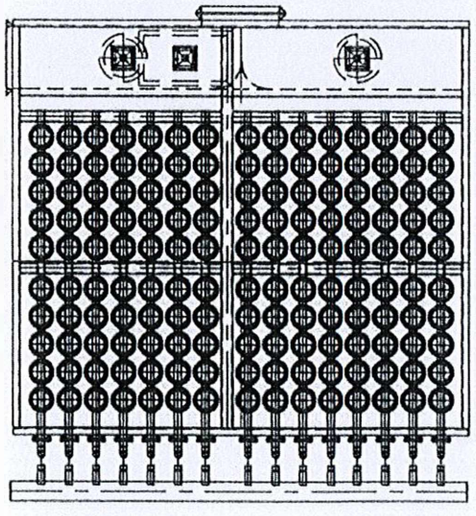
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

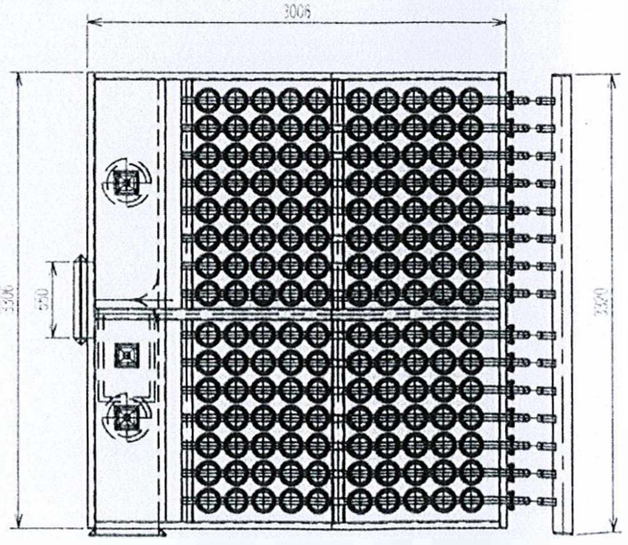
BẢN VẼ CHI TIẾT CYCLONE TỔ HỢP

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR	NGUYỄN ĐẠI TÂN	
THIẾT KẾ	TRƯƠNG HIẾU VŨ LONG	
	LÊ HOÀNG PHƯƠNG	
KIỂM TRA - CHECKED BY	NGUYỄN VĂN CHÍNH	
VẼ BỞI - DRAWN BY	NGUYỄN ĐẠI TÂN	

NGÀY - DATE	23/10/2025	TỶ LỆ - SCALE	1:1
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO.	PTH-2025-10/TH	SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO.	TK-1.0.01


3306
879
2216
378
1348
2700
1556
1346
3006
1598
1728
426
7319

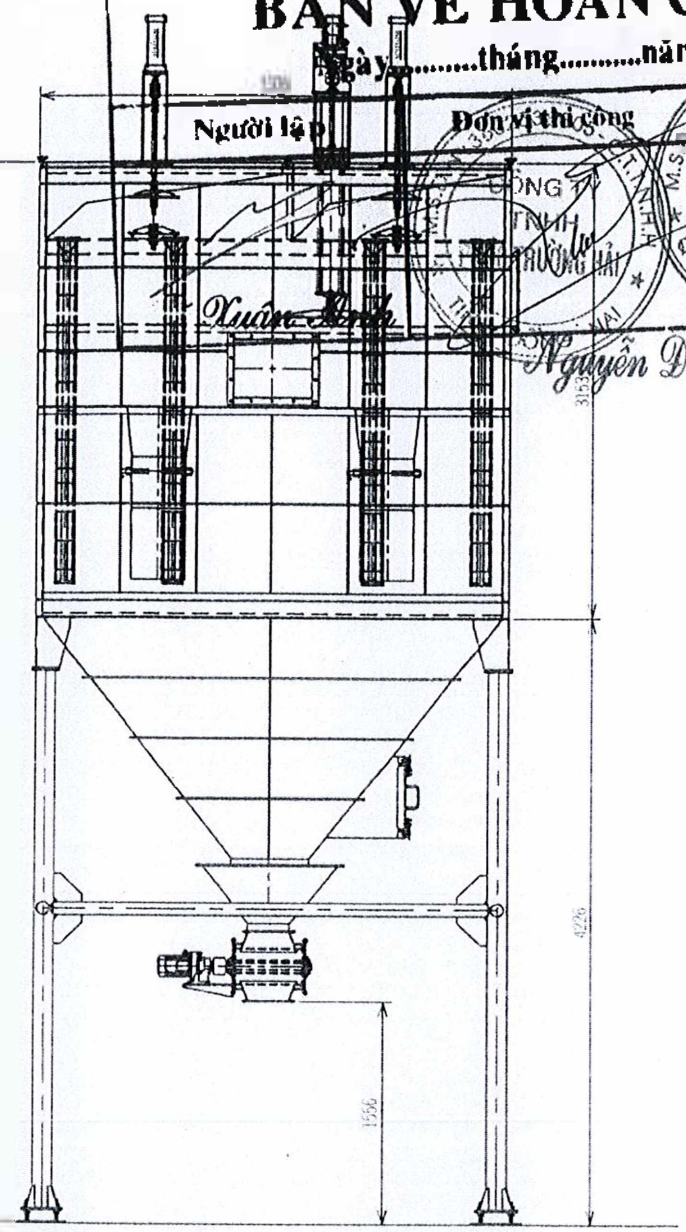



3006
2306
520
2920

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập | Đơn vị thi công | Chủ đầu tư



Túi lọc bụi: PPS cho lỗ sàn Ø165 mm
- Loại Vải PPS(Ryton)
- Trọng lượng :500g/m2
- Đường kính 165 mm,chiều dài 2500 mm
- Độ dầy 1.8 mm
- Số lượng: 150 Túi
- Nhiệt độ liên tục ≤ 190 °C
- Nhiệt độ tức thời ≤ 220°C
- Có khả năng chịu nhiệt độ cao,Kháng acid và kiềm.
- Miệng túi vòng thep dàn hồi

VAN RŨ BỤI : Model : DMF-Z-40S (Ø51)
- Xuất xứ : SBFEC -Trung quốc Liên doanh Gore-USA
- Điện áp: DC 24V,màng van của continetal-Germany(Đức)
- Kiểu nối : Nối ren trong
- Kiểu màng đôi(2 màng van)
- Áp làm việc: Max 8Bar
- Số lượng: 15 cái

Khung túi lọc:
- Ø150x2390
- Vật liệu: Thép mạ kẽm
- Số lượng:150 khung
- Thanh dọc liên kết vòng tăng cứng hàn điểm tự động
- Đuôi và đầy liên kết hàn điểm
- Dùng cho lỗ sàn: (Ø165)
- Venturi hàn điểm vào miệng khung

GHI CHÚ - NOTES
1. COS ±0.00 LÀ COS RIÊNG CỦA TỪNG HẠNG MỤC
2. KHÔNG DÙNG THƯỚC ĐO TRÊN BẢN VẼ

KHÁCH HÀNG - CLIENT
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED - BÌNH PHƯỚC

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 3

CHỦ ĐẦU TƯ - EMPLOYER
CÔNG TY VIỆT NAM ZERO WASTE

ĐỊA CHỈ - ADD:
KCN Đ. Hoàng Quốc Việt, P. Phú Mỹ, Q. 7, Tp. HCM, Việt Nam

DUYỆT APPROVED BY

TÊN DỰ ÁN - PROJECT TITLE
NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI JAPFA - BÌNH PHƯỚC

ĐỊA ĐIỂM LẬP ĐẤT - LOCATION
KCN SIKICO, ẤP QUANG, BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC - ITEM
LÒ HƠI TẦNG SÔI CÔNG SUẤT 20T/h

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ - DESIGN PHASE
HỒ SƠ THIẾT KẾ - BẢN VẼ THI CÔNG

HIỆU CHỈNH - REVISION

LẦN SỬA	NGÀY	MÔ TẢ	KIỂM CHECK

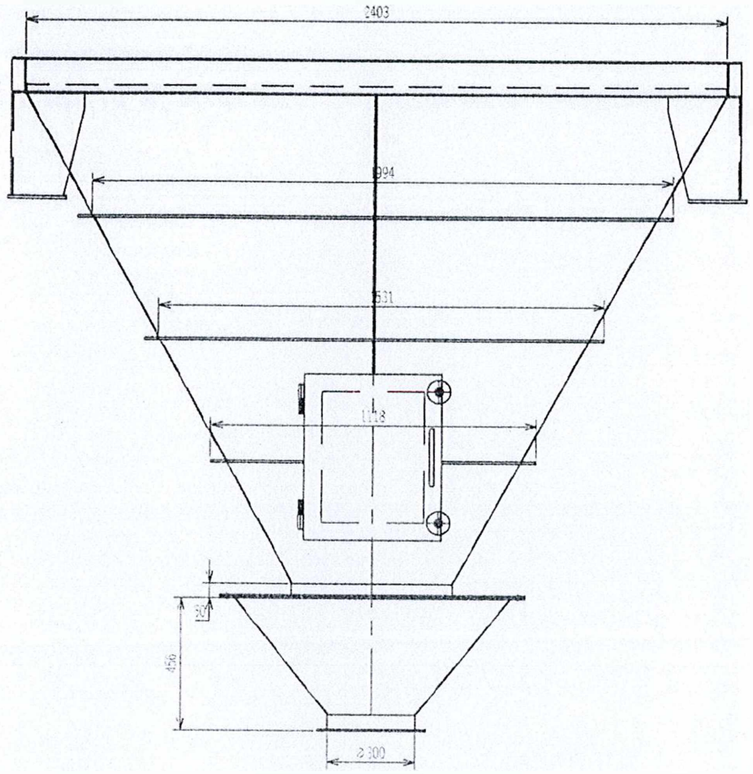
THIẾT KẾ & THI CÔNG - DESIGN & CONSTRUCTION
PTH BOILER
CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI

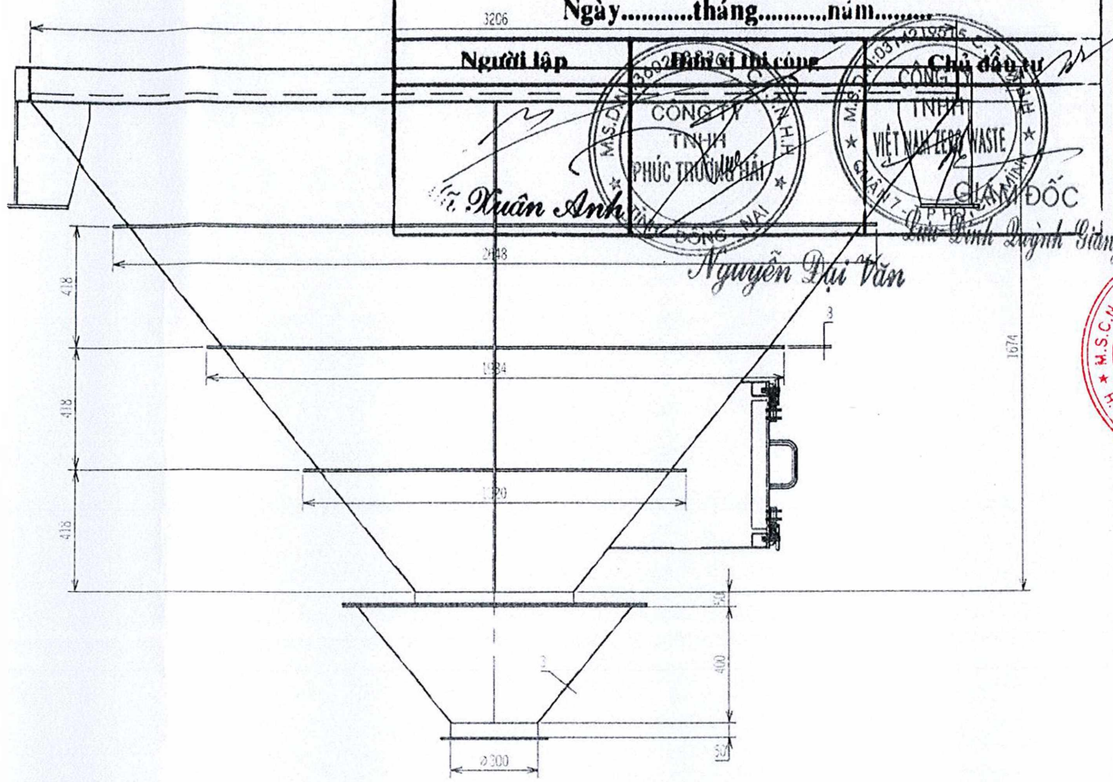
ĐỊA CHỈ - ADD:
KCN Thành Phố - Xã Thành Phố - H. Gia Lộc - T. Đồng Nai
Tel: 0243 ... - Website: ...

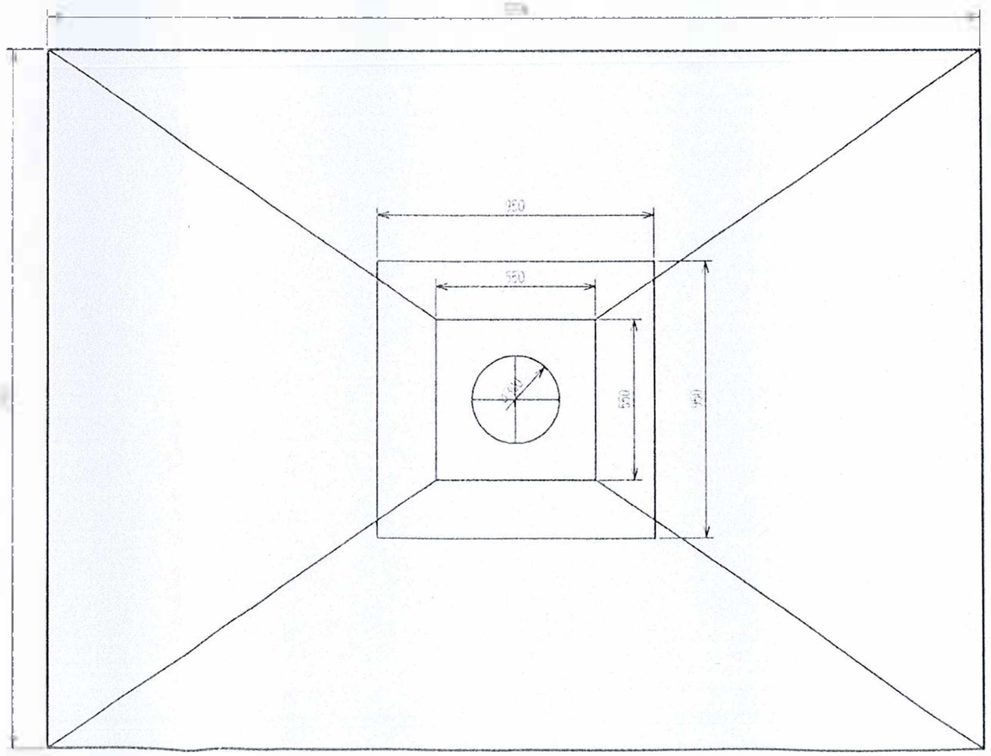
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME
BẢN VẼ TỔNG THỂ LỌC BỤI TÚI VẢI

THIẾT KẾ	NGUYỄN ĐẠI VĂN	
KIỂM TRA	TRƯƠNG HỮU VƯỜNG	
PHÊ DUYỆT	LÊ HOÀNG PHÚC	
CHỦ ĐẦU TƯ		
DUYỆT APPROVED BY	NGUYỄN ĐẠI VĂN	

NGÀY DATE	28/8/2025	TỶ LỆ SCALE	1/50
BẢN VẼ DRAWING NO.	PTH-2025-BVHC	GIAI ĐOẠN GIAI ĐOẠN	THI CÔNG







BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập	Đơn vị thi công	Chủ đầu tư
Lê Xuân Anh	CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI	CÔNG TY TNHH VIỆT NAM ZERO WASTE GIÁM ĐỐC Lâm Bình Dương Giang

Nguyễn Đại Văn

GHI CHÚ - NOTES

1. COS ±0.00 LÀ COS RIÊNG CỦA TỪNG HẠNG MỤC
2. KHÔNG DÙNG THƯỚC ĐO TRÊN BẢN VẼ

KHÁCH HÀNG - CLIENT

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED - BÌNH PHƯỚC

ĐỊA CHỈ - ADD:

KCN SIKICO, HỚN QUẢN, T. BÌNH PHƯỚC

DUYỆT APPROVED BY

NGÀY - DATE

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC 3

CÔNG TY VIET NAM ZERO WASTE

ĐỊA CHỈ - ADD:

82M, Đ. Hoàng Quốc Việt, P. Phú Mỹ, Q.7, Tp. HCM, Việt Nam

DUYỆT APPROVED BY

NGÀY - DATE

TÊN DỰ ÁN - PROJECT TITLE

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI JAPFA - BÌNH PHƯỚC

ĐỊA ĐIỂM LẮP ĐẶT - LOCATION

KCN SIKICO, HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC - ITEM

LÒ HƠI TẦNG SÔI CÔNG SUẤT 10T/h

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ - DESIGN PHASE

HỒ SƠ THIẾT KẾ - BẢN VẼ THI CÔNG

HIỆU CHỈNH - REVISION

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECK

THIẾT KẾ & THI CÔNG - DESIGN & CONSTRUCTION

PTH BOILER

CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI

ĐỊA CHỈ - ADD:

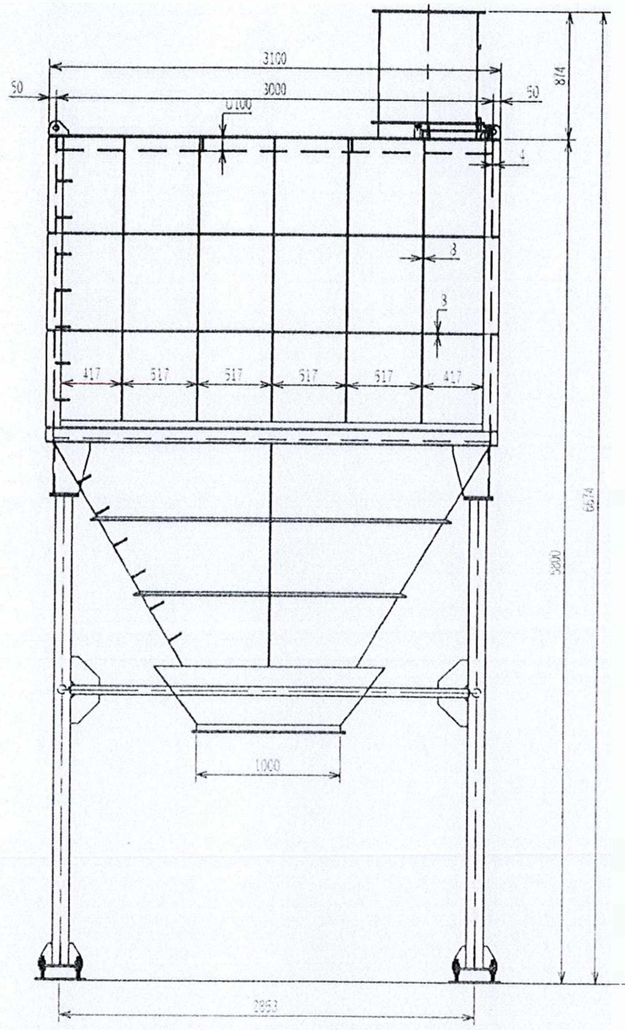
KCN Thạnh [illegible] - H. Vĩnh Cửu - T. Đồng Nai

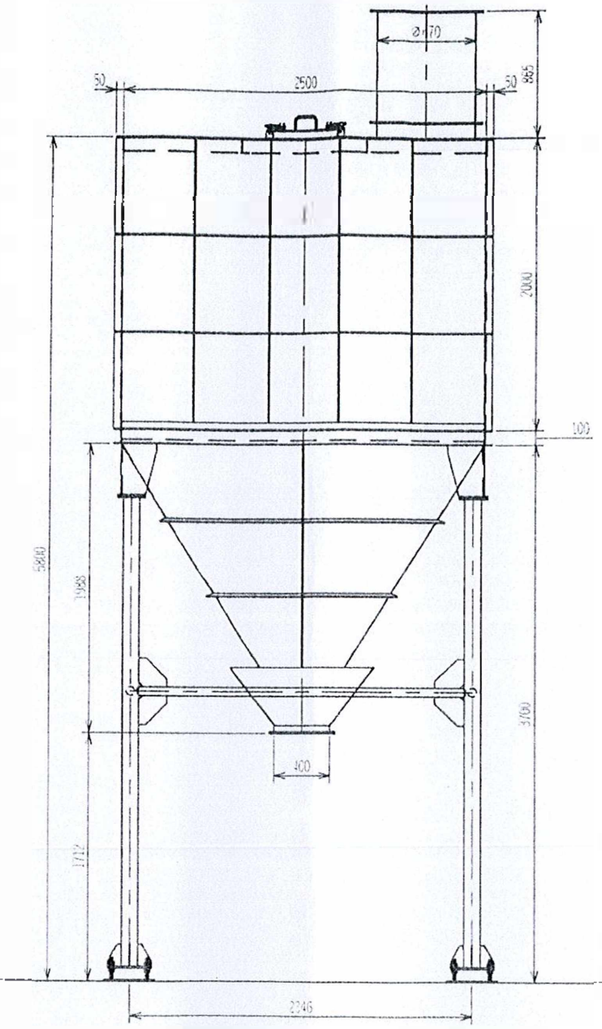
Tel: (0251) 3[illegible] - Website: [illegible]

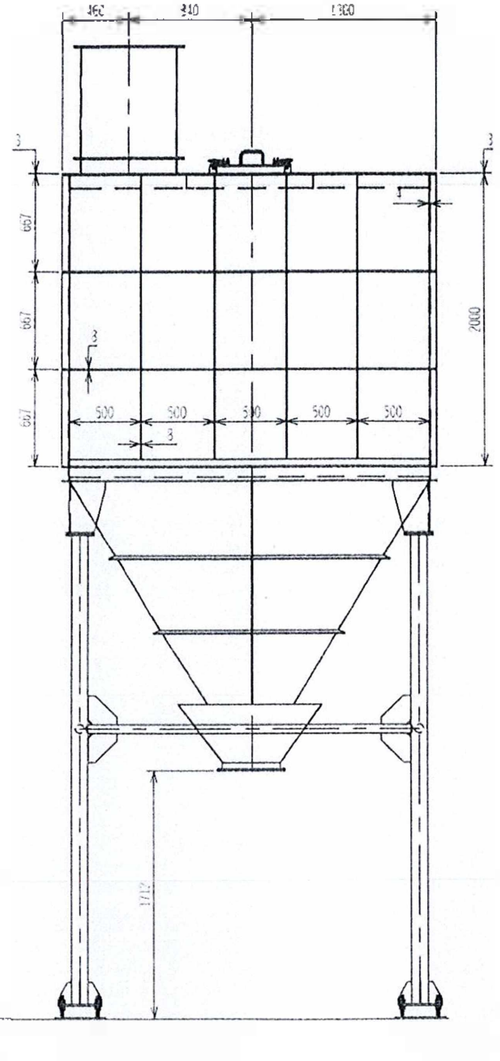
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

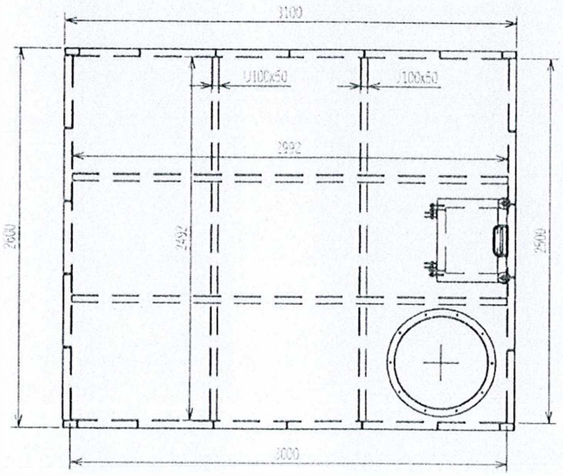
CHI TIẾT PHỄU THU TRO

GIÁM ĐỐC	NGUYỄN ĐẠI [illegible]	
[illegible]	TRƯƠNG HỮU VƯỜNG	
[illegible]	LÊ HOÀNG PHƯƠNG	
[illegible]	NGUYỄN VĂN CHÍNH	
[illegible]	NGUYỄN ĐẠI [illegible]	









SILO CHỨA TRO
- Thể tích chứa: 25m3
- Bao che: Thép SS400x3mm; gia cường 8mm; xếp hộp giữ SS400x3mm

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập	Đơn vị thi công	Chủ đầu tư
Vũ Xuân Anh	CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI	CÔNG TY TNHH VIỆT NAM ZERO WASTE
		Nguyễn Đại Văn – GIÁM ĐỐC

GHI CHÚ - NOTES

1. COS =0.00 LÀ COS RIÊNG CỦA TỪNG HẠNG MỤC
2. KHÔNG DÙNG THƯỚC ĐO TRÊN BẢN VẼ

KHÁCH HÀNG - CLIENT

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED - BÌNH PHƯỚC

ĐỊA CHỈ - ADD:

KCN SIKICO, HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC

DUYỆT - APPROVED BY

NGÀY - DATE

CHỦ ĐẦU TƯ - EMPLOYER

CÔNG TY VIỆT NAM ZERO WASTE

ĐỊA CHỈ - ADD:

KM..Đ. Hoàng Quốc Việt.. Phú Mỹ..Q.7.. Tp. HCM.. Việt Nam

DUYỆT - APPROVED BY

NGÀY - DATE

TÊN DỰ ÁN - PROJECT TITLE

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI JAPFA - BÌNH PHƯỚC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION

KCN SIKICO, HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC - ITEM

LÒ HƠI TẦNG SÔI CÔNG SUẤT 10T/H

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ - DESIGN PHASE

HỒ SƠ THIẾT KẾ - BẢN VẼ THI CÔNG

HIỆU CHỈNH - REVISION

LẦN	NGÀY	NỘI DUNG	KÝ

THIẾT KẾ & THI CÔNG - DESIGN & CONSTRUCTION

PTH BOILER

CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI

ĐỊA CHỈ - ADD:

KCN Thạch Thất - Hà Thạch Thất - Hà Nội - T. Đồng Nai

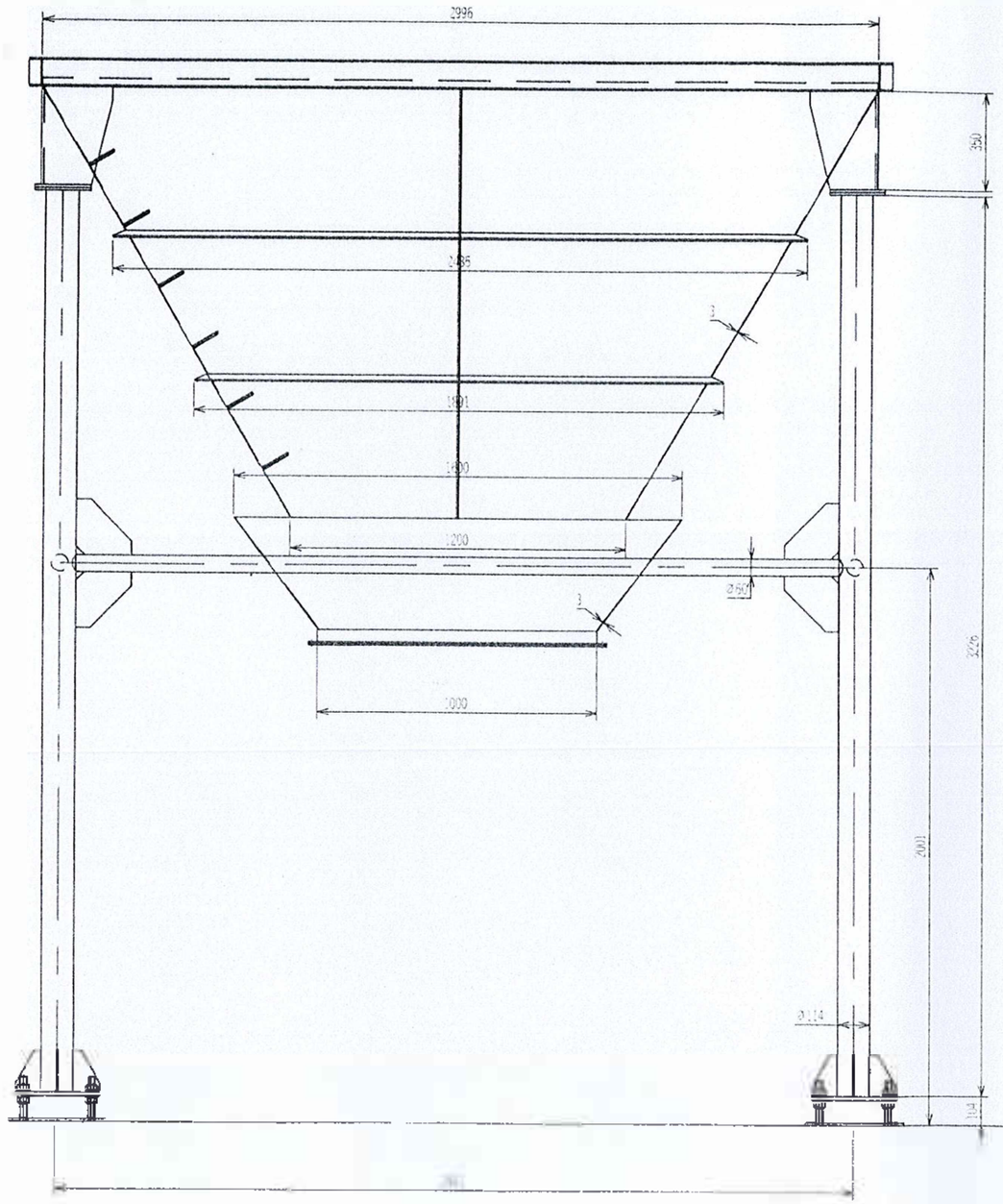
Tel: 024 62 ... Fax: ... Website: ...

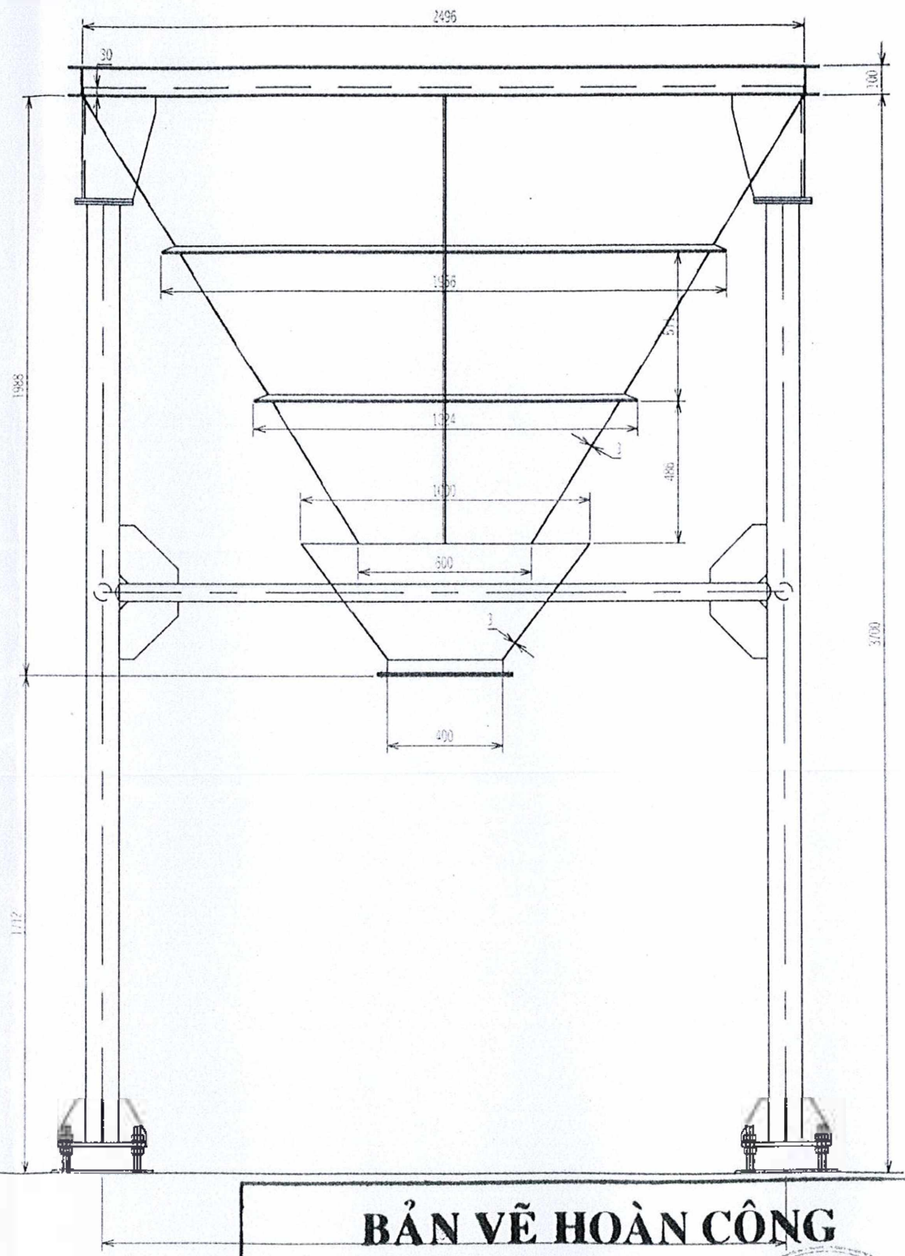
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

BẢN VẼ TỔNG THỂ SILO CHỨA TRO

GIÁM ĐỐC - DIRECTOR	NGUYỄN ĐẠI VĂN	
THIẾT KẾ - DESIGNED BY	TRƯƠNG HỮU VƯƠNG	
NGƯỜI KẾ - DRAWN BY	LÊ HOÀNG PHỤNG	
KIỂM TRA - CHECKED BY	NGUYỄN VĂN CHỈNH	
DUYỆT - APPROVED BY	NGUYỄN ĐẠI VĂN	

NGÀY - DATE	24/03/2025	TỶ LỆ - SCALE	1:50
MÃ SỐ - PROJECT NO.	PTH-2025-0234	KHỔ GIẤY - PAPER SIZE	A0+A3





GHI CHÚ - NOTES

1. COS ±0.00 LÀ COS RIÊNG CỦA TỪNG HẠNG MỤC
2. KHÔNG DÙNG THƯỚC ĐO TRÊN BẢN VẼ

KHÁCH HÀNG - CLIENT

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED - BÌNH PHƯỚC

ĐỊA CHỈ - ADD: KCN SIKICO, HỚN QUẢNG, T. BÌNH PHƯỚC

CÔNG TY VIỆT NAM ZERO WASTE

ĐỊA CHỈ - ADD:

NGÀY - DATE

TÊN DỰ ÁN - PROJECT TITLE

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI JAPFA - BÌNH PHƯỚC

ĐỊA ĐIỂM LẮP ĐẶT - LOCATION

KCN SIKICO, HỚN QUẢNG, BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC - ITEM

SỐ HỒI TĂNG SỐI CÔNG SUẤT 100 TẤN

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ - DESIGN PHASE

HỒ SƠ THIẾT KẾ - BẢN VẼ THI CÔNG

HIỆU CHỈNH - REVISION

STT	NGÀY	SỬA	GHI CHÚ

THIẾT KẾ & THI CÔNG - DESIGN & CONSTRUCTION

FPT BOILER

CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI

ĐỊA CHỈ - ADD:
XCN Thạnh Phú - Xã Thạnh Phú - H.Vĩnh Cửu - T.Đồng Nai
Tel: (0251) 606 1159 - Website: phuctruonghai.vn

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

BẢN VẼ CHÂN PHỄU THU (PRO SILO)

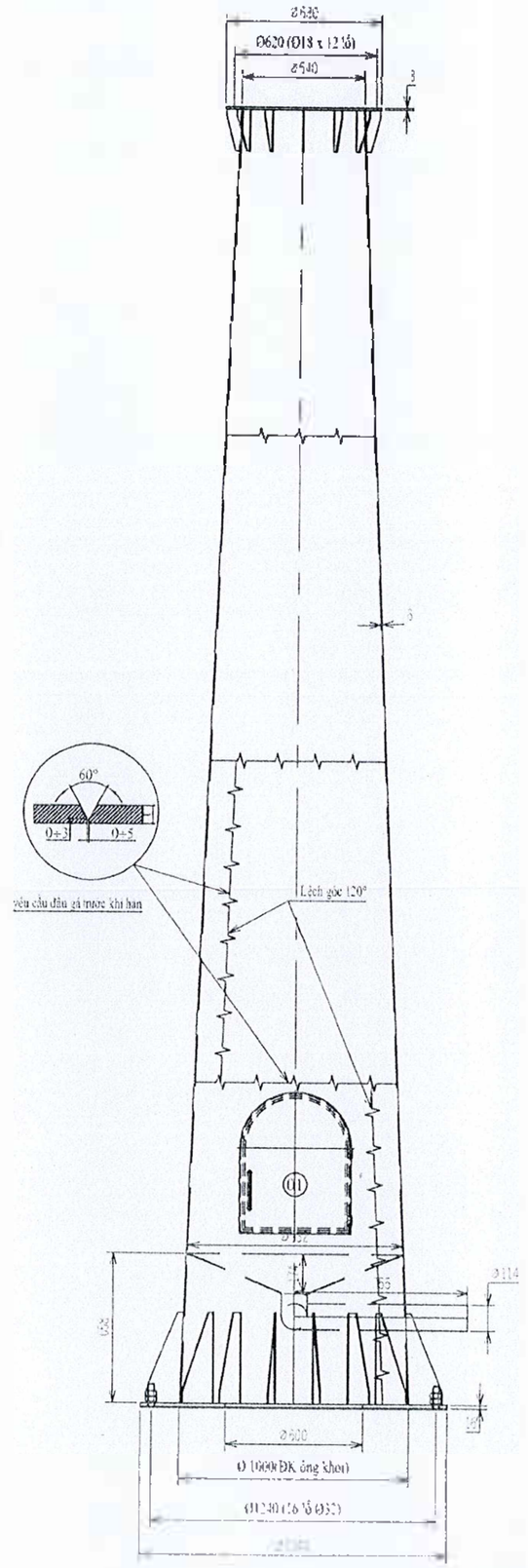
	NGUYỄN ĐẠI VĂN	
	TRƯƠNG HỮU MẠNH	
	LÊ HOÀNG HƯNG	
	NGUYỄN VĂN CHINH	
	NGUYỄN ĐẠI VĂN	

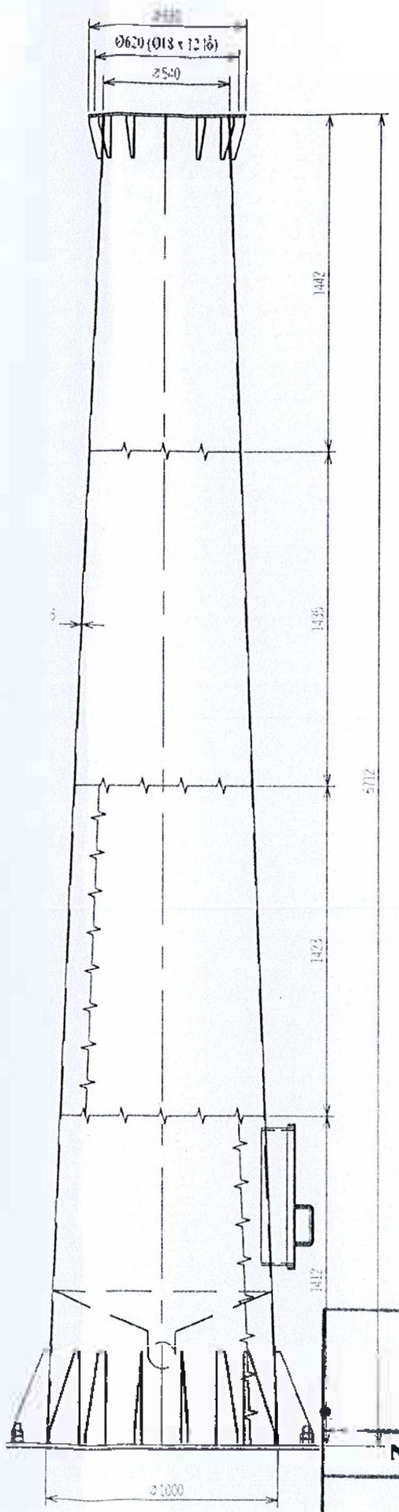
NGÀY - DATE		TỶ LỆ - SCALE	
SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO.		BẢN VẼ HOÀN CÔNG - AS BUILT	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập	Đơn vị thi công	Chủ đầu tư
Vũ Xuân Anh	CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI	CÔNG TY TNHH VIỆT NAM ZERO WASTE
		GIÁM ĐỐC
		Nguyễn Đại Văn





GHI CHÚ - NOTES

1. COS ±0.00 LÀ COS RIÊNG CỦA TỪNG HẠNG MỤC
2. KHÔNG DÙNG THƯỚC ĐO TRÊN BẢN VẼ

KHÁCH HÀNG - CLIENT

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED - BÌNH PHƯỚC

CÔNG TY VIỆT NAM ZERO WASTE

ĐỊA CHỈ - ADD:

TÊN DỰ ÁN - PROJECT TITLE

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI JAPFA - BÌNH PHƯỚC

ĐỊA ĐIỂM LÔ ĐẤT - LOCATION

XÃ SÀ KHƯƠU, HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC - ITEM

LÒ HƠI TẦNG SÔI CÔNG SUẤT 10T/h

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ - DESIGN PHASE

HỒ SƠ THIẾT KẾ - BẢN VẼ THI CÔNG

HIỆU CHỈNH - REVISION

LẦN YER	NGÀY DATE	NỘI DUNG DESCRIPTION	KIỂM CHECK

THIẾT KẾ & THI CÔNG - DESIGN & CONSTRUCTION

PTH BOILER

CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI

ĐỊA CHỈ - ADD:

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

BẢN VẼ ỐNG KHOI ĐOẠN SỐ 1

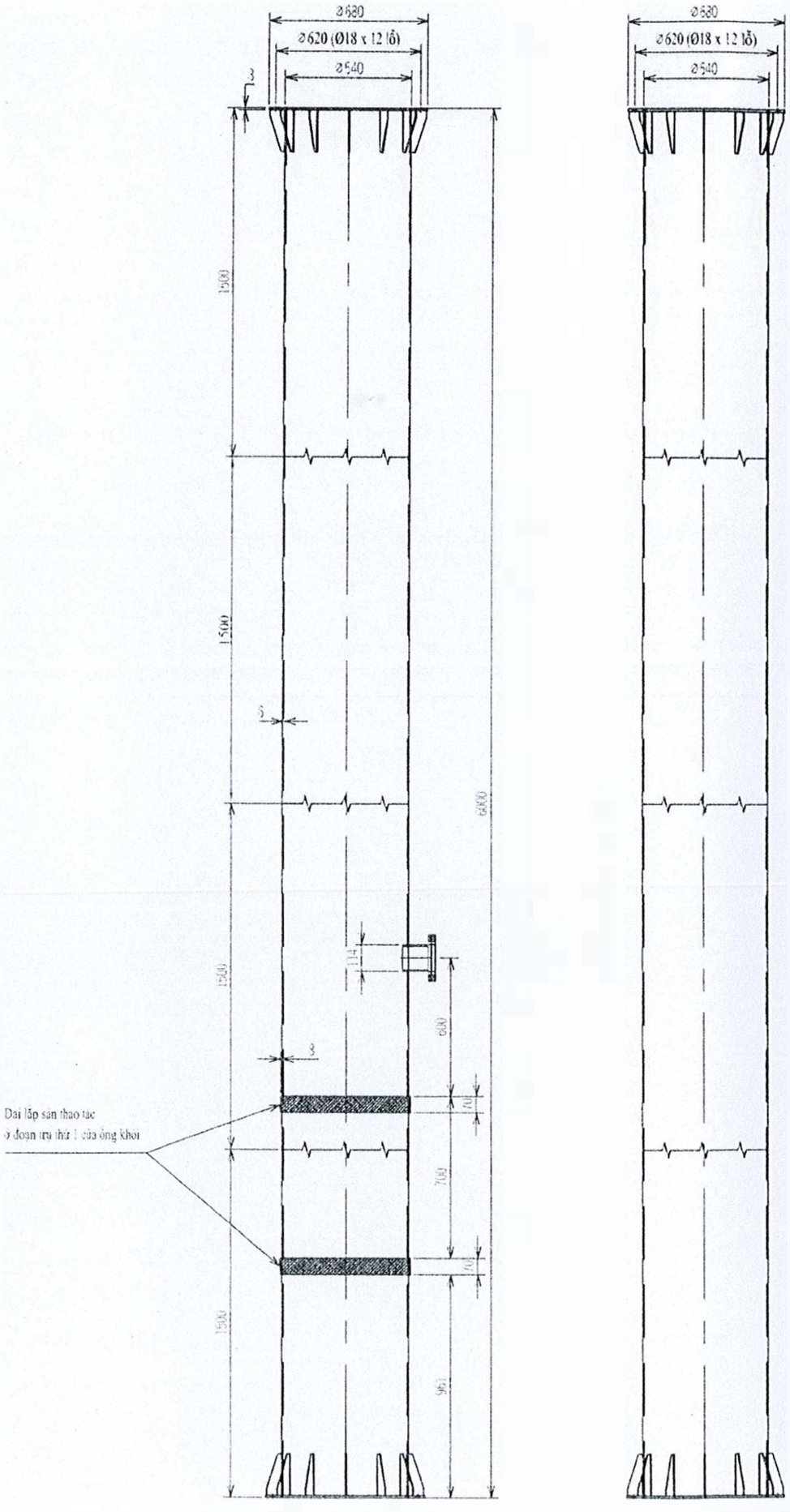
GIÁM ĐỐC DIRECTOR	NGUYỄN ĐẠI VĂN	
THIẾT KẾ DESIGNED BY	TRƯƠNG HẢI HƯƠNG	
NGƯỜI VẼ DRAWN BY	LÊ HOÀNG PHONG	
KIỂM TRA CHECKED BY	NGUYỄN VĂN CHÍNH	
	NGUYỄN ĐẠI VĂN	

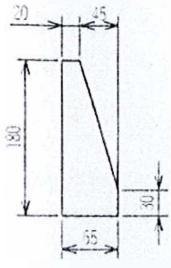
NGÀY - DATE		TỶ LỆ - SCALE	
KÝ HIỆU DRAWING NO.	KÝ HIỆU MẪU	KÝ HIỆU VẼ DRAWING NO.	TỜ - SHT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

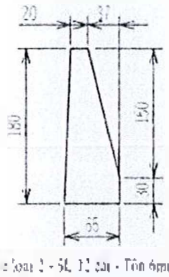
Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập	Đơn vị thi công	Chủ đầu tư
Vũ Xuân Anh	CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI	CÔNG TY VIỆT NAM ZERO WASTE
		GIÁM ĐỐC
		Nguyễn Đại Văn

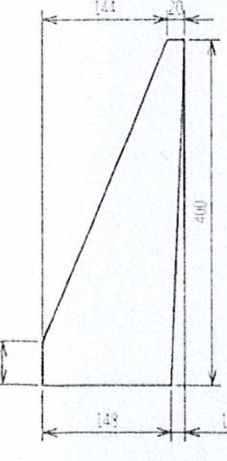

ø680
ø620 (Ø18 x 12 lỗ)
ø540
3
1500
1500
5
6800
114
600
3
Đai lắp sàn thao tác
ở đoạn trụ thứ 1 của ống khói
700
1500
962
ø680
ø620 (Ø18 x 12 lỗ)
ø540



Kế loại 3 - SL: 48 cái - Tôn 6mm
TL: 3:1



Kế loại 2 - SL: 32 cái - Tôn 6mm
TL: 3:1



Kế loại 1 - SL:16 cái - Tôn 6mm
TL: 3:1

GHI CHÚ - NOTES

1. COS ±0.00 LÀ COS RIÊNG CỦA TỪNG HẠNG MỤC
2. KHÔNG DÙNG THƯỚC ĐO TRÊN BẢN VẼ

KHÁCH HÀNG - CLIENT

- BÌNH PHƯỚC

VIỆT NAM

CHI NHÁNH

3 NHÀ PHƯỚC 3

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY VIỆT NAM ZERO WASTE

ĐỊA CHỈ - ADD

(QM, Đ. Hoàng Quốc Việt, P. Phú Mỹ, Q. Tp. HCM, Việt Nam

VẼ/DRAWN BY

NGÀY - DATE

TÊN DỰ ÁN - PROJECT TITLE

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI JAPEA - BÌNH PHƯỚC

ĐỊA ĐIỂM LẮP ĐẶT - LOCATION

KCN SIMCO, HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC - ITEM

LÒ HƠI TẦNG SÔI CÔNG SUẤT 10 T/H

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ - DESIGN PHASE

HỒ SƠ THIẾT KẾ - BẢN VẼ THI CÔNG

HIỆU CHỈNH - REVISION

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECK

THIẾT KẾ & THI CÔNG - DESIGN & CONSTRUCTION

PTH BOILER

CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG MAI

ĐỊA CHỈ - ADD

KCN Thạch Thất - Cổ Thạch Phú - Thạch Thất - Đồng Tháp

Điện thoại: 0912 456 789 Website: phuctruongmai.vn

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

BẢN VẼ ỐNG KHÓI ĐOẠN SỐ 2

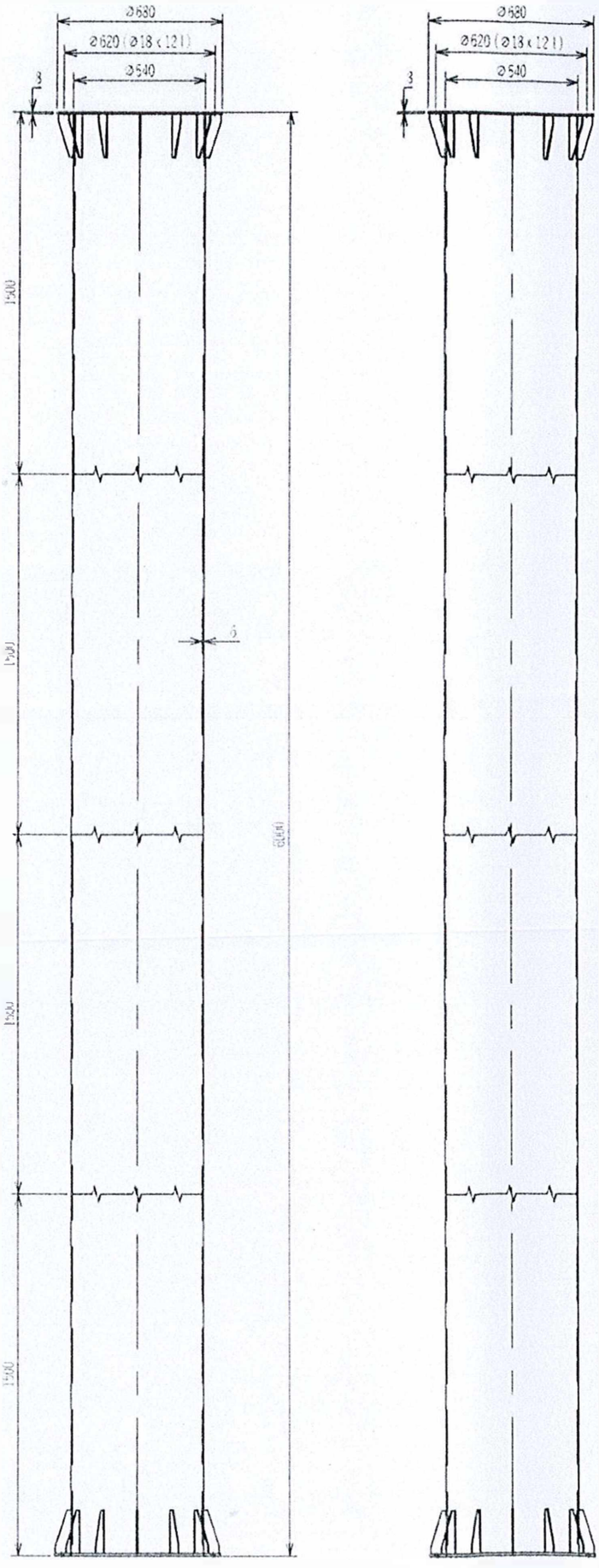
GIÁM ĐỐC DIRECTOR	NGUYỄN ĐẠI VÂN	
THIẾT KẾ DESIGNED BY	TRƯƠNG HỮU VƯƠNG	
NGƯỜI VẼ DRAWN BY	LÊ HOÀNG PHÚNG	
KIỂM TRA CHECKED BY	NGUYỄN VĂN CHỈNH	
DUYỆT APPROVED BY	NGUYỄN ĐẠI VÂN	

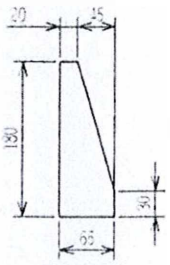
NGÀY - DATE	23/03/2022	TỶ LỆ - SCALE	1:25
BẢN VẼ DRAWING NO.	PTH-2022-0078	KHUÔN KHỔ PAPER SIZE	A0

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

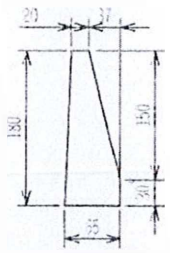
Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập	Đơn vị thi công	Chủ đầu tư
Vũ Xuân Anh	CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG MAI	CÔNG TY VIỆT NAM ZERO WASTE GIÁM ĐỐC Nguyễn Đại Vân


Ø680
Ø620 (Ø18 x 12 t)
Ø540
3
1500
1500
1500
1500
5
6040
Ø680
Ø620 (Ø18 x 12 t)
Ø540
3



Kê loại 3 - SL:48 cái - Tôn 6mm
TL: 5:1



Kê loại 2 - SL:12 cái - Tôn 6mm
TL: 5:1

GHI CHÚ - NOTES

1. COS [illegible]00 LÀ COS RIÊNG CỦA TỪNG HẠNG MỤC
2. KHÔNG DÙNG THƯỚC ĐO TRÊN BẢN VẼ

KHÁCH HÀNG - CLIENT

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED - BÌNH PHƯỚC

ĐỊA CHỈ - ADD: KCN SKICO, HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC

DUYỆT - APPROVED BY

KÝ - SIGN

NHÀ THẦU - SUPPLIER

CÔNG TY VIỆT NAM ZERO WASTE

ĐỊA CHỈ - ADD

KCN, Đ. Hoàng Quốc Việt, P. Phú Mỹ, Q. [illegible], Tp. HCM, Việt Nam

DUYỆT - APPROVED BY

KÝ - SIGN

TÊN DỰ ÁN - PROJECT TITLE

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI JAPFA - BÌNH PHƯỚC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION

KCN SKICO, HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC - ITEM

LÒ HƠI TẦNG SÔI CÔNG SUẤT 10T/h

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ - DESIGN PHASE

HỒ SƠ THIẾT KẾ - BẢN VẼ THI CÔNG

HIỆU CHỈNH - REVISION

LẦN	NGÀY	NỘI DUNG	KÝ

THIẾT KẾ & THI CÔNG - DESIGN & CONSTRUCTION

PTH BOILER

CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI

ĐỊA CHỈ - ADD

KCN Thạch Thất - Xã [illegible] - H. Việt Yên - Tỉnh Bắc Ninh

Tel: 0292 [illegible] - Website: [illegible]

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

BẢN VẼ CÔNG KHỐI ĐOẠN SỐ 3

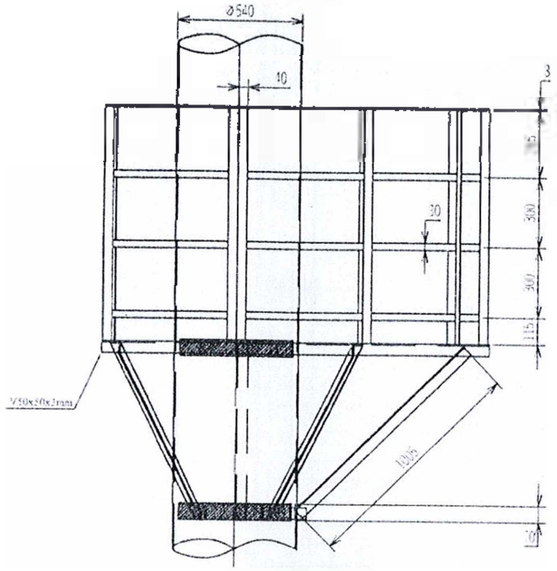
THIẾT KẾ - DESIGNED BY	NGUYỄN ĐẠI VĂN	
THIẾT KẾ - DESIGNED BY	TRƯƠNG HỮU VƯỢNG	
KIỂM TRA - CHECKED BY	LÊ HOÀNG PHONG	
[illegible]	NGUYỄN VĂN CHÍNH	
[illegible]	[illegible]	

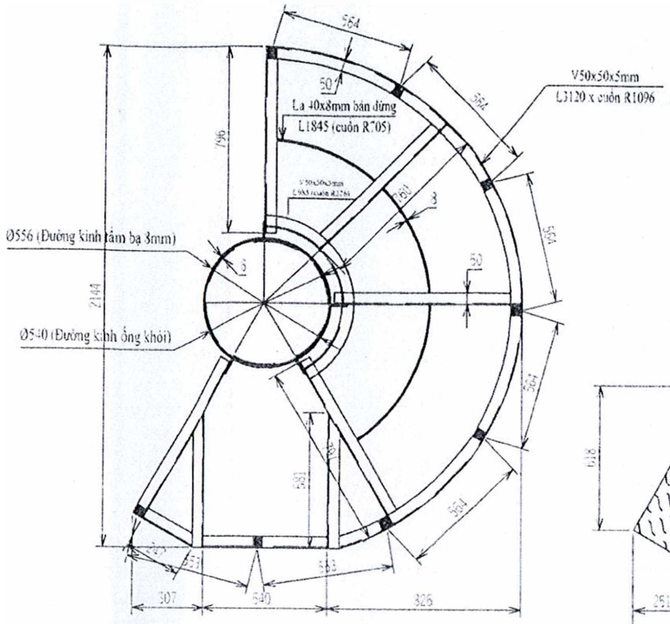
NGÀY - DATE	TỶ LỆ - SCALE	KÝ HIỆU BẢN VẼ - DRAWING NO.
[illegible]	[illegible]	[illegible]

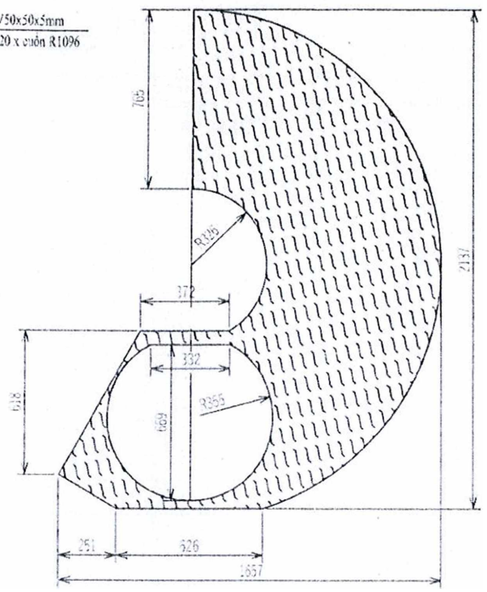
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

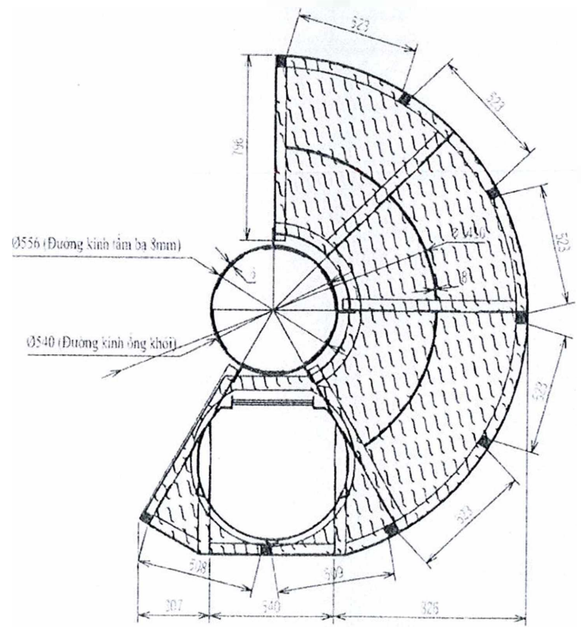
Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập	Đơn vị thi công	Chủ đầu tư
Vũ Xuân Anh	Nguyễn Đại Văn	GIÁM ĐỐC Lưu Đình Quỳnh









GHI CHÚ - NOTES

1. COS =0.00 LÀ COS RIÊNG CỦA TỪNG HẠNG MỤC
2. KHÔNG DÙNG THƯỚC ĐO TRÊN BẢN VẼ

KHÁCH HÀNG - CLIENT

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED - BÌNH PHƯỚC

ĐỊA CHỈ - ADD:

KCN SIKICO HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC

CÔNG TY VIỆT NAM ZERO WASTE

ĐỊA CHỈ - ADD:

62M, Đ. Hoàng Quốc [illegible], P. Phú Mỹ, Q. [illegible], Tp. HCM, Việt Nam

XEM XÉT REVIEWED BY	
NGÀY DATE	

TÊN DỰ ÁN - PROJECT TITLE

NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI JAPFA - BÌNH PHƯỚC

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG - LOCATION

XÃ SIKICO, HỚN QUẢN, BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC - ITEM

LÒ HƠI TẦNG SÔI CÔNG SUẤT 10T/h

GIAI ĐOẠN THIẾT KẾ - DESIGN PHASE

HỒ SƠ THIẾT KẾ - BẢN VẼ THI CÔNG

HIỆU CHỈNH - REVISION

LẦN VER	NGÀY DATE	MÔ TẢ DESCRIPTION	KIỂM CHECK

THIẾT KẾ & THI CÔNG - DESIGN & CONTRUCTION

PTH BOILER

CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI

ĐỊA CHỈ - ADD:

Tel: 0251 [illegible] - Website: phuctruonghai.vn

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

BẢN VẼ CẦU THANG

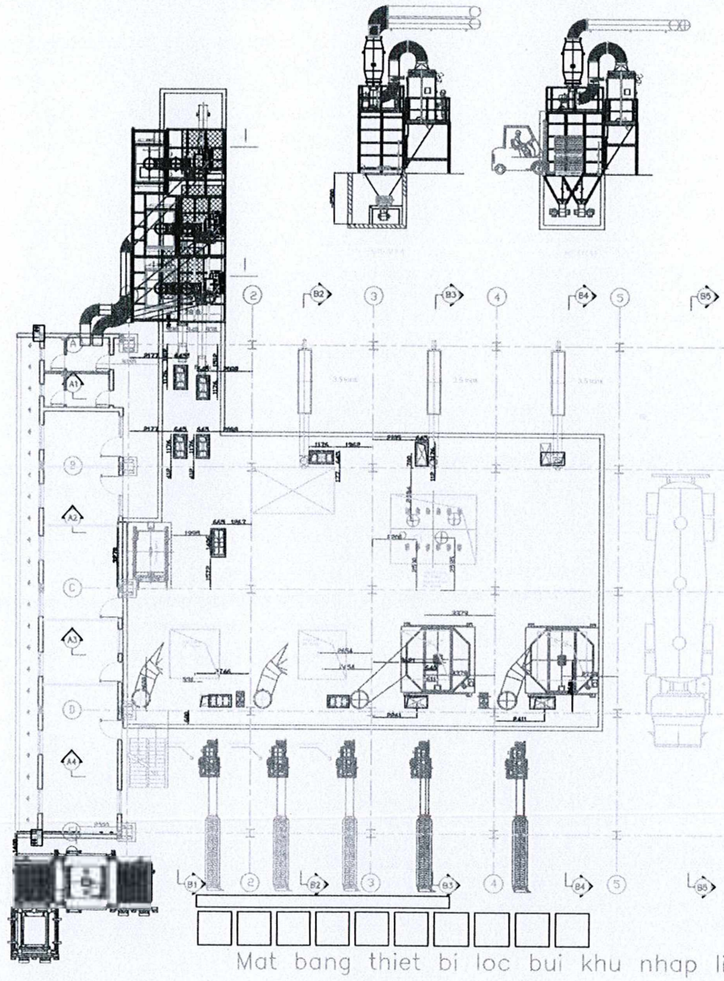
GIÁM ĐỐC DIRECTOR	NGUYỄN ĐẠI VĂN	
THIẾT KẾ DESIGNED BY	TRƯƠNG HỮU VƯỢNG	
NGƯỜI VẼ DRAWN BY	LÊ HOÀNG PHỤNG	
KIỂM TRA CHECKED BY	NGUYỄN VĂN CHINH	
DUYỆT APPROVED BY	NGUYỄN ĐẠI VĂN	

NGÀY DATE	24/10/2025	TỶ LỆ - SCALE	1/25
MÃ SỐ FILE NO.	PTH-02-25-T01	BẢN VẼ SỐ DRAWING NO.	TK-T001

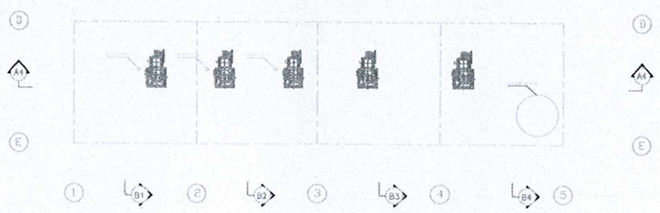
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

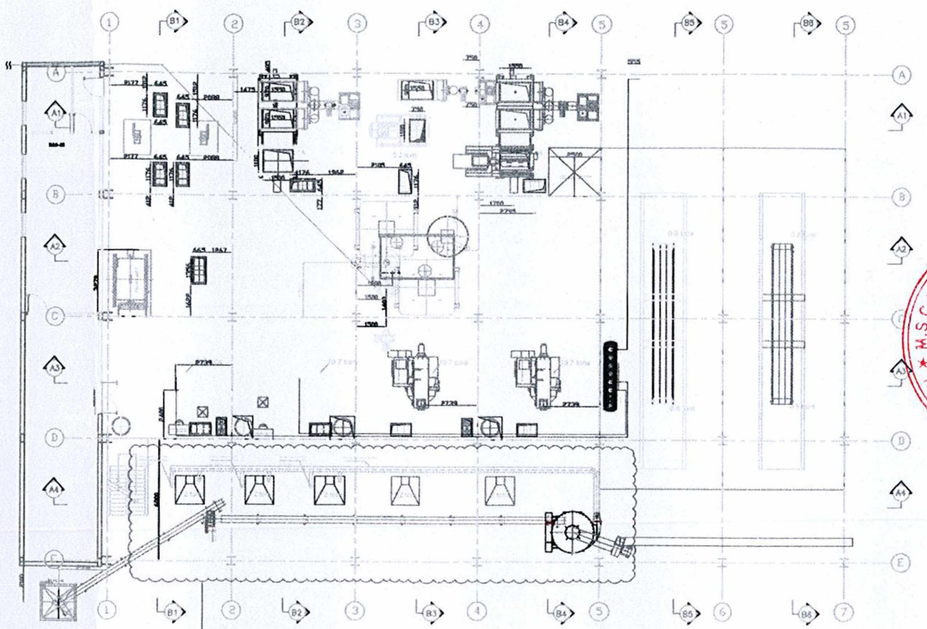
Người lập	Đơn vị thi công	Chủ đầu tư
Vũ Xuân Anh	CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI	CÔNG TY TNHH VIỆT NAM ZERO WASTE GIÁM ĐỐC Nguyễn Đại Văn



Mat bang thiet bi loc bui khu nhap lieu



Floor +2.460



MẶT BẰNG HÚT BỤI MÁY ĐÓNG BAO THÀNH PHẨM

Floor +5000

-Tỷ lệ bản vẽ chỉ đúng tỉn bản vẽ A1
- Không đo kích thước trực tiếp tỉn bản vẽ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
ISSUED FOR

- ☐ BẢN VẼ SƠ BỘ / LAAF DRAWING
- ☐ BẢN VẼ CƠ SỞ / BASIC DESIGN DRAWING
- ☐ BẢN VẼ THIẾT KẾ KỸ THUẬT / TECHNICAL DESIGN DRAWING
- ☒ BẢN VẼ THIẾT KẾ THI CÔNG / CONSTRUCTION DRAWING

HIỆU CHỈNH
REVISION

STT / DUFEI	NGÀY / DATE	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH / REVISION DETAILS

CÔNG TY TNHH
JAPFA COMFEED VIỆT NAM

M.S.C.N: 2500175548 - 06
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
JAPFA COMFEED VIỆT NAM
CHI NHÁNH
BÌNH PHƯỚC 3
H. HỚN QUẢN - T. BÌNH PHƯỚC

TRƯỞNG NGÀNH TACN / HEAD OF FIELD	NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG
CHỦ TRÌ / MAJOR ENG.	PHẠM VŨ NGỌC TM
THIẾT KẾ / DESIGN BY	NGUYỄN XUÂN HÒNG
VẼ / DRAWN BY	NGUYỄN XUÂN HÒNG
KIỂM TRA / CHECKED BY	HUỲNH HỮU MỌC

DỰ ÁN / PROJECT
NHÀ MÁY SẢN XUẤT THỨC ĂN CHĂN NUÔI & THỦY SẢN

ĐỊA ĐIỂM / LOCATION
LÔ B7-1, B7-2, B7-3
KCN MINH HƯNG-SIKIO, X.ĐỒNG NƠ, HUYỆN HỚN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

HẠNG MỤC / ITEM

TÊN BẢN VẼ / DRAWING TITLE
SƠN Ý LẮP ĐẶT THIẾT BỊ MÁY MÓC BPFM GIAI ĐOẠN 1.29.000 TẤN/THÁNG

SỐ HIỆU DỰ ÁN / PROJECT NUMBER	
SỐ HIỆN BẢN VẼ / DRAWING NUMBER	
TỔNG SỐ BẢN VẼ / SHEETS TOTAL	
NGÀY PHÁT HÀNH / ISSUED DATE	

- SUPPLY AND INSTALLATION
- : inox 304
- : No need quote

- Imported feedmill machinery
- machinec in VN
- Painting
- electric supplier in VN
- machinec Vanaasen
- SCALE PREMIER TECH
- Machine of ware house and machie of silo
- FUTURE